



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

GIỚI THIỆU MÔ HÌNH
ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐẠT HIỆU QUẢ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

HÀ NỘI - 2014

MỤC LỤC

STT	Tên bài	Trang
	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT, LÂM NGHIỆP	6
1	Hiệu quả từ mô hình hợp tác xã sản xuất lúa áp dụng 3 giảm 3 tăng	7
2	Lai Châu: Hiệu quả từ dự án sản xuất ngô trên vùng bán ngập thủy điện Sơn La	9
3	Thái Bình: Mô hình sản xuất củ giống khoai tây sạch bệnh bằng phương pháp khí canh.	11
4	Tân Châu áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất sắn (khoai mì)	14
5	Tiền Giang: Hiệu quả từ trồng lạc trên đất phèn	17
6	Hiệu quả từ mô hình canh tác mè (vừng) trên nền đất lúa huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	19
7	Quảng Ngãi: Hiệu quả mô hình trồng cây cà chua ghép ở huyện Sơn Tịnh	21
8	Lợi nhuận cao nhờ trồng bắp cải vụ sớm	23
9	Trồng ớt xuất khẩu mang lại hiệu quả kinh tế cao	25
10	Mô hình trồng họ đậu hiệu quả cao giúp nông dân vươn lên thoát nghèo	27
11	Hiệu quả của mô hình trồng nấm bào ngư ở xã An Hòa, huyện Châu Thành, An Giang	29
12	Long An: Trồng nấm bào ngư đạt hiệu quả cao	31
13	Nấm rom - cây trồng giúp nông dân xóa đói giảm nghèo	33
14	Long An: Thoát nghèo từ trồng sen lấy ngó	35
15	Trồng sen trên đất bãi bồi, giải pháp tăng thu nhập của nông dân An Phú	36
16	Phú Yên: làm giàu từ mô hình trồng mía áp dụng cơ giới hóa	39
17	Thái Nguyên: Làm giàu nhờ áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất chè	42
18	Quảng Ngãi: Thu tiền tỷ mỗi năm từ trồng tiêu leo thân cây bản địa	44
19	Hiệu quả từ mô hình ghép cải tạo cà phê	46

20	Bình Phước: Hiệu quả từ mô hình trồng cây cao dưới tán cây điều	49
21	Phú Yên: Thoát nghèo từ trồng phong lan	51
22	Chân dung người nông dân dám nghĩ dám làm tại TP. Hồ Chí Minh	54
23	Lâm Đồng: Khởi sắc nghề trồng hoa tại huyện Lâm Hà	56
24	Quảng Trị: Thoát nghèo nhờ trồng hoa cúc	58
25	Sơn La: Mô hình ghép nhân chín muộn giúp dân làm giàu	60
26	Hiệu quả mô hình phát triển kinh tế vườn bưởi năm roi ở Bình Minh	62
27	Hậu Giang: Hiệu quả mô hình trồng thâm canh Quýt đường	64
28	Bạc Liêu: Trồng táo hồng thơm cho thu nhập cao	66
29	Hòa Bình: Bí quyết trồng na dai mang lại hiệu quả cao	67
30	Bình Phước: Hiệu quả từ mô hình trồng mít	69
31	Khánh Hòa: Làm giàu từ mô hình VAC	71
32	Quảng Nam: Chuyện làm giàu của người lính đặc công	73
33	Trang trại sản xuất đa canh của người cựu chiến binh Tân Châu	75
34	Mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên nền đất lúa	78
35	Yên Bái: Trồng cây lâm sản ngoài gỗ (mây nếp) làm nguyên liệu	80
LĨNH VỰC CHĂN NUÔI		82
36	Tuyên Quang: Hiệu quả từ mô hình chăn nuôi gà thả vườn	83
37	Đắk Nông: Làm giàu từ nuôi gà siêu trứng	85
38	Hà Nội: Anh Tuyển “gà thả vườn”	87
39	Long An: Ứng dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi gà	89
40	Đồng Tháp: Hiệu quả từ mô hình nuôi vịt thịt an toàn sinh học	90
41	Thoát nghèo từ nuôi vịt và cá	93
42	Quảng Ngãi: Triển vọng từ mô hình tổ hợp tác nuôi chim bồ câu	94
43	Mô hình nuôi chim bồ câu lai trong lồng cho hiệu quả kinh tế cao	96
44	Bình Phước: Hiệu quả từ mô hình nuôi chim trĩ đỏ	99
45	Phú Yên: Nuôi lợn rừng mang lại hiệu quả kinh tế cao	100
46	Chăn nuôi lợn bản địa và đặc sản đạt hiệu quả kinh tế cao ở miền núi	102
47	Hiệu quả từ mô hình đệm lót sinh học trong chăn nuôi lợn (heo)	105

48	Hiệu quả từ mô hình sử dụng biogas để vận hành máy phát điện	108
49	Đồng Tháp: Ứng dụng thiết bị ozone trong chăn nuôi heo	110
50	Bắc Ninh: Làm giàu từ nghề nuôi trâu thương phẩm	112
51	Kinh nghiệm nuôi trâu vỗ béo ở huyện Điện Biên Đông	114
52	Tiềm năng trong chăn nuôi bò thịt Red Angus	116
53	Mô hình chăn nuôi bò thịt hiệu quả ở huyện Chợ Mới, An Giang	118
54	Bắc Kạn: Gương sáng trong phong trào sản xuất	120
55	Bình Phước: Nuôi hươu, nai lấy nhung dễ làm, lợi nhuận cao	122
56	Ninh thuận: Hiệu quả từ mô hình chăn nuôi cừu sinh sản	124
57	Trà Vinh: Mô hình nuôi thỏ cho hiệu quả kinh tế cao	126
58	Điện Biên: Hiệu quả cao từ mô hình nuôi giun quế	128
59	Bình phước: Nuôi ong mật mang lại hiệu quả kinh tế cao	130
LĨNH VỰC THỦY SẢN		132
60	Nuôi tôm càng xanh trên chân ruộng lúa đạt hiệu quả	133
61	Đồng Tháp: Mô hình luân canh lúa tôm càng xanh cho thu nhập cao	135
62	Bình Thuận: Người vực dậy nghề nuôi tôm ở xã hòa thắng	136
63	Bình Định: Thực hiện thành công mô hình ương tôm hùm bông trong lồng	139
64	Phú Yên: Nuôi hải sâm kết hợp với tôm sú hiệu quả bền vững	141
65	Đồng tháp: Hiệu quả mô hình nuôi cá lóc bằng thức ăn công nghiệp	143
66	Kiên Giang: Thành công từ mô hình nuôi cá lóc thương phẩm	145
67	Kinh nghiệm nuôi cá còm trong ao bằng thức ăn công nghiệp ở An giang	147
68	Hòa Bình: Hiệu quả bước đầu mô hình nuôi cá lăng trong lồng trên hồ chứa	149
69	Hiệu quả từ mô hình nuôi cá hồi vân ở Lào Cai	151
70	Đắk Nông: Thu nhập ổn định từ nuôi cá ao	153
71	Hạ Hòa, Phú Thọ: Hiệu quả từ mô hình nuôi cá rô phi xen ghép cá chép lai trong ao	155

72	Mô hình nuôi cá chép nhật tại thành phố Vĩnh Long	157
73	Tiền Giang: Hiệu quả từ mô hình nuôi cá tai tượng sinh sản trong ruộng vườn	159
74	Bạc Liêu: Nông dân làm giàu từ nuôi cá chình	161
75	Phú Yên: Nuôi cá chình bông hướng đi thoát nghèo	163
76	Bắc Ninh: Nuôi cua đồng - làm chơi, ăn thật	165
77	Nhân rộng mô hình nuôi ba ba thương phẩm	168
78	Sóc Trăng: Làm giàu từ nuôi ba ba	170
79	An Giang: Hiệu quả mô hình sản xuất lươn giống	172
80	Vĩnh Long: Nông dân thời hòa liên kết nuôi ếch đạt hiệu quả	174
LĨNH VỰC KHUYẾN CÔNG		176
81	Cao Bằng: Áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa - thay đổi tập quán canh tác lúa của bà con	177
82	Cao Bằng: Mô hình máy gặt đập liên hợp cho hiệu quả ca	179
83	Đồng Nai: Hiệu quả mô hình tưới nước tiết kiệm kết hợp bón phân qua đường ống	180
84	Người nông dân với hệ thống tưới tiết kiệm 3 trong 1 trên cây tiêu	182
85	Mô hình xây dựng tổ hợp tác và áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất muối sạch	184
MÔ HÌNH TỔNG HỢP		187
86	Người dân tộc mông sản xuất giỏi	188
87	Hiệu quả từ mô hình kết hợp giữa trồng trọt và chăn nuôi	190
88	Hiệu quả kinh tế từ một mô hình khép kín	192
89	Quảng Trị: Làm giàu từ mô hình kinh tế gia trại	194
90	Phú Thọ: Mô hình hợp tác xã tổng hợp thu lãi hơn 1 tỷ đồng mỗi năm	196
91	Cán bộ khuyến nông làm kinh tế giỏi	198
92	Nữ chủ nhiệm HTX giỏi làm kinh tế	200
93	Trồng dâu nuôi tằm - nghề cũ cách làm mới	202

LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT, LÂM NGHIỆP

HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT LÚA ÁP DỤNG 3 GIẢM 3 TĂNG

Hợp tác xã ấp 3, xã Vị Thanh, được thành lập năm 2012, có tổng diện tích khoảng 110 ha với hơn 20 xã viên, hoạt động chủ yếu là sản xuất lúa và cung cấp lúa hàng hóa cho Công ty Lương thực tỉnh Hậu Giang. Ông Nguyễn Văn Út, chủ nhiệm hợp tác xã là người tâm huyết đi đầu trong phong trào này, ông chia sẻ: “Tôi là người học vấn không cao, chỉ có được hơn 10 năm kinh nghiệm trong hoạt động khuyến nông của xã, tôi nhận thấy mô hình sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, không tập trung thì mức độ thành công là không đáng kể. Vì vậy, để mô hình làm ăn tập thể có hiệu quả nhất thì nông dân phải liên kết trong sản xuất nhằm tạo ra sản phẩm với số lượng lớn đáp ứng nhu cầu thị trường. Điểm nổi bật của hợp tác xã là nằm trong khu vực quy hoạch sản xuất theo cánh đồng mẫu lớn nên người dân không còn lo lắng đầu ra, đầu vào, không sợ thương lái ép giá”.



Trao đổi với các xã viên của hợp tác xã sản xuất lúa liên ấp 1, 3, 5 xã Vị Thanh được biết, vụ hè thu năm 2014, từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, hợp tác xã tham gia thực hiện mô hình “Áp dụng 3 giảm 3 tăng và kỹ thuật trồng lúa SRI nhằm nâng cao hiệu quả và góp phần giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất lúa” do Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Hậu Giang phối hợp với Trạm Khuyến nông – Khuyến ngư huyện Vị Thủy triển khai thực hiện. Kết quả của mô hình, lúa phát triển tốt, bà con rất phấn khởi vì mùa bội thu.



Thông qua việc thực hiện mô hình, bà con đã nắm được kỹ thuật gieo sạ thưa 100 kg giống/ha, tiết kiệm từ 50 - 100 kg giống/ha; giảm lượng phân đạm, áp dụng bón phân cân đối NPK. Do gieo sạ thưa, giảm bón đạm nên ruộng lúa ít sâu bệnh, giảm được từ 1 - 2 lần phun thuốc bảo vệ thực vật. Nông dân thực hiện mô hình đã áp dụng tưới nước tiết kiệm bằng biện pháp tưới ngập khô xen kẽ, lúa sinh trưởng tốt hơn, cứng cây, chống chịu sâu bệnh và chống đổ. Nhờ áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật nên đã góp phần giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất lúa, đóng góp vào thực hiện chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu.



Hợp tác xã thu hoạch lúa đông xuân 2013 - 2014

Với gia đình ông Út từ khi tham gia hợp tác xã, cũng như thực hiện Dự án 3 giảm 3 tăng trong sản xuất lúa, ông rất yên tâm sản xuất nhờ được thực hiện theo mô hình và đơn đặt hàng của các doanh nghiệp. Ngoài ra, ông Út và các thành viên trong hợp tác xã được Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư Hậu Giang, Trạm Khuyến nông – Khuyến ngư, Trạm Bảo vệ thực vật huyện Vị Thủy hướng dẫn áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, tăng cường công tác tập huấn, khuyến khích liên kết “4 nhà”, giúp nông dân đạt được hiệu quả và lợi nhuận cao nhất.

Qua hai năm hoạt động, mô hình hợp tác xã sản xuất lúa đã phát huy được hiệu quả như có đầu ra, đầu vào ổn định, năng suất lúa cao. Thời gian tới, hợp tác xã sẽ vận động bà con tự nguyện đăng ký tham gia hợp tác xã để mô hình này ngày càng mang lại hiệu quả cao hơn, góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân địa phương.

HUỲNH CÔNG KHA

Trạm Khuyến nông – Khuyến ngư huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

LAI CHÂU: HIỆU QUẢ TỪ DỰ ÁN SẢN XUẤT NGÔ TRÊN VÙNG BÁN NGẬP THỦY ĐIỆN SƠN LA

Lai Châu có 20.800 ha sản xuất ngô, trong đó tập trung sản xuất ngô vụ xuân hè 18.846 ha, năng suất bình quân năm 2013 đạt 27,7 tạ/ha. Thủy điện Sơn La được xây dựng đã tạo nên vùng lòng hồ rộng 43.760 km², do vậy một phần diện tích đất đai rất lớn của người dân 3 tỉnh Lai Châu, Sơn La, Điện Biên bị ngập trong nước. Người dân sống ven hồ chưa quen với hình thức canh tác trên vùng bán ngập và chưa lựa chọn được đối tượng cây trồng phù hợp để phát triển sản xuất và tăng hiệu quả kinh tế trên vùng đất này.

Để từng bước giúp người dân vùng tái định cư thủy điện ổn định đời sống, phát triển sản xuất, năm 2013, huyện Sìn Hồ đã xây dựng và triển khai dự án sản xuất ngô trên vùng bán ngập thủy điện Sơn La, qui mô 410 ha, tại 8 xã với 1.921 hộ nông dân tham gia. Dự án hỗ trợ nông dân 100% giống ngô lai CP333, 30% phân bón theo định mức và công tác khuyến nông. Kết quả vụ xuân hè năm 2013 cho thấy, cây ngô sinh trưởng phát triển tốt, tỷ lệ nảy mầm cao, năng suất đánh giá tại các điểm trình diễn đều cao vượt trội hơn so với ngô người dân gieo trồng trên nương, năng suất bình quân đạt 35,3 tạ/ha, một số điểm đạt năng suất





cao như xã Nậm Tầm đạt 40 tạ/ha; Nậm Cha 37 tạ/ha. Sản lượng toàn vùng đạt 1.504 tấn, sau khi trừ chi phí giống, phân bón, cho thu nhập trên 20 triệu đồng/ha. Như vậy, toàn vùng thu nhập gần 8,5 tỷ đồng. Đặc biệt, thông qua dự án đã vận động được người nông dân từng bước thay đổi tập quán, phương thức sản xuất, lựa chọn được đối tượng cây trồng phù hợp cho vùng đất bán ngập, từ sản xuất tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa, góp phần nâng cao năng suất, sản lượng tăng thu nhập. Thành công của dự án còn cho thấy Lai Châu có thể mở rộng diện tích sản xuất ngô thêm hàng nghìn ha.

Từ kết quả dự án sản xuất ngô vùng bán ngập tại huyện Sìn Hồ, ngành nông nghiệp đã tham mưu trình UBND tỉnh sửa đổi bổ sung chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp tại địa phương giai đoạn 2014 - 2016, trong đó hỗ trợ phát triển ngô lai, mức hỗ trợ theo vùng: Đối với ngô xuân hè (vùng I hỗ trợ 40%, vùng II hỗ trợ 60%, vùng III hỗ trợ 80% giá giống); Đối với ngô tăng vụ thu đông (vùng I, II hỗ trợ 50% giá giống, vùng III, vùng bán ngập lòng hồ thủy điện hỗ trợ 80% giá giống).

Phát huy kết quả đạt được của năm trước, vụ xuân hè năm 2014, tại 7 xã thuộc vùng bán ngập lòng hồ thủy điện huyện Sìn Hồ, người nông dân tiếp tục phát triển mở rộng diện tích sản xuất ngô, qui mô 550 ha, với 1.750 hộ tham gia, tăng 140 ha so với năm 2013. Nhà nước hỗ trợ 80% giống ngô lai, nông dân tự đầu tư phân bón và 20% lượng giống còn lại.

Kết quả dự án đã góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng nhằm ngày càng khai thác tốt hơn tiềm năng lợi thế của vùng bán ngập lòng hồ thủy điện Sơn La. Đặc biệt đã chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về sản xuất ngô trên đất bán ngập tới người dân nơi đây, làm thay đổi cách nghĩ, cách làm trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng vùng ngô sản xuất tập trung theo hướng hàng hoá, tạo công ăn việc làm, nâng cao giá trị sản xuất, tăng thu nhập cho người dân, góp phần vào công cuộc xoá đói giảm nghèo nhanh và bền vững.

HÀ HOA

Trung tâm Khuyến nông Lai Châu

THÁI BÌNH: MÔ HÌNH SẢN XUẤT CỦ GIỐNG KHOAI TÂY SẠCH BỆNH BẰNG PHƯƠNG PHÁP KHÍ CANH

Những năm gần đây, diện tích trồng khoai tây tại tỉnh Thái Bình nhanh chóng được mở rộng. Trung bình mỗi năm, toàn tỉnh trồng gần 3.000 ha, sản lượng đạt trên 40.000 tấn, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho nông dân. Tuy nhiên, sản xuất khoai tây vẫn chưa phát triển đúng tiềm năng cả về số lượng và chất lượng, nguyên nhân chính là do thiếu củ giống sạch bệnh, chất lượng cao. Qua thực tế cho thấy, nông dân tự đề giống khoai tây từ vụ này qua vụ khác đã làm cho cây khoai tây rút ngắn thời gian sinh trưởng, thân yếu, lá nhỏ, nấm bệnh hại nặng, đặc biệt là bệnh héo xanh vi khuẩn dẫn đến năng suất, chất lượng củ khoai tây giảm.

Hiện nay, có hai hướng chính để phát triển sản xuất khoai tây giống, đó là tự xây dựng hệ thống sản xuất khoai tây giống sạch bệnh, chất lượng cao tại chỗ hoặc nhập ngoại giống mới để thay thế giống đã bị thoái hóa. Giống khoai tây nhập ngoại, chất lượng tốt hơn nhưng giá thành cao và thời gian nhận giống thường muộn so với thời vụ gieo trồng... Để tháo gỡ khó khăn này, từ năm 2012 Trung tâm Khảo nghiệm Khuyến nông Khuyến ngư Thái Bình đã xây dựng mô hình “Ứng dụng khoa học kỹ thuật sản xuất giống khoai tây sạch bệnh bằng phương pháp khí canh tại Thái Bình” nhằm áp dụng công nghệ cao vào sản xuất giống khoai tây sạch bệnh, với giá thành thấp, chất lượng tốt giúp người dân chủ động về nguồn giống, thời vụ.

Trung tâm đã lựa chọn áp dụng công nghệ nhân giống khoai tây bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào kết hợp với khí canh. Nguyên lý hoạt động của công nghệ này là sản xuất cây mà không cần đất theo cách phun dinh dưỡng dạng sương mù vào bộ rễ, kích thích cây ra rễ, sinh trưởng, phát triển. Trong môi trường thoáng khí, dinh dưỡng được hòa vào nước, cứ 15-30 phút hệ thống tưới sẽ tự động phun sương giúp cây hấp thụ dinh dưỡng để sinh trưởng và phát triển. Dung dịch thừa được thu lại, lọc, bổ sung chất dinh dưỡng để tiếp tục sử dụng. Ngoài việc nhân giống nhanh, đảm bảo giữ được nguồn gen gốc và cho ra đời



*Giám đốc TTKNQG thăm mô hình nhân giống khoai tây
bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào kết hợp với khí canh tại Thái Bình*

thế hệ giống mới hoàn toàn sạch bệnh, có khả năng sinh trưởng phát triển nhanh, công nghệ này còn giảm được 90% chi phí về nước, 95% phân bón so với phương pháp canh tác truyền thống... Trung tâm đã sử dụng giống khoai tây sạch bệnh Solara (Đức) trồng trong nhà khí canh để sản xuất củ giống siêu nguyên chủng; từ đó tiếp tục nhân giống trong nhà màn tạo củ bi và trồng cách ly để tạo ra giống nguyên chủng và giống xác nhận cho sản xuất đại trà.

Hiện tại, mô hình “Ứng dụng khoa học kỹ thuật sản xuất giống khoai tây sạch bệnh bằng phương pháp khí canh tại Thái Bình” đã hoàn thiện quy trình sản xuất củ siêu bi trong nhà màn với kết quả thu được từ 20-60 củ siêu bi/khóm, cao gấp 10 lần so với trồng bằng phương pháp truyền thống. Giống khoai tây siêu bi trồng theo công nghệ khí canh có độ thuần chủng cao, sức sinh trưởng mạnh, không bị lẫn tạp chất và sạch bệnh. Kết quả này sẽ mở ra một hướng đi mới trong việc

giải quyết được vấn đề khan hiếm củ giống khoai tây chất lượng cao, sạch bệnh như hiện nay.

Song song với việc sản xuất, nhân giống khoai tây siêu nguyên chủng trên giàn khí canh, nhà lưới, việc mở rộng sản xuất nhân củ giống cấp nguyên chủng, xác nhận tại các HTX cũng là hướng đi chính của Trung tâm. Vụ đông xuân 2013, Trung tâm đã mở rộng diện tích sản xuất củ giống khoai tây tại HTX Trọng Quan (xã Vũ Tiến, huyện Vũ Thư) với diện tích 2 ha củ giống khoai tây cấp xác nhận và 0,7 ha củ giống khoai tây cấp nguyên chủng. Qua đánh giá mô hình thử nghiệm cho thấy, củ giống đưa xuống sản xuất có chất lượng cao, hoàn toàn sạch bệnh, phù hợp với khí hậu, chất đất ở địa phương, có khả năng thích ứng rộng, năng suất bình quân củ giống xác nhận đạt 6,5 - 7 tạ/sào và củ giống nguyên chủng đạt 5,2 - 5,4 tạ/sào (1 sào = 360 m²). Chất lượng củ giống nguyên chủng được sản xuất từ Trung tâm tương đương với giống nhập ngoại nhưng giá thành rẻ hơn, phù hợp với khí hậu đồng đất ở địa phương. Đặc biệt, giúp bà con hoàn toàn chủ động được thời vụ gieo trồng.

Việc đưa củ giống khoai tây chất lượng từ nhân giống khoai tây sạch bệnh bằng phương pháp khí canh sẽ tạo được nguồn giống chất lượng cao tại chỗ phục vụ kịp thời cho sản xuất. Mô hình còn giúp người dân yên tâm, ổn định về nguồn giống, tạo điều kiện mở rộng sản xuất, góp phần ổn định và phát triển bền vững sản xuất khoai tây trong tỉnh và một số vùng phụ cận.

NGUYỄN VĂN NGHIỆM

Trung tâm Khảo nghiệm Khuyến nông Khuyến ngư Thái Bình



TÂN CHÂU ÁP DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT MỚI VÀO SẢN XUẤT SẢN (KHOAI MÌ)

Nhằm tạo được vùng nguyên liệu ổn định cho các nhà máy chế biến cũng như phát triển sản xuất bền vững cho các hộ dân sản xuất sản, năm 2012 – 2013, Trạm Khuyến nông Tân Châu (tỉnh Tây Ninh) đã triển khai dự án “Áp dụng biện pháp kỹ thuật nâng cao năng suất sản”. Dự án bước đầu đã thành công và đem lại hiệu quả.



Gia đình anh Nguyễn Trọng Tuyền, ngụ tại ấp Thạnh Nghĩa, xã Thạnh Đông, huyện Tân Châu là một trong những hộ thực hiện mô hình rất hiệu quả. Anh Tuyền đã có trên 14 năm kinh nghiệm trồng sản, tuy vậy với cách trồng truyền thống thì năng suất thu được tối đa khoảng từ 35 - 40 tấn/ha. Nhưng sau khi tham gia thực hiện mô hình, với cách trồng mới, năng suất sản đã được nâng lên đáng kể.

Theo lời anh Tuyền, thông qua dự án, gia đình anh đã thực hiện mô hình trồng sắn hom đứng phủ bạt theo đúng quy trình kỹ thuật mà Trạm Khuyến nông huyện Tân Châu hướng dẫn, kết quả đạt được rất cao, năng suất bình quân thu được từ 65 – 70 tấn/ha. Vào thời điểm giá sắn 2.800 đồng/kg, sau khi trừ chi phí đầu tư, gia đình anh còn thu được lợi nhuận trên 120 triệu đồng/ha, đây là kết quả rất khả quan mà gia đình anh chưa từng nghĩ đến.

Với kinh nghiệm bản thân được đúc rút trong quá trình thực hiện mô hình, anh Tuyền cho biết, để củ sắn phát triển, cho năng suất cao, trong quá trình trồng cần phải làm đất thật kỹ, đất tơi xốp thì củ sắn mới dài và lớn được. Khi sử dụng phân bón, ngoài phân hoá học, nên bón lót thêm 300 gạ tro rơm và 3 - 4 tấn phân chuồng hoai mục để làm tăng thêm độ phì nhiêu, tơi xốp cho đất, giúp cây nhận đủ nguồn dinh dưỡng để sinh trưởng phát triển nhanh. Anh Tuyền cho biết thêm, mô hình



Trồng sắn hom đứng phủ bạt



trồng sắn hom đứng phủ bạt là mô hình mới, được áp dụng nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế cho người sản xuất. Những năm qua, tình hình sâu bệnh hại sắn đã xảy ra trên diện rộng ảnh hưởng rất nhiều đến quá trình sản xuất ở địa phương. Riêng năm 2012 - 2013, nhiều diện tích sắn lân cận đều đã bị nhiễm rệp sáp bột hồng, gây tổn thất lớn đến năng suất, sản lượng và sự phát triển của cây sắn, thế nhưng diện tích sắn của gia đình anh vẫn phát triển bình thường. Từ thực tế trong quá trình canh tác, anh Tuyển nhận thấy mô hình trồng sắn hom đứng phủ bạt là mô hình có rất nhiều ưu điểm vượt trội, cụ thể:

- *Về cách trồng*: hom sắn được cắm trồng thẳng đứng, mầm mầm phát triển nhanh hơn so với cách trồng truyền thống. Khi gặp thời tiết mưa, bão, mì không bị đất vùi lấp mà vẫn phát triển nảy mầm tốt, tỷ lệ nảy mầm đạt từ 97 – 98%. Năng suất sắn trồng hom đứng cao vì phần củ phát triển vòng tròn xung quanh cây, có thể phát triển được 2 tầng củ.

- *Về phủ bạt*: Hạn chế được sự rửa trôi, bốc hơi của phân bón, hạn chế cỏ dại và sâu bệnh hại, đất luôn giữ được độ ẩm, độ tơi xốp giúp củ mì phát triển hơn, tiết kiệm được thời gian và lượng nước tưới...

- *Về công lao động*: Tiết kiệm được rất nhiều công lao động làm cỏ, bón phân...

Qua quá trình triển khai dự án, mô hình trồng sắn hom đứng phủ bạt hiện nay được rất nhiều hộ dân áp dụng, có những hộ sản xuất đạt năng suất 80 - 90 tấn/ha. Đây có thể xem là dự án thiết thực giúp người dân mạnh dạn đầu tư vào sản xuất, phát triển ổn định nền kinh tế của gia đình.

Trạm Khuyến nông huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

TIỀN GIANG: HIỆU QUẢ TỪ TRỒNG LẠC TRÊN ĐẤT PHÈN

Huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang có diện tích khoai mỡ gần 800 ha tập trung ở 2 xã Thạnh Mỹ và Tân Hòa Đông, nơi đây đất đai phần lớn nhiễm phèn, sau khi trồng khoai mỡ nông dân thường bỏ đất trống hay trồng cây sắn luân canh trong thời gian nước lũ về từ tháng 9 hàng năm.

Để khắc phục tình trạng trên, Trung tâm Khuyến nông Tiền Giang đã phối hợp với Trạm Khuyến nông huyện Tân Phước và Ủy ban nhân dân xã Thạnh Mỹ triển khai mô hình “Trồng lạc (lạc) ứng dụng bón phân hữu cơ”, với quy mô 20 ha, 30 hộ dân tham gia, trồng cây lạc giống mới VD1.

Mô hình nhằm đa dạng hóa chủng loại cây trồng, nhân rộng mô hình trồng cây lạc giống mới đạt năng suất cao, chống chịu sâu bệnh kết hợp ủ phân hữu cơ từ các phế phẩm như bã khóm, dây khoai, rơm rạ, cỏ dại... bằng chế phẩm compost sinh học, sau đó sử dụng lại để bón cho cây trồng, giúp giảm chi phí đầu tư phân vô cơ, cải tạo đất, góp phần phủ xanh đất trống, cải tạo đất, hạn chế xói mòn rửa trôi.

Tiến bộ kỹ thuật áp dụng trong mô hình: cách ủ phân hữu cơ sinh học compost, cách làm đất, bón phân, phòng trừ sâu bệnh trên cây lạc. Sau thời gian triển khai, kết quả cho thấy cây sinh trưởng và phát triển tốt thích nghi với vùng đất tại địa phương, cho hạt chắc cao, thời gian cho thu hoạch 90 ngày, năng suất từ 2,3 - 2,4 tấn tươi/ha. Điển hình có các hộ đạt năng suất lạc cao trong ấp Mỹ Thiện như hộ anh Nguyễn Văn Phụng, năng suất 2,3 tấn/ha, hộ anh Nguyễn Văn Lãnh, năng suất 2,2 tấn/ha, hộ anh Nguyễn Văn Ngô năng suất 2,2 tấn/ha.

Theo tính toán, mô hình được hỗ trợ giống và vật tư phân bón vô cơ nên kinh phí đầu tư thấp, nông dân bán lạc với giá 10.000 đồng/kg, lãi mỗi ha từ 9 - 10 triệu đồng. Mô hình bước đầu đã cho thấy hiệu quả thiết thực trong việc nâng cao thu nhập, tạo công ăn việc làm cho bà con nông dân. Đồng thời nâng cao kiến thức về trồng, chăm sóc, thu hoạch, cách ủ phân hữu cơ từ phế phẩm nông nghiệp tại nông hộ.

Trung tâm Khuyến nông Tiền Giang đã tổ chức 2 khóa tập huấn về kỹ thuật trồng và chăm sóc cây lạc cho 60 người là các chủ hộ tham gia mô hình và các hộ tại địa phương có nhu cầu muốn tìm hiểu về kỹ



thuật và phòng trừ sâu bệnh trên cây lạc. Ngoài ra, bằng nguồn kinh phí của dự án, Trung tâm đã tổ chức 1 lớp tập huấn cho 30 học viên với nội dung “ Ứng dụng chế phẩm sinh học xử lý rơm rạ trên cơ cấu sản xuất lúa mùa - lạc” tại ấp Mỹ Thiện, xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước.

Từ những kiến thức đã được trang bị, nông dân tự trao đổi kinh nghiệm với nhau trong sản xuất tại địa phương và nhân rộng mô hình ra nhiều nơi. Qua mô hình, phần lớn nông dân chuyển sang trồng luân canh cây lạc. Đến nay, mô hình trồng lạc trên địa bàn huyện Tân Phước đạt trên 70 ha, riêng xã Thạnh Mỹ trên 30 ha.

Cây lạc thực sự là cây tăng thu nhập cho người dân, vừa là cây giúp cải tạo đất đai giúp nông dân giảm chi phí sản xuất từ phân hóa học nên trong canh tác bà con cần kết hợp ủ phân hữu cơ từ thân lá cây lạc sau thu hoạch làm nguồn phân bón tốt cho các loại cây trồng trong mùa vụ tiếp theo, nhất là mùa vụ cây khoai mỡ đông xuân 2014 – 2015.

TRƯƠNG HỒNG HUY

Trạm Khuyến nông huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH CANH TÁC MÈ (VÙNG) TRÊN NỀN ĐẤT LÚA HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp có diện tích tự nhiên là 49.082,47 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp 40.798 ha, với trên 70% dân số sinh sống bằng nghề nông. Ngoài lúa là cây trồng chủ lực hàng đầu với diện tích 32.000 ha, hàng năm diện tích trồng màu của huyện khoảng 4.000 ha chủ yếu là cây mè, cây sen và một số cây công nghiệp ngắn ngày khác.



Nhằm chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đưa cây màu xuống đồng ruộng, giảm diện tích sản xuất lúa vụ hè thu, góp phần tăng thu nhập, ổn định và cải thiện đời sống của người dân khu vực nông thôn, thời gian qua, huyện đã xây dựng mô hình sản xuất 2 lúa 1 màu cho các xã vùng ven Quốc lộ 30 của huyện; trong đó chọn một số cây màu chủ lực như cây mè (vùng), cây sen, ...

Cây mè thích hợp cho cơ cấu luân canh 2 lúa 1 màu, vùng đất có cơ cấu nhẹ, thoát nước tốt. Đây cũng là loại cây trồng ít tốn công chăm sóc, có khả năng chịu hạn tốt, chịu được điều kiện biến đổi khí hậu, thời gian sinh trưởng ngắn, thích nghi rộng. Ngoài ra, sản phẩm từ cây mè không những chỉ dùng trong thực phẩm mà còn được dùng trong các mục đích khác nhau như dược phẩm, công nghiệp, kỹ nghệ và xa hơn là sản xuất dầu sinh học (biodiesel).



Trong các năm qua, Trạm Khuyến nông huyện Cao Lãnh phối hợp với UBND xã Bình Hàng Trung triển khai mô hình canh tác mè trên nền đất lúa vụ hè thu, qui mô 40 ha/50 hộ. Qua 4 năm thực hiện mô hình, từ năm 2011 đến nay, nhờ áp dụng tốt các biện pháp kỹ thuật như: sử dụng giống chất lượng tốt, tuân thủ mật độ sạ theo khuyến cáo từ 4 - 5 kg/ha, xuống giống tập trung, bón phân cân đối, phòng trừ sâu bệnh kịp thời và thu hoạch đúng độ chín nên mô hình đạt hiệu quả kinh tế cao. Vụ hè thu năm 2014 năng suất mè đạt 1,2 tấn/ha, giá bán bình quân 38.000 đồng/kg, sau khi trừ chi phí, thu được lợi nhuận khoảng 29 triệu đồng/ha, hiệu quả kinh tế cao hơn 2,5 lần so với lúa hè thu. Ngoài ra, cây mè vốn đầu tư thấp, ít sâu bệnh, chịu được nhiệt độ cao, giảm áp lực sâu bệnh, cắt đứt cầu nối nguồn dịch bệnh giữa 2 vụ lúa Đông xuân và thu đông, tiết kiệm chi phí sản xuất, phù hợp với điều kiện thiếu nước và nhiệt độ cao như hiện nay.

Chính vì vậy, ngành nông nghiệp huyện Cao Lãnh đã đề ra nhiều giải pháp để nhân rộng mô hình như quy hoạch vùng sản xuất mè, hỗ trợ kinh phí giống, vật tư, chuyển giao quy trình kỹ thuật cho nông dân nhằm góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi trên địa bàn huyện, giúp người dân tăng thu nhập, phát triển kinh tế hộ gia đình.

LÊ THỊ XUÂN ĐÀO

Trạm Khuyến nông huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp

QUẢNG NGÃI: HIỆU QUẢ MÔ HÌNH TRỒNG CÂY CÀ CHUA GHÉP Ở HUYỆN SƠN TỊNH

Vụ đông xuân 2013-2014, Trạm Khuyến nông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện thí điểm mô hình trồng cây cà chua Hồng Đào ghép trên gốc cây cà chua dại tại xã Tịnh Châu bước đầu đã đem lại thu nhập cao gấp 2 - 3 lần so với trồng cây cà chua thường, mở ra hướng đi mới cho người nông dân địa phương.

Mô hình trồng cây cà chua ghép có qui mô 1.000 m², có 2 hộ tham gia (mỗi hộ trồng 500 m²). Sau hơn 2 tháng thực hiện, tỷ lệ sống đạt 98%, cây sinh trưởng phát triển khỏe, ít sâu bệnh hại, đặc biệt là bệnh héo xanh vi khuẩn và bệnh sương mai; thân cây cứng, chiều cao cây trung bình 1,6 - 1,7 m; số quả đạt tiêu chuẩn khoảng 30 quả/cây. Quả cà chua có dạng hình đẹp, chắc quả, thuận lợi cho việc vận chuyển tiêu thụ. Ước tính năng suất thực thu của cà chua trong mô hình đạt trên 58,32 tấn/ha, cao hơn mục tiêu đề ra hơn 23 tấn/ha. Tổng doanh thu từ mô hình đạt 17 - 23 triệu đồng, góp phần nâng cao thu nhập cho người sản xuất.



Mô hình trồng cây cà chua ghép của ông Đặng Đình Thông, xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh



Gia đình ông Đặng Đình Thông, thôn Kim Lộc, xã Tịnh Châu được chọn làm điểm để thực hiện mô hình trình diễn trồng cây cà chua ghép. Tham gia mô hình gia đình ông được hỗ trợ 100% giống và 30% vật tư. Trên diện tích 500 m² ở xứ đồng Rộc Bài, thôn Kim Lộc gia đình ông đã trồng 900 cây cà chua ghép giống Hồng Đào. Thời gian trồng từ ngày 20-21/12/2013. Nhờ thực hiện tốt theo qui trình kỹ thuật và hướng dẫn của cán bộ khuyến nông nên cây cà chua ghép có tỷ lệ sống cao, sinh trưởng tốt. Đến nay, sau hơn 2 tháng triển khai mô hình, ông Thông đã thu hoạch lứa đầu tiên được 100 kg, giá bán tại ruộng 4.000 đồng/kg. Ông Thông cho biết: Giống cà chua ghép trồng theo quy trình kỹ thuật của Trạm Khuyến nông huyện từ khâu làm đất đến khi thu hoạch như: phủ bạt, bón lót lượng phân chuồng, phân Urê, NPK hợp lý nên đã cho trái nhiều và đồng đều.

Trước đây, gia đình ông Đặng Đình Thuộc trồng ngô, dưa, khổ qua (mướp đắng) nhưng hiệu quả kinh tế không cao bằng trồng cà chua ghép. Trồng cà chua ghép hiệu quả kinh tế đem lại cho gia đình ông cao gấp 2 - 3 lần so với trồng cây hoa màu khác. Nếu cây cà chua phát triển tốt như hiện nay, thì năng suất ước thu gần 3 tấn, doanh thu hơn 11,6 triệu đồng, sau khi trừ chi phí thu lãi khoảng hơn 5 triệu đồng. Ông Thuộc cho biết: “Trồng cây cà chua ghép này hạn chế bệnh héo rũ đến 90%, hiệu quả kinh tế đem lại rất cao, sản phẩm được thị trường ưa chuộng, thương lái đến mua tại ruộng”.

Ông Phạm Văn Tùng – Phó trưởng Trạm Khuyến nông huyện Sơn Tịnh cho biết: “Từ hiệu quả kinh tế của mô hình, sắp tới Trạm Khuyến nông huyện sẽ tiếp tục triển khai mô hình trồng cà chua ghép ở một số xã khu Tây Sơn Tịnh nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cho bà con nông dân”.

Với năng suất, hiệu quả kinh tế mà cây cà chua ghép mang lại bước đầu đã mở ra hướng phát triển mới cho bà con nông dân địa phương và góp phần đưa cây cà chua ghép thay thế cây cà chua thông thường. Việc triển khai nhân rộng mô hình trồng cây cà chua ghép trong thời gian tới sẽ góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, nâng cao chất lượng và hiệu quả trong phát triển sản xuất nông nghiệp của người nông dân địa phương.

KIM CÚC – NHƯ ĐỒNG

Đài Truyền thanh huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi

LỢI NHUẬN CAO NHỜ TRỒNG BẮP CẢI VỤ SỚM

Vụ đông năm 2014, bà con nông dân xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An đã lựa chọn trồng cây bắp cải vụ sớm làm chủ lực với diện tích trên 16 ha. Đến cánh đồng của hai xóm Hồng Thịnh và Ai Quốc thuộc xã Diễn Hồng, những ruộng bắp cải xanh tươi, cuộn tròn đang được người dân thu hoạch bán dần. Với lợi thế về đất đai, người dân ở đây đã tranh thủ trồng bắp cải vụ sớm, tăng thêm thu nhập. Sau 1 năm thực hiện dồn điền đổi thửa, trung bình mỗi hộ dân chỉ có 2 – 3 thửa ruộng, thửa ít nhất 2 sào (1 sào Trung Bộ là 500 m²), thửa rộng 3 – 4 sào, những con đường vào ruộng được mở rộng nên rất thuận tiện cho nông dân đi lại sản xuất, canh tác.

Ông Nguyễn Văn Quang, một chủ hộ trồng bắp cải vụ sớm cho biết: so với trồng các loại cây khác thì trồng bắp cải hiệu quả hơn. Đặc biệt trồng bắp cải vụ sớm thì đến đầu mùa đông là có thể thu hoạch được, bắp cải đầu vụ bán giá cao hơn nhiều so với trồng vụ chính. Năm 2014 gia đình ông làm 6 sào bắp cải vụ sớm, đến nay đã thu hoạch được 3 sào, giá bán tại ruộng bình quân là 6.000 đồng/kg, năng suất đạt 2 – 2,5 tấn/sào. Ruộng nhà ông năm nào cũng làm gô vù, mỗi vụ trồng 2 – 2,5



Thu hoạch bắp cải



tháng là thu hoạch, có những năm bán được giá cao, gia đình ông thu nhập gần 100 triệu từ bắp cải.

Ông Lê Châu xóm trưởng xóm Hồng Thịnh cho biết: Năm 2014 thời tiết thuận lợi, ít mưa nên trồng bắp cải vụ sớm ít bị sâu bệnh, thời gian sinh trưởng ngắn, giảm được chi phí đầu tư, cho năng suất cao. Sản xuất bắp cải cho thu nhập cao, sau 2 tháng trồng có thể thu hoạch, trọng lượng đạt 1 – 1,3 kg/bắp, trừ chi phí, 1 sào bắp cải vụ sớm cho bà con thu lãi 7 – 10 triệu đồng. Dưới đây là một số kinh nghiệm trồng bắp cải vụ sớm của bà con nông dân ở Diễn Châu:

+ *Thời vụ*: Vụ sớm trồng từ cuối tháng 7 đến đầu tháng 8

+ *Làm đất*: Đất tơi nhỏ, dọn sạch cỏ, làm luống hình mũi luyên để thoát nước, luống rộng 80 – 100 cm, cao 15 – 20 cm, rãnh luống 20 – 30 cm.

+ *Mật độ trồng*: 2.000 – 2.500 cây/sào

+ *Bón lót*: Phân chuồng hoai mục, phân NPK tổng hợp 16 – 16 – 8 với lượng 20 - 25 kg/sào. Rạch hàng trên mặt luống bón phân, sau đó lấp đất lại rồi mới cấy cây.

+ *Bón thúc lần 1*: Sau khi trồng 7 – 10 ngày, bón 1 sào 3,5kg Urê; 3kg kalisunfat (K_2SO_4), hòa phân tan trong nước rồi tưới vào gốc cây kết hợp vun xới, lấp cỏ, vét rãnh. Bón phân thời kỳ này nhằm giúp cây hồi xanh.

+ *Bón thúc lần 2*: Sau khi trồng được 20 – 25 ngày, bón 1 sào 7,5kg Urê, rạch hàng bón phân cách gốc 20cm để tránh làm hư bộ rễ của cây, bổ sung chất dinh dưỡng cho cây phát triển tốt.

+ *Bón thúc lần 3*: Sau khi trồng 30 – 35 ngày, bắp bắt đầu cuộn, bón 4kg Urê + 3kg kalisunfat/sào, có thể bón vào gốc hoặc hòa nước tưới. Thời kỳ này cần cung cấp đủ dinh dưỡng cho bắp cuộn chặt và đều cây.

+ *Thu hoạch*: Khi bắp cuộn chặt, khối lượng trung bình đạt 1 – 1,3 kg/cây thì tiến hành thu hoạch, có thể thu tỉa hoặc thu toàn bộ tùy vào thị trường tiêu thụ và độ đồng đều của cây. Khi thu hoạch loại bỏ lá già, lá ngoài, lá giáp sát, bỏ bắp nhẹ nhàng vào túi ni long để vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

***Lưu ý:**

- Sau khi trồng phải tưới nước đủ ẩm vào buổi sáng và chiều mát cho đến khi cây hồi xanh.

- Sau khi vun xới, bón thúc lần 1 và 2, tưới nước cho ngập 2/3 rãnh, sau đó tháo hết nước.

- Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng để phát hiện sớm các loại sâu, bệnh để có biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

- Bón phân Urê khi thời tiết nắng ấm, nếu trời mưa lạnh thì nên bón phân Lân Supe thay thế phân đạm.

- Trước khi thu hoạch, ngừng bón phân đạm trước 30 ngày, ngừng phun thuốc bảo vệ thực vật trước 20 ngày.

CAO THỊ HÀ

Trạm Khuyến nông huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

TRỒNG ỚT XUẤT KHẨU MANG LẠI HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO

Thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm tăng giá trị thu nhập trên diện tích canh tác, trong vụ đông năm 2013 - 2014 nhiều hộ nông dân trên địa bàn xã Bình Thạnh đã đưa cây ớt xanh vào trồng, bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế cao, điển hình là gia đình ông Đào Văn Măng.

Tháng 10/2013, gia đình ông Đào Văn Măng tiến hành trồng 2000m² ớt. Trong quá trình trồng, gia đình ông được cán bộ nông nghiệp hướng dẫn chuyển giao khoa học - kỹ thuật trong khâu canh tác. Do chăm sóc tốt, đúng hướng dẫn, phòng trừ sâu bệnh kịp thời nhất là bệnh đốm quả, thán thư, sâu đục quả, đến nay cây ớt đã cho thu hoạch lứa đầu, với sản lượng 4.000 kg/2.000m², được thương lái địa phương đến tận ruộng thu mua với giá 17.000 đồng/kg. Theo ông Măng, ông trồng ớt bắt đầu từ tháng 10/2013 đến tháng 5/2014, sau 3 tháng là bắt đầu thu hoạch. Theo tính toán của ông, từ lứa thứ 2 có thể thu hoạch 2.000 kg ớt/ 2.000m², cứ 4 ngày thu hoạch ớt 1 lần, giá dao động từ 12.000 - 25.000 đồng/kg. Như vậy trừ chi phí, ước tính gia đình sẽ thu lãi gần 63 triệu đồng.

Nói về hiệu quả bước đầu từ mô hình trồng ớt ông cho biết: “Gia đình tôi trồng 2.000m² ớt, lứa ớt đầu tiên gia đình tôi thu hoạch được 4.000kg. Tiếp theo lứa sau cứ 4 ngày thu hoạch một lần, mỗi lần khoảng 350kg.



Cả vụ thu được khoảng 6.000 kg/2.000m². Theo tính toán 2.000 m² ớt, so với trồng màu khác hiệu quả mang lại gấp cao hơn 3 lần. Tới đây gia đình tôi sẽ mở rộng diện tích trồng nhiều hơn, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống”.

Với hiệu quả của mô hình trồng cây ớt xanh mang lại thì việc nhân rộng mô hình trồng ớt trên địa bàn xã Bình Thạnh nói chung và các xã trong huyện nói riêng là hướng giải quyết việc làm hữu hiệu, góp phần tăng thu nhập cho người nông dân.

LÊ QUANG PHONG NHÃ

Khuyến nông viên xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

MÔ HÌNH TRỒNG HỆ ĐẠT HIỆU QUẢ CAO GIÚP NÔNG DÂN VƯỜN LÊN THOÁT NGHÈO

Thị trấn Nàng Mau là trung tâm của huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang nên phát triển mạnh về thương mại và dịch vụ. Diện tích đất nông nghiệp chỉ khoảng 451 ha nhưng hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn chiếm vị trí khá quan trọng, đã giúp nhiều bà con nông dân tăng thu nhập vươn lên thoát nghèo.

Thị trấn Nàng Mau có hệ thống thủy lợi khá hoàn chỉnh, chủ động trong khâu bơm tưới, rất thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, nhiều mô hình sản xuất hiệu quả ngày càng phát triển và nhân rộng. Điển hình là mô hình trồng hệ của anh Nguyễn Văn Tánh ở ấp 4, anh cho biết: “Gia đình tôi hiện có 1.000 m² đất trồng hệ, đã nhiều năm gắn bó với cây hệ. Là loài cây dễ trồng, ít vốn mà thu nhập cao, ổn định, hơn nữa cây hệ lại cho thu hoạch quanh năm. Với giá trên 5.000 đồng/kg thì nông dân trồng hệ đã có lãi. Hiện nay giá hệ thương phẩm khoảng 7.000 đồng/kg. Nhờ trồng hệ mà cuộc sống của gia đình không còn khó khăn, vươn lên khá giả, con cái được ăn học đến nơi đến chốn”.



Anh Tánh chăm sóc liếp hệ



Theo tính toán của bà con nông dân trồng hẹ, sau hai tháng trồng có thể cho thu hoạch lần đầu với năng suất chỉ đạt 700 kg/1.000 m², nhưng các lần sau thì năng suất tăng cao khoảng hơn 1 tấn/1.000 m². Sau đó, cứ 1 tháng thu hoạch 1 lần, mỗi năm thu hoạch khoảng 7 - 8 lần nên người trồng cây hẹ cả năm đều có nguồn thu nhập ổn định.

Theo anh Nguyễn Văn Tánh, nếu so sánh một công đất (1.000 m²) trồng lúa thì không thể trang trải đủ chi phí cho gia đình có 3 thành viên, nhưng nếu trồng hẹ thì có thể thoát nghèo, trồng hẹ sẽ cho lợi nhuận cao gấp 3 - 4 lần so với trồng lúa. Cây hẹ rất thích hợp với nhiều vùng đất, nhất là đất hơi cao và tơi xốp. Để hẹ sinh trưởng và phát triển tốt, nên sử dụng các loại phân hữu cơ, tro trấu, mỗi năm mua một hoặc hai ghe để rải cho hẹ nhất là lúc mới xuống giống để đất tơi xốp. Trồng hẹ ít gặp rủi ro về sâu bệnh, đầu ra ổn định.



Hiện nay, mô hình trồng hẹ được nhiều bà con nông dân trong vùng quan tâm phát triển và được xem là mô hình canh tác hấp dẫn, cho lợi nhuận cao giúp nông dân thoát nghèo. Thời gian tới Trạm Khuyến nông – Khuyến ngư huyện Vị Thủy sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để tuyên truyền mô hình này, đồng thời tổ chức nhiều cuộc hội thảo, tập huấn kỹ thuật trồng cây hẹ để giúp bà con nông dân quản lý tốt, canh tác theo hướng an toàn nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường hiện nay.

LÊ THỊ NGỌC HÙNG

Trạm Khuyến nông Khuyến ngư huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

HIỆU QUẢ CỦA MÔ HÌNH TRỒNG NẤM BÀO NGƯ Ở XÃ AN HÒA, HUYỆN CHÂU THÀNH, AN GIANG

Hiện nay, mô hình trồng nấm bào ngư phát triển khá phổ biến ở một số địa phương trong tỉnh An Giang. Trồng nấm bào ngư đã giải quyết công ăn việc làm, tăng thêm thu nhập cho người dân. Ông Nguyễn Văn Xinh ở ấp Bình An 1, xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang là một trong số những nông dân đã thành công với mô hình này.

Năm 2010 khi nghề trồng nấm bào ngư bắt đầu phát triển, với nguồn kinh phí sự nghiệp khuyến nông, trạm khuyến nông huyện Châu Thành bắt đầu triển khai mô hình trồng nấm bào ngư đến xã An Hòa. Ông Xinh là người được chọn tham gia mô hình. Sau khi được cán bộ khuyến nông tập huấn kỹ thuật ông mạnh dạn đầu tư thêm kinh phí gia đình mở rộng sản xuất. Bước đầu ông trồng 4.000 bịch phôi nấm với 2 nhà trồng, mỗi nhà trồng 2.000 bịch. Qua 4 tháng chăm sóc và thu hoạch theo đúng quy trình kỹ thuật, sản lượng nấm ông thu được là 1,2 tấn/4.000 bịch (bình quân 300g/bịch). Với giá bán 35.000 nghìn đồng/kg, lợi nhuận ban đầu thu được trên 16 triệu đồng sau khi trừ đi chi phí đầu tư.

Ông Xinh chia sẻ: Mô hình trồng nấm bào ngư khá hấp dẫn, vốn đầu tư không nhiều, diện tích nhỏ cũng có thể trồng được. Việc xây dựng trại nấm khá đơn giản, vốn ít. Mỗi trại nấm diện tích 3 x 5 m,





sườn trại làm bằng tre, mái lợp lá, nền trại bằng đất pha cát, xung quanh trại nấp được dựng bằng lá hoặc lưới bao. Trại nấp cần đảm bảo được nhiệt độ và ẩm độ thích hợp với sự phát triển của nấm (nhiệt độ 24 - 28°C, ẩm độ 75 - 90%), phải thông thoáng, tránh gió lùa. Xây trại nấp nên cách xa chuồng trại gia súc. Khâu chăm sóc tuy đơn giản nhưng cần đảm bảo đúng kỹ thuật. Tưới nấm nước phải dạng phun sương, mỗi ngày tưới 3- 4 lần, giữ vệ sinh trại nấp sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh sáng chiếu trực tiếp. Sau khi thu hoạch nấm phải vệ sinh trại, tiêu độc sát trùng, cách ly khoảng 30 ngày là có thể trồng vụ kế tiếp. Phế phẩm sau khi trồng nấm bào ngư, có thể sử dụng lại trồng nấm rơm, làm phân bón cho cây trồng.

Với thành công bước đầu của mô hình, các hộ dân lân cận bắt đầu tìm hiểu và đầu tư sản xuất, đến nay xã An Hòa đã thành lập được tổ chuyên sản xuất nấm bào ngư và chính ông Xinh làm tổ trưởng. Ngoài việc trồng nấm ông Xinh còn thu mua nấm bào ngư của những hộ sản xuất trong tổ và giao lại cho thương lái. Với thị trường nấm ổn định, giá nấm thu mua và bán lại dao động từ 30.000 – 40.000 đồng đã tạo cho gia đình ông có nguồn thu nhập ổn định.

Chi phí và lợi nhuận trong trồng nấm bào ngư:

ĐVT: 4.000 bịch phối

T	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	A - Chi phí sản xuất				25.255.000
1	Trại nấp (khấu hao 5 vụ) 2.500.000 đồng/trại (tận dụng 1 số vật liệu hiện có)	Trại	2	500.000	1.000.000
2	Phôi giống	Bịch	4.000	5.500	22.000.000
3	Vôi	kg	10	3.000	30.000
4	Công chăm sóc, thu hoạch	tháng	4	500.000	2.000.000
5	Nước tưới	tháng	4	30.000	120.000
6	Cần nấp (khấu hao 5 vụ)	cái	1	150.000	30.000
7	Bọc đựng nấm	kg	1.5	50.000	75.000
	B - Tổng thu sản phẩm				42.000.000
1	Sản lượng (Năng suất 0,3kg/bịch)	kg	1.200	35.000	42.000.000
	C - Lợi Nhuận				16.745.000

VÕ THỊ THU SƯƠNG

Khuyến nông viên xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

LONG AN: TRỒNG NẤM BÀO NGƯ ĐẠT HIỆU QUẢ CAO



Trại trồng nấm bào ngư

Bình quân mỗi năm thu lãi trên 3 tỷ đồng từ mô hình trồng nấm bào ngư, là kết quả sản xuất của gia đình ông Nguyễn Xuân ở ấp 1, xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Nhắc tới ông Xuân, không chỉ người dân địa phương mà hầu như các chủ trại nấm ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đều biết tới ông như một người giàu tính sáng tạo, nhiều kinh nghiệm trong nghề trồng nấm, luôn mạnh dạn đầu tư trang thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất.

Khởi nghiệp, ông thuê đất để đầu tư xây dựng 8 trại trồng nấm, diện tích mỗi trại khoảng 70 m². Sau 2 năm, ông đầu tư thêm 14 trại nấm nữa và cứ thế mỗi năm, nguồn thu từ các trại ông lại mở rộng sản xuất đến nay đã có 66 trại trồng liên tục 3 vụ/năm, bình quân mỗi vụ trồng 7.000 bịch phôi/trại. Mỗi ngày, các trại nấm của ông sản xuất được 700 kg nấm và tăng lên 1 tấn vào các ngày rằm, ngày ăn chay.

Ông Xuân cho biết: Trước đây, do nguồn phôi nấm phải mua từ nhiều nơi ngoài tỉnh nên chất lượng phôi nấm không ổn định, tỷ lệ bịch



phôi nhiễm nấm mốc khá cao, gây thất thu đáng kể. Do đó, ông quyết định đầu tư xây dựng cơ sở tự sản xuất phôi nấm với đầy đủ trang thiết bị như máy đóng bịch, máy sàng, trộn nguyên liệu, lò hơi,... tổng kinh phí đầu tư làm xưởng đóng bịch phôi khoảng 1,2 tỷ đồng. Ngoài việc tự sản xuất phôi nấm cho các trại của gia đình, ông còn dự định mở rộng sản xuất để cung cấp phôi nấm cho bà con trồng nấm ở địa phương.

Chia sẻ kinh nghiệm, ông Xuân cho biết để trồng nấm bào ngư thành công thì quan trọng nhất là phải thiết kế được kiểu nhà trồng phù hợp với điều kiện khí hậu nơi sản xuất. Tất cả các trại đều đạt tiêu chuẩn kỹ thuật về lưới ngăn côn trùng gây hại, luôn đảm bảo nhiệt độ, ẩm độ, ánh sáng, độ thông thoáng cho nấm phát triển thích hợp nên năng suất nấm cao và ổn định ở mức 250 gam nấm/bịch phôi. Ngoài ra, kỹ thuật tưới và điều chỉnh cho nấm ra đồng loạt cũng cần thực hiện kỹ lưỡng, với kinh nghiệm của ông thì chỉ nên cho nấm ra ở miệng bịch và sau khi thu 3 - 4 đợt thì trồng lại đợt mới. Đồng thời, sau mỗi đợt trồng cần vệ sinh khử trùng trại thật kỹ trước khi trồng đợt mới.

Hiện ông đang tập trung đầu tư nâng cao giá trị thương mại của sản phẩm nấm bằng cách đầu tư xây dựng cơ sở sơ chế, bảo quản lạnh nấm bào ngư. Với quy mô và quy trình sản xuất phôi nấm, nấm thương phẩm, sơ chế và bảo quản như trên, hệ thống sản xuất nấm của ông đã được Trung tâm QUATEST 3 thành phố Hồ Chí Minh cấp chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP trong năm 2013.

Không dừng lại, hiện nay ông đang tiếp tục đầu tư mở rộng cơ sở sản xuất nấm bào ngư, đồng thời trồng thêm một số loại nấm khác như nấm linh chi, nấm mèo cũng như đầu tư trang thiết bị sản xuất meo giống nhằm chủ động tất cả các khâu trong quá trình sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, nâng cao năng suất để đạt hiệu quả ổn định và lâu dài.

NGUYỄN THỊ HẠNH

Trung tâm Khuyến nông Long An

NẤM RƠM - CÂY TRỒNG GIÚP NÔNG DÂN XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

Từ lâu đã phát triển nghề trồng nấm rơm ở các vùng nông thôn vì không tốn nhiều chi phí, thu nhập lại ổn định, phù hợp với các hộ gia đình. Tuy nhiên, thời gian gần đây diện tích trồng đã giảm do khó thu gom rơm nên đa số nông dân chuyển sang cây trồng khác. Bên cạnh đó, phần đông bà con nông dân trồng nấm chưa hiểu rõ kỹ thuật trồng cũng như chưa có kinh nghiệm trồng nấm rơm nên hiệu quả chưa cao.

Để khuyến khích người dân trồng nấm, vụ Thu Đông năm 2013, Trạm Khuyến nông huyện Tam Bình phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Long thực hiện mô hình trồng nấm rơm ở xã khó khăn Loan Mỹ.

Nhà nước hỗ trợ 100% tiền meo giống, men, thuốc kích thích. Tổng kinh phí mô hình 3.200.000 đồng. Nông dân đóng góp nguyên liệu, công lao động và các vật tư khác như: xăng dầu bơm nước, phân lân vi sinh... Qua 2 tháng thực hiện, nông dân thu lãi 6 triệu đồng/ha.

Hiệu quả kinh tế của mô hình: đơn vị tính (ha)

- Mua rơm: 200.000 đồng; vận chuyển: 1.000.000 đồng; meo giống: 224.000 đồng (80 bịch); Thuốc sâu, kích thích: 100.000 đồng; Xăng, điện bơm nước: 50.000 đồng;





Chăm sóc, thu hoạch: 500.000 đồng.

Tổng chi: 2.074.000 đồng

Tổng thu: $180 \text{ m/mô} \times 1 \text{ kg/m/mô} \times 45.000 \text{ đồng/kg} = 8.100.000 \text{ đồng}$

Lợi nhuận: 6.026.000 đồng

Qua thời gian thực hiện dự án, không chỉ những hộ tham gia mô hình trình diễn mà những người dân trong xã cũng nhận thấy đây là mô hình phù hợp với điều kiện của địa phương do nguồn rơm rất phong phú, dễ thu gom. Điều quan trọng nữa là nông dân có thêm nguồn phân hữu cơ để bón cho vườn cây ăn trái, trồng rau màu và góp phần hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Đặc biệt, nếu canh đúng lúc giá nấm lên cao (vào ngày ăn chay) để bán và nấm được quy trình kỹ thuật để sản xuất nấm rơm sẽ góp phần cải thiện kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo cho nông dân. Từ đó khuyến khích bà con làm theo để nhân rộng mô hình.

Sau khi thực hiện mô hình, anh Thạch Sa Banl ở ấp Giữa, xã Loan Mỹ đã đúc kết một số kinh nghiệm trồng nấm rơm đạt hiệu quả cao:

- Canh đúng thời điểm để bán được giá cao.

- Chọn rơm: Nên chọn rơm tốt, không bị đổi màu, có màu vàng tươi, không mục nát, không nhiễm nấm bệnh.

- Chọn meo: Meo giống là yếu tố quan trọng quyết định năng suất và chất lượng nấm. Meo giống tốt là meo mọc trắng, lan từ trên xuống đáy bịch, không có màu xám, vàng hay đốm đen, tơ không mọc rời rời. Khi meo mọc trắng hết cả bịch mới đem sử dụng. Thời gian bảo quản bịch meo từ lúc ra trắng cả bịch là khoảng 7 ngày. Vì vậy, nên mua meo khi tơ chưa lan hết cả bịch để có thể sử dụng từ từ.

- Xử lý nền: Cuốc nhẹ cho đất tơi xốp trước khi chất giồng để xử lý côn trùng và hạn chế ngập úng.

- Chất giồng: Rơm chín thì tiến hành làm mô nấm, dựa vào thời tiết sẽ làm 1, 2 hay 3 mô. Nếu trời lạnh thì làm 3 mô để tiết kiệm áo mô và diện tích, mùa nắng thì làm 2 mô. Khi trời lạnh cần làm mô to hơn để giữ nhiệt tốt, trời nắng cần làm mô nhỏ hơn, lớp rơm mặt mỏng hơn và tưới nước cũng ít hơn để thoáng khí và thoát nhiệt dễ dàng hơn.

- Tưới nước: Dùng vòi búp sen có tia nhỏ sẽ không ảnh hưởng đến tơ nấm và những nụ nấm nhỏ.

TRẦN THỊ NGỌC ĐỒNG

Trạm Khuyến nông huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

LONG AN: THOÁT NGHÈO TỪ TRỒNG SEN LẤY NGÓ

Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp trồng trên vùng đất lúa nhiễm phèn nặng, năng suất thấp và chịu ảnh hưởng ngập lũ hằng năm để cải thiện thu nhập là mục tiêu trọng tâm của chính quyền và bà con nông dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. Suốt một thời gian dài, vùng đất nhiễm phèn nặng vốn chỉ có cây tràm và lúa thì vài năm gần đây phát triển mạnh mô hình trồng sen lấy ngó.

Sen vốn là một loại cây trồng thích hợp ở chân đất ngập nước và nhiễm phèn, do đó, về mặt tự nhiên cây sen có tiềm năng khai thác rất lớn ở vùng Đồng Tháp Mười. Tuy nhiên, nếu chỉ trồng quảng canh, thiếu chăm sóc thì năng suất không cao. Thấy được hạn chế này, bà con nông dân huyện Tân Thạnh đã thực hiện mô hình trồng sen theo hướng thâm canh và một trong những điển hình đạt hiệu quả cao là gia đình ông Tạ Thành Dương ở ấp Bắc Đông, xã Tân Bình.

Ông Dương và gia đình đã có hơn 6 năm kinh nghiệm trồng sen. Với 3 ha sen, mỗi ngày gia đình ông có thể thu từ 130 – 170 kg ngó, mỗi kg bán được từ 10.000 – 14.000 đồng. Với mỗi vụ trồng có thể thu hoạch trong suốt 2 tháng.

Ông Dương cho biết, nhiều năm trồng lúa nhưng chỉ loanh quanh vừa đủ trang trải chi tiêu của gia đình, chưa kể có lúc giá lúa sụt giảm thì lại càng khó khăn. Năm 2009, ông bắt đầu tìm hiểu mô hình trồng xen canh sen – lúa và nhận thấy hiệu quả kinh tế nên quyết tâm đầu tư trồng sen trên toàn bộ diện tích lúa của gia đình. Nhiều bà con ở địa phương lúc đầu khi thấy ông trồng sen tỏ ý nghi ngại, thế nhưng ông Dương hoàn toàn tự tin vì đã tìm hiểu kỹ cách trồng và nhất là có nơi tiêu thụ ngó sen ổn định.

Theo ông Dương, sen là loại cây rất dễ trồng, chi phí đầu tư thấp, ít sâu bệnh, không tốn nhiều công chăm sóc như các loại cây trồng khác. Khi mới trồng cũng có lúc gặp khó khăn nhưng dần dà ông có thêm kinh nghiệm để ngày một hoàn chỉnh quy trình trồng. Ông chia sẻ, sen trồng 2 tháng là có thể thu hoạch. Khi mới trồng, bón khoảng 50 kg Urê, 50 kg DAP trên 1 ha, 2 – 3 tháng sau khi giáp lá thì ông dùng máy lồng cho thưa bớt rồi bón tiếp 50 kg Urê, 50 kg DAP, 1 tháng sau khi lồng ông thu hoạch và bón phân lần nữa cũng với liều lượng như trên.



Mỗi mùa sen, sau khi trừ chi phí, gia đình ông có thể thu trên 100 triệu đồng, cao gấp 3 lần thời còn trồng lúa. Hiện nay, ông và 3 người con đã thuê thêm 13 ha để mở rộng quy mô trồng sen, đồng thời, phát triển thêm hoạt động thu mua ngó sen ở địa phương.

Ngoài hiệu quả kinh tế, trồng xen canh sen - lúa còn giúp giảm chi phí phân bón khi chuyển sang trồng lúa do tận dụng được nguồn phân bón đã sử dụng trong quá trình trồng sen. Với hiệu quả trồng sen rất thuyết phục của gia đình ông Dương nên nhiều bà con trong vùng đã đến tham quan tìm hiểu và đặt mua cây giống để thực hiện theo mô hình của ông. Đến nay, diện tích trồng sen lấy ngó ở huyện Tân Thạnh đã lên đến 550 ha, đây là một kết quả điển hình đáp ứng mục tiêu chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp và đem lại hiệu quả kinh tế cao của huyện Tân Thạnh.

NGUYỄN VĂN MINH CHÂU

TRỒNG SEN TRÊN ĐẤT BÃI BÒI GIẢI PHÁP TĂNG THU NHẬP CỦA NÔNG DÂN AN PHÚ

Mô hình trồng sen trên đất bãi bồi ngập nước đang là hướng đi mới, mang lại hiệu quả kinh tế cho bà con nông dân vùng đầu nguồn biên giới này. Nông dân chỉ tốn công chăm sóc ruộng sen một ngày trong tuần và chi phí mua sen giống ban đầu không quá cao.

Gia đình ông Nguyễn Văn Tấn, nông dân ấp Vĩnh Hội, xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú tỉnh An Giang đã thành công trong việc tận dụng đất bãi bồi để trồng sen lấy gương. Không có đất ruộng, trước đây ông Tấn chỉ canh tác các loại cây như dưa leo, bầu bí... trên mảnh đất bãi bồi 1.000m² phía sau nhà, nhưng do giá cả không ổn định nên thường xuyên bị lỗ, cuộc sống ngày càng khó khăn.

Năm 2012, ông quyết định xin phép chính quyền địa phương được cải tạo mảnh đất ngập nước đây lục bình phía sau nhà để trồng sen lấy gương. Vừa làm anh vừa học hỏi những người có kinh nghiệm từ các xã khác. Khởi nguồn ông trồng 3.000 m², đến nay diện tích trồng sen đã được nhân lên 7.000 m².

Ông Tấn cho biết: Trồng sen lấy gương trên đất bãi bồi rất đơn giản.

Sau khi lũ rút vào khoảng tháng 11 (âm lịch) là bắt đầu xuống giống. Cứ 1.000 m² cần 400 củ sen giống. Sau khi cấy xong, mỗi tuần bón trung bình 1kg Urê + 1kg DAP. Sau 2,5 tháng là sen cho thu hoạch rồi. Mỗi vụ sen kéo dài khoảng 4 đến 5 tháng. Kết thúc vụ, cắt bỏ hết phần lá trên mặt nước và bón phân cho sen ra lá mới và tiếp tục chăm sóc để thu hoạch vụ tiếp theo.

Mỗi năm, ruộng sen ông Tấn thu hoạch được 2 vụ. Sau khi trừ đi tất cả chi phí, còn lãi từ 5-6 triệu đồng/1.000 m²/vụ.

Ông Nguyễn Văn Phụng – Chủ tịch hội nông dân xã Vĩnh Hội Đông còn cho biết thêm: huyện An Phú có đường biên giới dài hơn 40 km giáp với Campuchia, là nơi tiếp nhận dòng chảy đầu tiên của sông MeKong từ Campuchia về Việt Nam qua 2 nhánh sông Tiền và sông Hậu. Do đó, vùng đất này chịu ảnh hưởng của mùa nước nổi kéo dài từ tháng 6 đến tháng 11 (âm lịch) hàng năm. Đối với các loại cây trồng khác, mùa này nông dân không sản xuất được, nhưng khi trồng sen thì





bà con lại rất an tâm. Mặc dù nước lũ dâng cao, sen bị ngập không thu hoạch được nhưng khi nước rút chỉ cần bón phân, chăm sóc bà con lại có một mùa vụ mới. Vì vậy, người dân nơi đây đã mạnh dạn mở rộng diện tích trồng sen. Đến năm 2014 diện tích trồng sen trên đất bãi bồi tại ấp Vĩnh Hội có trên 4 ha. Gương sen đa số được bán cho khách đến du lịch Châu Đốc và vùng Bảy núi.

Mô hình trồng sen nơi đây đang mang lại hiệu quả kinh tế góp phần giải quyết việc làm cho người dân. Ngành nông nghiệp huyện đang tiếp tục triển khai nhân rộng mô hình lên 345 ha diện tích đất bãi bồi trên toàn huyện và đang xây dựng kế hoạch sản xuất bền vững, liên kết các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm mang lại thu nhập ổn định cho nông dân.

ĐỖ DƯƠNG PHƯƠNG THÙY

*Trạm Khuyến nông An Phú, đường Bờ bắc kinh mới,
huyện An Phú, tỉnh An Giang*

PHÚ YÊN: LÀM GIÀU TỪ MÔ HÌNH TRỒNG MÍA ÁP DỤNG CƠ GIỚI HÓA

Bà con thôn Nhất Sơn, xã Hòa Hội, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên ai cũng biết gia đình anh Huỳnh Khắc Vũ, bởi anh là tấm gương sản xuất giỏi, ai cũng nể phục.

Anh Vũ sinh ra và lớn lên trong một gia đình thuần nông, đời sống gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với nghị lực vốn có và bản chất cần cù, ham tìm tòi sáng tạo, anh đã áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tế sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Anh Vũ đang hướng dẫn cách vận hành máy trồng mía cho bà con nông dân quanh vùng đến tham quan học tập



Anh Vũ đang hướng dẫn cách vận hành máy trồng mía cho bà con nông dân quanh vùng đến tham quan học tập



Máy bón phân tự động cho cây mía của gia đình anh Vũ

Được sự ủng hộ từ gia đình, anh đã ký hợp đồng cung ứng mía cho Nhà máy đường KCP Sơn Hòa, được nhà máy ưu đãi đầu tư vốn, hỗ trợ giống và bao tiêu sản phẩm. Năm 2002, anh tiếp tục vay 50 triệu đồng từ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT, cộng với số tiền tích lũy của gia đình, anh đã mở rộng diện tích trồng mía lên 82 ha. Để chủ động khâu làm đất, xuống giống kịp thời vụ, đảm bảo các công đoạn từ khi trồng đến khâu thu hoạch, gia đình anh đã đầu tư trên 2 tỷ đồng để mua 4 máy cày đại, 2 dàn máy trồng mía tự động, 1 máy bón phân, 1 máy đập mía, 1 xe tải và 1 trạm cân mía tại chỗ để phục vụ cho gia đình và bà con địa phương.

Nhờ biết áp dụng đúng kỹ thuật được tập huấn, tuân thủ lịch thời vụ gieo trồng, chọn các giống mía tốt cho năng suất cao, bón phân cân đối, trồng đảm bảo mật độ theo từng lô đất, ưu tiên bón phân hữu cơ để bảo

vệ đất không bạc màu nên sản lượng thu hoạch mía của gia đình anh luôn đạt cao. Đồng thời, nhờ chủ động được khâu vận chuyển mía khi thu hoạch nên tiết kiệm chi phí sản xuất. Với tổng diện tích trồng mía 82 ha, năng suất bình quân 75 tấn/ha, anh thu hoạch 6.150 tấn mía cây. Anh bán mía cho Nhà máy đường KCP Sơn Hòa với giá 900.000 đồng/tấn, thu được trên 5,5 tỷ đồng, thu lãi 1,45 tỷ đồng.

Ngoài thu nhập chính từ cây mía, gia đình anh còn thu được gần 70 triệu đồng/năm từ diện tích 10 ha trồng cây sắn; 450 triệu đồng/năm từ các khoản dịch vụ vận tải mía, cày đất trồng mía cho bà con quanh vùng. Tổng thu nhập bình quân (sau khi trừ chi phí) đạt 1,9 tỷ đồng/năm.

Thành công trong việc phát triển kinh tế gia đình nên anh luôn sẵn sàng chia sẻ, truyền đạt kinh nghiệm làm ăn cho các hội viên nông dân trên địa bàn xã, đồng thời hướng dẫn tạo công ăn, việc làm thường xuyên cho 30 lao động với mức thu nhập bình quân 2,5 triệu đồng/người/tháng. Anh cũng giúp đỡ 3 hộ nghèo làm ăn với số vốn 75 triệu đồng không tính lãi. Gia đình anh luôn chấp hành tốt các chủ trương chính sách, pháp luật của nhà nước, tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo, đóng góp làm đường nông thôn với số tiền 15 triệu đồng/năm.

Với những thành tích đó, gia đình anh Huỳnh Khắc Vũ đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên tặng Bằng khen; Hội Nông dân tỉnh xét công nhận là hộ sản xuất giỏi.

LÊ HỮU PHÚC

Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Phú Yên



THÁI NGUYÊN: LÀM GIÀU NHỜ ÁP DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT VÀO SẢN XUẤT CHÈ

Son Phú là một trong những xã phát triển trồng chè của huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Trước đây, kỹ thuật canh tác lạc hậu, các giống chè cũ được trồng bằng hạt vài chục năm qua đã già cỗi, việc thu hái, chế biến các sản phẩm chè của người dân còn mang tính thủ công, thô sơ nên năng suất chè thấp, chất lượng kém. Một trong những nông dân điển hình tiên phong thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất chè để làm giàu trên chính mảnh đất Son Phú là ông Nguyễn Tiến Hành, ở xóm Sơn Thắng.

Sau khi tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật sản xuất chè của Trung tâm Khuyến nông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Nguyên, được tham quan các mô hình sản xuất chè giống mới trong tỉnh, ông Hành quyết tâm chuyển đổi vườn chè giống cũ của gia đình bằng các giống chè mới cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Năm 2000, ông Hành trồng thay thế 3 sào chè cũ bằng giống chè PH1, ngay từ những năm đầu thu hoạch đã thấy hiệu quả kinh tế hơn hẳn giống chè Trung Du trước đây. Đến năm 2005, ông tiếp tục thay thế hơn 7 sào chè bằng giống LDP1 và TRI 777. Các giống chè mới trồng bằng phương pháp giâm cành cho độ thuần cao, sau vài năm đã bắt đầu cho thu hoạch, năng suất chè cao gấp 2 lần chè giống cũ, giá bán chè cành cao hơn 1,5 - 2 lần, từ đó thu nhập của gia đình cũng được cải thiện hơn.



Trước đây việc thu hái, chế biến chè còn thủ công, không những tốn rất nhiều thời gian, công lao động mà còn ảnh hưởng đến chất lượng chè thành phẩm. Năm 2006, ông Hành tham gia mô hình chế biến chè an toàn do Trung tâm Khuyến nông

Ông Nguyễn Tiến Hành đang trình diễn máy hái chè

Quốc gia hỗ trợ và được tiếp nhận một bộ máy gồm tôn quay inox, máy vò chè, mô tơ điện... Ông cho biết, ứng dụng việc sao, sấy chè bằng máy giảm được khoảng 30% sức lao động, sản phẩm chè đạt chất lượng cao.

Năm 2011, ông Nguyễn Tiến Hành tham gia dự án xây dựng mô hình Tổ hợp tác và áp dụng cơ giới hoá tổng hợp trong sản xuất chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên do Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Thái Nguyên thực hiện. Ông được bầu là tổ trưởng Tổ hợp tác cơ giới hóa sản xuất chè gồm 12 tổ viên là các hộ sản xuất chè tại xã Sơn Phú, huyện Định Hóa. Sau khi được tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật, tổ hợp tác được nhà nước hỗ trợ 75% tiền mua một tổ hợp thiết bị sản xuất với số lượng 6 máy hái chè đơn AM110EB/28EZ Ochiai, 2 máy đồn chè đơn E7H - 750 Ochiai, 4 máy phun thuốc F768-TB26 Kawashima.

Ông Hành cho biết, với hơn 1 mẫu chè giống mới (3.600 m²); trước đây hái thủ công mỗi lứa phải thuê hết hơn 3 triệu đồng, nếu 10 người hái thủ công cũng phải hết 5 ngày; vào những tháng cao điểm chính vụ thu hoạch chè việc thuê người hái gặp rất nhiều khó khăn. Từ khi được tham gia mô hình, sử dụng máy hái chè với 2 nhân công chỉ mất 16 - 20 tiếng (khoảng 2 ngày) đã hái hết số chè của gia đình; tiêu hao rất ít nhiên liệu, khoảng 0,6 – 0,7 lít xăng/4 giờ chạy máy, chi phí phải trả 1,5 – 1,7 triệu đồng/mẫu chè.

Qua 3 năm hoạt động, tổ hợp tác cơ giới hóa đã tạo được uy tín với người làm chè trong vùng; các tổ viên thường xuyên trao đổi công và làm dịch vụ đồn, hái chè, phun thuốc trừ sâu cho bà con trong vùng.

Qua các lớp tập huấn, các mô hình, dự án khuyến nông ông Nguyễn Tiến Hành đã mạnh dạn áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào thâm canh chè mang lại hiệu quả cao. Mỗi năm ông thu hoạch trên 1 tấn chè búp khô/ hơn một mẫu, cùng với làm dịch vụ hái chè trừ các khoản chi phí ông thu lãi trên 120 triệu đồng. Mô hình đã thu hút nhiều hộ làm chè tham gia, góp phần làm thay đổi tập quán sản xuất chè của người dân địa phương. Trước đây, cây chè góp phần xóa đói, giảm nghèo, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân; giờ đây cây chè đã là cây làm giàu của gia đình ông Hành nói riêng, cho người làm chè nói chung.

DUYỆT TRUNG KIẾN

Trung tâm Khuyến nông Thái Nguyên



QUẢNG NGÃI: THU TIỀN TỶ MỖI NĂM TỪ TRỒNG TIÊU LEO THÂN CÂY BẢN ĐỊA

Đó là cách làm của anh Lê Tuấn Phát với rừng cây bản địa cho tiêu leo thân tại núi Vom, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Với 3,6 ha đất đồi đá lộ thiên, năm 2001, anh trồng 3.000 cây bản địa như: sao đen, dầu rái, muồng đen và xoài (cây ăn trái). Khi cây được 8 tuổi, anh bắt đầu cho trồng cây tiêu leo thân cây bản địa. Cả 2 hỗ trợ nhau cùng sinh trưởng và phát triển tốt hơn. Dự kiến sau 4 năm nữa, khi cây tiêu ổn định cho trái sẽ thu về từ 1,5-2 tỷ đồng/năm.

Chúng tôi đến thăm rừng cây của anh Phát vào một ngày đầu đông, lúc này cây bản địa đang trâm mình, lặng im qua mùa mưa bão nhưng cây tiêu lại rạo rực đơm hoa, kết trái. Anh cho biết, tại Quảng Ngãi, tiêu ra hoa vào tháng 9-10 và mãi đến tháng 5-6 năm sau mới thu hoạch. Anh cho biết những năm đầu, rừng cây bản địa trồng xen cây keo phụ trợ che bóng, sau 5 năm thu hoạch cây phụ trợ để cây chính sinh trưởng.



Một góc rừng cây tiêu leo thân cây bản địa tại núi Vom của anh Phát

Khi cây bản địa được 8 tuổi có đường kính ngang ngực bình quân 12-14 cm, chiều cao 8 - 10 m thì tiến hành trồng cây tiêu cho leo bám thân. Từ 400 gốc tiêu trồng năm 2009, chăm sóc và tự nhân giống, mỗi năm trồng thêm một ít, đến nay vườn tiêu đã hoàn thành (mỗi gốc 2 dây). Anh chia sẻ phải là giống tiêu Vĩnh Linh mới chống chịu được với thời tiết khắc nghiệt ở nơi đây. Hàng năm chăm sóc dây cỏ, bón phân, tằm gốc cho tiêu 2 lần, khó khăn nhất vẫn là nước tưới, vào mùa nắng cứ 3 ngày tưới nước 1 lần.

Sau trồng 3 năm, tiêu bắt đầu cho hoa nhưng anh cắt bỏ, để tạo tán và lấy dây nhân giống, khi tiêu được 5 tuổi mới thu hoạch. Tháng 6 vừa rồi, anh đã thu hoạch 400 gốc (5 tuổi) được 1.200 kg tiêu khô, với giá 200.000 đồng/kg, thu về 240 triệu đồng. Tiêu hái được bao nhiêu tư thương đến tận nhà mua hết bấy nhiêu. Anh hồ hởi cho biết: Vườn tiêu của anh sinh trưởng tốt, đến nay chưa hề bị sâu, bệnh, đất lại nhiều mùn nhất là vùng cây muồng đen, do giun sinh trưởng mạnh, đất tốt nên tiêu phát triển mạnh hơn.

Ngoài việc nhân giống để trồng cho gia đình, anh còn cung ứng giống cho những người dân trong địa phương và vùng lân cận. Nhằm giúp đỡ những người nghèo bớt phần nào khó khăn trong sản xuất, anh bán cây giống rẻ hơn giá thị trường 5.000 đồng/bầu cây và gieo ươm cây muồng đen hỗ trợ kèm theo để bà con làm trụ. Ngoài ra, anh còn tận tình hướng dẫn, chia sẻ cùng bà con kỹ thuật, kinh nghiệm trồng tiêu. Theo anh, nếu nhiều người cùng làm, hỗ trợ nhau trong sản xuất, cùng nhau bảo vệ và tạo ra nhiều sản phẩm, trở thành hàng hóa thì cơ hội mua bán càng tốt hơn. Theo ông Nguyễn Tấn Vỹ, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông huyện Mộ Đức “Mô hình rừng cây bản địa cho tiêu leo thân là mô hình hiệu quả cả về kinh tế, xã hội và môi trường, cần nhân rộng trên những vùng thích hợp để phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tạo ra nhiều sản phẩm, tăng thu nhập cho gia đình”.

Với sự nhiệt tình, chịu khó, biết tìm tòi cái mới, áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, anh Phát đã tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị, tăng thu nhập cho gia đình. Năm 2014, anh Phát được vinh danh là “Nông dân sản xuất giỏi cấp tỉnh”.

LAN HƯƠNG

Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Quảng Ngãi



HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH GHÉP CẢI TẠO CÀ PHÊ

Cà phê là loại cây trồng được nhiều nông dân tỉnh Bình Phước nói chung, nông dân huyện Bù Gia Mập nói riêng lựa chọn để phát triển kinh tế gia đình bởi nó thích hợp với điều kiện khí hậu, đất đai nơi đây. Tuy nhiên, việc chăm sóc để cây cho năng suất cao, phẩm chất tốt là vấn đề khiến bà con nông dân luôn trăn trở. Mặc dù đã áp dụng nhiều biện pháp kỹ thuật tiên tiến nhưng năng suất cà phê của huyện vẫn còn thấp, trung bình chỉ đạt khoảng 2 tấn/ha. Vấn đề khó khăn này đã được ông Nguyễn Đức Điền, ở thôn 2, xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tìm ra cách giải quyết.

Đến thăm gia đình ông Nguyễn Đức Điền, tôi cảm nhận được tinh thần hăng say lao động của người đàn ông đã ngoài tuổi 50. Dưới cái nắng gay gắt của miền đất đỏ, ông vẫn chăm chút cho khu rẫy của gia





đình. Những giọt mồ hôi lăn dài trên khuôn mặt gây guộc thể hiện rõ tinh thần lao động của ông. Luôn nở nụ cười, ông nói “Cây cà phê đòi hỏi kỹ lắm, phải bỏ công chăm sóc nó thì mới có thu hoạch”.

Dẫn tôi đi thăm vườn cà phê của gia đình, ông tâm sự, cây cà phê được gia đình ông trồng xen trong vườn điều trên diện tích 2,5 ha, từ năm 2003. Ban đầu chưa có kinh nghiệm, gia đình ông mua giống không rõ nguồn gốc nên cây hay bị bệnh, nhất là bệnh rỉ sắt và đốm mắt cua. Vườn cà phê thường xuyên phải phun thuốc phòng trừ sâu bệnh. Dù đã được đầu tư chăm sóc nhưng năng suất cà phê thấp, chỉ đạt khoảng 2 tấn/ha, sau khi trừ chi phí thì lợi nhuận thu được chỉ đủ trang trải cuộc sống, không dư giả bao nhiêu. Nhiều lúc ông đã nghĩ tới việc phải thay thế loại cây trồng khác để cải thiện cuộc sống gia đình. Đang trong lúc bế tắc thì ông được thông tin, Trạm Khuyến nông Bù Gia Mập



có triển khai mô hình ghép cải tạo vườn cà phê năng suất thấp và như một sự sắp đặt ông đã được Trạm hỗ trợ để làm mô hình.

Năm 2010, vườn cà phê với diện tích gần 1 ha trồng thuần của gia đình ông được cưa đốn để ghép cải tạo 0,4 ha bằng giống TD4, TD5, TD9 của Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên. Sau khi ghép, mầm ghép phát triển tốt, mập mạp, khỏe mạnh. Sau 1 năm, cây đã cho thu hoạch, bói đến năm thứ 3 thì cho năng suất ổn định. Cà phê ghép có ưu điểm hơn cà phê già là khoảng cách giữa các chùm quả dày, hạt to, đều, trong khi cây cà phê già hạt không đều nên khó rang, dễ bị dập nát. Đến nay, với 0,4 ha cà phê ghép cho năng suất ổn định trên 2 tấn/ha, trong khi 0,6 ha cà phê già thì năng suất chỉ đạt trên 1 tấn/ha. Với giá bán thấp như năm 2013 là 35.000 đồng/kg, sau khi trừ chi phí, vườn cà phê của gia đình ông vẫn thu lời trên 85 triệu đồng. Nhận thấy hiệu quả của cách làm này, ông nói sẽ ghép cải tạo dần 0,6 ha cà phê già còn lại để nâng cao hiệu quả kinh tế.

Cây cà phê ghép năm đầu tiên vẫn xuất hiện bệnh nhưng những năm về sau thì bệnh ít dần nên đỡ tốn chi phí phun thuốc trị bệnh. Tùy vào năng suất thu hoạch mà ông bón thêm phân để bù lại năng suất đã mất đi, giúp cây cà phê không bị kiệt sức. Gia đình ông thường dùng loại phân NPK 16:16:8 vào đầu mùa mưa, phân NPK 20:20:15 vào giữa mùa mưa. Nếu vụ nào cây cho trái nhiều thì cần bón thêm Kali và phân bón lá để bổ sung vi lượng cho cây. Đặc biệt, với vườn cà phê kinh doanh, gia đình ông luôn bón thêm phân hữu cơ Tritromix vào 2 đợt đầu và giữa mùa mưa với lượng khoảng 2 tấn/ha. Phân hữu cơ sẽ giúp cải tạo đất, giúp cây hấp thu dinh dưỡng tốt hơn.

Sử dụng biện pháp ghép cải tạo làm trẻ hóa cây cà phê là một biện pháp kỹ thuật đơn giản, vừa tiết kiệm chi phí sản xuất, vừa nâng cao hiệu quả canh tác. Thiết nghĩ bà con nên học hỏi để áp dụng biện pháp trên cho vườn cà phê già, năng suất thấp nhằm cải thiện năng suất.

VŨ HƯỜNG

Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư Bình Phước

BÌNH PHƯỚC: HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH TRỒNG CÂY CA CAO DƯỚI TÁN CÂY ĐIỀU

Có mặt tại vườn của ông Nguyễn Văn Bớt, ấp 5, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, chúng tôi không khỏi ngạc nhiên khi thấy cây ca cao xanh tốt, nhiều bông (hoa), trái (quả) dưới vườn điều 15 năm tuổi. Ông Bớt cho biết, từ đầu năm 2007, trên địa bàn tỉnh nổi lên phong trào trồng cây ca cao dưới tán cây điều. Được sự giúp đỡ, tư vấn kỹ thuật của Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư Bình Phước, ông mạnh dạn đầu tư 18 triệu đồng trồng 1 ha ca cao (khoảng 600 cây) xen canh dưới vườn điều với khoảng cách hàng cách hàng là 3x3 m.





Nhờ chăm sóc tốt, sau 18 tháng, cây ca cao bắt đầu cho thu hoạch, tuy nhiên bước sang năm thứ 3, cây mới cho thu hoạch trái ổn định từ 10 - 12 kg hạt tươi/cây (tương đương 1 kg hạt khô/cây).

Ông chia sẻ, hiện tại với diện tích 3,5 ha, ông trồng khoảng 2.000 cây ca cao xen dưới tán cây điều 7 năm tuổi, năng suất bình quân của cây ca cao trồng xen trong vườn điều đạt khoảng 1,7 tấn hạt khô/ha/năm. Như vậy, 1 năm ông thu 2 tấn điều khô khoảng 50 triệu đồng, 1,7 tấn ca cao khoảng 110 triệu đồng, tổng thu nhập là 160 triệu đồng/ha/năm, trừ tất cả chi phí, còn lãi trên 100 triệu đồng/ha.

Là một trong những người đầu tiên áp dụng thành công mô hình trồng cây ca cao dưới tán điều ở tỉnh Bình Phước, ông Bớt cho biết ưu điểm lớn nhất của mô hình trồng cây ca cao xen canh dưới tán điều là tận dụng được quỹ đất. Tuy nhiên để cây ca cao sinh trưởng và phát triển tốt thì phải tỉa bớt cành điều, để khoảng 50% ánh sáng lọt vào cây ca cao. Để tiết kiệm chi phí đầu tư, trung bình khoảng 3 tháng, ông bón phân NPK một lần. Đối với cây ca cao, lượng phân bón phù hợp là 0,3 kg NPK/gốc. Tuy nhiên trong quá trình trồng nếu thấy cây ca cao kém phát triển thì cũng cần tăng cường thêm phân bón để cây phát triển đồng đều.

Với diện tích vườn điều ở Bình Phước khoảng 150.000 ha, điều kiện khí hậu thổ nhưỡng phù hợp cho cây ca cao phát triển, hiệu quả kinh tế của ca cao xen điều cao gấp 3 lần trồng chuyên điều, vì vậy việc trồng thâm canh cây ca cao xen điều tại Bình Phước giúp khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất, tạo thêm việc làm, nâng cao đời sống cho người dân, góp phần giảm hộ nghèo ở nông thôn, đồng thời từng bước phát triển mở rộng thành vùng nguyên liệu phục vụ cho chế biến xuất khẩu ca cao.

NGUYỄN TRƯỜNG SƠN

Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư Bình Phước

PHÚ YÊN: THOÁT NGHÈO TỪ TRỒNG PHONG LAN

Người xưa có câu “Vua chơi lan, quan chơi trà” bởi phong lan được xem là hoàng hậu của các loài hoa với vẻ đẹp quý phái, hương thơm quyến rũ. Với niềm yêu thích hoa phong lan từ nhỏ, anh Lê Văn Trung, 35 tuổi ở thôn Suối Phần, xã Hòa Mỹ Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên đã mang lại cho gia đình anh nguồn thu nhập ổn định. Không chỉ vậy, loài hoa này còn giúp cho gia đình anh Trung vươn lên thoát nghèo.

Anh Trung dẫn tôi dạo một vòng quanh khu vườn rộng khoảng 500m² với trên 100 loại hoa phong lan. Anh Trung cho biết, các loại phong lan đều được tự tay anh trồng và chăm sóc cẩn thận. Cơ duyên đưa anh đến với nghề trồng lan là do kinh tế gia đình quá khó khăn, sau khi tìm hiểu cơ cấu cây trồng và thị trường ở địa phương, anh quyết định đầu tư trồng loại hoa đặc trưng của núi rừng này.





Thời gian đầu, do chưa có kinh nghiệm chăm sóc nên anh bị thiệt hại không nhỏ. Vừa học hỏi, anh vừa rút kinh nghiệm sau những lần thất bại nên khi có giống mới nhập về, anh thường mãi mê tìm ra cách chăm sóc thích hợp thì mới yên tâm. Hiện nay, vườn lan của anh có khoảng gần 1.000 giò lan với hơn 100 loài khác nhau, trong đó có nhiều giống đặc biệt quý hiếm như đại châu, hoàng hậu, phi điệp vàng, giả hạt, thủy tiên, thập hoa vẩy rồng, phi điệp tím, quế lan, hồ điệp, trầm tím, long tu... Bốn mùa đều có hoa nở, hương thơm ngào ngạt, màu sắc tươi thắm Các loài hoa thường nở vào tháng 1, tháng 2, có loại kéo dài tới 4 tháng.

Ngoài việc thường xuyên sưu tầm các giống lan quý, gần đây, anh còn tự nhân giống, trồng thử nghiệm thành công hoa phong lan trong chậu mùn cưa, vỏ thông, vỏ dừa miếng, dớn cọng, các loại gỗ mục thích hợp... Theo anh Trung: Trồng lan rất vất vả nên phải có niềm đam mê, tỉ mỉ, chịu khó, ngoài ra còn phải hiểu rõ tập tính của từng loài. Phong lan ưa gió và ẩm vì vậy phải treo ở nơi thoáng mát, sạch sẽ, nhiệt độ dưới 30°C và độ ẩm không khí 60-70°C. Chọn những mảnh gỗ tốt để làm chỗ bám vững chắc, đồng thời hạn chế nấm bệnh. Trồng lan cũng phải chú ý phòng trừ các loại sâu bệnh thường gặp như: Sâu đục thân, sâu cuốn lá và nấm. Đặc biệt, mùa mưa chính là điều kiện thuận lợi cho sâu bệnh phát triển nên cần có chế độ chăm sóc đặc biệt và phòng trừ sâu bệnh kịp thời.

Người yêu lan đến vườn nhà anh quanh năm vừa tham quan, học hỏi kinh nghiệm. Khách hàng ở các tỉnh Khánh Hòa, Đà Lạt, Quảng Ngãi và TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên... đến đặt hàng mua với số lượng nhiều, đặc biệt vào dịp lễ, tết. Dần dần hoa phong lan của anh cũng đã trở thành thương hiệu nổi tiếng. Anh Trung rất phấn khởi khi hoa của mình được nhiều người tiêu dùng ưa chuộng, đây cũng là niềm vui, là sự động viên, khích lệ đối với người trồng phong lan. Với tình yêu và lòng tâm huyết, thời gian tới, anh Trung sẽ tiếp tục đầu tư, mở rộng diện tích và phát triển thị trường tiêu thụ. Hiện nay, khách hàng ở nhiều nơi đến đặt mua phong lan, nên việc nhân giống không đủ bán. Các loài hoa lan do anh nhân giống, chăm sóc có giá bán từ 600.000 đồng - 1.000.000 đồng/giò, thậm chí nhiều giò lan quý lên tới vài triệu



đồng/giỏ. Chính vì vậy thu nhập của gia đình anh mỗi năm khoảng 150 triệu đồng. Từ tình yêu với phong lan, anh Trung luôn tâm niệm: Nghề nào nghiệp ấy, mình có tận tâm với nghề, yêu cây cùng với cách chăm sóc khoa học, đúng kỹ thuật thì mới thành công và có được kết quả như mong đợi.

Mô hình trồng phong lan của anh Lê Văn Trung không chỉ thỏa mãn sở thích chiêm ngưỡng vẻ đẹp diệu kỳ của loài hoa này, mà còn mang lại lợi ích kinh tế cao góp phần bảo vệ những loại lan rừng quý hiếm trong tự nhiên. Đây cũng là nghề mang đến nguồn thu nhập khá cho người dân vùng nông thôn.

TRẦN NGUYỄN LÂM VIÊN

Trạm Khuyến nông-Khuyến ngư huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên



CHÂN DUNG NGƯỜI NÔNG DÂN DÁM NGHĨ DÁM LÀM TẠI TP. HỒ CHÍ MINH



Trở lại Thái Mỹ (huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh) vào những ngày tháng tư lịch sử gọi cho chúng ta ký ức của những năm tháng hào hùng trên vùng đất này. Trong chiến tranh, quân và dân Thái Mỹ đã lập nên chiến tích “anh hùng trong kháng chiến chống Mỹ”, góp phần vào công cuộc giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Đến thời kỳ đổi mới xây dựng đất nước, Thái Mỹ cũng đạt danh hiệu “anh hùng trong lao động sản xuất”. Ngày nay trên bước đường xây dựng nông thôn mới, Thái Mỹ lại được thành phố chọn làm xã thí điểm xây dựng nông thôn mới và đã đạt 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới, bước đầu xây dựng thành công nông thôn mới trên địa bàn huyện Củ Chi. Trong mỗi giai đoạn lịch sử ấy, Thái Mỹ luôn có những con người dám nghĩ, dám làm tạo nên những dấu ấn đẹp cho quê hương, một trong những con người chúng tôi muốn nói đến đó là ông Trần Văn Thà, sinh năm 1962, ngụ tại ấp Mỹ Khánh B, xã Thái Mỹ.

Từ tình lộ 7 rẽ vào nhà ông Thà, điều đầu tiên đập vào mắt chúng ta là khuôn viên vườn lan Mokara rộng khoảng 1.500m² với nhiều màu sắc sỡ như đang khoe mình với khách. Ông chủ vườn lan tâm sự, năm 1983, ông nhập ngũ trở thành người lính cụ Hồ và được cử sang chiến trường K giúp nước bạn. Sau 3 năm phục vụ trong quân ngũ, ông trở về địa phương tiếp tục gắn bó với nghề nông. Hai vợ chồng làm việc

cật lực “đầu tắt, mặt tối”, “mệt nắng, hai sương” quyết vươn lên làm giàu, thế nhưng thu nhập cũng chỉ vừa đủ trang trải cho cuộc sống gia đình. Năm 2003, địa phương có chính sách cho bộ đội xuất ngũ đi lao động hợp tác tại Hàn Quốc. Trong 8 năm làm việc tại nước bạn, trở về nước với số vốn tích lũy gần 800 triệu đồng, trong lúc đang băn khoăn tìm hướng kinh doanh hiệu quả thì ông được Hội Nông dân xã Thái Mỹ mời dự lớp tập huấn “Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây lan cắt cành” do Trạm Khuyến nông Củ Chi tổ chức. Qua lớp tập huấn, ông được biết nghề trồng lan đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn nhiều so với các loại cây trồng khác. Như người khát nước gặp dòng suối mát, ông tìm đến Trạm Khuyến nông nhờ tư vấn thêm về cây lan. Được cán bộ trạm tận tình hướng dẫn kỹ thuật trồng lan, tư vấn địa chỉ các vườn lan hiệu quả để đến tham quan học tập, hai vợ chồng ông đã lặn lội hết vườn này đến vườn khác học cách trồng cây lan. Sau đó, ông quyết định cải tạo đồng ruộng để chuyển 1.000m² đất trồng lúa sang trồng lan. Được Trạm Khuyến nông hỗ trợ 700 cây giống, ông đầu tư thêm 4.300 cây, xây dựng được vườn lan 1.000m² với 5.000 cây giống. Bước đầu trồng lan gặp rất nhiều khó khăn nhất là khâu chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại, nhưng nhờ sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật khuyến nông và những người trồng lan có kinh nghiệm, ông dần dần nắm bắt được kỹ thuật chăm sóc giúp cây sinh trưởng phát triển tốt, cho nhiều bông (hoa). Sau một năm trồng, vườn lan bắt đầu cho bông bói, đến năm thứ 2 thì đưa vào khai thác, mỗi năm thu bình quân 48.000 cành với giá bán khoảng 6.000 đồng/cành, ông thu về 288 triệu đồng, trừ chi phí, còn lãi 240 triệu đồng.

Năm 2012, gia đình ông được Trạm Khuyến nông hỗ trợ hệ thống tưới phun bán tự động theo phương thức nhà nước 50%, gia đình ông góp 50% giá trị hệ thống. Đây là công nghệ tiên tiến vừa tiết kiệm nước, vừa tiết kiệm công lao động, lại giúp cây lan sinh trưởng phát triển tốt. Ước tính mỗi năm, gia đình ông tiết kiệm được 20 triệu tiền thuê nhân công tưới lan, hơn 30% lượng nước tưới, điều quan trọng là giảm được 25% giá thành sản xuất một cành lan, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đến nay diện tích vườn lan của gia đình ông đã lên đến 1.500 m² với 7.000 cây. Dự kiến trong tương lai sẽ phát triển thêm 3.000 m².

Với những thành quả đã đạt được, gia đình ông được coi là một tấm gương điển hình của vùng đất thép trong thời kỳ mới.

Trạm Khuyến nông huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh



LÂM ĐỒNG: KHỞI SẮC NGHỀ TRỒNG HOA TẠI HUYỆN LÂM HÀ

Từ một huyện gần như độc canh cây cà phê, nay huyện Lâm Hà đã có nhiều chính sách đề khuyến khích người nông dân đa dạng hóa các loại cây trồng, từng bước giúp người nông dân tăng hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích, trong đó nghề trồng hoa theo hướng công nghệ cao đã được người nông dân Lâm Hà quan tâm.

Năm 2010, huyện Lâm Hà quy hoạch thành các vùng trồng rau, hoa công nghệ cao và có chính sách khuyến khích một số xã giáp thành phố Đà Lạt chuyển đổi cơ cấu cây trồng, từ một huyện chuyên trồng cà phê chuyển đổi một số diện tích sang trồng rau, hoa và được người nông dân nhiệt tình ủng hộ.

Với ưu thế phát triển sản xuất nông nghiệp ở một số xã như Mê Linh, xã Đông Thanh, Nam Hà và thị trấn Nam Ban là những xã giáp ranh với Đà Lạt, có điều kiện về khí hậu, đất đai tương đối thuận lợi với nghề trồng hoa. Năm 2010, phòng Nông nghiệp huyện Lâm Hà xây dựng 3 mô hình trồng hoa với diện tích 1,5 ha nhà kính cùng với 6 ha nhà lưới tại thị trấn Nam Ban. Ngoài ra, hàng năm UBND huyện cũng trích ngân sách địa phương hàng trăm triệu đồng mỗi năm để hỗ trợ nông dân trồng hoa công nghệ cao trong nhà lưới, nhà kính, đây là điều kiện thuận lợi giúp nông dân địa phương bắt đầu tiếp cận với nghề trồng hoa. Ban đầu bà con chuyển đổi một phần diện tích trồng cà phê sang trồng hoa và thành công ngoài mong đợi. Một phần là do đất trồng mới nên hoa phát triển thuận lợi, màu sắc hoa tươi và đẹp không kém các vùng trồng hoa của Đà Lạt. Từ một vài sào hoa trồng thử nghiệm ban đầu, đến nay toàn huyện đã có 47,2 ha trồng hoa các loại, trong đó diện tích trồng hoa đồng tiền chiếm đa số. Đa số diện tích trồng hoa trên địa bàn đều áp dụng công nghệ tương tự như cách trồng hoa tại Đà Lạt. Các hộ dân nơi đây, khi có kế hoạch chuyển đổi sang nghề trồng hoa đã bỏ thời gian để tìm hiểu, học hỏi kỹ thuật, đầu tư làm nhà kính, hệ thống tưới để trồng hoa.

Nguồn thu nhập từ nghề trồng hoa cao, ổn định và cho thu nhập quanh năm, giải quyết được nhiều công lao động nhân rồi tại địa phương, so với trồng cà phê thì nghề trồng hoa đã thay đổi cách nghĩ, cách làm của người dân. Theo anh Đào Văn Tụ ở thôn Từ Liêm 4, thị trấn Nam Ban cho biết: Anh mới tham gia trồng hoa từ tháng 3 năm 2014 với tổng diện tích 1 ha. Từ trước tới nay, anh trồng độc canh cây cà phê. Từ khi chuyển sang trồng hoa, chỉ với diện tích 1000m² chăm chú với giá bình quân 1.200 đồng/cành thì trừ hết chi phí đầu tư (khấu hao tài sản, vật tư phân bón, công

lao động) anh cũng thu được lợi nhuận gần 100 triệu đồng. Anh còn cho biết thêm, từ khi trồng hoa, thời gian rảnh rỗi ít hơn, tuy nhiên thời gian tắt bật như vụ mùa thu hái cà phê cũng không còn, mà thời gian sẽ rải đều ra toàn vụ.

Còn anh Nguyễn Văn Tuy ở thôn Đông Anh 4, thị trấn Nam Ban cũng là một trong những hộ trồng hoa đầu tiên tại đây cho biết: “Trước kia trồng cà phê thì nguồn thu nhập của gia đình không ổn định vì giá cả năm được năm mất. Từ năm 2011, tôi chuyển 2.000m² đất trồng cà phê sang trồng hoa đồng tiền, vì thế thu nhập của gia đình ổn định hơn, mỗi tháng từ vườn hoa đồng tiền cho gia đình anh thu nhập 15 – 20 triệu đồng (đã trừ chi phí đầu tư và công lao động). Năm 2014 anh mở rộng thêm 1.000m² để tiếp tục trồng hoa”.

Tuy nhiên, do nghề trồng hoa của huyện Lâm Hà vẫn còn là một nghề mới mẻ đối với người nông dân nên việc trồng, chăm sóc còn gặp nhiều khó khăn, đa số bà con nông dân rất ít kinh nghiệm trong việc áp dụng quy trình kỹ thuật vào sản xuất, nhất là trong quản lý sâu bệnh hại trên các loại hoa. Một số nông dân trồng hoa tại thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà cho biết thêm: “Chúng tôi cứ trồng và khi nào cây bị bệnh thì chúng tôi đi hỏi thăm những người đi trước. Ai chỉ xử lý như thế nào và phun loại thuốc gì là chúng tôi cũng áp dụng thử, từ những bài học đó, chúng tôi rút ra kinh nghiệm thực tế trong sản xuất, đến nay chúng tôi cũng đã có chút kinh nghiệm của bản thân trong sản xuất hoa... Tuy nhiên, chúng tôi cũng rất mong các cơ quan chuyên môn trong huyện và tỉnh quan tâm hơn nữa tới người dân, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật trồng, chăm sóc các loại hoa để giúp nghề trồng hoa của huyện Lâm Hà ngày một khởi sắc...”.

Hiện tại sản phẩm hoa sản xuất ra tại Lâm Hà đang được tiêu thụ thông qua thị trường của Tp. Đà Lạt, do đó để nghề trồng hoa của Lâm Hà khởi sắc và cho thu nhập ổn định thì ngành nông nghiệp Lâm Hà phải giúp nhà nông tìm được thị trường ổn định cho việc tiêu thụ sản phẩm hoa - nhất là với hoa cắt cành.



THANH PHƯƠNG - BÙI HẰNG
Trung tâm Khuyến nông Lâm Đồng



QUẢNG TRỊ: THOÁT NGHÈO NHỜ TRỒNG HOA CÚC

Lập nghiệp từ 2 bàn tay trắng nhưng với đức tính kiên trì, chịu khó, không ngừng học hỏi, gia đình anh Nguyễn Văn Sỹ và chị Phan Thị Duyên ở thôn Xuân Lộc, xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị đã thoát nghèo và từng bước vươn lên làm giàu bằng nghề trồng hoa cúc trên chính mảnh đất của gia đình.

Theo chân anh Trần Thiên Văn - Trạm trưởng Trạm Khuyến nông Khuyến ngư huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị chúng tôi đến thăm mô hình trồng hoa cúc của gia đình anh Nguyễn Văn Sỹ. Đứng giữa những luống hoa cúc vàng đang nở rộ, xung quanh đó là những luống hoa khác với độ cao thấp khác nhau; có luống hoa giống được che ni lon đen và nhiều luống đang được làm đất mới thấy quá trình lao động rất công phu và kiên trì của gia đình anh.

Cơ duyên về nghề trồng hoa cúc đến với anh trong một chuyến vào thăm bạn tại Huế, thấy mô hình trồng hoa cúc của nhà bạn phát triển rất tốt, mang lại thu nhập ổn định, nhận thấy đây là mô hình phù hợp với điều kiện đất đai của gia đình, anh đã bàn với vợ khăn gói vào Huế học hỏi kinh nghiệm trồng hoa cúc. Nhờ đức tính cần cù chịu khó cộng với sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của người bạn, đến nay anh đã có 2 vườn trồng hoa cúc với diện tích hơn 200 m²/vườn, được thiết kế lắp đặt đầy đủ hệ thống ống nước, máy bơm, đường điện, giàn, mái che.



Anh Sỹ, chị Duyên đang chăm sóc vườn hoa cúc của gia đình

Anh chia sẻ, cây giống hoa cúc được đưa từ Đà Lạt về với giá 200 đồng/cây, cây giống được ươm khoảng 10 - 15 ngày cho bén rễ, thích nghi với điều kiện thời tiết khí hậu của địa phương, sau đó được đưa ra trồng với mật độ 25 cây/m². Hiện nay mỗi tháng anh trồng hơn 4.000 cây hoa cúc, theo phương pháp trồng gối vụ, cứ 10 - 15 ngày là trồng từ 2 - 4 luống, với 400 - 500 cây/luống. Cả khu vườn của gia đình anh cứ gối, đan xen để đất có thời gian nghỉ, tránh sâu bệnh. Hoa được trồng gối vụ và thu theo dạng cuốn chiếu nên tháng nào cũng có hoa để bán, đồng thời tận dụng được hết diện tích vườn vừa hạn chế cỏ dại và sâu bệnh. Theo anh Sỹ, cây hoa cúc nếu được chăm sóc tốt thì cây sẽ lên cao, to, cho nhiều bông, tuy nhiên theo kinh nghiệm của anh Sỹ thì nên tỉa bớt bông lẻ, chỉ để 2 - 3 bông hoa/cây.

Vào dịp Tết Nguyên đán Giáp Ngọ 2014 gia đình anh đã xuống giống 15.000 cây hoa cúc, đến cận Tết gia đình anh đã bán hết. Tính riêng trong đợt rằm tháng 7 vừa rồi, anh đã xuất bán trên 1.500 cây hoa cúc. Hiện nay, mỗi tháng anh xuất bán bình quân 3.000 cây hoa với giá 5.000 đồng/cây, trừ chi phí, mỗi tháng, gia đình anh có thu nhập từ 7 - 10 triệu đồng.

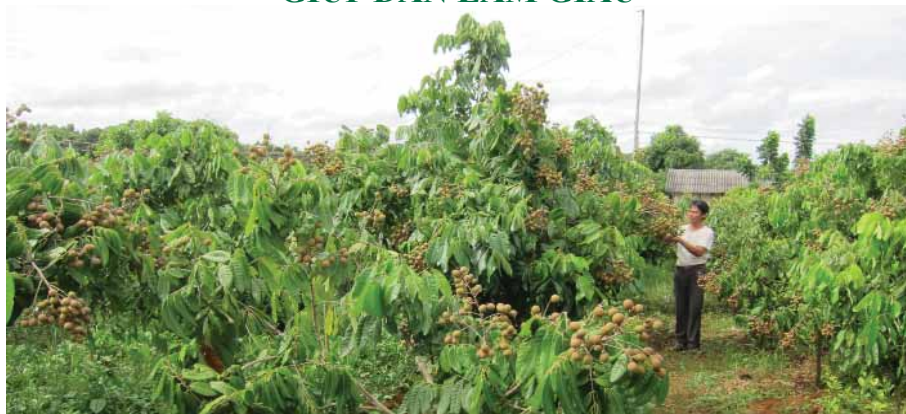
Theo kinh nghiệm của anh, trong quá trình làm đất, không nên sử dụng phân vô cơ mà sử dụng phân hữu cơ vi sinh với lượng từ 15 - 20 kg/1.000 cây để tăng độ tơi xốp cho đất. Khi trồng thì phải chọn những cây giống xanh tốt, khỏe mạnh và có bộ rễ phát triển. Sau khi trồng, định kỳ 10 ngày 1 lần sử dụng phân bón lá và thuốc trừ nấm phun đều cho cây. Tưới nước cho hoa phải nhẹ nhàng và đều tay, đảm bảo đủ độ ẩm nhưng không làm gãy hoa và lá. Người trồng hoa phải có tính kiên trì, tỉ mỉ, thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật, chú trọng phòng trừ sâu bệnh. Mùa hè, phải có lưới che chắn mưa nắng; mùa đông phải thấp điện cho cây phát triển tốt.

Thời gian tới, anh Sỹ sẽ mở rộng diện tích trồng hoa cúc ra toàn bộ diện tích 1.500 m² vườn. Đồng thời, sẽ xây dựng mô hình khép kín gồm: Trồng 5 sào cỏ, nuôi 3 con bò nái, xây chuồng nuôi lợn thịt, phân của bò và lợn sẽ được ủ làm phân hữu cơ dùng vào việc nuôi giun quế và trồng hoa. Ngoài ra, bên cạnh trồng chủ lực giống hoa cúc, đón đầu dịp Tết Nguyên đán năm 2015 anh sẽ trồng thêm một số giống hoa lyly, hoa đồng tiền, hoa loa kèn ... để đa dạng đối tượng cây trồng, phục vụ nhu cầu hoa Tết của người dân và tăng thu nhập cho gia đình.

THỰC QUYÊN



SƠN LA: MÔ HÌNH GHEP NHÃN CHÍN MUỘN GIÚP DÂN LÀM GIÀU



Theo số liệu thống kê, tỉnh Sơn La hiện có diện tích cây ăn quả lên tới 18.063 ha, riêng diện tích trồng nhãn là 7.467 ha; trong đó 7.238 ha đã cho sản phẩm. Tuy diện tích trồng nhãn của Sơn La khá lớn, nhưng năng suất và chất lượng quả rất thấp, nguyên nhân chủ yếu do chất lượng giống kém (là các giống nhãn trơ), cây già cỗi và người sản xuất chưa thực sự chú trọng thâm canh cải tạo vườn nhãn.

Với vai trò, nhiệm vụ của khuyến nông trong việc chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật cho người dân để họ áp dụng vào sản xuất đạt hiệu quả cao hơn; ngay từ năm 2002, đặc biệt là trong các năm từ 2007 đến 2012, được sự phê duyệt của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và UBND tỉnh Sơn La, Trung tâm Khuyến nông (TTKN) Sơn La đã chỉ đạo triển khai thực hiện thành công trên 70 ha mô hình trồng thâm canh nhãn chín muộn và trên 30 ha mô hình ghép mắt nhãn chín muộn với trên 600 hộ nông dân tại các địa phương trong tỉnh tham gia.

TTKN tỉnh và Trạm Khuyến nông các huyện, thành phố đã tìm kiếm, lựa chọn các cây ghép giống tốt và các mắt ghép từ các cây nhãn gốc có các đặc điểm di truyền tốt, có năng suất cao, chất lượng quả thơm ngon để ghép vào các cây nhãn sẵn có của các hộ tham gia mô hình, nhằm cải thiện chất lượng giống, nâng cao tính thích ứng của các giống tốt, tạo ra các cây ghép mau ra quả với năng suất, sản lượng, chất lượng cao hơn.

Các hộ đã được tập huấn kỹ thuật và hỗ trợ một phần giống, vật tư để triển khai mô hình. Trong quá trình thực hiện, cán bộ khuyến nông thường xuyên bám sát cơ sở, hướng dẫn người dân thực hiện việc trồng, ghép và chăm sóc cây ghép theo đúng qui trình kỹ thuật nên kết quả đạt được rất khả quan: đa số các mô hình đều thành công và đạt hiệu quả cao, cây ghép chỉ sau 1-2 năm đã được

thu hoạch, cho ra thị trường sản phẩm quả nhãn chín muộn hơn chính vụ (sau khoảng 20 ngày đến một tháng); năng suất, chất lượng, hiệu quả tăng từ 3 - 4 lần, chất lượng quả thơm ngon, cùi dày hơn, mang lại thu nhập cao, ổn định cho các hộ sản xuất.

Hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh có khoảng trên 1.500 ha diện tích vườn nhãn được ghép mắt nhãn chín muộn. Năm 2013, 2014 nhiều hộ đã có thu nhập hàng trăm triệu đồng từ ghép cải tạo vườn nhãn của gia đình. Điển hình là gia đình ông Nguyễn Văn Chiến ở tiểu khu Nà Sản, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, có 6 ha nhãn trồng xen cà phê, trước đây toàn bộ là nhãn trơ, năng suất quả thấp, chất lượng quả kém. Năm 2010 gia đình ông Chiến được Trạm Khuyến nông huyện Mai Sơn lựa chọn tham gia 0,5 ha mô hình ghép cải tạo nhãn chín muộn. Thấy có triển vọng, năm 2011, gia đình ông tiếp tục ghép tất cả diện tích vườn nhãn còn lại. Vụ nhãn năm 2013 cả 6 ha cho thu hoạch được gần 100 tấn quả, với giá bán trung bình từ 18.000 - 25.000 đồng/kg, gia đình ông đã thu được gần 2 tỷ đồng tiền bán nhãn quả, chưa kể tiền bán quả cà phê dưới tán vườn nhãn.

Ngoài ra, gia đình ông Nguyễn Văn Tình ở bản Pha Cúng, xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu, năm 2011 cũng tham gia triển khai 2 ha mô hình ghép cải tạo nhãn chín muộn; đến năm 2012, 2013 đã mở diện ra tất cả diện tích trồng nhãn của gia đình gồm 6 ha; mang lại lợi nhuận bình quân hàng trăm triệu đồng trên ha, chưa kể thu nhập từ trồng xen bí. Ngoài ra, còn rất nhiều hộ nông dân ở Sơn La cũng giàu lên sau khi áp dụng biện pháp ghép cải tạo vườn nhãn bằng giống nhãn chín muộn.

Phương pháp lai tạo giống bằng phương pháp ghép không còn xa lạ với nhiều người dân; diện tích vườn nhãn được cải tạo bằng tiên bộ kỹ thuật ghép mắt từ giống nhãn chín muộn ở Sơn La không chỉ dừng ở con số 1.500 ha mà vẫn còn được các địa phương tiếp tục áp dụng nhân rộng. Nhiều người dân lo ngại, nếu nhiều người cùng trồng hoặc ghép mắt giống nhãn chín muộn thì khi các hộ cùng thu hoạch nên không bán được giá cao. Song, trong thực tế, giống nhãn chín muộn thường chín rải rác, thời gian thu hoạch kéo dài, nên bà con có thể yên tâm thực hiện mô hình này.

Vào vụ thu hoạch nhãn, ngắm nhìn những chùm quả sai trĩu trên cây, căng tròn và thơm ngon, hứa hẹn một vụ mùa bội thu cho các hộ trồng nhãn. Trong niềm vui của bà con có sự tự hào của những người làm công tác khuyến nông ở Sơn La, bởi tiên bộ kỹ thuật đã được chuyển giao tới người dân và mang lại hiệu quả. Thời gian tới, tỉnh Sơn La sẽ áp dụng để phát triển sản xuất nhãn theo hướng hàng hoá, chất lượng cao, nâng cao mức thu nhập cho các hộ trồng nhãn.

THANH NHÂN

Trung tâm Khuyến nông Sơn La



HIỆU QUẢ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ VƯỜN BƯỞI NĂM ROI Ở BÌNH MINH

Thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long có vùng chuyên canh bưởi Năm roi Mỹ Hòa nổi tiếng với diện tích hơn 1.380 ha, chiếm 71,68 % diện tích bưởi toàn thị xã. Tuy canh tác lâu năm nhưng nhiều nông dân chưa chú trọng khâu vệ sinh vườn, tỉa cành, tỉa trái (quả), nhận dạng đúng các loại sâu bệnh nên hiệu quả mang lại chưa cao. Để nâng cao hiệu quả kinh tế cho vườn bưởi Năm roi Mỹ Hòa, giai đoạn 2012 - 2014, Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Long phối hợp Trạm Khuyến nông Bình Minh thực hiện dự án “Phát triển kinh tế vườn bưởi Năm roi”.



Thông qua dự án, Trung tâm đã chuyển giao tiến bộ kỹ thuật để nông dân cải tạo, phát triển vườn theo hướng thâm canh, đồng thời hỗ trợ tư vấn và chứng nhận Global GAP cho Hợp tác xã (HTX) sản xuất và tiêu thụ bưởi Năm roi Mỹ Hòa với diện tích 25 ha. Mô hình được thực hiện theo phương thức xã hội hóa: nhà nước và nhân dân cùng làm. Nhà nước hỗ trợ theo tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, kinh phí tư vấn và chứng nhận Global GAP. Nông dân đầu tư cơ sở vật chất hiện có như: vườn bưởi Năm roi trong thời kỳ kinh doanh, vật tư đối ứng và cơ sở vật chất khác phục vụ cho mô hình.

Sau hơn hai năm thực hiện, mô hình đã đạt được hiệu quả thiết thực. Nông dân đã tiến hành thực hiện kỹ thuật vệ sinh vườn, tỉa cành tạo tán, cắt bỏ cành trái bị sâu bệnh... vườn cây thông thoáng, nên dễ áp dụng các biện pháp quản lý sâu bệnh hại. Kỹ thuật này sẽ được các nhà vườn tiếp tục áp dụng để làm “trẻ hóa” các vườn bưởi già cỗi, tăng năng suất, chất lượng trái đáp ứng yêu cầu của thị trường. Ngoài ra, người dân còn biết cách ghi chép sổ sách làm vườn, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hợp lý và đảm bảo thời gian cách ly nghiêm ngặt để có được sản phẩm sạch, đồng thời hạn chế ô nhiễm môi trường, giảm chi phí sản xuất. Ngày 28/2/2014, HTX Sản xuất và tiêu thụ bưởi Năm roi Mỹ Hòa được tái chứng nhận Global GAP với diện tích 26,56 ha (24 hộ nông dân tham gia, đạt 106% kế hoạch). Việc chứng nhận Global GAP đã tạo điều kiện tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX. Sau khi được chứng nhận, các doanh nghiệp, thương lái đến HTX liên hệ mua bán sản phẩm. Hiện tại, HTX bưởi Năm roi Mỹ Hòa liên kết tiêu thụ sản phẩm với các siêu thị, trung tâm thương mại ở thành phố Cần Thơ và thành phố Hồ Chí Minh.

Với kết quả đạt được, dự án “Phát triển kinh tế vườn bưởi Năm roi” được chính quyền địa phương, nhà vườn đồng tình ủng hộ. Mô hình có khả năng mở rộng vì diện tích vườn bưởi Năm roi chưa được chứng nhận còn nhiều. Trong năm 2014, Trung tâm tiếp tục hỗ trợ nhà vườn nơi đây sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, dự kiến mở rộng thêm 30 ha.

PHẠM CÔNG LÝ

Trạm Khuyến nông Bình Minh, Vĩnh Long



HẬU GIANG: HIỆU QUẢ MÔ HÌNH TRỒNG THÂM CANH QUÝT ĐƯỜNG

Sự học hỏi và lòng say mê lao động đã giúp ông Nguyễn Văn Thuấn ở ấp 8, xã Long Trị, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành công với mô hình trồng cây quýt đường. Mô hình này đã đưa gia đình ông Thuấn vượt qua khó khăn, vươn lên làm giàu từ những năm 1977. Nhiều năm liền ông được công nhận nông dân sản xuất kinh doanh giỏi.

Với kinh nghiệm gần 40 năm, ông Nguyễn Văn Thuấn có cách trồng, xử lý trái đạt năng suất và chất lượng cao, đó là: Một liếp quýt, thay vì hàng ngang trồng 2 hoặc 3 cây thì ông chỉ trồng một hàng thẳng duy nhất để đảm bảo chăm sóc, thu hoạch quýt thuận lợi. Cây quýt có khoảng không gian phát triển tối đa và nhà vườn cũng dễ điều khiển quýt cho trái theo ý muốn.

Dẫu biết nếu trồng loại quýt ghép sẽ cho trái to hơn, đồng đều hơn, năng suất cao hơn, nhưng hương vị thì không thể sánh bằng vị đặc trưng vốn có của quýt đường nên ông Thuấn và nhiều bà con địa phương vẫn quyết tâm giữ cách làm riêng. Thành ra, quýt đường Long Mỹ ngày càng khẳng định giá trị của mình và được thị trường ưa chuộng. Ông cho biết: Mặc dù trồng quýt ghép năng suất cao hơn quýt của mình nhưng loại quýt này nhạt hơn quýt đường, nên chủ yếu tôi chiết nhánh quýt đường ngày xưa tới giờ ra trồng, vì vậy mà giữ được vị ngọt, ai cũng mua quýt của tôi Khi nói đến quýt đường của “năm Thuấn” khách hàng rất tin tưởng, yên tâm về chất lượng.

Nhờ sản xuất theo quy trình kỹ thuật, sản



phẩm chất lượng, uy tín, đầu ra cho quýt đường của ông luôn ổn định và lợi nhuận đạt cao. Từ 500m² ban đầu, đến nay ông có 25.000m² diện tích vườn trồng quýt với 15.000m² đang cho trái, hàng năm thu về lợi nhuận trên 1 tỉ đồng. Năm 2013, ông sản xuất được 60 tấn quýt, giá bán 27.000 đồng/kg. Tổng doanh thu gần 1,65 tỷ đồng, lợi nhuận thu trên 1,3 tỷ đồng. Bình quân 1.000m² vườn trồng quýt đường cho thu nhập 90 triệu đồng. Vườn quýt của ông còn giải quyết việc làm ổn định cho hàng chục lao động ở địa phương.

Với thành công trong nghề, mạnh dạn trong đổi mới cách trồng, cách chăm sóc nên năng suất quýt của gia đình ông bao giờ cũng cao hơn bình thường. Nhiều bà con địa phương cũng học hỏi và áp dụng mô hình này. Ông Thuận hiện là thành viên Ban kiểm soát của hợp tác xã quýt đường Long Trị, thành viên Hội Nông dân huyện Long Mỹ, ông từng được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang công nhận đạt danh hiệu hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi cấp tỉnh 5 năm liền (2006 - 2010).

Hiện nay, cây quýt đường đang được bà con nông dân đầu tư nhân rộng. Thời gian qua, địa phương đã phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Hậu Giang, Trạm Khuyến nông huyện tổ chức nhiều lớp tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc các loại cây có múi trong đó có cây quýt đường nhằm phát triển bền vững, góp phần xóa đói giảm nghèo ở địa phương.

HUỖNH TRẦN THÚY DUY

Trạm Khuyến nông xã Long Trị, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang



BẠC LIÊU: TRỒNG TÁO HỒNG THƠM CHO THU NHẬP CAO

Nhờ thực hiện mô hình trồng táo trên bờ kênh mà gia đình anh Phạm Thanh Phương, ngụ ở ấp Thông Lưu B, thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã có cuộc sống ngày càng ổn định, kinh tế ngày càng khá giả.

Trước đây, anh có 12 công đất trồng lúa (1 công = 1.296 m²) và tận dụng đất trên bờ kênh trồng các loại rau màu ngắn ngày. Khi hệ thống thủy lợi nội đồng địa phương được cải thiện giúp sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả, đời sống bà con nông dân được nâng lên một bước đáng kể. Tuy nhiên, quá trình này đã làm mất đi một phần đất bờ kênh của anh. Qua nhiều đêm suy nghĩ, phải sử dụng phần đất bờ kênh trồng cây gì hiệu quả khi phần đất trồng lúa của gia đình bị thu hẹp, cuối cùng anh chọn cây táo.

Năm 1998, thông qua người thân ở tỉnh Sóc Trăng, anh mua 200 cây táo giống về trồng thử trên phần đất 3.000m² bờ kênh đã được trang bằng. Sau một thời gian, kết quả mang lại rất khả quan. Nhận thấy hiệu quả từ cây táo, năm 2005 anh mở rộng diện tích trồng thêm 100 cây táo. Với bản tính cần cù, chịu khó, hiện tại số lượng cây trong vườn táo của anh có 300 cây, trong đó 200 cây 15 tuổi, 100 cây 8 tuổi và 20 công đất trồng lúa. 5 năm trở lại đây, trừ chi phí anh thu lãi 60 - 70 triệu đồng/năm.



Anh Phương (đội mũ) trao đổi cùng cán bộ kỹ thuật bên vườn táo đang ra nhánh chuẩn bị cho vụ mới

Lợi nhuận có được từ trồng táo và sản xuất lúa qua nhiều năm tích lũy, anh đã xây căn nhà khá khang trang trên 300 triệu đồng ngay trước Tết Nguyên đán 2014.

Anh Phương cho biết, táo rất dễ trồng, ít tốn công chăm sóc, mà hiệu quả kinh tế lại cao. Lên luống (líp) trồng với khoảng cách 3 m/cây, hàng cách hàng 3 m, táo trồng khoảng năm năm thì năng suất mới ổn định, thời gian thu hoạch kéo dài 5 tháng. Để trồng táo đạt hiệu quả cao, anh Phương làm như sau: Thu hoạch trái hết cành nào cắt bỏ cành đó. Sau khi thu hoạch xong tỉa bỏ tất cả nhánh. Sử dụng phân NPK bón cho mỗi gốc 5 kg (4 đợt cho 1 vụ trồng), chỉ sử dụng mỗi cây 3 nhánh khỏe, 10 ngày bơm nước tưới tràn 1 lần và kết hợp lấp gốc. Khoảng tháng 6 cây bắt đầu cho trái, để phòng ngừa côn trùng phá hại, anh sử dụng hoàn toàn thuốc sinh học và thuốc dẫn dụ ruồi.

Vụ vừa qua, năng suất khoảng 70 kg/cây 15 tuổi và 50 kg/cây 8 tuổi, giá bán 15.000 đồng/kg, thương lái đến tận nơi mua. Cùng với thu nhập từ trồng táo và trồng 2 vụ lúa/năm/20 công, sau khi trừ chi phí, năm 2013, anh thu nhập hơn 200 triệu đồng.

NGỌC OANH

Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Bạc Liêu

HÒA BÌNH: BÍ QUYẾT TRỒNG NA DAI MANG LẠI HIỆU QUẢ CAO

Nhìn những quả na dai to đều, nặng trĩu khắp cành cao, cành thấp mới cảm nhận được nỗ lực chịu thương, chịu khó học hỏi không ngừng của vợ chồng anh Nguyễn Văn Thuyết để có được những bí quyết hay và thành quả của ngày hôm nay.

Khu vườn na dai rộng bạt ngàn của gia đình anh Thuyết có diện tích 3,5 ha ở xóm Mị, xã Yên Mông, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Năm 2009, anh đã thuê đất của Công ty môi trường Hòa Bình để trồng na, anh san lấp, cải tạo khu đất bằng phẳng. Năm đó, gia đình anh được Trung tâm Khuyến nông Hòa Bình khuyến khích và hỗ trợ 3.000 cây giống na dai. Sinh ra ở huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh - nơi có nghề trồng na phát triển, anh đã có nhiều năm kinh nghiệm trồng loại cây này, khi lên Hòa Bình lập nghiệp với nghề trồng na dai, khâu kỹ thuật với anh gần như nắm rất chắc từ việc trồng, chăm sóc, bón phân, thụ phấn...



Theo anh Thuyết, cây na dai rất phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai ở Hòa Bình nên phát triển tốt. Trong quá trình chăm sóc, cần bón lượng phân thích hợp với độ tuổi của cây, đặc biệt cần bón nhiều phân chuồng ủ hoai mục, nhất là phân gà. Từ khi trồng đến năm thứ 3, na dai cho bó quả, các năm sau là thời kỳ khai thác quả. Đặc điểm của cây na dai ra rất nhiều hoa nhưng tỷ lệ đậu



Với anh Thuyết, trồng na là niềm đam mê

quả thấp vì nhị đực và nhụy cái nở lệch pha nhau nên rất khó tự thụ phấn, hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên nên hiệu quả năng suất thấp. Nhờ nắm được kỹ thuật nên anh Thuyết khắc phục được những hạn chế này. Theo cách làm của anh, khi nụ hoa na hé mở có màu trắng thì anh tiến hành thụ phấn nhân tạo cho hoa. Đây là phương pháp thủ công rất hữu hiệu trong việc chủ động số quả trên mỗi cây, để có quả to đều và mầu mã đẹp. Cùng với đó, anh Thuyết sử dụng phân bón lá, chăm bón đúng quy trình kỹ thuật nên na không những cho quả to, đều mà tình trạng nấm mốc và thối cây cũng không còn.

Anh Thuyết chia sẻ, trồng giống cây này người trồng phải có niềm đam mê cộng thêm sự tỉ mỉ, chịu khó thì sẽ đem lại hiệu quả rất cao. Nếu như năm 2013, gia đình anh thu được 2 tấn quả thì ước tính năm nay hết vụ gia đình thu được 6 - 7 tấn quả. Cây ở thời kỳ khai thác quả, một cây cho thu từ 20 - 25kg quả. Với giá bán đầu vụ từ 40.000 - 45.000 đồng/kg, giá bán buôn trung bình 30.000 đồng/kg, ước tính năm nay gia đình anh sẽ thu nhập được khoảng hơn 200 triệu đồng. Vào mỗi vụ thu hoạch rõ, gia đình anh phải thuê thêm từ 2 - 3 nhân công để kịp thu hoạch. Ngoài lứa quả thu hoạch chính vụ, còn có quả non và hoa kê tiếp cho những lứa quả sau, nên gia đình anh có na bán đến tháng 10.

Bên cạnh khu vườn trồng na, vợ chồng anh Thuyết còn tận dụng những khoảng đất trống và những khu đất phía ngoài rìa để trồng thêm khoai sọ, chuối tiêu... góp phần tăng thêm thu nhập cho gia đình.

ĐÌNH THỦY

Trung tâm Khuyến nông Hòa Bình

BÌNH PHƯỚC: HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH TRỒNG MÍT

Hiện nay, tại Bình Phước có nhiều giống mít được nhà nông trồng để làm kinh tế như mít nghệ địa phương, mít Thái Lan siêu sớm, Viên Linh ... nhưng ông Trần Minh Chánh ở xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh lại chọn giống mít Thái lá bàng để phát triển kinh tế gia đình, bởi theo ông giống mít này dễ trồng, cho trái to, chất lượng trái thơm ngon, ít xơ, vỏ mỏng và quả phân bố trên toàn thân cây nên cho năng suất cao. Đến nay, vườn mít 6 ha của ông cho năng suất ổn định trung bình từ 250 - 300 kg/cây, sau khi trừ chi phí, ông thu lợi nhuận gần 900 triệu đồng/năm.

Thăm vườn mít của gia đình ông Trần Minh Chánh, chúng tôi cảm nhận được không khí trong lành, mát dịu. Vườn cây thông thoáng, sạch sẽ cỏ dại và các loại tàn dư thực vật nhưng đất vẫn xanh mát. Hỏi thăm về kinh nghiệm làm vườn, ông chia sẻ: “Vườn mít của ông không dùng thuốc diệt cỏ mà ông chỉ dùng máy cắt cỏ để lại phần gốc cây nhằm giữ ẩm cho đất và đảm bảo về chất lượng mít thương phẩm”.



Vườn mít của ông Trần Minh Chánh



Với tính sỏi lỏi, chất phác của nhà nông ông cho biết hầu như khi trồng mít, các nhà vườn thường gặp các loại sâu bệnh như sâu đục quả hại chồi, lá non và quả, bệnh thối quả trong mùa mưa, bệnh thối vỏ chầy mủ, thế nhưng vườn của ông rất ít bị bệnh. Bí quyết của việc này là ngày nào ông cũng thăm vườn, chăm sóc cây, kiểm tra sự sinh trưởng, phát triển để kịp thời phòng bệnh cho cây. Trung bình 1 năm ông phun thuốc phòng sâu đục trái tới 3 lần. Tuy cây mít không đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật cao như các loại cây trồng khác như tiêu, cà phê hay cam, quýt nhưng cũng cần đảm bảo đầy đủ nước, dinh dưỡng để cây nuôi trái.

Chi phí đầu tư cho mỗi gốc mít mỗi năm chỉ tốn 25.000 - 30.000 đồng cho tất cả các khoản về phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công chăm sóc tỉa cành. Năm 2013, vừa qua gia đình ông thu 400 tấn mít, giá bình quân bán tại vườn cả vụ là 2.500 đồng/kg. Với 1.800 gốc mít sau khi trừ chi phí đã cho gia đình một nguồn lợi đáng kể gần 900 triệu đồng.

Để đạt được kết quả trên, bên cạnh sự cần cù chịu khó, ông còn thường xuyên tìm tòi sách báo để chăm sóc cây đúng kỹ thuật. Ngoài ra, cán bộ khuyến nông của địa phương cũng quan tâm hướng dẫn, tư vấn về kỹ thuật chăm sóc để vườn mít có hiệu quả. Từ hiệu quả mà vườn mít mang lại, năm 2013 ông đã mạnh dạn trồng thêm 4 ha nữa, dự kiến cuối năm 2014 số mít này sẽ cho thu hoạch bội. Mặt khác để tận dụng nguồn mít trong vườn ông bắt đầu nuôi thêm dê để tăng thu nhập.

Sự thành công của ông Trần Minh Chánh không chỉ có sự cần cù, chịu khó mà còn là kết quả của tinh thần dám nghĩ, dám làm, sự nhạy bén, năng động trong việc nắm bắt nhu cầu thị trường, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm mang hiệu quả kinh tế cho gia đình.

VŨ HƯỜNG

Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Bình Phước

KHÁNH HÒA: LÀM GIÀU TỪ MÔ HÌNH VAC

Đó là mô hình của ông Nguyễn Minh Châu, xã Diên Bình, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, bằng sức lực bản thân và sự sáng tạo đã xây dựng mô hình kinh tế VAC rất thành công và bền vững.

Đến thăm mô hình của ông Châu đúng lúc ông đang tranh thủ thời gian đóng gói những quả đu đủ đẹp để vận chuyển cho các đầu mối trên địa bàn tỉnh. Ông cho biết, vào đây khai hoang lập nghiệp nên gia đình gặp rất nhiều khó khăn, nhất là nguồn nước, mỗi năm chỉ trồng được 1 vụ ngô (bắp). Liên tục trồng bắp bị thất bại do đầu ra tiêu thụ chậm, chi phí đầu tư cao, nhiều năm liền gia đình ông vẫn thuộc diện hộ cận nghèo.

Với quyết tâm làm giàu, đầu năm 2007, ông đã tham gia lớp tập huấn trồng cây ăn quả do Hội Nông dân xã tổ chức. Với những kiến



Ông Nguyễn Minh Châu vươn lên thoát nghèo từ mô hình VAC



thức được học và áp dụng vào thực tế, ông đã trồng thí điểm 100 cây đu đủ/400 m², sau một năm cho thu nhập trên 15 triệu đồng. Có được đầu ra tương đối ổn định, ông mạnh dạn mở rộng diện tích trồng, đào ao nuôi cá và nuôi được 2 con bò sinh sản. Đến nay, ông đã trồng được 500 cây đu đủ/2.500 m², ao nuôi cá các loại rô, trê, lóc và 2 con bò đang phát triển rất tốt.

Ông chia sẻ, làm mô hình VAC thực hiện theo quy trình khép kín, lấy nước trong ao tưới cho cây đu đủ, những quả đẹp xuất bán, những quả đu đủ nhỏ làm thức ăn cho đàn bò của gia đình. Hiện nay, với vườn đu đủ của gia đình, giá bán bình quân 8.000 đồng/kg, thu nhập 3 đợt/tháng, mỗi đợt từ 400 – 450 kg, thời điểm chín rộ đạt 600 kg, ước tính cho doanh thu gần 70 triệu đồng/năm và hơn 10 triệu đồng/vụ từ ao nuôi cá.

Để có được thành công như ngày hôm nay ông Châu cho biết, trồng cây đu đủ trong thời gian từ 6 - 8 tháng cho thu hoạch, mỗi cây sẽ cho thu nhập 300.000 đồng/vụ, cây đu đủ đem lại lợi nhuận kinh tế cao, ít tốn chi phí hơn so với các loại cây trồng khác, dưới đất ông phủ rơm dưới gốc hạn chế được cỏ dại và tạo được độ ẩm cho cây. Trồng đu đủ với khoảng cách 1,3 - 2 m. Sau khi cây đu đủ cho thu hoạch đợt đầu tiên, ông chặt nửa thân cây rồi tiếp tục chăm sóc để thu lứa trái tiếp theo. Hiện, ông đang rất thành công với mô hình này, ao cá ông sử dụng nước ngọt để nuôi cá và tưới tiêu cho cây trồng.

Từ hộ cận nghèo, nhờ quyết tâm làm ăn bằng mô hình VAC mà ông đã thoát nghèo vươn lên làm giàu, liên tục trong 5 năm liền giai đoạn 2009 - 2014, ông được Hội Nông dân xã bình chọn nông dân sản xuất kinh doanh giỏi. Bên cạnh đó, ông đã đạt giải cao tại cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật do tỉnh tổ chức vào năm 2012 - 2013.

Ông Hồ Văn Đài - Chủ tịch Hội Nông dân xã Diên Bình cho biết, trên địa bàn xã có rất nhiều mô hình thành công, nhưng mô hình trồng đu đủ kết hợp đào ao nuôi cá, nuôi bò của gia đình ông Nguyễn Minh Châu được xem là mô hình thoát nghèo điển hình ở địa phương.

THÔNG TÂM

Nha Trang, Khánh Hòa

QUẢNG NAM: CHUYỆN LÀM GIÀU CỦA NGƯỜI LÍNH ĐẶC CÔNG

Xuất thân từ một người lính đặc công, ông Trần Văn Chung ở xã Tam Mỹ Tây, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã được tôi luyện trong quân đội với tinh thần người lính cụ Hồ, bản chất cần cù, siêng năng đã giúp ông thành công trên con đường làm giàu chính đáng ngay trên mảnh đất quê hương.

Vài năm trở lại đây, nhiều người dân làm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và cả nước đều biết đến ông Chung thông qua các bài báo như: “Nhật ký 9 phân vàng”; “Người lính với chiếc ba lô”; “Trinh sát đặc công vào sinh ra tử” và “Vườn miền Nam giữa miền Trung”. Với tổng diện tích trang trại đạt trên 54 ha trong đó có 6 ha trồng chuối, 7 ha trồng xoài trái vụ, ngoài ra còn có hơn 300 cây quýt đường và hàng trăm cây cam, diện tích còn lại ông đầu tư trồng cây keo.

Mô hình trồng xoài trái vụ của ông được đầu tư từ năm 2003 với số vốn ban đầu 473 triệu đồng. Từ số tiền này ông đã mua được hơn 4.000 cây xoài tứ quý. Hơn 10 năm trồng, ông đã thu hoạch đã được trên 5



Ông Trần Văn Chung (phải) và ông Phạm Văn Minh (trái)



năm chủ yếu là xoài trái vụ, mỗi năm cho thu nhập trên 400 triệu đồng. Ông chia sẻ một số vấn đề về trồng xoài trái vụ: “Cây xoài Tứ Quý này phù hợp với khí hậu và điều kiện đất đai tại địa phương. Xoài rất dễ trồng nếu nắm vững các yêu cầu kỹ thuật từ làm đất, chăm sóc, đến khi thu hoạch, đặc biệt là việc sử dụng phân hữu cơ vi sinh. Mỗi năm, từ tháng 12 đến tháng giêng ông bắt đầu xử lý thuốc cho ra hoa kết quả. Từ tháng 7 đến tháng 8, ông bắt đầu thu hoạch, đây là thời kỳ xoài không còn nhiều trên thị trường nên giá bán cao hơn”.

Ngoài diện tích trồng xoài trái vụ, năm 2013, ông còn đầu tư trồng trên 6 ha chuối với hơn 6.000 cây chuối gồm chuối tiêu hồng và chuối lùn. Hiện nay, vườn nhà ông có trên 10.000 cây chuối tiêu hồng đang trong quá trình thu hoạch. Dự kiến năm 2014 sẽ xuất bán được trên 50 tấn. Ông cho biết trồng chuối tiêu hồng rất thích hợp với điều kiện đất đai và nhanh chóng cho thu lợi. Đây là nguồn thu không nhỏ của gia đình. Ngoài ra, vườn nhà ông còn trồng trên 300 cây quýt đường, 100 cây cam và hơn 40ha trồng cây keo.

Không chỉ làm kinh tế giỏi, ông còn tích cực tham gia các hoạt động tại địa phương. Ông luôn sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ những kinh nghiệm của mình với bà con lối xóm. Trang trại của ông không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế cao cho gia đình mà còn tạo được công ăn việc làm thường xuyên cho 7 lao động tại địa phương với mức lương 3 triệu đồng/người (chưa tính ăn uống và ở lại). Nếu đến mùa vụ, số lao động có thể tăng lên đến 20 người.

Ông Phạm Văn Minh – Phó Chủ tịch Hội Nông dân huyện Núi Thành, cho biết: Mô hình trồng xoài ghép trái vụ và trồng chuối tại trang trại của ông Chung thích nghi cao với điều kiện khí hậu địa phương, tuy là mô hình tiên phong nhưng cho thu nhập khá cao, 400-500 triệu đồng/năm. Tại các hội nghị sản xuất giỏi, ông Chung đều là tấm gương tiêu biểu thể hiện được tinh thần người lính cụ Hồ. Mô hình của ông đã được nhiều cá nhân, tổ chức trong tỉnh đến tham quan, học tập. Có thể khẳng định, đây là mô hình bền vững, tận dụng được diện tích đất rừng phù hợp với những loài cây ăn quả nhằm góp phần đa dạng hóa các sản phẩm trên địa bàn, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

PHAN VĂN PHƯỚC

Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Quảng Nam

TRANG TRẠI SẢN XUẤT ĐA CANH CỦA NGƯỜI CỰU CHIẾN BINH TÂN CHÂU



Mặc dù đã ngoài 60 tuổi, nhưng với bản chất người nông dân, là anh bộ đội cụ Hồ, ông Trần Nuôi ở ấp Hội Thắng, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã phát triển kinh tế gia đình từ việc sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững. Không chỉ làm kinh tế giỏi, người cựu chiến binh này còn làm công tác xã hội, vận động bạn bè người thân xây tặng nhà đồng đội, nhà tình thương cho gia đình chính sách, người nghèo, tặng học bổng cho học sinh nghèo hiếu học trên địa bàn huyện.

Đến thăm trang trại sản xuất đa canh của gia đình ông, chúng tôi cảm nhận và vô cùng khâm phục trước sự cố gắng của bản thân ông trong công việc phát triển nền kinh tế của gia đình. Từ việc tìm tòi học hỏi trong quá trình sản xuất, ông đã mạnh dạn đầu tư xây dựng trang trại sản xuất theo mô hình đa canh bao gồm các loại cây trồng chủ lực chính của địa phương như mía, cao su, măng cầu (na) xen đậu phộng (lạc).



Với tổng diện tích đất trang trại rộng 57 ha, ông đã triển khai xây dựng mô hình của mình với 5 ha đất trồng măng cầu, 10 ha trồng mía và 42 ha trồng cao su. Từ các loại cây trồng trên đã đem lại nguồn thu nhập ổn định quanh năm cho gia đình. Hiện nay, trang trại ông đã có hơn 30 lao động thường xuyên, giàu kinh nghiệm làm việc quanh năm, đảm bảo mức thu nhập bình quân từ 3 - 5 triệu đồng/tháng/người.

Ông Nuôi cho biết thêm: Lợi thế của mô hình sản xuất đa canh là có thể cho thu hoạch liên tục vì hết loại cây này sẽ đến loại cây khác cho thu hoạch, chứ không như vườn chuyên canh chỉ thu hoạch đồng loạt theo mùa vụ. Do đó, mùa nào ông cũng có thu nhập ổn định từ trang trại của mình.



Ông Nuôi còn là nông dân luôn năng động sáng tạo, luôn tìm tòi học hỏi những cái mới, tiến bộ để áp dụng vào sản xuất. Trong quá trình chăm sóc cây trồng, phần lớn lượng phân bón ông sử dụng là phân hữu cơ, hữu cơ vi sinh nhằm cải tạo đất hiệu quả hơn, giúp cây trồng hấp thụ một cách tốt nhất chất dinh dưỡng được bổ sung cung cấp vào đất, hạn chế tối đa sự bốc hơi lãng phí. Do vậy, để có được nguồn phân bón chất lượng, ông đã chủ động mua các loại phân chuồng, phân chim cú về trộn đều với tro, lân và tiến hành ủ hoai mục, sau đó mới mang đi bón cho cây trồng. Nếu khi sử dụng phân bón hoá học, ông cũng tiến hành tương tự, mua phân đơn và tiến hành phối trộn. Với trang trại diện tích 57 ha của gia đình, hàng năm sau khi trừ các khoản chi phí đầu tư, gia đình ông còn thu lợi nhuận từ 1,2 - 1,5 tỉ đồng.

Không chỉ dừng lại với danh hiệu là một người làm kinh tế giỏi, ở địa phương ông Trần Nuôi còn là người có uy tín, đoàn kết, hay giúp đỡ người khó khăn nên luôn được mọi người quý mến. Tuy kinh tế gia đình đã phát triển ổn định nhưng ông vẫn không quên những ngày tháng cơ cực, đồng cảm, chia sẻ khó khăn với người khó khăn như mình trước đây. Ông đã tâm sự: “Bản thân tôi là thương binh, nhưng về công ăn việc làm, gia đình tôi so với một số gia đình khác thì có may mắn hơn. Suy nghĩ như vậy nên tôi thường xuyên tham gia công tác xã hội, tôi nghĩ đó là việc nên làm”. Tham gia từ năm 2004, và từ năm 2010 đến nay, bình quân ông đã đóng góp trên 150 triệu đồng mỗi năm cho công tác từ thiện. Ông được nhân dân tín nhiệm bầu làm trưởng ấp, mặc dù công việc trang trại rất bề bộn nhưng với tinh thần quyết tâm, ông luôn sẵn sàng vượt qua và hoàn thành tốt mọi công việc trong mọi lĩnh vực.

Sản xuất theo mô hình đa canh như trang trại của ông Trần Nuôi không chỉ đem lại nguồn thu quanh năm cho người sản xuất, mà còn giảm được chi phí đầu tư, chủ động được nguồn nhân lực, phát triển kinh tế địa phương.

Trạm Khuyến nông huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh



MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN NỀN ĐẤT LÚA

Châu Phú là huyện có vị trí trung tâm của tỉnh An Giang. Thế mạnh của huyện là sản xuất nông nghiệp. Đất đai của huyện phì nhiêu thuộc nhóm đất phù sa bãi bồi, nông dân có truyền thống và tập quán trồng lúa nước và sản xuất hoa màu lâu năm.

Xã Bình Thủy là một trong hai xã cù lao của huyện Châu Phú. Vào năm 2005, đất nông nghiệp xã Bình Thủy được làm đê bao khép kín. Do canh tác 3 vụ lúa/năm nên đất thiếu dinh dưỡng, sâu bệnh nhiều, năng suất giảm. Trước tình hình đó, chủ trương của địa phương là vận động nông dân chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ độc canh cây lúa chuyên sang 2 lúa – 1 màu.

Vào thời điểm đó cây đậu nành rất thích hợp cho vụ xuân hè và phù hợp với vùng đất pha cát của xã Bình Thủy nên người dân đã trồng và cho năng suất từ 2 – 2,5 tấn/ha, thu lợi nhuận gấp 2 lần trồng lúa và góp phần cải tạo đất rất tích cực.

Đến năm 2007, canh tác cây đậu nành không mang lại hiệu quả như trước do chi phí tăng cao, giá bán thấp. Một giống cây trồng mới được Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang thực hiện trình diễn trên vùng đất cù lao xã Bình Thủy, đó là cây mè đen. Qua kết quả trồng thử nghiệm cây mè đen mang lại hiệu quả rất cao.

Qua đó, phòng Nông nghiệp kết hợp với Hội Nông dân huyện, Ủy ban nhân dân xã cùng các đoàn thể tổ chức chức vận động bà con nông dân chuyển từ cây đậu nành vụ xuân hè sang trồng cây mè đen. Vào thời điểm đó, mè đen là giống cây trồng mới nên công tác vận động cũng gặp không ít khó khăn.



Mè đen là loại cây trồng chịu úng kém hơn cây đậu nành, vì vậy trong quá trình làm đất phải đánh rãnh thoát nước tốt để hạn chế chống úng trong mùa mưa. Đánh rãnh chủ yếu bằng thủ công như len, cuốc nên chi phí cao, thời gian dài. Trước khó khăn trên, một nông dân đã sáng tạo ra máy đánh rãnh thoát nước có công suất 15 mã lực từ một máy xới tay 2 bánh. Công suất từ 1,5 – 2 ha/ngày/máy bằng 35 nhân công lao động bằng tay mà chi phí bằng khoảng 30% so với lao động thủ công.

Hạt mè rất nhỏ, lượng giống lại ít khoảng 400 gr/1.000 m², vì vậy trong quá trình sạ mè nếu gặp gió lớn sạ không đều, hao giống, năng suất thấp. Vào thời điểm xuống giống tập trung, một người gieo sạ bằng tay được 1,5 – 2 ha/ngày nên thiếu nhân công sạ mè. Cũng từ khó khăn trên nông dân đã sáng tạo ra máy sạ mè với công suất 7-8 ha/ngày chỉ cần một lao động. Máy sạ mè giúp nông dân giảm được hao hụt lượng giống, độ đồng đều cao, đẩy nhanh tiến độ xuống giống và hoạt động tốt trong mọi điều kiện thời tiết.

Nhờ có những giải pháp hữu hiệu trong canh tác cây mè đen cùng với tính chịu thương chịu khó của bà con nông dân, cây mè đen đã cho năng suất đạt 1,3 – 1,6 tấn/ha, lợi nhuận cao gấp 2,5 lần trồng lúa. Thời gian sinh trưởng cây mè khoảng 75 – 80 ngày là thu hoạch. Trồng cây mè đen chủ động được vòng quay của đất, diệt được lúa nền trong đất nên nông dân mạnh dạn đầu tư để sản xuất lúa giống, tăng thu nhập.

Tuy bao lần chuyển dịch cơ cấu cây trồng đã mang lại hiệu quả thiết thực nhưng nông dân vẫn chưa yên tâm vì điệp khúc trúng mùa rớt giá luôn đeo bám họ. Để tìm đối tượng cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao, thích ứng biến đổi khí hậu, được bao tiêu sản phẩm, giá cả ổn định luôn là điều mơ ước của bà con nông dân và chính quyền các cấp.

Trước tình hình đó, vụ đông xuân 2011 – 2012 nông dân xã Bình Thủy được phòng Nông nghiệp tổ chức đi tham quan mô hình trồng đậu bắp Nhật có bao tiêu sản phẩm ở tỉnh Trà Vinh và mô hình đã thực hiện tại An Giang. Sau khi tham quan về nông dân rất phấn khởi và học tập làm theo. Qua một vụ canh tác nông dân rất phấn khởi vì đậu bắp Nhật rất dễ trồng, có thể canh tác được quanh năm. Với vùng đất cù lao Bình Thủy cho năng suất từ 12 – 14 tấn/ha, lợi nhuận hơn các cây trồng khác gấp nhiều lần (sau 4 tháng trồng, trừ chi phí nông dân có lợi nhuận hơn 40 triệu đồng/ha).



Để tăng lợi nhuận trong canh tác cây đậu bắp Nhật, nông dân đã rất sáng tạo làm ra các công cụ phục vụ sản xuất để giảm bớt chi phí, sức lao động cho nông dân như xe phun thuốc BVTV cho từng giai đoạn sinh trưởng của cây, giảm được 40% lượng thuốc; xe bón phân giảm được 30% lượng phân; máy bắt rầy xanh sẽ giảm lượng thuốc BVTV 70% và sẽ đưa vào sử dụng cho vụ hè thu 2014.

Ngoài việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nông dân cù lao xã Bình Thủy còn chuyển đổi từ những diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cỏ nuôi bò, trồng bắp thu trái non kết hợp nuôi bò và ký hợp đồng với công ty. Đây là một mô hình mới rất có hiệu quả mà các huyện lân cận đã thực hiện trong thời gian qua.

NGUYỄN VĂN DŨNG

Xã Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

YÊN BÁI: TRỒNG CÂY LÂM SẢN NGOÀI GỖ (MÂY NÉP) LÀM NGUYÊN LIỆU

Mây nếp - loài cây lâm sản ngoài gỗ (mây nếp) được gây trồng từ lâu đời và quen thuộc với người dân Việt Nam. Cùng với sự phát triển nhanh của các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm làm từ mây đã và đang được thị trường trong và ngoài nước ưa chuộng. Nhiều địa phương đã tận dụng đất đai để đưa cây mây nếp vào trồng nhằm góp phần xóa đói, giảm nghèo và tăng thu nhập cho người lao động.

Xác định tầm quan trọng của cây lâm sản ngoài gỗ trong phục vụ nhu cầu của người dân, Ngành nông nghiệp và PTNT Yên Bái đã khảo sát xây dựng chương trình hoạt động để bảo vệ và phát triển rừng, trong đó đặc biệt quan tâm bảo vệ và phát triển lâm sản ngoài gỗ nhằm phát huy tiềm năng sẵn có của rừng và đất rừng, từng bước tạo vùng nguyên liệu cung cấp cho chế biến xuất khẩu và khôi phục làng nghề, tạo công ăn, việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

Năm 2011, được sự hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Trung tâm Khuyến nông Yên Bái phối hợp với Ủy ban Nhân dân xã Hồng Ca, huyện Trấn Yên triển khai mô hình: “Trồng cây lâm sản ngoài gỗ làm nguyên liệu (mây nếp)” giai đoạn 2011 – 2013. Quy mô mô hình 43 ha, tại 2 điểm thôn Khuôn Bỏ và Nam Hồng, có 32 hộ nông dân

tham gia. Trong quá trình triển khai, Trung tâm Khuyến nông Yên Bái đã cử cán bộ kỹ thuật bám sát cơ sở, lựa chọn hộ có đủ điều kiện tham gia, xây dựng kế hoạch để tổ chức lớp tập huấn kỹ thuật, hỗ trợ cây giống, phân bón.

Sau 3 năm triển khai thực hiện cho thấy, cây mây nếp sinh trưởng và phát triển tốt trên đất rừng tại xã Hồng Ca, tỷ lệ sống đạt trên 80%, đề nhánh khỏe bình quân đạt 6 - 8 cây/bụi, chiều dài dây mây trung bình 2 - 3m. Điển hình là hộ ông Kim, ông Hòa ở thôn Nam Hồng; ông Vang, ông Ca ở thôn Khuôn Bô.

Hàng năm, Trung tâm Khuyến nông Yên Bái cũng phối hợp với chính quyền xã, trưởng nhóm hộ thường xuyên kiểm tra tình hình sinh trưởng và phát triển của cây mây nếp, đồng thời tổ chức hội thảo, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhằm tuyên truyền nhân rộng mô hình. Hiện nhiều cây đã ra hoa và cho quả, đây thực sự là niềm vui của mỗi hộ tham gia mô hình bởi nó sẽ là nguồn hạt giống tốt để bà con nhân giống tại chỗ, phục vụ cho việc mở rộng diện tích trồng mây tại địa phương.

Với những kết quả bước đầu đạt được, có thể nói rằng, việc triển khai mô hình thực sự phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của địa phương, từng bước giúp người dân vùng sâu vùng xa tiếp cận với khoa học kỹ thuật trong sản xuất lâm nghiệp, biết tận dụng đất đai, lựa chọn cây trồng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của địa phương. Mô hình trồng cây lâm sản ngoài gỗ làm nguyên liệu (mây nếp) tại xã Hồng Ca sẽ là địa chỉ đáng tin cậy để bà con đến tham quan, học tập để có thể nhân rộng.



PHẠM THỊ HÀNG

Trung tâm Khuyến nông Yên Bái



LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

TUYÊN QUANG: HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH CHĂN NUÔI GÀ THẢ VƯỜN

Dự án khuyến nông Trung ương “Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi ở một số xã xây dựng nông thôn mới của các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang và Phú Thọ” bao gồm nhiều dạng mô hình khác nhau, cả mô hình trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản. Năm 2014, tham gia dự án này, Trung tâm Khuyến nông Tuyên Quang thực hiện 3 mô hình là: Mô hình thâm canh lúa chất lượng cao, mô hình nuôi cá rô phi đơn tính đực và mô hình chăn nuôi gà thả vườn an toàn sinh học. Các mô hình đều dựa vào điều kiện tự nhiên và tập quán canh tác của địa phương để đưa các tiến bộ kỹ thuật vào chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển đổi giống mới, kỹ thuật nuôi trồng mới nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế ở xã nông thôn mới của tỉnh.

Mô hình chăn nuôi gà thả vườn được triển khai tại xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa là một ví dụ điển hình. Kim Bình là xã điểm xây dựng nông thôn mới của tỉnh Tuyên Quang nhưng thu nhập bình quân đầu người thấp, năm 2010 là 7,2 triệu đồng/người/năm. Chăn nuôi gia cầm là nghề truyền thống mang lại nguồn thu nhập đáng kể, góp phần cải thiện kinh tế gia đình, tạo ra công ăn việc làm, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Tuy nhiên do tập quán chăn nuôi nhỏ lẻ, giống gà địa phương nuôi xen kẽ và bán tẻ đàn mà không bán tập trung thành đợt nên năng suất chăn nuôi thấp, rủi ro dịch bệnh cao, vấn đề xử lý môi trường còn nhiều bất cập...

Nhằm thay đổi dần phương thức sản xuất, đưa các tiến bộ kỹ thuật, giống gà, phương thức chăn nuôi, cách thức phòng bệnh mới để hình thành tập quán nuôi hàng hóa, góp phần tăng thu nhập cho nông dân, thúc đẩy quá trình xây dựng nông thôn mới của xã, Dự án đã đầu tư 2.000 con gà giống ri lai, 50% thức ăn và vắc xin phòng trị bệnh gà cho 20 hộ gia đình chăn nuôi tại Kim Bình thực hiện từ tháng 4/2014. Theo đánh giá của Trung tâm Khuyến nông tỉnh, sau 3 tháng triển khai, hầu hết đàn gà của các hộ gia đình đã mang lại nguồn thu nhập đáng kể với trọng lượng trung bình đạt 2 kg/con, tổng thu đạt 16,15 triệu đồng, trừ chi phí đầu tư ban đầu 11,58 triệu đồng, mỗi hộ thu lãi khoảng 4,5 triệu đồng.

Hộ gia đình anh La Ngọc Hưng ở thôn Pác Chài cho biết: Gia đình anh nuôi gà đã nhiều năm nay nhưng rất hay bị dịch bệnh, lứa gà nuôi nào cũng hao hụt khoảng 20%. Năm nay gia đình anh được chọn tham



gia mô hình nuôi gà theo hướng an toàn sinh học do Trung tâm Khuyến nông tỉnh triển khai với 100 con gà giống, anh nhận thấy, gà nuôi trên nền đệm lót sinh học vừa khoẻ mạnh lại nhanh lớn, tỷ lệ gà nuôi sống cao trên 98%, không mắc dịch bệnh. Phương pháp làm đệm lót đơn giản, dễ làm lại hiệu quả cao về môi trường. Sau 90 ngày xuất chuồng, khối lượng gà bình quân đạt 2,2 đến 2,4kg/con, với giá bán 80.000 đồng/kg, gia đình anh thu lãi gần 6 triệu đồng. Gia đình anh Hà Công Dũng, ở thôn Khuổi Chán, xã Kim Bình là một trong những hộ được tham gia mô hình nuôi gà thả vườn an toàn sinh học. Anh Dũng cho biết, tham gia mô hình này rất hữu ích đối với gia đình anh, bởi ngoài việc được hỗ trợ về chi phí xây dựng, phát triển mô hình, anh còn được hướng dẫn kỹ thuật trong chăn nuôi gà; đặc biệt chăn nuôi an toàn trên nền đệm lót sinh học, đơn giản, dễ làm, nhưng hiệu quả, góp phần bảo vệ môi trường và bảo vệ đàn vật nuôi khỏi dịch bệnh.



Đàn gà của gia đình anh Hà Công Dũng ở thôn Khuổi Chán

Hiệu quả ban đầu của mô hình nuôi gà thả vườn an toàn sinh học tại xã Kim Bình là tín hiệu đáng mừng trong việc phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng sản xuất hàng hoá vừa tăng thu nhập cho người chăn nuôi vừa cải thiện ô nhiễm môi trường. Từ quy mô ban đầu của mô hình với 2.000 con gà và 20 hộ tham gia, đến nay mô hình đã có sức lan tỏa nhân ra diện rộng trong và ngoài xã, với trên 30 hộ học tập làm theo, quy mô mỗi hộ từ 50 - 200 con. Trong thời gian tới, Trung tâm Khuyến nông tỉnh sẽ tiếp tục phối hợp với Trạm Khuyến nông Chiêm Hóa đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích các hộ gia đình mở rộng quy mô để chăn nuôi gà thả vườn theo hướng an toàn sinh học dần trở thành phổ biến, tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung cung cấp thực phẩm sạch cho người dân trên địa bàn góp phần nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi.

TS. TRẦN VĂN KHÔI

PGĐ. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

ĐẮK NÔNG: LÀM GIÀU TỪ NUÔI GÀ SIÊU TRỨNG

Trong khi rất nhiều hộ thất bại trong chăn nuôi thì vợ chồng chị Nguyễn Thị Dung và anh Trần Minh Long ở thôn Úc Vinh, xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil không chỉ đứng vững mà còn vươn lên làm giàu nhờ nuôi gà siêu trứng.

Năm 2008, vợ chồng chị Dung bắt đầu đến với nghề nuôi gà siêu trứng. Trước đó, anh chị đã tự tìm hiểu thông tin trên sách, báo và đăng ký tham gia các khóa tập huấn kỹ thuật nuôi gà do Trạm Khuyến nông, Hội Nông dân huyện Đắk Mil, công ty cung cấp giống (Công ty CP Việt Nam) tổ chức. Ngoài ra, chị Dung còn tự đi thăm quan, học tập kinh nghiệm thực tế tại các trang trại chăn nuôi gà lớn.

Trang trại của gia đình chị có tổng diện tích chuồng nuôi là 200m², cách xa khu dân cư. Hệ thống chuồng nuôi gà được thiết kế kiên cố, hiện đại với tường xây, hệ thống chiếu sáng, thông gió để luôn duy trì nhiệt độ phù hợp và hệ thống cung cấp nước uống tự động.

Chị Dung chia sẻ kinh nghiệm: Nuôi gà không khó nhưng phải cẩn thận, cùng với việc chuẩn bị chuồng trại tốt thì khâu chọn giống cũng không kém phần quan trọng. Gia đình chị chọn nuôi giống gà Isabrown của Công ty C.P Việt Nam, đây là giống gà có nhiều ưu điểm như: ít bệnh, dễ nuôi và năng suất trứng cao. Để tiết kiệm chi phí đầu tư giống chị đã mua gà một ngày tuổi về tự ươm, sau 18 tuần tuổi gà bắt đầu đẻ. Ngoài ra, đẻ gà đều đều, trứng to, chị cho gà ăn đúng bữa và đủ khẩu phần, trung bình 1 con gà 1 ngày ăn hết 1,1g cám tổng hợp (gồm 3 thành phần chính là bột ngô, cám gạo và cám đậm đặc trộn đều với nhau theo tỷ lệ thích hợp). Nhiệt độ và thời gian chiếu sáng trong chuồng thích hợp cũng là một trong những yếu tố quyết định đến tỷ lệ đẻ trứng cũng như sức đề kháng của gà.

Đẻ gà không bị dịch bệnh, chị tiêm phòng và chủng vắc xin đầy đủ, kịp thời. Hàng ngày vệ sinh chuồng trại, thu gom xử lý chất thải; phun thuốc khử trùng và rắc vôi bột xung quanh khu vực chuồng trại theo định kỳ. Trong quá trình nuôi, gia đình chị bổ sung thêm men tiêu hóa và vitamin 3 lần một tuần vào khẩu phần thức ăn của gà. Thường xuyên quan sát, nếu gà có biểu hiện không tốt cần cách ly để theo dõi tìm cách xử lý.

Hiện tại gia đình chị đang nuôi 3.000 con gà siêu trứng. Bình quân mỗi ngày thu được 2.700 quả trứng gà. Với mức giá bình quân 1.800



đồng/quả trứng, mỗi ngày gia đình chị thu về gần 5 triệu đồng. Tổng thu từ bán trứng của 1 năm đạt hơn 1,7 tỷ đồng. Ngoài ra, khi gà già có thể bán làm gà thịt với giá trung bình 100 nghìn đồng/con, 3000 con gà sẽ mang về mức thu 300 triệu đồng. Như vậy, tổng thu từ trang trại gà của gia đình chị Dung đạt khoảng 2 tỷ đồng/năm. Sau khi trừ chi phí hết khoảng 1,5 tỷ đồng/năm, chị thu lãi hơn 500 triệu đồng/năm. Chị Dung cho biết: “So với chăn nuôi các con vật khác thì nuôi gà siêu trứng có thu nhập hàng ngày cao hơn, nhưng cũng khá vất vả và giá cả cũng bấp bênh. Nếu người nuôi không kiên trì thì sẽ không thể trụ vững với nghề”.

Bà con có nhu cầu tham quan học tập kinh nghiệm chăn nuôi gà siêu trứng có thể liên hệ với chị Nguyễn Thị Dung, thôn Đức Vinh, xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông; điện thoại: 01654407988.

HOÀNG THỊ THANH HUYỀN

Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư Đắk Nông



Hiện tại gia đình chị đang nuôi 3.000 con gà siêu trứng, mỗi năm thu về doanh thu hơn 1,7 tỷ đồng từ bán trứng

HÀ NỘI: ANH TUYẾN “GÀ THẢ VƯỜN”

Đến xã Quang Lãng, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội nếu hỏi về người chăn nuôi gia cầm giỏi trong xã, nhiều người nhắc ngay đến anh Đỗ Kim Tuyến ở thôn Sảo Hạ chuyên nuôi gà thả vườn mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế với tấm bằng loại khá và cũng từng làm cho một vài công ty với thu nhập khoảng 5 - 7 triệu đồng/tháng, nhưng ý nghĩ phải làm giàu trên chính quê hương mình đã thôi thúc anh Tuyến về mở trại chăn nuôi tại địa phương. Nghĩ là làm, đầu năm 2012, anh Tuyến bắt đầu đi tham quan học hỏi các mô hình chăn nuôi gà trong và ngoài địa bàn. Giữa năm 2012, anh bắt tay vào thiết kế, xây dựng chuồng trại, nhập về 1.500 con gà giống và nuôi lứa gà đầu tiên. Vì chưa có kinh nghiệm cũng như kỹ thuật chăn nuôi nên khi úm gà bị chết nhiều, những con còn lại chậm lớn, tỷ lệ đồng đều thấp nên mặc dù rất vất vả nhưng sau 4 tháng dày công chăm sóc, anh Tuyến cũng chỉ bán được hòa vốn. Tuy nhiên, cái được lớn nhất có lẽ là bài học kinh



Gà thả vườn của gia đình anh Tuyến



nghiệm về nuôi gà. Trước đây, do giá thức ăn không chủ động được nên giá thành quá cao, quy trình chăn nuôi chưa đúng, lựa chọn giống gà để nuôi chưa chuẩn và phù hợp, hơn nữa việc chăm sóc nuôi dưỡng chưa đúng kỹ thuật...

Không nản chí, mong muốn tìm được cách khắc phục để đi tiếp con đường mà mình đã chọn, anh tìm đến Trung tâm Phát triển chăn nuôi Hà Nội nhờ tư vấn, giúp đỡ. Tại đây, anh đã được tư vấn, hướng dẫn và đưa đi tham quan học tập tại các mô hình chăn nuôi gà thả vườn đã chăn nuôi thành công trên địa bàn Thành phố cũng như một số địa phương khác. Từ đó, anh quyết định đầu tư 400 m² đất để xây dựng chuồng nuôi giun quế, tận dụng nguồn phân bò của các trang trại nuôi bò trong vùng làm thức ăn nuôi giun, sau đó thu hoạch giun làm thức ăn cho đàn gà; đồng thời liên hệ với các doanh nghiệp để mua các nguyên liệu rồi tự phối trộn thức ăn theo công thức được cán bộ kỹ thuật tư vấn, hướng dẫn.

Trong quá trình chăn nuôi, anh luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình phòng bệnh như việc sử dụng vắc xin, phun thuốc sát trùng, chế độ ăn uống, tẩy giun sán... do vậy đàn gà của anh luôn khỏe mạnh và phát triển đồng đều. Trung bình mỗi lứa gà anh nuôi khoảng 1.500 - 2.000 con, sau 120 - 140 ngày nuôi, trừ chi phí, anh cũng thu về gần 50 triệu đồng. Năm 2014, với 3 lứa gà nuôi thành công cũng đã giúp anh có thu nhập đáng kể. Tính bình quân mỗi tháng, gia đình anh thu nhập từ 15 - 20 triệu đồng từ chăn nuôi gà và bán giống giun quế. Anh Tuyến cho biết, đầu ra cho gà thả vườn hiện nay đang thuận lợi, nhất là vào dịp cuối năm vì chất lượng thịt ngon, khách hàng ưa chuộng nên gia đình anh yên tâm đầu tư sản xuất.

Quy mô chăn nuôi của gia đình anh Tuyến đã tăng từ 1.500 con gà/lứa lên 2.500 con gà/lứa, hướng tới quy mô 3.000 - 5.000 con/lứa vào thời gian tới. Chắc chắn với sức trẻ và kinh nghiệm thực tiễn, anh Tuyến sẽ thực hiện được ước mơ làm giàu bằng nghề nuôi gà thả vườn trên chính quê hương mình.

ĐỖ DANH LÃNH

Trạm Phát triển chăn nuôi huyện Thường Tín, Hà Nội

LONG AN: ỨNG DỤNG ĐỆM LÓT SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI GÀ

Trong thời gian qua, nghề chăn nuôi gà ở Long An không ngừng phát triển, số hộ chăn nuôi có quy mô từ vài trăm đến vài ngàn con đã trở nên phổ biến. Tuy nhiên, song song với kết quả tăng đàn tích cực thì việc xử lý chất thải từ chăn nuôi gà là một vấn đề bức thiết được đặt ra. Ngoài các biện pháp thông thường như rải tro trấu, ủ phân, ủ chất độn chuồng... thì thời gian gần đây, bà con chăn nuôi đặc biệt quan tâm áp dụng kỹ thuật sử dụng đệm lót sinh học Balasa N01 để xử lý chất thải.

Sản phẩm đệm lót sinh học Balasa N01 có thành phần chủ yếu là tế bào sống gồm các chủng vi khuẩn, nấm men, nấm sợi và các men (enzym) phân hủy chất hữu cơ. Sản phẩm Balasa N01 được sử dụng làm đệm lót trên nền chuồng nuôi gà sẽ giúp thúc đẩy nhanh sự phân hủy phân và chất độn chuồng trong suốt quá trình nuôi, từ đó tạo môi trường nuôi thông thoáng, sạch sẽ, giảm mùi hôi đồng thời giảm công lao động thu gom, xử lý phân và chất độn chuồng.

Trung bình để tạo đệm lót trên diện tích từ 30 – 50 m² chuồng, cần đổ một lớp trấu dày 10 – 15 cm trên nền chuồng, sau đó trộn đều 1 kg men Balasa N01 với 1 kg bột khô (cám gạo hoặc bột sắn, bột ngô) và rắc đều lên toàn bộ bề mặt trấu. Nhằm tiết kiệm chi phí, có thể ủ men để sử dụng dần bằng cách trộn đều 1 kg men Balasa N01 với 3 kg cám gạo, thêm khoảng 1,2 lít nước sạch và xoa cho ẩm đều, sau đó cho tất cả hỗn hợp trên vào thùng đậy kín, để nơi khô ráo, ẩm. Sau 2 ngày, hỗn hợp dịch men có mùi thơm hơi chua là sử dụng được.

Hiện nay, nhiều hộ chăn nuôi gà ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã sử dụng đệm lót Balasa N01 để xử lý chất thải của gà và cho kết quả tốt. Riêng ở Long An, Trung tâm Khuyến nông đã phối hợp với một số hộ chăn nuôi ở các huyện Châu Thành, Cần Đức, Thủ Thừa, Đức Hòa thực hiện mô hình trình diễn để bà con chăn nuôi tham quan thực tế.

Chị Lê Thị Thu Hương, một trong những người nuôi gà đã sớm áp dụng sản phẩm đệm lót nhận định: “Từ khi sử dụng đệm lót sinh học thì mùi hôi trong chuồng gà giảm hẳn, gia đình tôi đỡ công quét dọn mỗi ngày và đàn gà ít bị bệnh. Tôi đã giới thiệu cho mấy chị bạn trong xóm, sau khi sử dụng mọi người đều đồng ý là đệm lót sinh học có hiệu quả thực sự”. Cũng theo ý kiến của chị Hương, với trên 90m² chuồng áp dụng đệm lót sinh học thì chỉ tốn khoảng 350.000 đồng cho mỗi đợt nuôi 600 con gà, chưa kể sau mỗi đợt nuôi chị tận thu đệm lót đem ủ rồi bón cho cây trồng. Với chi phí thấp nhưng hiệu quả cao nên sản phẩm đệm lót Balasa N01 thực sự là một giải pháp xử lý chất thải rất có triển vọng trong chăn nuôi gà. Vì vậy, rất cần tổ chức quảng bá sâu rộng hơn nữa để vừa nâng cao hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi vừa góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

NGUYỄN THỊ HIẾU DÂN



ĐỒNG THÁP: HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH NUÔI VỊT THỊT AN TOÀN SINH HỌC

Thanh Bình là một trong những huyện tập trung đàn thủy cầm lớn nhất ở Đồng Tháp. Hiện nay, nuôi chạy đồng là phương thức nuôi truyền thống và phổ biến tại địa phương. Phương thức chăn nuôi này tiềm ẩn nhiều rủi ro, dễ lây lan mầm bệnh, gây ô nhiễm môi trường và tỷ lệ hao hụt cao. Những năm gần đây, đã có nhiều chương trình khuyến nông nhằm khuyến khích người chăn nuôi chuyển đổi phương thức từ chăn nuôi truyền thống sang nuôi tập trung theo hướng an toàn sinh học, nhiều hộ chăn nuôi đã áp dụng và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Dân gian thường nói “Muốn giàu nuôi cá, muốn khá nuôi heo và muốn nghèo nuôi vịt”. Chú Nguyễn Văn Quý (tên thường gọi là Chú Sáu), cư ngụ khóm Tân Đông B, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp đã không tin vào điều đó. Năm 2013, chú mạnh dạn tham gia mô hình chăn nuôi vịt thịt an toàn sinh học từ Dự án “Phát triển chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học” nguồn kinh phí Khuyến nông



Chú Sáu bên đàn vịt siêu thịt



Ao nhân tạo thiết kế cho vịt tắm

Quốc gia với số lượng 750 con vịt siêu thịt.

Trước khi thực hiện mô hình, chú được dự lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi vịt theo hướng an toàn sinh học và tham quan các mô hình nuôi vịt thịt ở thành phố Cao Lãnh, huyện Lấp Vò,... Sau đó, chú bắt tay vào xây dựng chuồng trại, hồ nước nhân tạo, hồ sát trùng trước cửa ra vào, phun thuốc sát trùng chuồng nuôi và khu vực xung quanh. Chuồng nuôi được chú bố trí cách xa nhà ở 50 m và khu vực chăn nuôi khác nhằm đảm bảo an toàn cho người và động vật. Khu vực chuồng nuôi được bao bọc bằng lưới cước để tránh gia súc, gia cầm, thú hoang xâm nhập gây hại cho đàn vịt.

Nói về kinh nghiệm nuôi vịt, chú Sáu chia sẻ, lúc nhận vịt về, cần cho vịt uống ngay nước có pha vitamin C, đường Glucose để tăng sức đề kháng, sau đó tập cho vịt ăn thức ăn của vịt con. Tiến hành úm vịt con bằng bóng đèn sợi đốt 75W liên tục cả ngày và đêm. Giai đoạn úm, thường xuyên thay đổi chất lót chuồng tránh cho vịt bị lạnh. Đến ngày



thứ 3 thì cho vịt làm quen dần với môi trường nước, giảm thời gian chiếu sáng cho vịt. Nguồn nước được bơm xả thường xuyên để đảm bảo luôn sạch sẽ. Hằng tuần, tiến hành sát trùng chuồng trại và khu vực xung quanh bằng hóa chất sát trùng Benkocid. Tiêm phòng các loại vắc-xin như viêm gan, dịch tả, cúm gia cầm theo quy trình hướng dẫn của cán bộ thú y. Sử dụng hoàn toàn thức ăn công nghiệp, giai đoạn vịt 3 tuần tuổi thức ăn trên 20% đạm, từ tuần thứ 4 đến xuất bán thức ăn 18% đạm.

Kết quả đạt được sau gần 2 tháng nuôi, tỷ lệ hao hụt 3%, tiêu tốn thức ăn/kg tăng trọng của vịt là 2,5 kg, vịt đạt trọng lượng trung bình 3,2 kg/con. Với giá bán 40.000 đồng/kg, lợi nhuận thu được là 4.000 đồng/kg. Tổng lợi nhuận toàn mô hình trên 9,3 triệu đồng sau hai tháng nuôi.

Qua thực hiện mô hình này chú Sáu cho biết: Nuôi vịt thịt an toàn sinh học không khó, tuy nhiên cần phải tuân thủ nghiêm theo đúng quy trình kỹ thuật. Con giống phải được chọn từ các cơ sở có uy tín, được nhà nước cấp giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh; sử dụng hoàn toàn thức ăn công nghiệp và chọn những thức ăn đạt chất lượng; nguồn nước phải đảm bảo sạch; chuồng trại thông thoáng và kín gió, đặc biệt là giai đoạn úm vịt con, phải thường xuyên vệ sinh sát trùng chuồng trại để hạn chế mầm bệnh; tiêm phòng đúng theo quy trình của thú y.

Từ thực tế chăn nuôi, chú cũng kiến nghị nên có những cơ sở sản xuất giống vịt siêu thịt trong tỉnh nhằm chủ động nguồn con giống, giảm chi phí sản xuất, hạn chế vận chuyển xa để vịt con không bị sốc. Bên cạnh đó cần có doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm chăn nuôi để bản thân chú và những người chăn nuôi trong vùng yên tâm sản xuất.

Hiện nay, chú Sáu tiếp tục duy trì và nhân rộng mô hình. Sau khi kết thúc mỗi đợt nuôi, chú tiến hành vệ sinh, sát trùng chuồng trại và để trống chuồng khoảng nửa tháng thì tiếp tục thả nuôi đợt mới. Đặc biệt, trong năm 2014, chú còn áp dụng quy trình đệm lót sinh học dùng men BALASA-N01 xử lý chuồng khu vực vịt ngủ nhằm giảm công dọn dẹp phân, tiết kiệm chi phí sử dụng thuốc thú y, hạn chế được dịch bệnh. Mô hình chăn nuôi vịt an toàn sinh học có thể áp dụng rộng rãi trên địa bàn trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

NGUYỄN TRÍ TUỆ

Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Đồng Tháp

THOÁT NGHÈO TỪ NUÔI VỊT VÀ CÁ

Trong vài năm gần đây, xã Thịnh Hưng nói riêng và huyện Yên Bình nói chung xuất hiện ngày càng nhiều mô hình làm ăn có hiệu quả như nuôi lợn, gà, cá, chim bồ câu... nhưng chị Nguyễn Thị Thanh ở thôn Ao Khoai, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình lại chọn mô hình cá - vịt để phát triển kinh tế, đem lại thu nhập hàng trăm triệu đồng mỗi năm.

Lập gia đình từ năm 1987, chị làm công nhân ở Công ty xây dựng số 2, còn chồng làm ở nhà máy chè Văn Hưng nhưng cuộc sống vẫn khó khăn, vất vả. Chị quyết định nghỉ làm để phát triển kinh tế cho cuộc sống phần nào bớt khó khăn. Tận dụng lợi thế về đất đai của gia đình, anh chị chọn chăn nuôi vịt để trứng là hướng phát triển kinh tế. Ban đầu do chưa có nhiều kinh nghiệm nên chỉ dám nuôi ít, sau dần dần tích lũy thêm kinh nghiệm và số lãi thu được qua các lứa nuôi, cộng với kiến thức học qua các lớp tập huấn khuyến nông, anh chị đã mạnh dạn mở rộng quy mô chăn nuôi. Hiện nay, anh chị luôn duy trì trung bình 600 con vịt đẻ, có thời điểm lên đến 1.000 con. Nhờ áp dụng những tiến bộ kỹ thuật, chủ động tiêm phòng, phun thuốc tiêu độc khử trùng nên đàn vịt đẻ nhà chị luôn phát triển khỏe mạnh, ít gặp dịch bệnh.

Chia sẻ về kinh nghiệm nuôi vịt đẻ, chị Thanh tâm sự: “Đối với nuôi vịt đẻ, người nuôi cần đảm bảo nguồn nước sạch; chọn con giống tốt, đồng đều, không bị dị tật; giữ chuồng nuôi sạch sẽ, không ẩm ướt, đồng thời bơm thuốc sát trùng hàng tháng. Gia đình tôi nuôi vịt đẻ, chỉ sau 4 tháng nuôi vịt đã bắt đầu đẻ trứng, đến tháng thứ 5, thứ 6 thì sản lượng trứng mới cao và ổn định. Nuôi vịt đẻ sau 2 năm tỷ lệ đẻ thấp nên phải loại thải và để trống chuồng 1-2 tháng, làm vệ sinh chuồng trại rồi tiếp tục vụ nuôi mới”.

Trứng vịt của gia đình chị được thương lái đến tận nhà mua, tính từ đầu năm 2013 đến nay, trung bình mỗi ngày gia đình chị thu được hơn 300 trứng, với giá bán hiện nay 3.000 đồng/quả, trừ chi phí gia đình chị thu lãi khoảng gần 40 triệu đồng/năm.

Để tận dụng chất thải từ vịt và khai thác hiệu quả diện tích ao hơn 4 ha của gia đình, chị thả nuôi các loài cá: trắm, chép, mè, rô phi, trôi,... Mỗi năm thu hoạch một lần, đạt khoảng hơn 2 tấn cá/năm, giá bán trung bình 30.000 đồng/kg; trừ chi phí thu lãi được hơn 30 triệu đồng/năm.

Mô hình nuôi vịt đẻ trứng kết hợp thả cá của gia đình chị Thanh đã



đem lại hiệu quả cao, nuôi cá đã tận dụng được thức ăn rơi và phân của vịt nên làm sạch môi trường nước, giúp giảm chi phí xử lý nước ao, chi phí thức ăn cho cá. Ngoài việc tập trung phát triển chăn nuôi, với hơn 8.000m² trồng chè đang ở thời kì kinh doanh, nhờ được chăm sóc thường xuyên cũng cho gia đình anh chị nguồn thu hơn 30 triệu đồng mỗi năm.

Với khát khao làm giàu ngay trên mảnh đất quê hương, với bản tính cần cù chịu khó, thời gian tới chị sẽ đầu tư xây dựng thêm hệ thống chuồng trại để mở rộng quy mô chăn nuôi lên 1.000 vịt đẻ/lúa, từ đó có điều kiện để xây dựng cuộc sống ngày càng đầy đủ và sung túc hơn. Đây là mô hình điển hình về phát triển kinh tế cần được nhân rộng.

NGUYỄN THỊ MINH PHƯỢNG

Trung tâm Khuyến nông Yên Bái

QUẢNG NGÃI: TRIỂN VỌNG TỪ MÔ HÌNH TỔ HỢP TÁC NUÔI CHIM BÒ CÂU

Trong vài năm trở lại đây, phong trào nuôi chim bồ câu ở xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh mang tính nhỏ lẻ, hiệu quả sản xuất chưa cao, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào nuôi chim bồ câu còn hạn chế. Được sự khuyến khích, hỗ trợ của chính quyền địa phương, Hội nông dân xã Tịnh Bình đã vận động những hộ nuôi chim bồ câu trên địa bàn xã thành lập Tổ hợp tác hộ nông dân nuôi chim bồ câu để giúp hộ nông dân có điều kiện gặp gỡ trao đổi kinh nghiệm, kỹ thuật chăn nuôi, đồng thời chủ động được giá và tìm đầu ra cho sản phẩm vật nuôi.



Những cặp chim bồ câu sinh sản giống Hà Lan

Sau khi tìm hiểu ở nhiều nơi, biết chim bồ câu nuôi rất đơn giản, không đòi hỏi đầu tư nhiều, mang lại thu nhập cao, năm 2008 gia đình ông Trần Tấn ở thôn Bình Bắc, xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh

Quảng Ngãi đã mạnh dạn đầu tư nuôi chim bồ câu. Ban đầu ông chỉ mua 20 cặp chim bồ câu sinh sản giống Hà Lan, nuôi theo phương pháp nhốt chuồng. Sau thời gian chăm sóc, nhân giống, đến nay, trong chuồng của gia đình ông đã có 150 cặp bồ câu sinh sản. Theo ông Tần, nuôi bồ câu ít dịch bệnh. Thức ăn cho bồ câu là lúa, gạo lứt, thức ăn công nghiệp. Sau 4 tháng nuôi, bắt đầu sinh sản, bình quân, mỗi cặp một năm sinh sản 10 đợt, mỗi đợt đẻ 2 trứng. Trứng bồ câu ấp 14 ngày sẽ ra rảnh, mỗi cặp bán với giá 90 nghìn đồng. Riêng bồ câu sinh sản có giá 250 nghìn đồng/cặp. Tuy nhiên, trong quá trình nuôi chim bồ câu không tránh khỏi những rủi ro khi kỹ thuật chăm sóc chưa được nâng cao, thị trường tiêu thụ còn nhiều khó khăn.

Khi được tham gia vào tổ hợp tác nuôi chim bồ câu, ông Trần Tần rất phấn khởi, đây sẽ là cơ hội cho ông được học hỏi về thiết kế xây dựng chuồng trại, đầu tư xây dựng hệ thống ăn, uống tự động, các tiêu chí đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, trong đó nhất là việc tìm đầu ra cho sản phẩm của gia đình. Hiện nay, gia đình ông có 50 cặp chim bồ câu sinh sản giống Pháp trong diện tích 12 m². Dự tính năm 2015, gia đình ông sẽ mở rộng ra 2000m². Tham gia vào tổ hợp tác nuôi chim bồ câu, ông mong muốn sẽ được tạo điều kiện nguồn vốn để phát triển kinh tế.

Ông Phạm Ngọc Minh - Chủ tịch Hội nông dân xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh cho biết: Từ năm 2008 đến nay, trên địa bàn xã Tịnh Bình xuất hiện nhiều hộ dân nuôi chim bồ câu. Quá trình nuôi, chăm sóc đơn giản, hiệu quả kinh tế cao nên nhiều hộ dân đã học hỏi nhân rộng mô hình nuôi bồ câu giống, bồ câu thịt. Để tăng thu nhập cho gia đình, giúp người dân có địa điểm gặp gỡ trao đổi kinh nghiệm, kỹ thuật nuôi, đồng thời tìm nguồn tiêu thụ ổn định, chủ động được giá cả. Hội nông dân xã Tịnh Bình đã thành lập tổ hợp tác hộ nông dân nuôi chim bồ câu, có 10 thành viên, mỗi thành viên nuôi từ 40 cặp bồ câu. Đối với các thành viên trong tổ, Hội nông dân xã sẽ tạo điều kiện để được vay vốn, đồng thời hướng dẫn truy cập Internet để nắm bắt kỹ thuật nuôi, chăm sóc chim bồ câu.

Việc thành lập tổ hợp tác nuôi chim bồ câu ở xã Tịnh Bình là hướng phát triển mới, đầu tiên ở huyện Sơn Tịnh. Đây là cơ sở để từng bước thay thế các giống vật nuôi cũ tại địa phương bằng các loại vật nuôi mới cho năng suất cao. Qua đó, thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao đời sống của người dân.

KIM CÚC - NHƯ ĐỒNG



MÔ HÌNH NUÔI CHIM BÒ CÂU LAI TRONG LỒNG CHO HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO

Trong những năm gần đây, nhờ tích cực chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, xã Phú Vĩnh đã có những bước tiến đáng kể trong phát triển kinh tế - xã hội, nhiều nông dân đã chú trọng đa dạng hóa các loài vật nuôi để từng bước nâng cao hiệu quả kinh tế gia đình. Bên cạnh việc phát triển các mô hình chăn nuôi heo, bò thịt... nông dân trong xã còn nuôi chim bồ câu lai. Bước đầu mô hình này đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, giúp nhiều nông dân thoát nghèo.

Một trong những điển hình trong nuôi chim bồ câu lai thành công là anh Phan Văn Điềm, ở ấp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Anh Điềm cho biết: “Lúc đầu tôi nuôi 10 cặp bồ câu lai, sau một thời gian thấy nuôi bồ câu đơn giản, không tốn nhiều thời gian chăm sóc, lợi nhuận cũng khá cao. Tuy nhiên, qua tìm hiểu thông tin trên báo, đài và đi tham quan các hộ nuôi bồ câu lân cận, năm 2012 tôi đầu tư xây dựng chuồng nuôi bồ câu lai trong lồng (nuôi nhốt hoàn toàn), đến nay trại bồ câu của gia đình tôi đã phát triển lên đến 62 cặp bồ câu bố mẹ”. Với số lượng 15 khung chuồng/90 ô chuồng; chi phí cho 01 khung chuồng nuôi bồ câu là 01 triệu đồng, con giống là 250.000 đồng/cặp. Chuồng được thiết kế thành 02 tầng cách nền chuồng 0,4



Thiết kế ổ để cho chim bồ câu

m, khoảng cách giữa 02 khung chuồng là 0,2m, sau đó được lót lưới cước và rải 01 lớp trấu giữa 02 khung chuồng để tiện cho việc thu gom phân và vệ sinh chuồng trại. Làm chuồng bằng gỗ kích cỡ 2cm x 2cm (hoặc lưới kẽm kích cỡ 1cm x 1 cm), với chiều dài 3 m, rộng 0,5m, cao 0,5m, làm thành 6 ô/khung chuồng. Mỗi ô với kích thước: chiều dài 0,5m, rộng 0,5m, cao 0,5m. Mỗi ô chuồng cho một cặp bồ câu bố mẹ, một ổ để trứng và ấp trứng đặt ở trên ô chuồng. Chuồng nuôi phải có ánh sáng mặt trời, khô ráo, thoáng mát, sạch sẽ, tránh gió lùa, ồn ào. Máng ăn và máng uống cho chim bồ câu được làm bằng chai nhựa nhằm tận dụng để tiết kiệm chi phí và đảm bảo vệ sinh.



Thiết kế máng ăn, máng uống cho chim bồ câu

Chim bồ câu giống được anh Điềm chọn lựa kỹ càng, phải là những con có lông bụng dày mượt, lanh lợi, không dị tật. Thức ăn cho chim bồ câu chủ yếu là gạo lức trộn với thức ăn hỗn hợp với hàm lượng protein thô 17%, theo tỉ lệ 2:1 (thức ăn hỗn hợp 2: gạo lức 1). Ngoài ra anh còn bổ sung thêm vitamin và khoáng chất để tăng cường sức đề kháng cho chim bồ câu. Lượng thức ăn cho chim bồ câu là 50 gam thức ăn hỗn hợp + 25 gam gạo lức/ngày/cặp bồ câu, mỗi ngày cho ăn 2 lần, sáng và chiều.

Bên cạnh đó, chuồng nuôi được thu gom phân sạch sẽ, vệ sinh, sát trùng chuồng trại 7 ngày/lần, nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường và bệnh tật cho bồ câu. Thời gian đầu mới gây dựng, anh Điềm chủ yếu bán bồ câu thịt nhưng bây giờ anh kết hợp vừa nhân giống để cung cấp cho những hộ nuôi khác ở địa phương, vừa nuôi chim bồ câu thịt cung cấp cho các nhà hàng, khách sạn, quán ăn... Chim bồ câu giống nuôi



Mô hình nuôi chim bồ câu của anh Phạm Văn Điềm

5 - 6 tháng thì sinh sản, mỗi cặp đẻ 2 trứng/lứa và ấp khoảng 15 ngày thì nở. Mỗi tháng anh bán 30 cặp chim bồ câu ra ràng với giá 70.000 đồng/cặp và 1 - 2 cặp bồ câu giống giá 250.000 - 300.000 đồng/cặp. Sau khi trừ chi phí gia đình anh Điềm thu lãi hơn 01 triệu đồng/tháng.

Theo anh, nuôi chim bồ câu đầu tư ít, nhanh thu hồi vốn, chi phí thấp, lại dễ nuôi, ít bị dịch bệnh; quá trình sinh sản của chim bồ câu là liên tục và khá nhanh, hiệu quả kinh tế mang lại cho người nuôi là thấy rõ. Mô hình của anh được nhiều hộ dân trong vùng đến tham quan, học tập làm theo và đến nay đã mở rộng ra trên 4 hộ tại địa phương. Việc nuôi chim bồ câu lai trong lồng vừa tận dụng công lao động nhàn rỗi, vừa đem lại cho các hộ gia đình một khoản thu nhập tương đối khá, góp phần không nhỏ trong việc phát triển chăn nuôi kinh tế hộ gia đình, đa dạng hóa đối tượng vật nuôi.

HỨA LONG SƠN

Trạm Khuyến nông thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

BÌNH PHƯỚC: HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH NUÔI CHIM TRĨ ĐỎ



Thời gian qua, người chăn nuôi trong cả nước luôn phải đối mặt với vô số những khó khăn, thách thức do một số mặt hàng chăn nuôi liên tục rớt giá, dịch bệnh thường xuyên bùng phát, trong khi đó giá đầu vào lại có xu hướng tăng. Trước thực trạng đó, một số hộ nông dân đã sáng kiến, tìm tòi những mô hình chăn nuôi mới, khác biệt, đầu tư ít vốn, kỹ thuật chăm sóc đơn giản, ít phụ thuộc vào biến động của thị trường, đem lại giá trị kinh tế cao.

Năm 2011, tốt nghiệp đại học ngành thú y nhưng chị Đỗ Thị Thanh Hương, ở ấp An Hòa, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước lại chọn hướng đi cho mình bằng nghề chăn nuôi. Chị Hương cho biết, do có sở thích chăn nuôi từ nhỏ nên lúc đầu chị dự định mở trại nuôi gà ta thả vườn nhưng thấy giá cả bấp bênh nên không thực hiện. Qua tìm hiểu trên mạng Internet, chị phát hiện nghề chăn nuôi chim trĩ đỏ ở Hà Nam đang là nghề mới, kỹ thuật chăm sóc đơn giản, đầu tư ít vốn nhưng cho giá trị siêu lợi nhuận, trong khi đó ở Bình Phước cũng như các tỉnh miền Đông Nam Bộ mô hình này đang rất mới mẻ.

Tận dụng chuồng heo của gia đình bỏ trống, lúc đầu chị đầu tư gần 20 triệu đồng sửa sang chuồng trại và nuôi thử nghiệm 30 con. Thấy chim trĩ đỏ ăn ít, lớn nhanh, đẻ nhiều, đặc biệt chất lượng thịt thơm ngon, được thị trường ưa chuộng nên chị quyết định đầu tư mở rộng chuồng trại để tăng đàn. Đến nay, đàn chim trĩ đỏ của chị đã có 100 con mái đẻ, 30 con trống (cứ 3 mái:1 trống), trung bình mỗi tháng ấp



và cho ra lò từ 700 - 800 con giống cung ứng cho thị trường. Với kinh nghiệm bản thân, chị Hương cho biết, đây là loại chim có sức đề kháng cao nên chỉ cần cho uống thuốc phòng ngừa dịch cúm và hàng tuần vệ sinh chuồng trại là được. Thức ăn ngoài cám gà, chị cho ăn thêm rau muống, mỗi ngày cho ăn 3 lần. Chim được nuôi 5 tháng thì bán thương phẩm (1,3 - 1,5 kg/con), khoảng 8 tháng thì sinh sản. Đặc biệt, đây là loại chim không biết ấp nên đẻ quanh năm, trung bình mỗi con đẻ từ 120 - 200 trứng/năm. Hiện nay, giá trứng trên thị trường là 50.000 đồng/quả, chim một tháng tuổi bán 200.000 đồng/con, chim thương phẩm 450.000 đồng/kg, chim sinh sản 1,3 triệu đồng/con, chim trống làm cảnh 1 triệu đồng/con nhưng cũng không đủ cầu.

Mới chỉ hơn 1 năm đầu tư nuôi chim trĩ đỏ, nhưng đến nay mỗi tháng gia đình chị Hương thu về 50 - 70 triệu đồng tiền lãi, trong khi công chăm sóc không nhiều. Sở dĩ nuôi chim trĩ đỏ thu lợi nhanh vì chim trĩ đỏ đẻ nhiều, dễ nuôi và thị trường hiện nay còn rộng lớn. Mô hình nuôi chim trĩ đỏ có thể coi là mô hình mới đem lại hiệu quả cao cho người chăn nuôi.

HUỲNH HÀO

Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư Bình Phước

PHÚ YÊN: NUÔI LỢN RỪNG MANG LẠI HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO

Đó là mô hình của ông Lê Tiến - năm nay 68 tuổi ở khu phố 2, phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Ông Tiến cho biết, cách đây 10 năm, gia đình ông rất khó khăn, sau thời gian dài tìm tòi, học hỏi kinh nghiệm của những người đi trước về cách nuôi lợn rừng lai ông đã quyết định triển khai mô hình kinh tế này.

Ông Tiến lặn lội đến tận thôn Tân Lập, xã Early, huyện Sông Hinh để mua hai con heo giống có chất lượng tốt, có vóc dáng cân đối, nhanh nhẹn, lưng thẳng bụng thon, có màu sắc đặc trưng là nâu đen hay xám đen ở các trang trại lớn có uy tín, có giấy chứng nhận kiểm dịch và tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm theo quy định như lở mồm long móng, dịch tả, tụ huyết trùng... Bên cạnh đó, ông Tiến còn chú ý đến xây dựng chuồng trại có mái che, thoáng mát về mùa hè và ấm về mùa đông, xây trên khu đất cao ráo để thoát nước. Ông còn tận dụng đất vườn nhà trồng thêm một số loài cây xanh rậm rạp thích hợp với bản chất của

heo rừng lai, hệ thống chuồng trại xây dựng liền kề có cửa thông nhau tạo khoảng đất trống và có lưới rào B40 chắc chắn để thả heo con và sưởi nắng trên diện tích tối thiểu là 4m²/con. Địa điểm xây chuồng trại xa khu dân cư và đường giao thông để tránh tiếng ồn làm heo rừng lai hoảng hốt bỏ chạy. Thức ăn cho heo được ông Tiến tận dụng thức ăn thừa



gần chợ hoặc kiếm các loại bèo, mía, ngô non, các loại củ quả, rau muống nên giảm được chi phí thức ăn.

Đến nay đàn heo của gia đình ông Tiến đã có 42 nái, 1 con đực giống và gần 100 heo con. Mỗi năm trung bình đàn heo của ông sinh được 40 - 50 heo con, xuất bán trong tỉnh và các tỉnh lân cận đã mang lại nguồn thu nhập khá cho gia đình, nhất là những dịp tết với số lãi trên 150 triệu đồng/năm. Do chất lượng thịt heo rừng lai của ông Tiến thịt nhiều, nạc mềm rất ít mỡ, da dày nhưng không cứng như nên được khách hàng ưa chuộng, tìm đến tận nhà đặt mua sản phẩm. Ngoài ra ông Tiến còn làm thêm 6 sào ruộng sau khi trừ chi phí cho thu nhập 16 triệu đồng/năm. Ông còn tận tình hướng dẫn lại bà con xung quanh cách triển khai mô hình kinh tế tương tự như gia đình mình để vươn lên thoát nghèo.

Ở địa phương ông Tiến luôn chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Nhà nước, hoàn thành các nghĩa vụ thuế hằng năm, được Ủy ban Nhân dân thành phố Tuy Hòa công nhận là gia đình văn hóa, được Hội Nông dân Thành phố Tuy Hòa biểu dương thành tích nhiều năm liền là “Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi”.

NGUYỄN TÁM

Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Phú Yên



CHĂN NUÔI LỢN BẢN ĐỊA VÀ ĐẶC SẢN ĐẠT HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO Ở MIỀN NÚI



Các giống lợn địa phương đang được người dân vùng núi nuôi khá phổ biến, ngoài tính thích nghi cao với điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội còn phải kể đến chất lượng thịt thơm ngon, khả năng chống chịu dịch bệnh và tận dụng thức ăn tốt. Trong đó có những dòng, giống lợn nuôi theo hình thức bán hoang dã nên được thị trường rất ưa chuộng. Đây là những dòng lợn được tạo ra từ những hộ gia đình sống ở vùng núi cao, lợn nái sinh sản được nuôi thả rông, khi động dục đã giao phối với lợn đực rừng tạo nên sản phẩm lợn lai giữa lợn rừng và lợn nhà.

Các nhà khoa học thuộc Viện Khoa học sự sống - Đại học Thái Nguyên đã sưu tầm những con lợn lai hình thành một cách ngẫu nhiên này và tổ chức chăn nuôi để khảo sát các đặc tính năng suất, chất lượng. Kết quả chăn nuôi nhóm giống lợn này tại huyện vùng cao Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn từ năm 2006 tới nay cho thấy, lợn này có tốc độ sinh trưởng tương đương lợn địa phương, nhưng chất lượng thịt rất ngon, được coi là sản phẩm mang tính “Đặc sản - hữu cơ” cao nên giá bán những loại lợn này thường cao hơn 2 - 3 lần các loại lợn địa phương

thông thường khác làm cho hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi lợn của người dân khu vực này tăng lên rất nhiều. Trong khi điều kiện chăn nuôi nhóm lợn này không cầu kỳ như các loại lợn lai giữa lợn nội với



Từ năm 2008, Viện Khoa học sự sống kết hợp với Công ty CP khai khoáng miền núi xây dựng cơ sở chăn nuôi lợn đặc sản tại xã Tứ Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Với quy mô 30 lợn nái, mỗi năm cơ sở sản xuất được 350 lợn giống và lợn thịt thương phẩm cung cấp ra thị trường. Dựa trên việc khai thác thể mạnh của nhóm lợn rừng như khả năng chống chịu tốt, chất lượng thịt thơm ngon, tỷ lệ nạc cao... kết hợp với những ưu điểm của lợn địa phương là mắn đẻ, nuôi con khéo... Mô hình thiết kế theo phương pháp chăn nuôi bán chăn thả kết hợp áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng suất chăn nuôi cũng như trong việc xử lý chất thải chăn nuôi không gây ô nhiễm môi trường. Từ đây, nhiều hộ gia đình tại các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Cao Bằng... đã phát triển sản xuất dòng lợn này và đem lại hiệu quả chăn nuôi cao, tăng thêm thu nhập cho gia đình.

Với ưu thế chất lượng thịt thơm ngon, lợn con giống khi xuất chuồng đạt khối lượng từ 10 - 15 kg/con, giá bán 180.000 đồng/kg, lợn thương phẩm khi xuất chuồng đạt 40 - 50 kg có giá bán 120.000 đồng/kg. Ước tính mỗi lợn nái mang lại thu nhập khoảng 10 triệu đồng/năm, sau khi trừ chi phí.



Để đạt được kết quả đó, cần đáp ứng được những yêu cầu nhất định: (1) Về con giống: Nhất thiết phải có những con giống tốt, đúng chủng loại. (2) Phải có bãi chăn thả: Một đàn lợn khoảng 20 con cần phải có bãi chăn thả khoảng 500 m². Việc chăn thả giúp lợn được vận động, khỏe mạnh, thịt săn chắc, tỷ lệ mỡ thấp. (3) Phải có nguồn thức ăn xanh dồi dào và do cơ sở tự sản xuất như thân lá chuối, cỏ voi, thân lá cây ngô... nhằm đáp ứng nhu cầu về dinh dưỡng, đồng thời góp phần giảm chi phí sản xuất. (4) Đảm bảo vệ sinh thú y. Định kỳ tiêm phòng các loại vắc xin như dịch tả, PRRS (tai xanh), leptos... Phun thuốc sát trùng và tiêu diệt chuột trong khu chăn nuôi 1-2 tuần/lần. (5) Chăn nuôi lợn đặc sản không quá cầu kỳ, nhưng cần phải nắm bắt được những khâu kỹ thuật then chốt, đặc biệt đối với lợn nái sinh sản và lợn con (theo mẹ và sau cai sữa).

Với xu hướng phát triển của đất nước, nhu cầu về thực phẩm ngon, an toàn và phù hợp thị hiếu của người tiêu dùng cũng tăng lên. Chăn nuôi lợn đặc sản là hướng đi mới, góp phần phục vụ nhu cầu của xã hội, đồng thời đem lại thu nhập cho người chăn nuôi ở những vùng có điều kiện thích hợp.

NGUYỄN THỊ HẢI

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH ĐỆM LÓT SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI LỢN (HEO)

Năm 2013, từ nguồn kinh phí sự nghiệp của Trung tâm Khuyến nông An Giang, Trạm Khuyến nông Thị xã Tân Châu đã triển khai thực hiện trình diễn mô hình “Sử dụng chế phẩm sinh học BALASA-N01 làm đệm lót sinh học trong chăn nuôi heo thịt” tại chuồng nuôi của anh Lý Minh Luận, ngụ ấp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh, TX. Tân Châu.



Mô hình nuôi heo trên nền đệm lót sinh học tại hộ anh Luận

Theo anh Luận, trước đây anh không tin là việc nuôi heo không cần tắm mà không gây mùi hôi cho chuồng nuôi và lại có hiệu quả cao. Nhưng qua đợt nuôi trình diễn, với sự hỗ trợ từ Trạm Khuyến nông Tân Châu, anh chia sẻ: “Đây là mô hình rất hiệu quả trong chăn nuôi heo, vừa tiết kiệm được thời gian, chi phí chăn nuôi vừa đem lại hiệu quả kinh tế cho gia đình. Điều đặc biệt là mặc dù không phải tắm rửa nhưng đàn heo vẫn phát triển tốt, da thịt bóng hồng, ít bệnh, không còn xuất hiện ruồi nhặng và giảm thiểu một cách hiệu quả mùi hôi bốc ra từ chuồng nuôi, không còn gây phiền hà cho những hộ lân cận”.

Về hiệu quả kinh tế mà mô hình mang lại cho hộ nuôi rất khả quan. Anh Luận so sánh: với phương pháp nuôi trước đây, mỗi đợt nuôi 10 con heo sẽ mang lại lợi nhuận khoảng 10 triệu đồng. Nhưng khi ứng dụng đệm lót sinh học vào chuồng nuôi, với cùng giá bán heo hơi và sau khi trừ đi các khoản đầu tư thì lợi nhuận đạt được gần 14,5 triệu đồng, cao hơn cách nuôi cũ khoảng 4,5 triệu đồng.



Anh Hứa Long Sơn, cán bộ Trạm Khuyến nông Tân Châu cho biết, mô hình nuôi heo trên nền đệm lót sinh học đạt hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường. Chi phí đầu tư cho một m² đệm lót thấp, chỉ khoảng 60.000 - 70.000 đồng. Kỹ thuật áp dụng cũng khá dễ và thời gian sử dụng của đệm lót lâu nên người chăn nuôi sẽ dễ dàng áp



Thiết kế đệm lót sinh học

dụng. Mô hình này giúp tiết kiệm được khoảng 60% công lao động và từ 60 - 80% chi phí điện, nước. Ngoài ra, do trên nền đệm lót có chứa hệ vi sinh có lợi nên khả năng tiêu hóa và sử dụng thức ăn của heo sẽ hiệu quả hơn, giúp tiết kiệm khoảng 10% chi phí thức ăn so với cách nuôi trên nền bê tông truyền thống.

Nguyên liệu xây dựng đệm lót chủ yếu là trấu và mùn cưa. Chỉ cần 2 - 3 ngày sau khi thực hiện bố trí đệm lót là có thể thả heo vào nuôi. Tùy điều kiện từng hộ gia đình mà có thể xây chuồng mới hoặc cải tạo từ chuồng cũ. Đối với những chuồng nuôi cũ có nền là xi măng thì ta tiến hành đục lỗ rộng khoảng 10 cm, các lỗ cách nhau 20 – 30 cm, mục đích giúp thoát nước tốt, tránh ứ đọng gây hư đệm lót.

Để đảm bảo đệm lót sử dụng được lâu ta cần chú ý một số điều: Luôn giữ đệm lót đạt độ ẩm phù hợp, tuyệt đối không để chuồng bị đọng nước. Vào mùa nóng phải giữ chuồng thông thoáng hoặc có thể bố trí thêm hệ thống phun sương nhằm làm mát cho heo và giữ ẩm cho đệm lót. Mật độ nuôi phù hợp là từ 1,6 - 1,8 m²/con.

Từ kết quả trên, năm 2014 Trạm Khuyến nông Tân Châu đã tuyên truyền, phổ biến nhân rộng và hướng dẫn người dân kỹ thuật xây dựng, thiết kế chuồng nuôi trên nền đệm lót sinh học và đến nay mô hình này đã nhân rộng ra thêm được nhiều xã, phường khác như Long Hưng, Long Châu, Long An và Vĩnh Xương.



Hội thảo tổng kết đánh giá mô hình

Một trong những hộ nhiệt tình áp dụng mô hình sử dụng chế phẩm sinh học làm đệm lót trong chăn nuôi heo thịt là anh Lê Quốc Thắng ở phường Long Châu. Anh Thắng cho biết thêm: “Trước đây do nuôi với quy mô hộ gia đình, tận dụng phân đất trồng phía sau nhà nuôi heo nên đã gây không ít phiền hà cho bà con, do mùi hôi từ chuồng nuôi gây ra. Nhưng từ khi tiến hành nuôi theo mô hình đệm lót sinh học thì hầu như đã giải quyết được một cách hữu hiệu việc ô nhiễm không khí cũng như chất thải do heo thải ra. Đồng thời, cũng tiết kiệm được công lao động về chăm sóc, tắm heo, rửa chuồng từ đó giúp tôi có thêm nhiều thời gian rảnh để làm những công việc khác”.

Trong tình hình diễn biến của dịch bệnh ngày càng tăng và giá thức ăn cũng như giá heo hơi luôn có nhiều biến động gây không ít khó khăn cho người chăn nuôi thì mô hình đệm lót sinh học được xem là một mô hình thích hợp, giúp người chăn nuôi tiết kiệm được chi phí đầu tư, từ đó mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội, môi trường, phù hợp với định hướng phát triển chăn nuôi bền vững và góp phần thực hiện tiêu chí về vệ sinh môi trường của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

NGUYỄN QUANG BÌNH

Trạm Khuyến nông, thị xã Tân Châu, An Giang



HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH SỬ DỤNG BIOGAS ĐỂ VẬN HÀNH MÁY PHÁT ĐIỆN

Trong hai năm 2009 và 2010, Trung tâm Khuyến nông An Giang đã hỗ trợ các hộ chăn nuôi lợn trong tỉnh 11 máy phát điện vận hành bằng biogas. Nguồn biogas từ phân lợn trước đây các hộ chăn nuôi chỉ sử dụng làm chất đốt để nấu ăn trong gia đình. Nay trang bị máy phát điện vận hành bằng biogas, hộ chăn nuôi có thể sử dụng các thiết bị điện (đèn úm lợn, đèn thấp sáng, xịt rửa chuồng lợn, máy trộn, nghiền thức ăn cho lợn,...) mà không phải tốn tiền cho điện sinh hoạt.

Diễn hình là hộ ông Đỗ Văn Ngon, cư ngụ tại ấp Hưng Trung, xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Ông bắt đầu tham gia “Mô hình sử dụng biogas để vận hành máy phát điện” của Trung tâm Khuyến nông An Giang từ năm 2009. Ông cho biết mô hình này đạt hiệu quả rất cao, mỗi tháng gia đình ông tiết kiệm được khoảng 700 nghìn đồng tiền điện sinh hoạt và 250– 300 nghìn đồng chi phí chất đốt cho việc nấu nướng và đặc biệt hiệu quả trong 3 ngày cắt điện hàng tuần.

Ông Ngon bắt đầu nhận máy phát điện từ tháng 5 năm 2009 và cũng trong khoảng thời gian này ông nhận 9 con lợn nái từ trại heo giống Đồng Hiệp do nguồn kinh phí Trung tâm Khuyến nông hỗ trợ. Tổng đàn lợn trong trại của ông dao động từ 220-300 con. Trong đó, có từ 38-45 nái, tùy từng thời điểm trong năm; thể tích bể chứa phân là 50 m³, tận dụng hết diện tích bên dưới nền chuồng, ông xây bể chứa nước thải 600 m³ và túi chứa gas được đặt bên dưới mái chuồng có thể tích 150 m³. Với lượng gas trên cung cấp cho máy phát điện D15, công suất 5 KW hoạt động 10 giờ/ngày; sử dụng cho việc rửa chuồng (3 lần/ngày), tắm cho lợn, nấu nướng, điện sinh hoạt trong gia đình, đèn thấp sáng chuồng và đèn úm lợn con. Ông Ngon bộc bạch: Trước đây, gia đình tôi mỗi tháng phải trả bình quân 1,2 triệu đồng cho điện sinh hoạt và 250 -300 nghìn đồng cho việc mua gas nấu nướng; nhưng từ khi có máy phát điện này thì chỉ tốn khoảng 500 nghìn đồng/tháng và không phải mua gas cho nấu nướng; vì thế mỗi tháng ông tiết kiệm gần một triệu đồng. Đặc biệt, máy phát điện rất hiệu quả trong khoảng thời gian mất điện. Ông nói “Nếu không có máy phát điện thì mấy ngày cắt điện tôi không thể rửa chuồng, sưởi ấm cho lợn con,... đặc biệt, mùi hôi ảnh hưởng gia đình tôi và các hộ lân cận”.

Theo ông Ngon thì máy của ông dùng 05 năm nay vẫn chạy rất tốt, bí quyết của ông là định kỳ thay nhớt, cứ 15-30 ngày thì thay 3 lít nhớt/lần, có thể tận dụng nhớt cũ của xe máy, nhưng ông cẩn thận thay bằng nhớt mới. Tuy nhiên, ông tâm sự là ông tiếc không mua máy D24, công suất 10 KW để ông có thể khai thác hết



Ông Đỗ Văn Ngon bên máy phát điện sử dụng biogas

gas để sử dụng cho vận hành cả máy xay, trộn thức ăn cho lợn, công suất 5 KW. Máy D15 giá 11 triệu đồng (không tính Dynamo), Trung tâm Khuyến nông hỗ trợ 5 triệu đồng, nếu lúc đó ông thêm vài triệu nữa để mua máy công suất lớn hơn thì hiệu quả sử dụng cao hơn hiện nay.

Ông cho biết từ khi tham gia mô hình của Trung tâm Khuyến nông, ông được đổi giống lợn ngoại chất lượng tốt hơn, lợn con đẻ ra có trọng lượng sơ sinh 1,5-1,7 kg/con (trước đây 200-400g/con), giá bán lợn con lúc 30-35 ngày tuổi từ 1,2-1,5 triệu đồng/con (trước đây 50-80 nghìn đồng/con) và lợn đẻ ra bao nhiêu bán hết bấy nhiêu. Nhưng từ khi có dịch tai xanh xảy ra ở các tỉnh khác, trại lợn của ông bị ảnh hưởng và tồn đọng lợn con rất nhiều. Ông mong muốn làm sao dịch bệnh bị khống chế để nghề nuôi lợn phát triển trở lại và ông sẽ an tâm sản xuất với nghề nghiệp của mình.

Bà con chăn nuôi lợn có thể liên hệ với ông Đỗ Văn Ngon theo địa chỉ trên hoặc qua số điện thoại: 0977.758674

Từ mô hình sử dụng biogas để vận hành máy phát điện của Trung tâm Khuyến nông hỗ trợ, qua các cuộc hội thảo nhân rộng, đến nay trong tỉnh An Giang đã có ít nhất 10 hộ chăn nuôi lợn khác đã học tập và làm theo.

NGUYỄN THỊ XOÀN

Trung tâm Khuyến nông An Giang



ĐỒNG THÁP: ỨNG DỤNG THIẾT BỊ OZONE TRONG CHĂN NUÔI HEO

Nghề chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển và mang lại lợi nhuận cao cho người nuôi. Tuy nhiên, do sự tác động của ô nhiễm môi trường, tình hình dịch bệnh xảy ra ngày càng nghiêm trọng và lan rộng hơn nên người nuôi cũng gặp không ít rủi ro do vật nuôi lây bệnh, đặc biệt là các bệnh về tiêu hóa.

Năm 2011, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Đồng Tháp áp dụng mô hình chăn nuôi heo sinh sản hướng nạc đảm bảo vệ sinh môi trường sử dụng thiết bị ozone khử trùng nguồn nước tại huyện Lấp Vò và Châu Thành. Trung tâm đã tư vấn hỗ trợ người nuôi heo ứng dụng thiết bị ozone trong qui trình chăn nuôi nói chung và nuôi heo nói riêng, đã thu được một số kết quả khả quan.



Chuồng heo nuôi có sử dụng thiết bị ozone

Công nghệ ozone được xem là công nghệ mới trong lĩnh vực chăn nuôi, được thực hiện bằng việc đưa không khí qua một môi trường có điện áp cao để thu được một sản phẩm khí có nhiều ôxy hơn, có mùi đặc trưng, dùng để diệt khuẩn, làm sạch 60 - 100% dư lượng các hóa chất độc hại trong thực phẩm. Đối với nhà kho chứa thức ăn chăn nuôi cũng cần được lắp đặt thiết bị tạo ozone để chống lại nguy cơ thức ăn bị nấm mốc. Đối với nguồn nước uống, nước rửa chuồng trại, việc ứng dụng hệ thống vô trùng là cần thiết nhằm góp phần đạt mục tiêu phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững. Lượng ozone trong nước sau khi rửa chuồng trại lại phát tán ra ngoài không khí góp phần diệt khuẩn và làm sạch không khí xung quanh giúp ngăn chặn và phòng ngừa bệnh tật (trong môi trường nước với nồng độ 5 - 10 mg/l).

Hiện nay, ở Việt Nam ozone đã được ứng dụng trong chăn nuôi để xử lý nguồn nước, thức ăn, chuồng trại và môi trường xung quanh. Ưu điểm là hiệu quả nhanh, dễ dàng kết hợp với các phương pháp xử lý khác, thao tác xử lý đơn giản, chi phí vận hành thấp, ozone chuyển hóa thành oxy nên không gây hại cho người và vật nuôi.

Từ khi áp dụng thiết bị ozone, các hộ chăn nuôi đã thu được kết quả khả quan, dùng nước có khí ozone để rửa chuồng nuôi heo sẽ giảm đáng kể các bệnh về tiêu hóa, tiêu diệt các loại muỗi, ruồi ... Nhờ đó, nguồn thu nhập của người chăn nuôi tăng và đặc biệt là môi trường sống được cải thiện đáng kể.

Có thể thấy rằng khí ozone là “thuốc” đặc trị với các tác nhân gây hại cho gia súc, gia cầm, làm sạch môi trường. Công nghệ ozone có thể giải quyết được những bức xúc của ngành chăn nuôi hiện nay: làm sạch quần áo, dụng cụ; xử lý được nguồn nước, giúp người chăn nuôi giảm lượng thuốc thú y, giảm công chăm sóc; giúp ngăn ngừa dịch bệnh. Riêng ngành chăn nuôi, ozone được coi là chất hữu hiệu nhất trong việc ngăn chặn, phòng ngừa bệnh gia cầm, vật nuôi. Hiện nay, ít hộ chăn nuôi áp dụng công nghệ này do giá thành thiết bị tương đối cao lại chưa hiểu hết ưu điểm của thiết bị ozone, ... Vì vậy, cần xây dựng nhiều mô hình và tuyên truyền sâu rộng để người dân hiểu và áp dụng, góp phần hỗ trợ ngành chăn nuôi ngày càng phát triển ổn định, bền vững.

NGÔ XUÂN HƯƠNG, NGUYỄN TRÍ TUỆ

Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Đồng Tháp



BẮC NINH: LÀM GIÀU TỪ NGHỀ NUÔI TRÂU THƯƠNG PHẨM

Chăn nuôi trâu không phải là nghề mới ở Bắc Ninh. Những năm trước đây, nghề này chưa có bước phát triển đáng kể bởi những người chăn nuôi trâu trong tỉnh chủ yếu vẫn chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán. Từ năm 2000 trở lại đây, nghề chăn nuôi trâu ở thôn Lũng Giang, thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh phát triển rất sôi động. Đặc biệt là những tháng cuối năm, đàn trâu được nhiều hộ chăn nuôi tốt đã tăng trọng gấp 2 - 3 lần để đáp ứng thị trường Tết Nguyên đán và lễ hội Lim.

Vào thăm hộ gia đình anh Nguyễn Quang Lơ ở khu chuyển đổi thôn Lũng Giang, chúng tôi tận mắt nhìn đàn trâu đang trong giai đoạn vỗ béo chuẩn bị xuất bán. Dãy chuồng được xây dựng đơn giản nhưng khá sạch sẽ, thoáng mát, có hầm biogas để xử lý chất thải. Hiện gia đình anh đang nuôi 20 con trâu. Anh Lơ cho biết: Gia đình anh trước đây chỉ nuôi 1 - 2 con chăn thả tranh thủ lúc rảnh rỗi. Nhưng sau đó, anh thấy nuôi nhốt trâu và cho ăn thêm bã đậu hiệu quả cao hơn, nên 5 năm



nay anh đầu tư xây dựng chuồng trại, chăn nuôi tập trung. Mỗi năm gia đình anh nuôi trung bình 4 lứa, mỗi lứa 20 con. Trâu lúc mua về có giá khoảng 19 triệu đồng/con, sau 2 - 3 tháng nuôi cho xuất chuồng, trừ chi phí thức ăn tiền bã đậu, cám ngô, cám tổng hợp mỗi ngày hết 25.000 đồng/con. Trung bình một con trâu bán được 30 triệu đồng, cá biệt có con bán được 40 triệu đồng. Như vậy mỗi con anh có thể thu lãi được 4 triệu đồng. Anh cho rằng nuôi trâu vốn đầu tư lớn nhưng ít rủi ro, trâu ít bị bệnh, lãi cao hơn nhiều vật nuôi khác, tận dụng được rơm rạ và các sản phẩm phụ từ nông nghiệp.... Tuy nhiên, khi mua về phải tiêm phòng đủ các loại vắc xin. Trâu nuôi nhốt nên chỉ cần 1 người vẫn chăm sóc được 20 con trâu. Chính vì vậy, anh Lơ đã thôi không đi buôn bán ở tỉnh ngoài nữa mà về quê nuôi trâu.

Ngay bên cạnh nhà anh Lơ là gia đình anh Nguyễn Hữu Cường người có thâm niên 12 năm trong nghề nuôi trâu. Xuất phát từ nghề buôn bán trâu, qua những lần đi chợ mua trâu ở các tỉnh Lạng Sơn, Sơn La, Lai Châu... có nhiều người bán trâu gầy, yếu với giá thấp. Từ đó, anh mua trâu về nuôi vỗ béo để bán với giá cao hơn. Tính sơ bộ năm 2013, anh Cường đã cho xuất chuồng 3 lứa trâu, mỗi lứa lãi vài chục triệu đồng, riêng lứa cuối năm anh nuôi 30 con bán vào dịp Tết Nguyên đán và lễ hội Lim thu lãi gần 150 triệu đồng.

Bằng nghề nuôi trâu vỗ béo thương phẩm, nhiều hộ gia đình ở thôn Lũng Giang đã vươn lên làm giàu như hộ anh Nguyễn Hữu Nam, Nguyễn Tiến Bình, Nguyễn Tiến Bộ, Nguyễn Văn Thuần, Nguyễn Văn Hạnh... các hộ này nuôi thường xuyên từ 10 - 15 con trở lên, mỗi năm cho thu nhập ổn định trên 100 triệu đồng. Tuy nhiên với nguồn vốn đầu tư khá lớn, trong khi đó, do diễn biến phức tạp của nhiều loại dịch bệnh trên gia súc nên nhiều hộ gia đình chưa mạnh dạn đầu tư theo hướng này. Người chăn nuôi trên địa bàn mong muốn được sự quan tâm hỗ trợ của nhà nước về vốn, kỹ thuật chăm sóc và đặc biệt có biện pháp phòng chống dịch bệnh, để người nông dân có thể làm giàu trên chính mảnh đất quê hương mình.

NGUYỄN THỊ HOÀI

Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Bắc Ninh



KINH NGHIỆM NUÔI TRÂU VỎ BÉO Ở HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG

Điện Biên Đông là một trong những huyện vùng cao còn nhiều khó khăn của tỉnh Điện Biên. Do điều kiện thời tiết khắc nghiệt, tập quán sản xuất lạc hậu, địa hình đồi núi chia cắt, diện tích đất canh tác ít... nên tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn tương đối cao. Với mục tiêu khai thác tốt thế mạnh của địa phương, thời gian qua việc nuôi trâu vỗ béo đã thực hiện có hiệu quả, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc trên địa bàn, đồng thời cũng là kinh nghiệm hay để các địa phương khác có thể tham khảo.

Với nguồn thức ăn sẵn có và các bãi chăn thả tự nhiên, được sự giúp đỡ của Trạm Khuyến nông huyện Điện Biên Đông, nhiều hộ gia đình đã mạnh dạn đầu tư nuôi trâu vỗ béo. Điển hình tại xã Háng Lìa với 12 bản tham gia thực hiện mô hình. Bên cạnh Nhà nước hỗ trợ chi phí mua cám, tiêm phòng vắc xin, các hộ còn được tạo điều kiện tiếp cận nguồn vốn ưu đãi của Ngân hàng Chính sách - Xã hội; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và được tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật, kinh nghiệm nuôi trâu vỗ béo do các bộ khuyến nông trực tiếp hướng dẫn. Tham gia mô hình, các hộ đã thường xuyên liên kết, trao đổi những kinh nghiệm hay, cách làm hiệu quả trong chăm sóc trâu.



*Trao đổi kinh nghiệm nuôi trâu vỗ béo ở xã Háng Lìa,
huyện Điện Biên Đông*

Hiện nay, không chỉ ở xã Háng Lìa mà việc nuôi trâu vỗ béo đã được nhân rộng ra nhiều xã khác ở huyện Điện Biên Đông như Phình Giàng, Chiềng Sơ, Luân Giói, Mường Luân, Phì Nhừ, Tìa Đình... Toàn huyện Điện Biên Đông có gần 1.000 con trâu đang được các hộ nuôi vỗ béo. Nhiều hộ gia đình đã có nguồn thu nhập cao từ việc phát triển nuôi trâu vỗ béo. Điển hình là các hộ ông Giàng A Chả ở bản Xa Vua C, xã Phình Giàng; anh Vàng Sia Sùng, bản Háng Lìa B, xã Háng Lìa...

Là một trong những hộ có nhiều năm kinh nghiệm nuôi trâu vỗ béo, gia đình ông Giàng A Chả hiện có 7 con trâu nuôi vỗ béo. Với thời gian nuôi từ 9 - 12 tháng thì xuất bán trâu, bình quân hàng năm, gia đình ông thu khoảng trên 100 triệu đồng từ bán trâu. Theo kinh nghiệm của ông Chả, nuôi trâu vỗ béo mang lại hiệu quả khá cao, song cần chú ý chọn mua con giống và kỹ thuật chăm sóc. Đối với con giống tuổi đời non (khoảng 2 tuổi) thì thời gian nuôi ít, trâu nhanh được xuất chuồng, người nuôi có thu nhập cao. Thực tiễn cho thấy, nuôi trâu vỗ béo là mô hình phù hợp, mang lại hiệu quả cao, mở ra hướng xóa đói giảm nghèo mới ở địa phương.

Tuy nhiên, quá trình phát triển nuôi trâu vỗ béo ở Điện Biên Đông còn gặp không ít khó khăn như thiếu đất sản xuất nông nghiệp; thiếu nước sử dụng trong mùa khô; khí hậu mùa đông thường giá rét kéo dài; việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhìn chung còn nhiều hạn chế...

Từ thực tiễn hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi trâu vỗ béo ở Điện Biên Đông thời gian qua có thể rút ra một số kinh nghiệm cơ bản:

Một là, người nuôi cần có kinh nghiệm chăn nuôi gia súc (tùy điều kiện, có thể nuôi nhốt hoặc nuôi bán chăn thả); chủ động nguồn thức ăn dự trữ trong mùa đông gắn với việc bảo đảm vệ sinh chuồng trại, nước uống và chống rét cho trâu.

Hai là, nhân lực phục vụ nuôi trâu vỗ béo tuy không cần nhiều song cần chú trọng việc tiêm phòng vắc xin và tẩy giun sán đúng theo định kỳ.

Ba là, cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể địa phương cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân tích cực thực hiện mô hình nuôi trâu vỗ béo, phát triển đàn trâu hàng hóa gắn với trồng cỏ, tận dụng các nguồn thức ăn tự nhiên và phụ phẩm của nông nghiệp.

Bốn là, chú ý tuổi và nguồn gốc trâu giống. Trâu vỗ béo tốt nhất là khoảng 24 tháng tuổi vì lúc này trâu sinh trưởng nhanh, bộ răng chắc khỏe nên khả năng tiêu hoá, hấp thụ thức ăn và khả năng tích lũy mỡ, thịt khá cao.

TẠ QUANG ĐẠO

Hòm thư 3NB – 3525, Tp. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên



TIỀM NĂNG TRONG CHĂN NUÔI BÒ THỊT RED ANGUS

Vĩnh An là một xã vùng xa nằm cách trung tâm hành chính của huyện Châu Thành tỉnh An Giang khoảng 30km, là xã thuần nông. Phần lớn người dân nơi đây sống bằng nghề trồng lúa và một số loại cây rau, màu. Những năm gần đây, ngoài việc trồng cây lúa nhiều bà con nông dân đã mạnh dạn đầu tư vào mô hình chăn nuôi bò thịt vỗ béo để tăng thêm thu nhập cải thiện cuộc sống kinh tế gia đình. Trong đó, chúng ta phải kể đến mô hình chăn nuôi bò thịt của anh Nguyễn Văn Điệp, ngụ tại ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh An là người đi đầu trong mô hình mới này.

Anh Điệp là nông dân xã Vĩnh An, huyện Châu Thành. Ban đầu anh mạnh dạn đầu tư chuồng trại nuôi 2 cặp giống bò thông thường. Sau 10 đến 12 tháng, anh cho xuất chuồng, trừ chi phí anh thu về lợi



nhuận khoảng 25 triệu đồng mỗi cặp. Thấy được lợi nhuận tương đối lớn nhưng thời gian chăm sóc cũng khá dài nên anh tiếp tục tìm tòi đến huyện Ba Tri tỉnh Bến Tre để tìm một giống bò lai mới về nuôi.

Sau khi tìm hiểu giống bò lai mới này, Anh Điệp quyết định mua 1 cặp về nuôi. Giống bò lai này có tên là Red Angus lai, chỉ mới vài tháng tuổi nhưng mỗi con đạt trọng lượng trên 100kg, thân hình cao to, khỏe, màu lông óng mượt. Trị giá mỗi con gần 25 triệu đồng, cao gấp đôi so với giống bò thông thường. Tuy nhiên giống bò Red Angus vẫn có nhiều ưu điểm hơn. Anh Nguyễn Văn Điệp cho biết: “Tôi thấy nuôi bò lai Red Angus lớn rất nhanh mang lại hiệu quả kinh tế cao nên tôi mua 2 con bò về nuôi, tại thời điểm ấy mỗi con nặng 110kg, lúc đó bò khoảng 6 tháng tuổi. Trong quá trình nuôi khoảng ba tháng rưỡi bò nặng khoảng 215 kg/con. Nếu so với bò nuôi tại địa phương, thì bò Red Angus tăng trọng rất nhanh, nhất là giai đoạn cang về sau bò cang lớn nhanh, trung bình khoảng 1kg/con/ngày. Nhưng đặc điểm giống bò này rất háo ăn”.

Nuôi trong thời gian ngắn thấy trọng lượng bò tăng cao nên anh đã quyết định bán các loại giống bò thông thường và chuyển sang đầu tư 100% giống bò Red Angus lai. Hiện nay, anh đã nuôi được 3 con bò Red Angus lai này. Theo anh Điệp cho biết, mô hình các trang trại tại tỉnh Bến Tre, chăn nuôi đối với giống bò này trong thời gian từ 1,5 năm, sẽ cho trọng lượng 600 – 700 kg/ con, thức ăn cho bò giống như các loại thức ăn của bò thông thường như: cỏ Voi, cỏ VA06, cỏ Ruzi và rơm.

Thấy được tiềm năng của giống bò này, Trạm Khuyến nông huyện Châu Thành phối hợp cùng với phòng Nông nghiệp và UBND huyện tổ chức chuyên đi tham quan và khảo sát việc chăn nuôi giống bò đầy tiềm năng này. Dự kiến trong thời gian tới, Trạm Khuyến nông sẽ vận động bà con nông dân chọn giống bò Red Angus để nuôi.

Hiện nay mô hình chăn nuôi bò thịt vỗ béo của xã Vĩnh An cũng đang phát triển rộng khắp, tuy nhiên một số bà con vẫn còn nuôi giống bò thông thường, hiệu quả kinh tế không cao so với giống bò Red Angus. Vì thế, hy vọng trong thời gian tới, giống bò này sẽ được nhân rộng trên toàn xã và địa bàn huyện Châu Thành nhằm giúp bà con nông dân tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống kinh tế gia đình, góp phần vươn lên thoát nghèo bền vững.

NGUYỄN TRỌNG HỮU

Khuyến nông viên xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang



MÔ HÌNH CHĂN NUÔI BÒ THỊT HIỆU QUẢ Ở HUYỆN CHỢ MỚI, AN GIANG

Từ tháng 9/2013, Chi cục Thú y An Giang thực hiện kế hoạch “Xây dựng mô hình ứng dụng giải pháp phù hợp trong chế biến thức ăn cho bò tại huyện Chợ Mới” nhằm giúp người chăn nuôi có hướng đi mới trong chăn nuôi bò thịt, nâng cao hiệu quả kinh tế, cung cấp nguồn thịt bò chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Mô hình thực hiện tại 5 xã: An Thạnh Trung, Mỹ An, Hội An, Mỹ Luông và Bình Phước Xuân thuộc huyện Chợ Mới, có 12 hộ tham gia mô hình. Những hộ này được hỗ trợ 30% chi phí gồm chi phí xây dựng chuồng trại, mua máy cắt nhỏ cây thức ăn, chi phí ủ chua 2.400 kg thân cây bắp, trồng 0,2 ha cỏ VA06, chi phí mua thuốc thú y, vắc-xin tiêm phòng, chi phí bổ sung thức ăn tinh trong giai đoạn vỗ béo...

Qua 9 tháng triển khai, các hộ tham gia đánh giá rất cao hiệu quả của mô hình. Hộ ông Lê Văn Mẫn tại ấp Mỹ Tân, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới cho biết khi tham gia mô hình ông nuôi 8 con bò thịt khoảng 16 - 18 tháng tuổi và trồng 0,4 ha bắp thu trái non. Trước đây khi chưa có máy cắt nhỏ cây thức ăn, trung bình mỗi ngày ông phải cắt khoảng 35 kg cây bắp (sau khi thu trái non) cho mỗi con bò ăn. Cuối ngày ông phải thu dọn khoảng 10 - 15 kg thân cây bắp bò ăn không hết do cứng, già chắt đóng phía sau chuồng nuôi, vừa lãng phí, vừa gây ô nhiễm môi trường.

Sau khi tham gia mô hình, nhờ sử dụng máy cắt nhỏ thân cây bắp nên đã tận dụng gần hết, do đó mỗi ngày ông chỉ phải cắt khoảng 25 kg thân cây bắp cho mỗi con bò ăn, tiết kiệm rất nhiều công và giảm thiểu ô nhiễm môi trường so với trước đây.

Song song đó, ông còn trồng cỏ VA06 và ủ chua cây bắp để



Ông Lê Văn Mẫn

dự trữ thức ăn. Vì vậy nguồn thức ăn đảm bảo cung cấp quanh năm, ông yên tâm phát triển đàn bò từ 8 con ban đầu lên 12 con.

Nhằm góp phần tăng hiệu quả trong chăn nuôi bò thịt, 3 tháng cuối trước khi xuất bán, Chi cục Thú y phối hợp với Trường Đại học An Giang hướng dẫn



phương pháp phối trộn thức ăn hỗn hợp vỗ béo bò thịt cho các hộ tham gia mô hình. Kết quả, bà con áp dụng đúng kỹ thuật nên bò thịt phát triển rất tốt, lông bóng mượt, móng nở nang, tròn trịa hơn so với trước đây. Một số hộ đã xuất bán bò sau khi bổ sung thức ăn tinh vỗ béo được 2 tháng với giá bán khoảng 29 triệu đồng/con, cao hơn trước đây (cùng thời gian nuôi) khoảng 3 triệu đồng/con.

Về môi trường trong chăn nuôi bò, tại hộ ông Lê Văn Mẫn đã xây dựng hầm biogas để xử lý nước rửa chuồng, khí gas sinh ra ông sử dụng để nấu ăn trong gia đình. Phân bò được ông thu gom và phơi khô để bán cho người thu gom đưa ra miền Đông Nam Bộ tiêu thụ (bón cây cà phê, cao su).

Hiện nay, phong trào chăn nuôi bò thịt tại địa phương đã phát triển ngày càng nhiều, với mô hình chăn nuôi tại hộ ông Lê Văn Mẫn là mô hình tương đối bền vững, thời gian tới, Chi cục Thú y tiếp tục nhân rộng mô hình ra các huyện có phong trào chăn nuôi bò thịt phát triển của tỉnh An Giang.

NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH

Chi cục Thú y An Giang



BẮC KẠN: GƯƠNG SÁNG TRONG PHÒNG TRÀO SẢN XUẤT

Được sự giới thiệu của Hội Nông dân xã Nông Thượng, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn chúng tôi đến thăm mô hình kinh tế của gia đình ông Nguyễn Thanh Lai, thôn Nà Kẹn - người nông dân năng động, dám nghĩ, dám làm và là gương điển hình trong phong trào nông dân thi đua sản xuất giỏi của xã.

Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo tại tỉnh Hà Nam. Năm 1963, gia đình ông chuyển lên Bắc Kạn làm ăn kinh tế và lập gia đình. Tài sản của gia đình ông lúc ấy chỉ có mấy sào ruộng nằm sâu trong khe núi, đất xấu bạc màu, thu nhập không đủ trang trải cuộc sống. Không nản lòng trước những khó khăn, năm 2000 ông bàn với vợ vào rừng khai hoang làm ăn kinh. Ngoài việc phát triển đồi rừng ông còn tận dụng những khoảng đất gia đình khai phá trước đó để trồng ngô, làm ruộng.

Vốn là người năng động, nhạy bén, ông nhận thấy điều kiện tại thôn Nà Kẹn rất thuận lợi cho việc phát triển chăn nuôi gia súc, năm 2000, ông mạnh dạn vay mượn tiền của bạn bè mua dê về nuôi. Những ngày đầu, ông cũng gặp khó khăn như dịch bệnh thường xuyên xảy ra, chưa có sự hỗ trợ của cơ quan chuyên môn, giá dê thấp, hơn nữa cây màu đã bắt đầu phát triển. Sau một thời gian, nhận thấy hiệu quả kinh tế từ nuôi dê mang lại chưa cao, gia đình ông đã không nuôi nữa, nhưng ý định chăn nuôi dê vẫn nung nấu trong đầu.

Năm 2009, khi kinh tế gia đình đã đi vào ổn định, nhận thấy nhu cầu của thị trường về con giống dê, dê thương phẩm ngày càng cao, ông quay lại với nghề nuôi dê. Từ thực tế chăn nuôi cùng với kiến thức được học qua các lớp tập huấn cũng như các phương tiện thông tin đại chúng, ông mua 6 con dê về nuôi. Lần này, số dê ông nuôi phát triển tốt, không mắc bệnh, dê sinh sản tốt tạo nguồn giống phục vụ nhu cầu chăn nuôi của gia đình, bước đầu cung cấp dê giống cho một số hộ dân có nhu cầu trong xã và một số xã lân cận. Tuy nhiên, giống dê gia đình ông nuôi chủ yếu là giống địa phương, trọng lượng nhỏ. Năm 2011, gia đình ông được Dự án Khoa học hỗ trợ 1 con giống dê Boer để cải tạo giống địa phương. Giống dê Boer có trọng lượng lớn hơn (nếu chăm sóc tốt trọng lượng bê đực giống có thể lên tới 70kg), tuổi thành thực sớm hơn và chu kỳ sinh sản dài hơn. Có thể nói việc đưa dê đực giống vào cải tạo

đã góp phần làm tăng tầm vóc, thể trạng của giống dê địa phương (trọng lượng dê sơ sinh đạt từ 3 - 4kg/con so với 2kg của giống địa phương), đồng thời hạn chế dịch bệnh.

Ngoài ra, gia đình ông nuôi gà với lợi nhuận 15 triệu đồng/năm, đào ao nuôi cá và tích trữ nước tưới

cho mùa khô. Với phương châm lấy ngắn nuôi dài, vừa sản xuất vừa đầu tư, đến nay gia đình ông Lai đã có một mô hình kinh tế với quy mô hợp lý và quy củ: 3 ha đồi rừng sắp sửa cho thu hoạch, 400m² ao thả cá, trôi, gần 40 con dê các loại trong đó có 11 con mẹ đang trong quá trình sinh sản. Mỗi mẹ một năm đẻ 2 lứa, mỗi lứa 2 con, cá biệt có những mẹ đẻ 3 con/lứa... Tiền thu được từ bán dê giống hàng năm cũng lên tới trên 50 triệu đồng.

Không chỉ chú tâm phát triển kinh tế gia đình, ông Lai còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội do địa phương phát động; sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn, trao đổi kinh nghiệm làm ăn với các hội viên hội nông dân và bà con lối xóm, được nhiều người trong thôn tin yêu, quý trọng.

Ông Hà Đức Định, Chủ tịch Hội Nông dân xã Nông Thượng cho biết ông Lai không những là tấm gương sáng cho ý chí, nghị lực vươn lên làm giàu còn là người luôn đi đầu, gương mẫu trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nhiệt tình tham gia các phong trào do Hội nông dân phát động. Với những thành tích đã đạt được trong sản xuất gia đình ông đã nhiều lần được nhận giấy khen của xã, thị xã.



*Chăn nuôi dê cho thu nhập cao
của hộ gia đình ông Nguyễn Thanh Lai*

MA THẾ SƠN

Trung tâm Khuyến nông - Khuyến lâm Bắc Kạn



BÌNH PHƯỚC: NUÔI HƯƠNG, NAI LẤY NHUNG ĐỂ LÀM, LỢI NHUẬN CAO

Từ 8 con hương nuôi ban đầu năm 2004, đến nay, anh Trần Văn Phước ở thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã gây dựng được đàn hương, nai hơn 70 con. Đây là hộ nuôi hương, nai lớn nhất tỉnh, thu hút sự quan tâm của nhiều bà con trong vùng đến tham quan, học tập.

Năm 2004, anh Phước về quê hương Hà Tĩnh đưa 8 con hương vào Bình Phước nuôi thử nghiệm tại thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú trên diện tích gần 10 ha. Lúc đầu đàn hương chưa thích nghi với khí hậu ở Bình Phước nên rất khó khăn cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng. Vừa nuôi, vừa tìm tòi, học hỏi, dần dần anh Phước đã nắm bắt được những kinh nghiệm nuôi phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng ở Bình Phước. Đến nay, đàn hương, nai của gia đình anh đã sinh trưởng, phát triển tốt. Theo anh, hương, nai vốn là động vật hoang dã, có sức đề kháng cao, vì vậy rất dễ chăm sóc, nuôi dưỡng. Hương rất sạch, không ăn các loại thức ăn bẩn, ôi thiu nên chúng ít bị bệnh, thỉnh thoảng mới bị các loại bệnh thông thường như: sinh bọng, ỉa chảy, ký sinh trùng, chỉ cần điều trị như các loại gia súc khác. Tuy nhiên, không vì thế mà người nuôi chủ quan, hàng tuần vẫn phải vệ sinh chuồng trại và tiêm phòng bệnh theo định kỳ. Thức ăn của hương, nai chủ yếu là cỏ và các loại lá, củ, quả có sẵn trong vườn (một ngày cho ăn 3 bữa). Anh Phước đã tận dụng hết diện tích đất của gia đình để trồng mít, cỏ voi, chuối, sung, đu đủ... được bón bằng chính phân của hương, nai.

Ông Trần Mạnh Tường – cha đẻ anh Phước, người có kinh nghiệm lâu năm trong nghề nuôi hương, nai cho biết thêm: Hương, nai có thể ăn được cả trái điều - loại trái chứa nhiều hàm lượng chất dinh dưỡng rất cần thiết cho chúng vào mùa cắt nhung. Một con hương trưởng thành ăn khoảng 5 kg cỏ hoặc lá/ngày và nai là 10 kg/ngày. Vào mùa cắt nhung, cần cho hương, nai ăn thêm tinh bột và những lá cây có nhiều nhựa như sung, mít, đu đủ... thì chất lượng nhung sẽ tốt. Chuồng trại để nuôi hương, nai tương đối đơn giản, mỗi con chỉ cần diện tích vài mét vuông, xung quanh được vây bằng lưới B.40, lợp tôn.

Sau 2 năm nuôi, hương và nai đực bắt đầu ra sừng, còn gọi là nhung. Trước Tết Nguyên đán một tháng, người nuôi có thể cắt nhung và thời gian cắt kéo dài đến tháng hai, tháng ba âm lịch. Mỗi cặp nhung hương nặng khoảng từ 400 - 600 gam, nai khoảng 1 - 1,6 kg, nếu được ăn đầy đủ chất dinh dưỡng, biết thúc vào thời điểm gặt cắt, có cặp nhung nặng đến



Trại nuôi hươu của anh Phước đã lên tới 70 con (12 con nai, 57 con hươu)

2kg. Bình quân mỗi năm có thể cắt nhung từ một đến hai lần ở mỗi con. Nhiều con hươu sau khi cắt vài tháng lại mọc thêm nhung, gọi là nhung tái sinh, mỗi cặp chỉ hai ba lạng, giá rẻ hơn nhung cắt ban đầu. Khi cắt nhung phải dùng dụng cụ sắc như cưa đã được khử trùng cẩn thận. Cắt xong phải tiến hành cầm máu nhanh bằng các loại thuốc lá để tránh mất sức cho hươu, nai. Sau đó cho hươu, nai ăn nhiều hơn ngày thường, bổ sung thêm tinh bột để chúng nhanh hồi sức. Nếu chăm sóc tốt, hươu, nai có thể cho nhung đến hơn 20 năm. Hiện tại, nhu cầu nhung hươu, nai trên thị trường là rất lớn, cung không đủ cầu, với giá bán bình quân khoảng 1 triệu đồng/100 gam nhung hươu và 750.000 đồng/100 gam nhung nai.

Không chỉ lấy nhung, anh Phước còn nuôi thêm hươu, nai cái để sinh sản, nhân đàn. Mỗi năm, hươu sinh sản một lần và nai 3 năm sinh sản 2 lần. Trên thị trường, một con hươu giống từ 4 - 6 tháng tuổi có giá khoảng 4 - 6 triệu đồng và 12 - 13 triệu đồng/con nai giống. Từ 8 con giống mua từ Hà Tĩnh vào, sau gần 6 năm, trại nuôi của anh Phước đã lên đến trên 70 con, với 13 con nai, còn lại là hươu lớn nhỏ. Xét về hiệu quả kinh tế, anh Phước cho rằng, nên phát triển đàn nai vì cho nguồn thu nhập ổn định, nhất là thịt nai đang được bán với giá rất cao, thị trường luôn khan hiếm, cung không đủ cầu. Nguồn vốn đầu tư ban đầu để nuôi hươu, nai có thể lớn hơn trồng cao su, nhưng về lâu dài lợi nhuận mang lại là cao hơn và có nguồn thu nhập ổn định, ít bị biến động bởi thị trường giá cả, nguồn thu nhập ổn định. Mô hình nuôi hươu, nai lấy lộc nhung của gia đình anh Phước hiện được nhiều người dân trong, ngoài tỉnh biết và tìm đến học tập.

HUỖNH HÀO

Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Bình Phước



NINH THUẬN: HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH CHĂN NUÔI CỪU SINH SẢN

Hiện nay, tổng đàn cừu toàn tỉnh Ninh Thuận hơn 90 nghìn con, đây là sản phẩm có lợi thế để phát triển quy mô tổng đàn 125.000 con vào năm 2015 và 190.000 con vào năm 2020 (theo Đề án phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn của tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011 - 2020), tốc độ tăng bình quân 9%/năm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường trong và ngoài nước về loại sản phẩm này. Năm 2004, tỉnh Ninh Thuận đã nhập 30 con cừu Úc (giống Dopper và White Suffolk) để nhằm cải tạo, nâng cao tầm vóc đàn cừu địa phương và tăng hiệu quả trong chăn nuôi cừu, hiện nay tỷ lệ máu lai cừu Úc trên 80%/tổng đàn.

Để tiếp tục đẩy mạnh nghề chăn nuôi cừu phát triển, phát huy sản phẩm đặc thù tại địa phương, năm 2012, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hỗ trợ kinh phí triển khai mô hình chăn nuôi cừu sinh sản (giai đoạn 2012 - 2014). Đây là đối tượng vật nuôi có lợi thế cạnh tranh, phù hợp



Cán bộ kỹ thuật hướng dẫn chăm sóc đàn cừu

điều kiện khí hậu và định hướng phát triển chăn nuôi của địa phương. Hơn nữa, Ninh Thuận có giống cừu Phan Rang nổi tiếng từ hơn 100 năm nay, thích ứng tốt với điều kiện nắng nóng, khô hạn của vùng này.

Từ năm 2012 - 2014, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Ninh Thuận đã tiến hành chuyển giao kỹ thuật với quy mô 222 cừu cái và 6 cừu đực giống cho 45 hộ nông dân tham gia mô hình. Ưu điểm của mô hình là trước khi giao giống và thức ăn, các hộ dân đều được tập huấn kỹ thuật nên nắm bắt đầy đủ kiến thức cơ bản về quy trình kỹ thuật chăn nuôi cừu sinh sản trước khi thực hiện. Ngoài ra, các hộ dân trong và ngoài mô hình còn tiếp cận những tiến bộ kỹ thuật mới trong chăn nuôi cừu sinh sản như chọn giống cừu lai sinh sản (Dopper x Phan Rang), sử dụng đá liếm, chế biến thức ăn vào mùa khô hạn, các phương pháp phòng và điều trị bệnh cừu, luân chuyển cừu đực giống và ghi chép sổ sách trong quản lý cừu sinh sản, góp phần hạn chế tình trạng đồng huyết làm suy thoái giống cừu và nâng cao hiệu quả chăn nuôi. Bên cạnh đó, cán bộ kỹ thuật thường xuyên theo dõi và hướng dẫn kỹ thuật nên cừu đực, cái giống sinh trưởng và phát triển tốt, số cừu cái có chửa đạt 100%, trọng lượng sơ sinh trung bình đạt 2,5kg, tỷ lệ nuôi sống đến 6 tháng tuổi đạt trên 90%.

Việc cung cấp giống cừu đúng tiêu chuẩn làm giống, bổ sung thức ăn tinh cho cừu đực và cừu cái trong thời gian có chửa đã góp phần nâng cao tỷ lệ đậu thai, giảm khoảng cách giữa hai lứa đẻ, trọng lượng lúc 6 tháng tuổi đạt 24 kg so với các hộ ngoài mô hình là 20 kg, qua đó giúp cho người chăn nuôi cừu có thêm thu nhập từ 300.000 - 400.000/ con cừu thịt. Như vậy, hiệu quả của mô hình đã giúp người dân trong mô hình thu được lợi nhuận cao hơn 15% so với các hộ nông dân ngoài mô hình.

Hiện tại, mô hình “Chăn nuôi cừu sinh sản” chuẩn bị nghiệm thu kết thúc chu kỳ, các kết quả dự án đã giúp các hộ chăn nuôi nâng cao nhận thức kỹ thuật chăn nuôi cừu sinh sản, góp phần cải tạo tầm vóc, năng suất, chất lượng đàn cừu, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và thúc đẩy nghề nuôi cừu phát triển tại Ninh Thuận.

ĐẶNG NGỌC QUANG

GD. Trung tâm Khuyến nông Ninh Thuận



TRÀ VINH: MÔ HÌNH NUÔI THỎ CHO HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO

Đó là trại thỏ Tuấn Phát do anh Trần Thanh Tuấn ở ấp Bãi Vàng, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh làm chủ. Trại gồm 3 khu, với tổng diện tích hơn 400m², quí mô hơn 450 con thỏ. Trong đó có 50 con đực và 400 con thỏ cái gồm các giống thỏ gốc Mỹ, Pháp, Đức, Hungari và New Zealand. Đây là những giống thỏ có trọng lượng cao gấp 2 lần so với giống thỏ địa phương.

Bình quân sau khi nuôi từ 3 - 3,5 tháng thỏ đạt trọng lượng từ 2,2 kg - 3,5 kg/con. Mỗi tháng, trại của gia đình anh Tuấn cung cấp cho người chăn nuôi trong và ngoài tỉnh khoảng 2.400 con thỏ giống với giá 100.000 đồng/cặp. Anh đã ký kết hợp đồng mỗi tháng cung cấp hơn 100 kg thỏ thịt cho thị trường Thành phố Hồ Chí Minh, với giá 45.000 đồng/kg thỏ hơi. Ngoài ra, gia đình anh còn dành hơn 4.000 m²



đất trồng một số loại rau... để đảm bảo nguồn thức ăn đầy đủ chất dinh dưỡng cho thỏ. Trước đây, gia đình anh chủ yếu trồng lúa, với bản tính cần cù chịu khó học hỏi, năm 2010, anh lên tận thành phố Hồ Chí Minh tìm đến Viện Khoa học Nông nghiệp miền nam xin tài liệu về kỹ thuật chăn nuôi thỏ để nghiên cứu, sau đó anh ra tận Hà Nội tìm mua 50 con thỏ giống, trong đó có 40 con thỏ cái và 10 con thỏ đực về nhân giống.

Anh Tuấn chia sẻ, thỏ rất dễ nuôi, có thể tận dụng được nguồn phụ, phế phẩm tại chỗ để làm thức ăn cho thỏ. Để nuôi thỏ đạt hiệu quả cao, anh thiết kế xây dựng chuồng trại thông thoáng, có ánh sáng và vệ sinh thường xuyên. Kích cỡ lồng nuôi thỏ thương phẩm là 0,6m x 1m cho khoảng từ 6 - 8 con, còn kích cỡ lồng cho một thỏ mẹ sinh sản là 0,4m x 0,6m. Đối với nuôi trên nền đất dưới mỗi lồng nuôi có phủ bạt ni lông để hứng chất thải, đảm bảo vệ sinh, giảm được dịch bệnh cho thỏ.

Mỗi khu nuôi thỏ anh giăng màn lưới để phòng tránh muỗi và các loại côn trùng gây hại cho thỏ. Thông thường thỏ hay bị bệnh ghẻ và tiêu chảy. Tuy nhiên, đối với gia đình anh, sau khi thỏ sinh sản được 1 tháng, bắt đầu tách bầy là anh thực hiện tiêm phòng bệnh. Đối với thỏ mẹ, sau khi sinh sản khoảng 2,5 tháng thì tiêm kháng sinh. Trước khi bán thỏ giống, anh đều tiêm phòng các loại bệnh hướng dẫn kinh nghiệm và cung cấp tài liệu về kỹ thuật nuôi thỏ cho người chăn nuôi. Đối với nuôi thỏ sinh sản thường thì sau khi sinh nuôi đến 3,5 tháng là thỏ bắt đầu phối giống. Để biết được thời gian sinh sản của thỏ, cần phải kiểm tra bộ phận sinh dục và có bảng theo dõi từng lồng nuôi theo một quy trình thật nghiêm ngặt, nếu không khi tách bầy sẽ dễ gây trùng huyết khiến chất lượng con giống không đảm bảo và có nguy cơ tuyệt chủng nguồn giống gốc.

Đây là một mô hình nuôi đã phát huy hiệu quả cho kinh tế gia đình góp phần xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm cho lao động nông nhàn ở nông thôn.

NGUYỄN TÂN

Đài Phát thanh Truyền hình Trà Vinh



ĐIỆN BIÊN: HIỆU QUẢ CAO TỪ MÔ HÌNH NUÔI GIUN QUẾ

Trong chuyến công tác tại huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên, chúng tôi được cán bộ Trạm Khuyến nông – Khuyến ngư huyện Mường Ảng đưa đi tham quan mô hình nuôi giun quế của anh Quàng Văn Hải ở bản Bua, xã Ảng Tờ. Mô hình được Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư huyện hướng dẫn kỹ thuật và đầu tư giống giun quế, với diện tích khoảng 40m², gồm 3 chuồng nuôi.

Anh Hải cho biết: Ban đầu triển khai mô hình cũng rất lo lắng vì đây là mô hình điểm đầu tiên về nuôi giun quế triển khai tại huyện. Vốn là cán bộ bán chuyên trách trong xã nên anh quyết tâm phải làm tốt để bà con học tập, làm theo. Anh thực hiện theo đúng kỹ thuật mà cán bộ khuyến nông huyện hướng dẫn và đọc thêm sách, báo để rút kinh nghiệm. Hiện giun quế của gia đình anh phát triển rất tốt.

Ông Lò Văn Học, Phó Chủ tịch xã Ảng Tờ cho biết: Từ thành công mô hình nuôi giun quế của gia đình anh Hải, đến nay trong bản đã có hàng chục hộ lấy giống của anh Hải và bắt đầu nuôi, đường làng, ngõ bản sạch hơn, vì nhiều hộ thu gom chất thải gia súc về nuôi giun quế.



Thức ăn của giun quế chủ yếu là chất thải của trâu bò nên đầu tư ít, giun sinh sản nhanh, không tốn nhiều công sức. Theo tính toán, cứ nuôi 12 kg giun quế sinh khối/m² thì sau một tháng sẽ được thu hoạch; với giá bán từ 45.000 – 50.000 đồng/kg, đến nay anh Hải đã thu về khoảng 15 triệu đồng. Ngoài ra, anh còn bán giống cho các hộ có nhu cầu nuôi giun quế trong bản.

Đánh giá hiệu quả và tính nhân rộng của mô hình, ông Nguyễn Trọng Kính, Trạm trưởng Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư huyện Mường Ảng cho biết: Nuôi giun quế có rất nhiều tác dụng đối với con người và trong chăn nuôi gia súc, gia cầm, vì giun quế là loại thức ăn chứa nhiều đạm để chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản. Mặt khác, giun quế có hàm lượng prôtêin cao, có nhiều axit amin cần thiết cho con người, làm chậm quá trình lão hóa, có tác dụng dưỡng tóc, dưỡng da, làm trẻ hóa cơ thể. Vì vậy, giun quế hiện đang được một số nước nghiên cứu sử dụng trong sản xuất mỹ phẩm. Chất thải của giun quế chứa hỗn hợp vi sinh hoạt tính cao, chất mùn lớn, vì vậy phân giun kích thích tăng trưởng cây trồng và tăng khả năng cải tạo đất.

Hiện tại, mô hình nuôi giun quế đã được các hộ dân tại các xã lân cận như Mường Đăng, Ảng Tờ, Ảng Cang và Ảng Nưa đến học tập, nhân rộng. Theo đánh giá của các hộ dân, mô hình nuôi giun quế không đòi hỏi vốn đầu tư cao, qui trình kỹ thuật nuôi đơn giản. Các hộ dân xây chuồng, có mái che, có thể xây các ô liền nhau thành từng dãy dài, mỗi ô có 2 - 3 lỗ nhỏ để thoát nước. Đất nền cho giun quế cư trú tốt nhất là phân bò, phân trâu đã xử lý hoai mục. Khu nuôi giun quế nên che chắn để tránh ánh sáng trực tiếp, hàng ngày tưới nước để tạo độ mát cho giun phát triển. Trong quá trình nuôi giun quế, phát hiện thấy kiến bò vào nơi giun sinh sống phải dùng chất đốt, đốt theo hướng kiến bò vào chuồng hoặc có thể dùng thuốc diệt kiến bôi lên trên vách chuồng.

Mô hình nuôi giun quế tại huyện Mường Ảng bước đầu cho hiệu quả kinh tế, giúp cho các hộ dân tăng thêm thu nhập, nâng cao đời sống, từng bước giúp bà con nông dân các bản vùng sâu vùng xa thoát nghèo bền vững.

HOÀNG KHẮC TÂN

Trung tâm Khuyến nông Điện Biên



BÌNH PHƯỚC: NUÔI ONG MẬT MANG LẠI HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO

Hiện nay, nhiều hộ gia đình tại huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước hướng đến nghề nuôi ong mật bởi nghề này không tốn nhiều diện tích đất, mang lại nguồn thu nhập cao, trong khi chi phí đầu tư không lớn. Một trong những hộ nuôi ong mật thành công trên địa bàn huyện là anh Nguyễn Văn Thanh ở xã Tân Tiến. Hiện anh Thanh đang sở hữu khoảng 1.000 thùng ong với 6 năm kinh nghiệm nuôi ong lấy mật và anh là thành viên của hội nuôi ong tại địa phương.

Nói về quyết định nuôi ong, anh Thanh chia sẻ: Với lợi thế đất rộng, diện tích cây công nghiệp (điều, cao su ...) của xã rất nhiều nên việc nuôi ong khá thuận lợi”. Lúc đầu, anh chỉ nuôi vài chục thùng để vừa nuôi vừa học thêm kinh nghiệm. Sau khi đã nắm vững kỹ thuật, lại nhận thấy nuôi ong lấy mật mang lại hiệu quả kinh tế cao nên anh đã đầu tư phát triển lên 1.000 thùng ong, mỗi thùng chứa 10 cầu ong. Để ổn định đầu ra, Hội nuôi ong của anh đã liên hệ với Công ty Ong mật Đắk Lắk để tiêu thụ sản phẩm, nhờ đó mà sản phẩm làm ra đến đâu được tiêu thụ hết đến đó.

Khi chúng tôi hỏi về lợi ích kinh tế khi nuôi ong lấy mật, anh Thanh cho biết: Trung bình mỗi năm gia đình anh thu được khoảng 80 kg/thùng ong (cứ 1,4 kg được 1 lít mật ong). Bên cạnh đó, vào mùa hoa cà phê, hoa nhãn, hoa vải, hoa trà nếu chủ động đưa ong đi tìm hoa tại Đắk Lắk, Nghệ An và một số tỉnh



Mỗi năm gia đình anh Thanh thu hơn 1 tỷ đồng từ nuôi ong lấy mật

phía Bắc như Hòa Bình, Phú Thọ thì mỗi thùng ong có thể quay được 20kg mật. Do đó, mỗi năm gia đình anh đã thu được ít nhất là 80 tấn mật và với giá bán cho công ty như hiện nay khoảng 38.000 đồng/kg, gia đình anh thu về 3 tỷ đồng, sau khi trừ chi phí mỗi năm còn lãi trên 1 tỷ đồng.

Ngoài nuôi ong lấy mật, vào khoảng tháng 5, tháng 6 dương lịch anh còn chủ động nhân giống, gây đàn để bán ong giống với giá 90.000 đồng/câu ong. Anh luôn sẵn sàng tư vấn cách chăm sóc cũng như truyền đạt kinh nghiệm cho các hộ có nhu cầu. Mỗi năm từ việc bán giống ong, gia đình anh cũng có thêm thu nhập khoảng 200 triệu đồng.

Qua 6 năm gắn bó với nghề nuôi ong mật, anh Thanh chia sẻ: Nghề nuôi ong cũng khó khăn, vất vả; đòi hỏi người nuôi phải tỉ mỉ, chịu khó chăm sóc, nắm bắt rõ về đặc tính của ong như đi lại, ăn uống, xây tổ, chia đàn, am hiểu về các loài hoa, mùa hoa nở, mùa ong đi lấy mật để nâng cao sản lượng và chất lượng mật ong. Hàng năm, vào mỗi vụ hoa, người nuôi ong phải di chuyển đàn ong đến những vườn cây có nhiều hoa để đáp ứng đủ lượng nguyên liệu cho ong. Không những thế, người nuôi còn phải nắm bắt các loại bệnh có thể xảy ra đối với đàn ong như thối ấu trùng, tiêu chảy, bệnh ký sinh trùng, hội chứng ngộ độc từ đó mới có thể duy trì và tăng nhanh số lượng đàn ong. Ngoài việc lấy mật, nuôi ong còn cung cấp nhiều sản phẩm có lợi cho sức khỏe hoặc dùng chữa bệnh như sáp ong, phấn hoa... Con ong còn giúp cho vườn cây ăn trái cho hiệu quả cao nhờ thụ phấn cho cây.

Qua tìm hiểu và tham quan thực tế tại mô hình nuôi ong lấy mật của anh Thanh, chúng tôi nhận đây là mô hình nuôi mang lại lợi ích về kinh tế, tạo việc làm cho người lao động lúc nông nhàn, phù hợp với mọi lứa tuổi nếu có sự đam mê, nhất là ở các vùng có diện tích cây công nghiệp nhiều như: cà phê, điều, cao su, cây ăn quả...

NGUYỄN THỊ THU HUYỀN

Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Bình Phước



LĨNH VỰC THỦY SẢN

NUÔI TÔM CÀNG XANH TRÊN CHÂN RUỘNG LÚA ĐẠT HIỆU QUẢ

Nhằm đa dạng hoá đối tượng nuôi trên cơ sở chọn lọc giống mới hiệu quả đưa vào sản xuất và thực hiện kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, nâng cao năng suất và tăng thu nhập cho người nông dân, từ năm 2000, Trạm Khuyến nông huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã triển khai mô hình nuôi tôm càng xanh thương phẩm trên chân ruộng lúa tại ấp Bình Dân, xã Nhị Mỹ; Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư xây dựng mô hình nuôi tôm càng xanh thương phẩm luân canh trên chân ruộng lúa được triển khai vào tháng 6/2000 tại hộ anh Nguyễn Văn Năm, ấp Bình dân, xã Nhị Mỹ.

Với qui mô 2.600 m², thả 30.000 con giống, sau 7 tháng nuôi anh thu hoạch được 350 kg, thu lãi trên 8 triệu đồng. Anh Năm cho biết, với hiệu quả của mô hình, vụ nuôi năm 2005 anh quyết định mở rộng diện tích nuôi lên 1,5 ha, sau hơn 8 tháng nuôi anh thu hoạch được 2,5 tấn tôm thương phẩm các loại, thu lãi trên 150 triệu đồng.



Tôm càng xanh thương phẩm



Các năm tiếp theo anh luôn tìm tòi học hỏi kinh nghiệm và tiến bộ kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất của gia đình nên đều đạt hiệu quả cao, cuộc sống ổn định và mua thêm đất để mở rộng sản xuất.

Đến năm 2013 diện tích nuôi tôm càng xanh của anh tăng lên 4,5 ha, với những kinh nghiệm thực tế từ các năm trước sau khi cải tạo ao tốt, anh thả tôm giống, sau 3 tháng nuôi anh tiến hành thu tỉa tôm trứng, để lại tôm đực nuôi tiếp. Từ tháng thứ 5 tôm đạt kích cỡ thương phẩm thì thu hoạch bán cho thương lái, sau thời gian 8 - 10 tháng thì tôm được thu hoạch hoàn toàn, năng suất đạt 1,7 tấn/ha. Giá bán tôm trứng dao động từ 100.000 – 130.000 đồng/kg, tôm thịt kích cỡ tôm nhỏ nhất là 20 con/kg, giá bán từ 250.000 – 350.000 đồng/kg, trừ chi phí giống, thức ăn, anh còn lãi trên 335 triệu đồng.

Vậy sau 13 năm nuôi tôm càng xanh, anh Năm có thể khẳng định rằng tôm càng xanh là đối tượng nuôi nước ngọt mang lại hiệu quả cao, dễ nuôi, ít dịch bệnh, giá bán cao, chi phí không lớn. Để nuôi tôm càng xanh thành công cần:

- Cải tạo ao, gây màu tạo thức ăn tự nhiên tốt.
- Chọn được nguồn tôm giống tốt.
- Trong quá trình nuôi để tránh thất thoát thì ao hồ nuôi tôm phải đảm bảo, không rò rỉ, thường xuyên phải kiểm tra ao nuôi.
- Chủ động nguồn nước sạch.
- Người nuôi phải chăm sóc, quản lý tốt.

Bên cạnh việc chăm lo phát triển kinh tế gia đình, anh Năm còn được bà con nuôi tôm trong xã tín nhiệm bầu làm chi hội trưởng chi hội 1 nuôi tôm càng xanh xã Nhị Mỹ. Từ đó anh luôn hướng dẫn các hội viên biện pháp kỹ thuật, hàng năm Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Đồng Tháp đều tổ chức các lớp tập huấn nên các hội viên đều nắm vững kỹ thuật, rất an tâm sản xuất. Kết quả hàng năm, 99% hội viên nuôi tôm đều thắng lợi.

Như vậy, có thể khẳng định rằng nuôi tôm càng xanh có hiệu quả kinh tế cao, góp phần đa dạng hoá đối tượng trong nuôi trồng thủy sản nước ngọt, sử dụng có hiệu quả đất đai mặt nước, phù hợp với điều kiện khí hậu ở Đồng Tháp.

PHẠM HOÀNG DŨNG

Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Đồng Tháp

ĐỒNG THÁP: MÔ HÌNH LUÂN CANH LÚA TÔM CÀNG XANH CHO THU NHẬP CAO

Thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng - vật nuôi mang tính bền vững theo chủ trương của huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, hơn 6 năm qua, ông Dương Văn Diễn- xã viên hợp tác xã nuôi tôm càng xanh Phú Long, xã Phú Thành B đã mạnh dạn chuyển đổi từ sản xuất 2 vụ lúa/năm sang luân canh một vụ lúa và một vụ nuôi tôm càng xanh, góp phần tạo ra sản phẩm có giá trị, nâng cao thu nhập cho gia đình...

Với kinh nghiệm gần 10 năm luân canh lúa - tôm càng xanh thành công, trên diện tích 12 ha nên năm nào ông Diễn cũng thu lãi trên dưới nửa tỷ đồng. Riêng năm 2011, trong tổng số 128 hộ nuôi tôm càng xanh của Hợp tác xã thì đã có 107 hộ đạt lợi nhuận đáng kể. Trong đó, 13 hộ thu lãi từ 80 triệu - 140 triệu đồng/ha, 92 hộ thu lãi từ 30 triệu - 77 triệu đồng/ha và 13 hộ lãi dưới 30 triệu đồng/ha... Trong vụ nuôi năm này, ông Diễn thu hoạch được 21,7 tấn tôm càng xanh thương phẩm, mang lại nguồn thu trên 3,5 tỷ đồng. Sau khi trừ chi phí và thanh toán lãi cho ngân hàng, ông còn lãi gần 1 tỷ đồng.

Hằng năm, sau khi thu hoạch vụ lúa đông xuân, ông Diễn tiến hành cải tạo mặt ruộng, lên bờ bao lũng và vệ sinh ruộng bằng vôi bột rồi mua cọc tràm, lưới cước thiết kế vuông nuôi tôm trên ruộng đang bị ngập nước. Khi cải tạo 12 ha ruộng thành vuông nuôi tôm, ông Diễn chọn một phần diện tích mặt ruộng xây dựng ao ương con giống, diện tích còn lại làm ao lắng. Chân bờ 5m được đề nén chặt để hạn chế sạt lở, bề mặt rộng 2m, chiều cao so với mặt đất tự nhiên là 1,5m. Tiếp đó, ông Diễn xử lý nước trong vuông nuôi thật kỹ bằng cách ngâm nước trong vuông vài ngày rồi tháo nước ra phơi đáy, tiếp đó bơm nước vào ngâm rồi tháo nước ra... cho đến khi nồng độ pH trong vuông nuôi thích hợp và diệt các loại địch hại. Sau đó, ông thả toàn bộ tôm càng xanh giống vào ao ương nuôi. Khoảng 1 tháng sau khi ương, ông Diễn cho thả toàn bộ tôm ra tất cả diện tích vuông nuôi.

Thức ăn cho tôm là thức ăn viên công nghiệp chuyên dùng có hàm lượng dinh dưỡng phù hợp với từng giai đoạn phát triển của tôm và độ bền của thức ăn trong nước ít nhất là 2 giờ (theo tiêu chuẩn ngành). Trong quá trình nuôi, ông Diễn còn bổ sung khoáng, Vitamin C vào thức ăn để tăng sức đề kháng cho tôm, theo dõi chu kỳ lột xác của tôm để điều chỉnh lượng thức ăn cho phù hợp ... Việc phòng ngừa dịch bệnh



cho tôm cũng được thực hiện kịp thời, theo đúng hướng dẫn của cán bộ thủy sản. Ông còn thường xuyên tìm diệt các loài cá, ếch, rắn... để bảo vệ vuông tôm. Sau khi nuôi được một thời gian, ông tĩa thừa tôm trứng để bán nhằm tạo điều kiện cho tôm đực lớn nhanh - tăng kích cỡ tôm loại 1 và tiết kiệm được thức ăn.

Năm 2014, ông Diễn nuôi tôm luân canh trên diện tích 16,5 ha, với mật độ từ 12 - 15 con/m². Khi tôm được 3 tháng, ông đã thu tĩa được 7 tấn tôm trứng, bán giá 110.000 đồng/kg, thu trên 700 triệu đồng. Khoảng 2 tháng nữa, ông Diễn sẽ thu hoạch toàn bộ tôm càng xanh thương phẩm và hứa hẹn một vụ mùa nữa bội thu.

Nói về kinh nghiệm nuôi luân canh lúa – tôm càng xanh, ông vui vẻ bày tỏ: “Qua thời gian luân canh lúa – tôm thành công, tôi thấy, việc trồng lúa trên đất nuôi tôm đã giúp cải tạo tốt môi trường ruộng nuôi. Lúa hấp thu chất mùn bã hữu cơ - thức ăn thừa và chất thải của tôm từ vụ nuôi để lại... từ đó giúp hạn chế sử dụng phân bón cho lúa. Sau khi thu hoạch lúa, gốc rạ phân hủy sẽ giúp cho hệ thống phiêu sinh vật phát triển, tạo nguồn thức ăn dinh dưỡng tự nhiên cho tôm, làm tăng độ phì cho đất, cân bằng hệ sinh thái đồng ruộng, góp phần cách ly, hạn chế các loài vi rút, vi khuẩn phát triển ... Tuy chi phí đầu tư cao, nhưng nếu thực hiện đúng quy trình hướng dẫn thì mô hình sẽ cho lợi nhuận cao và bền vững”.

TRẦN TRỌNG TRUNG

HT 168, Bưu điện huyện Thanh Bình, Đồng Tháp

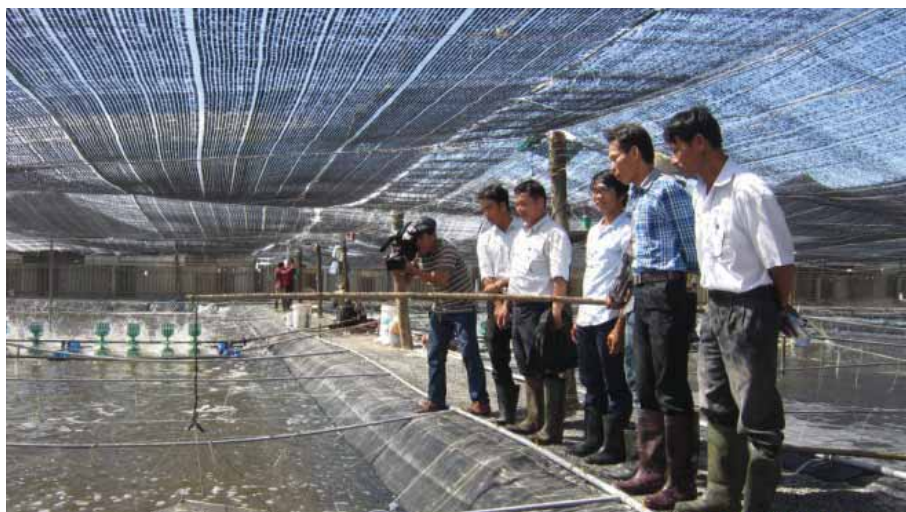
BÌNH THUẬN: NGƯỜI VỰC DẠY NGHỀ NUÔI TÔM Ở XÃ HOÀ THẮNG

Cách đây hai năm, cũng như các khu vực nuôi tôm khác trong tỉnh, nghề nuôi tôm công nghiệp ở xã Hoà Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận gặp rất nhiều khó khăn, nhiều chủ cơ sở nuôi đã bỏ địa không còn thiết tha với nghề. Thế nhưng trong năm 2013, nghề nuôi tôm công nghiệp có dấu hiệu phục hồi trở lại khi quy trình sản xuất cũ được thay đổi bằng quy trình nuôi mới an toàn, đạt chất lượng, hiệu quả cao. Đây thật sự là một tín hiệu vui cho nông dân xã Hoà Thắng nói riêng và người nuôi tôm trong tỉnh nhà nói chung. Đi đầu trong công tác thay đổi quy mô, cách thức nuôi tôm tại địa phương là anh Bùi Văn Tri, người “làm sống lại” nghề nuôi tôm tại Hoà Thắng.

Với 10 năm kinh nghiệm nuôi tôm, năm 2012, khi dịch bệnh trên tôm nuôi hoành hành, anh Tri đã đi tham quan học hỏi kinh nghiệm ở các vùng nuôi tôm trong và ngoài nước. Anh sang Thái Lan để tìm những giải pháp, quy trình, công nghệ mới về ứng dụng nhằm phục hồi sản xuất. Nhờ tinh thần vượt khó, đặc biệt là biết thay đổi các tập quán canh tác cũ để đưa những tiến bộ kỹ thuật vào nuôi, mô hình của anh đã mang lại kết quả khả quan.

Vụ đầu, anh nuôi tôm trên 4 ao, diện tích 1,5 ha, thu sản lượng 15 tấn/ha. Sau thành công này, anh Tri tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô nuôi tôm trên hai khu sản xuất với 10 ao, diện tích 5 ha. Anh Tri cho biết, sau khoảng 83 ngày tuổi, tôm đạt 60 con/kg, anh xuất bán được 70 tấn, giá bán 180.000 đồng/kg, sau khi trừ chi phí đầu tư, năm 2013 anh thu lợi nhuận 5 tỉ đồng.

Qua thực tế sản xuất và học hỏi rất nhiều các mô hình cũng như tìm hiểu về đặc điểm sinh học, quá trình sinh trưởng, phát triển của con tôm anh rút ra kinh nghiệm: Với quy trình nuôi tôm hiện nay thì mọi yếu tố ảnh hưởng đến tôm nuôi đều có thể kiểm soát tốt, duy chỉ có điều kiện thời tiết như nhiệt độ, mưa bão, nắng hạn và dịch hại từ trên không trung (chim, cò) là chưa chủ động được và đây là nguyên nhân khiến tôm nuôi dễ phát sinh dịch bệnh tôm chết sớm, mức độ rủi ro quá cao. Chính vì thế anh Tri đã quyết định xây dựng quy trình nuôi tôm 2 giai đoạn.





Giai đoạn 1 (nuôi khoảng 1 tháng): tôm nuôi 1 tháng tuổi có tỷ lệ hao hụt cao, dịch bệnh xảy ra phổ biến nhất trong giai đoạn này. Bên cạnh đó trong giai đoạn này tôm nuôi có sức đề kháng yếu, dễ sốc và hao hụt hơn khi nuôi trực tiếp trong ao nuôi thương phẩm. Chính vì thế anh Tri đã thiết kế ao vèo khoảng 800m², lót bạt đáy HDPE chống rò rỉ, phía trên có lưới lan che kín, chống sự xâm nhập của các loài động vật hay côn trùng, đồng thời giúp giữ nhiệt độ trong ao ổn định, cũng như hạn chế được những cơn mưa đầu mùa (thường rất bất lợi với ao nuôi tôm). Tôm giống được nuôi trong ao vèo từ 25-30 ngày tuổi, mật độ 800 -1.000 con/m². Trong thời gian này tôm con được chăm sóc kỹ lưỡng gần giống như môi trường trong trại sản xuất tôm giống, khi tôm mạnh khỏe, tăng trưởng ổn định sẽ được thả ra ao nuôi lớn. Cách làm này giúp chủ động trong công tác chuẩn bị ao nuôi lớn được kỹ càng hơn, đảm bảo khi tôm được san thưa ra sẽ có điều kiện thích ứng tốt nhất với môi trường ngoài.

Giai đoạn 2: Tôm giống sau 25-30 ngày ương trong vèo chuyển ra các ao nuôi thương phẩm, với mật độ 200 con/m². Ao nuôi được thiết kế kỹ lưỡng, không chỉ xử lý nước, môi trường bảo đảm theo tiêu chuẩn quy định mà còn trải bạt từ đáy lên cao hơn bờ ao khoảng 50 cm để ngăn không cho cua, còng hay các con vật gây hại vào đầm. Phía trên che lưới rào, ngăn chim, cò xuống ao.

Một lưu ý quan trọng là trong ao vèo cũng như ao nuôi đều cần có hệ thống ôxy đáy chạy suốt trong quá trình nuôi nhằm bảo đảm cung cấp đủ ôxy cho tôm nuôi mật độ cao. Vì muốn thả tôm với mật độ cao để nâng cao năng suất thì vấn đề trở ngại là hàm lượng ôxy không thể đáp ứng được nhu cầu của tôm kể cả khi sử dụng quạt nước thông thường kết hợp với máy sục khí. So sánh kết quả với mô hình nuôi cũ, chỉ dùng dẫn đập nước thì chi phí về năng lượng được giảm đến 30%, hơn nữa kết quả kinh tế rất cao: tôm nuôi được với mật độ cao, ít dịch bệnh xảy ra, quản lý cũng thuận lợi hơn.

Mô hình nuôi tôm của anh Tri đang thu hút sự quan tâm của rất nhiều bà con nuôi tôm trong tỉnh đến tham quan, học hỏi kinh nghiệm để về áp dụng và triển khai trong năm tới. Từ thành công bước đầu của mô hình này, sắp tới, Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Bình Thuận sẽ tiếp tục triển khai tới tại các địa phương khác trong tỉnh.

TRƯƠNG HOÀNG VĂN KHOA

Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Bình Thuận

BÌNH ĐỊNH: THỰC HIỆN THÀNH CÔNG MÔ HÌNH ƯƠNG TÔM HÙM BÔNG TRONG LỒNG

Nhằm chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người nuôi trồng thủy sản, giúp bà con phát triển sản xuất nâng cao hiệu quả và tăng thu nhập, năm 2014 Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư (KNKN) Bình Định phối hợp với Trạm Khuyến nông thành phố Quy Nhơn thực hiện thành công mô hình “Ương tôm hùm bông trong lồng” tại xã đảo Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn.

Mô hình triển khai tại thôn Đông Xã, qui mô 4 lồng nuôi, kích thước 6 m²/lồng với sự tham gia của 7 hộ dân. Thời gian thực hiện mô hình 4 tháng (từ tháng 3/2014 đến hết tháng 7/2014). Vùng nước được chọn nuôi có độ mặn ổn định 35‰, ít chịu ảnh hưởng của thủy triều, độ sâu tối thiểu 6 m khi thủy triều thấp. Sau khi được tập huấn kỹ thuật ương tôm hùm giống, các hộ tham gia mô hình đã thả giống với mật độ 35 con/m², tương đương 210 con/lồng; thức ăn sử dụng cho ương tôm hùm giống chủ yếu là hào, ghẹ, cá các loại... đảm bảo tươi sống, đủ dinh dưỡng cho quá trình sinh trưởng của tôm, lượng thức ăn sử dụng





vừa phải, phù hợp với kích cỡ phát triển của tôm giống trong từng giai đoạn sinh trưởng. Trong quá trình nuôi, bà con thực hiện vệ sinh lồng nuôi, đồng thời phòng, trị bệnh cho tôm giống theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật.

Kết quả, với kích cỡ tôm giống thả nuôi ban đầu 0,2 - 0,3 gam/con (tôm trắng), sau gần 4 tháng ương nuôi, tôm sinh trưởng và phát triển khá tốt, tỷ lệ tôm sống đạt 96,7%, tôm giống phát triển đồng đều, không bị dịch bệnh, trọng lượng đạt bình quân 65 – 70 gam/con (so với yêu cầu là 50 gam/con). Với giá tôm giống thời điểm hiện tại 450.000 đồng/con (50 gam/con), khi xuất bán tôm giống các hộ nuôi có thu nhập khoảng 91,35 triệu đồng/lồng. Trừ chi phí còn lãi 17,9 triệu đồng/lồng. Ông Nguyễn Văn Nhật, nông dân tham gia mô hình cho biết: “Nhờ thực hiện ương tôm hùm bông giống trong lồng theo đúng quy trình, nhất là các khâu chăm sóc, cho tôm ăn, theo dõi vệ sinh lồng và phòng trị bệnh cho tôm giống kịp thời nên tôm phát triển tốt, mô hình đạt có hiệu quả cao”.

Ông Phan Tuấn - Trại trưởng Trại Khuyến nông thành phố Quy Nhơn cho biết: “Việc thực hiện thành công mô hình này cho thấy đây là hướng đi phù hợp trong việc hỗ trợ bà con ngư dân tại xã đảo Nhơn Châu chuyển đổi từ nghề đánh bắt, khai thác thủy sản gần bờ kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản có hiệu quả kinh tế cao hơn; từ đó giúp bà con phát triển sản xuất, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống”.

Tại Hội thảo tổng kết mô hình, hầu hết bà con ngư dân phần khởi trước kết quả của mô hình và mong muốn học tập làm theo. Ông Nguyễn Văn Lâm – Giám đốc Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Bình Định biểu dương các hộ ngư dân tự nguyện tham gia đã có nhiều cố gắng để mô hình đạt kết quả tốt. Thời gian tới, Trung tâm sẽ tiếp tục hỗ trợ về kỹ thuật để giúp bà con ngư dân xã đảo Nhơn Châu tiếp tục phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình ương tôm hùm bông giống trở thành nghề mới tại địa phương. Đồng thời, Trung tâm sẽ tiếp tục nghiên cứu, lựa chọn các mô hình phù hợp để chuyển giao giúp bà con ngư dân xã đảo Nhơn Châu phát triển sản xuất hiệu quả và bền vững.

PHAN THANH SƠN

Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Bình Định

PHÚ YÊN: NUÔI HẢI SÂM KẾT HỢP VỚI TÔM SÚ HIỆU QUẢ BỀN VỮNG

Theo chân anh Nguyễn Xuân Danh, cán bộ nông nghiệp xã Xuân Hải, thị xã Sông Cầu, chúng tôi đến thăm gia đình ông Nguyễn Văn Mỹ ở thôn 1, xã Xuân Hải với gần 7 năm trong nghề nuôi hải sâm kết hợp với tôm sú cho hiệu quả kinh tế cao.

Trước đây, cũng như bà con quanh vùng, gia đình ông chỉ biết nuôi các loài tôm sú, tôm thẻ chân trắng..., tuy nhiên do môi trường nuôi ngày càng ô nhiễm và dịch bệnh liên tiếp xảy ra khiến gia đình ông thua lỗ nặng. Đúng thời điểm đó, ông được người con rể ở Cam Ranh tư vấn chuyển phương thức và đối tượng nuôi, đó là nuôi hải sâm kết hợp với tôm sú. Không ngờ ngay vụ nuôi đầu tiên ông đã thắng lợi.

Đến nay, đã gần bảy năm nuôi hải sâm kết hợp với nuôi tôm sú, năm nào ông cũng có lãi. Cho đến thời điểm này, cả gia đình ông từ các con ruột đến con rể đều chuyển từ nuôi tôm sang nuôi hải sâm kết hợp với



Ông Mỹ bên ao nuôi hải sâm kết hợp tôm sú



tôm sú. Vụ nuôi này, gia đình ông thả 30.000 con giống với diện tích 1,3 ha/5 ao nuôi, riêng hai vợ chồng ông thả 15.000 con giống với diện tích mặt nước là 3.000 m², thời gian thả giống là tháng 12 âm lịch, sau khoảng 6 tháng có thể thu hoạch.

Theo cách làm của ông Mỹ, hải sâm là đối tượng chính trong ao nuôi, tôm là đối tượng nuôi phụ, tuy nhiên thức ăn đầu tư cho hải sâm hầu như hoàn toàn không có mà chủ yếu hải sâm ăn lại ăn thức ăn thừa của tôm và ăn các chất hữu cơ dưới đáy ao. Bởi vậy khi nuôi kết hợp, ngoài giá trị kinh tế, hải sâm rất hữu ích trong việc làm sạch môi trường nước trong ao nuôi.

Hiện nay, gia đình ông đã nhận con giống từ Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III về ương nuôi và cung cấp giống cho bà con quanh vùng. Thời gian ương nuôi lên con giống để bán là 1,5 tháng, giá bán bình quân 3.000 đồng/con giống.

Theo ông Mỹ, kỹ thuật từ ương nuôi giống đến nuôi thương phẩm rất đơn giản, hầu như hải sâm không mắc bệnh. Tuy nhiên, muốn nuôi hải sâm thành công, cần lưu ý những điểm sau: ao nuôi phải có lớp đất bùn để tạo thức ăn tự nhiên và nơi trú ẩn cho hải sâm. Đặc biệt khi vệ sinh ao phải loại trừ các loại cua, ghẹ bởi hải sâm rất mềm và là món ăn ưa thích của chúng. Ngoài ra, trong quá trình nuôi cần bổ sung phân bò ủ hoai với liều lượng 30 - 50 kg/1.000 m² để gây màu và làm thức ăn cho hải sâm.

Về khâu thu hoạch hải sâm, chỉ thu hoạch và bán một lần. Thị trường tiêu thụ hiện nay chủ yếu là Ấn Độ nên gia đình ông rất an tâm, ước tính sản lượng thu hoạch vụ nuôi này khoảng 2 tấn hải sâm, với giá bán 100.000 đồng/kg ông thu về 200 triệu đồng. Chưa tính phần thu nhập từ nuôi tôm, hàng năm gia đình ông luôn có thu nhập ổn định từ 150 - 200 triệu đồng. Thời gian tới gia đình ông tiếp tục mở rộng diện tích nuôi và luôn sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, đầu tư con giống cho bà con quanh vùng.

LÊ HỮU PHÚC

Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư Phú Yên

ĐỒNG THÁP: HIỆU QUẢ MÔ HÌNH NUÔI CÁ LÓC BẰNG THỨC ĂN CÔNG NGHIỆP

Năm 2012, Trạm Khuyến nông huyện Lập Vò đã thực hiện mô hình nuôi cá lóc bằng thức ăn công nghiệp tại hộ anh Trần Minh Phú, ngụ ấp An Lạc, xã Định An, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp với qui mô 700 m².

Trước khi triển khai mô hình, anh Phú được hướng dẫn và tập huấn kỹ thuật nuôi cá lóc bằng thức ăn công nghiệp. Sau đó, anh tát cạn ao, dọn cỏ xung quanh và hút bùn đáy ao rồi dùng vôi bột rải đều xuống ao với liều lượng 10 kg/100m², phơi ao vài ba ngày trước khi cho nước vào ao khoảng 1,5m, kiểm tra các yếu tố môi trường như: nhiệt độ, pH nước, màu nước ao thấy đạt yêu cầu thì tiến hành thả giống.

Khâu chọn giống là yếu tố rất quan trọng, vì nó ảnh hưởng đến tỉ lệ sống và năng suất khi thu hoạch, do đó anh chọn những con giống đồng cỡ, màu sắc tươi sáng, không xây xát, không dị tật. Thả giống vào lúc trời mát để tránh gây sốc nhiệt độ khi thả.

Theo báo cáo của anh Phú tại buổi tổng kết, cá lóc được cho ăn 2 lần/ngày vào 6 - 8 giờ sáng và 4 - 6 giờ chiều. Thức ăn chủ yếu là thức ăn công nghiệp dạng viên nổi, kích cỡ viên thức ăn được chọn theo



Mô hình nuôi cá lóc bằng thức ăn công nghiệp của anh Trần Minh Phú



từng giai đoạn phát triển và trọng lượng cá. Trước khi cho ăn, thức ăn được phun sương cho mềm để tránh cho cá bị trướng hơi. Định kỳ bổ sung vitamin C và men tiêu hoá vào thức ăn cho cá ăn nhằm tăng cường sức đề kháng và phòng bệnh đường ruột cho cá. Thường xuyên quan sát, kiểm tra tình trạng sức khoẻ của cá, môi trường ao nuôi để kịp thời điều chỉnh. Đến khi cá trên hai tháng tuổi, sử dụng Zeolite hạt làm sạch nền đáy ao với liều lượng 20 kg/1.000m². Để phòng ngừa bệnh ký sinh trùng, anh sử dụng Fortex (Formalin) nửa tháng 1 lần với liều 0,1 lít/1.000m³.

Sau 6 tháng nuôi, cá đạt trọng lượng từ 0,4 - 0,5 kg/con, tỷ lệ sống đạt 85%, hệ số thức ăn là 1,3, năng suất đạt 102 tấn/ha, với giá bán cá thương phẩm là 34.000 đồng/kg, anh thu được 242 triệu đồng, trừ chi phí, anh Phú còn lãi khoảng 38 triệu đồng, .

Theo đánh giá của cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình và các cộng tác viên, tuy đây là mô hình lần đầu tiên được thực hiện tại huyện Lập Vò nhưng đã thành công cả về mặt kỹ thuật và kinh tế. Nuôi cá lóc bằng thức ăn công nghiệp đã giúp người nuôi chủ động được nguồn thức ăn, giảm ô nhiễm môi trường, giảm việc khai thác huỷ diệt nguồn lợi thủy sản tự nhiên, giảm chi phí nhân công và hạn chế dịch bệnh xảy ra.

TRẦN THỊ CẨM HOA

Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Đồng Tháp



Cá lóc nuôi bằng thức ăn công nghiệp

KIÊN GIANG: THÀNH CÔNG TỪ MÔ HÌNH NUÔI CÁ LÓC THƯƠNG PHẨM

Với hiệu quả kinh tế mang lại, trong những năm gần đây mô hình nuôi cá lóc thương phẩm trong ao đất phát triển mạnh, được nông dân khu phố 2, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang hưởng ứng nuôi rất nhiều, trong số đó có hộ bà Phạm Thị Ém (số nhà 196, đường Nguyễn Biểu) - một xã viên hợp tác xã nuôi cá Thăng Lợi là một điển hình.

Trước khi nuôi cá, gia đình bà sinh sống bằng nghề làm ruộng nhưng với diện tích nhỏ nên cuộc sống gặp khó khăn, từ khi hợp tác xã (HTX) nuôi cá Thăng Lợi thành lập, gia đình bà đã chuyển sang đào ao nuôi cá với diện tích ban đầu 300 m² thả 10.000 con cá giống. Bà chọn con giống khỏe mạnh, kích cỡ đồng đều, không dị tật. Để chủ động và ổn định, bà đã hợp đồng với xí nghiệp chế biến thủy sản mua phụ phẩm chế biến về xay cho cá ăn. Hàng ngày cho cá ăn, bà luôn quan sát và kiểm tra các sàng ăn để biết sức khỏe của cá và tăng giảm lượng thức



Thu hoạch cá lóc



ăn cho phù hợp. Đồng thời, để đảm bảo môi trường nước nuôi không bị ô nhiễm bà thay nước hàng ngày, khoảng 20 – 30% lượng nước trong ao. Sau 5 tháng nuôi, gia đình bà thu hoạch cá, trừ chi phí còn lãi gần 24 triệu đồng.

Bằng sự quyết tâm với nghề nuôi cá lóc, bà đã học hỏi thêm kinh nghiệm và tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật, học tập qua sách báo, qua bạn bè, nay bà khá thành công trong mô hình nuôi cá lóc ở khu phố 2, phường Vĩnh Lợi.

Đến nay gia đình bà đã mở rộng thêm diện tích nuôi 825 m² (2 ao), số lượng giống thả 60.000 con. Gia đình muốn thêm người vận chuyển, xay thức ăn, trông coi và bảo quản ao. Sau gần 5 tháng nuôi, gia đình bà thu hoạch trên 13 tấn cá, với giá bán thời điểm đầu năm 2014 xuống chỉ còn 35.000 đồng/kg, bà thu gần 460 triệu đồng, trừ các khoản chi phí gia đình còn lãi gần 75 triệu đồng.

Bà Ém chia sẻ: “Mỗi vụ (5 tháng) nuôi cá như vậy, trừ chi phí cải tạo, công chăm sóc, con giống, thức ăn, tôi vẫn lãi mặc dù giá bán giảm. Nhờ có HTX hỗ trợ kỹ thuật nuôi, đảm bảo nguồn thức ăn và đầu ra sản phẩm nên các vụ tới gia đình vẫn tiếp tục nuôi cá”.

Hiện ở khu phố 2, phường Vĩnh Lợi có 20 hộ nuôi, những hộ nuôi này ngoài được đào tạo qua các lớp tập huấn, HTX nuôi thủy sản còn hợp đồng với xí nghiệp chế biến thủy sản để cung ứng nguồn thức ăn ổn định cho bà con. Với mô hình này không những giúp gia đình bà Ém mà còn tạo điều kiện cho các thành viên trong HTX nuôi cá đạt hiệu quả, mang lại nguồn thu nhập ổn định.

NGUYỄN THỊ LAN

Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư Kiên Giang

KINH NGHIỆM NUÔI CÁ CÒM TRONG AO BẰNG THỨC ĂN CÔNG NGHIỆP Ở AN GIANG

Anh Mai Thanh Hồng hiện ngụ tại ấp 4, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang là nông dân có nhiều kinh nghiệm trong việc ương nuôi cá tra. Tuy nhiên, do tình hình bấp bênh trong tiêu thụ nên anh đã mạnh dạn chuyển đổi sang nuôi cá còm sử dụng thức ăn công nghiệp hoàn toàn.

Với diện tích ao 1.000 m² anh thả 10.000 con cá còm giống (cỡ 10 cm/con) và 10 kg giống cá sặc rằn (cỡ 250 - 300 con/kg). Sau 10 tháng nuôi, anh thu lãi khoảng 50 triệu đồng từ cá còm và 9 triệu đồng từ cá sặc rằn. Theo anh Hồng, nuôi cá còm bằng thức ăn công nghiệp có thể đem lại lợi nhuận cao. Tuy nhiên, để nuôi cá còm thành công cần phải thực hiện tốt một số vấn đề sau:

1. Con giống

- Cỡ giống tốt nhất là 10 cm chiều dài trở lên. Nếu mua cá nhỏ hơn cá sẽ không ăn mồi nên dễ bị còi và chết.

- Nên mua con giống ở những trại giống uy tín. Vì nếu mua ở trại giống không uy tín, cá giống không đạt chất lượng; hoặc nếu mua nhầm giống còi đã nuôi 4 – 5 tháng cũng đạt chiều dài 10 cm/con thì đàn cá sẽ chậm lớn, hao hụt nhiều không thu được lợi nhuận, thậm chí còn lỗ.

2. Thức ăn

- Nếu bắt cá lớn và khỏe mạnh, một ngày sau là có thể cho cá ăn.

- Nếu bắt giống nhỏ (< 10 cm) thì phải lưu ý thức ăn cá đang sử dụng. Nên liên hệ với người bán giống thuận cho cá ăn loại thức ăn mình định sử dụng ít nhất một tuần trước khi bắt cá. Như đầu năm 2012 anh mua cá giống ở Cần Thơ có chiều dài 0,4 cm còn cho ăn trùn chỉ, khi mua về không có trùn chỉ cho ăn nên cá bị còi và chết.

- Khi cho cá ăn nên làm một cái vòng gom thức ăn lại, đây là việc làm rất cần thiết. Theo anh trao đổi khi thức ăn trôi cá ít bơi theo bắt mồi, lượng thức ăn sẽ hao hụt nhiều.

- Khi mua cá về sau một ngày là có thể cho cá ăn. Thời gian đầu anh cho cá ăn thức ăn phối trộn gồm cá và thức ăn công nghiệp (TACN), sau đó tăng dần TACN và giảm cá. Sau một tháng anh sử dụng hoàn toàn TACN.

- Theo anh Hồng, để cá còm phát triển tốt nên sử dụng loại TACN 40% độ đậm. Theo anh chia sẻ, 5 tháng đầu anh sử dụng TACN loại



40% độ đậm cá phát triển và lớn nhanh, 3 tháng cuối do không đủ vốn nên anh cho ăn TACN loại 30% độ đậm thì thấy cá chậm lớn.

- Khi nuôi cá bằng TACN nên cho cá ăn nhiều lần, mỗi lần một ít. Tránh chỉ cho cá ăn một lần và cho cá ăn quá no sẽ không tốt, cá dễ bị bệnh.



Ao cá còm của anh Thanh Hồng

3. Quản lý và chăm sóc

- Khi mới mua cá giống về có thể nuôi trong vèo, sau 15 ngày nên chuyển sang vèo lớn hơn (vèo 4 m x 8 m có thể thả 10.000 con). Khi cá được 30 – 40 ngày tuổi, lược thả con lớn ra ao, con nhỏ tiếp tục nuôi trong vèo. Cá trong vèo cho ăn thức ăn nhiều hơn cá ở ao để cá lớn nhanh, sau khi cá đạt kích cỡ bằng cá ngoài ao thì thả ra ao, làm như thế nuôi mới đạt hiệu quả cao.

- Nuôi cá còm nên nuôi bằng nước sông, nuôi bằng nước giếng cá sẽ không lớn và dễ bị bệnh. Nước nuôi phải sạch, nếu để nước dơ cá có thể bị bệnh và lớn rất chậm.

- Có thể thả ghép thêm cá sặc rằn để cải thiện môi trường vì cá sặc rằn có thể ăn tảo và phân cá còm. Tuy nhiên lượng cá sặc rằn không vượt quá 5% trên tổng đàn cá nuôi, nếu thả nuôi cá sặc rằn quá nhiều thì cá sặc rằn sẽ quậy bùn làm nước ao dễ bị đục.

Tóm lại với 10.000 con giống cá sau 10 tháng nuôi anh xuất được 2.000 kg cá, bán với giá 68.000 đồng/kg (trọng lượng bình quân là 200 - 300 g/con), 10 kg giống sặc rằn anh bán 220 kg với giá 45.000 đồng/kg (trọng lượng bình quân là 9 - 10 con/kg). Với tổng chi phí đầu tư khoảng 80.000.000 đồng, sau khi trừ hết chi phí anh lãi khoảng 59.000.000 đồng. Nếu khắc phục được những nhược điểm vừa nêu thì chắc chắn mô hình của anh Hồng sẽ đạt hiệu quả cao trong thời gian tới.

NGUYỄN THỊ MỸ HẰNG

Trạm Khuyến nông thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

HÒA BÌNH: HIỆU QUẢ BƯỚC ĐẦU MÔ HÌNH NUÔI CÁ LẮNG TRONG LỒNG TRÊN HỒ CHỨA

Hòa Bình là tỉnh miền núi có nhiều tiềm năng và lợi thế về phát triển thủy sản như hệ thống sông suối, ao, hồ tương đối nhiều và phân bố khá đồng đều, với tổng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản ước đạt 2.450 ha. Ngoài ra, các hồ chứa có nguồn nước dồi dào, môi trường trong sạch, chưa bị ô nhiễm, nguồn lợi phong phú, giàu dinh dưỡng nên rất thuận lợi để phát triển nuôi các loài cá kinh tế và cá bản địa.

Nhằm tận dụng những tiềm năng, lợi thế nói trên, năm 2013 thực hiện Dự án Khuyến nông trung ương: Nuôi cá lồng hồ chứa tại hồ Hòa Bình, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Hòa Bình triển khai mô hình nuôi cá lồng trong lồng, hướng tới mục tiêu phát triển nuôi thủy sản theo hướng công nghệ cao, tăng thêm thu nhập, góp phần cải thiện đời sống nhân dân; từng bước đa dạng hóa đối tượng nuôi mới có giá trị kinh tế cao.

Mô hình thực hiện tại 2 xã: Thung Nai, huyện Cao Phong và xã Thái Thịnh, thành phố Hòa Bình, với tổng quy mô 100 m³. Tham gia



Cán bộ kỹ thuật và hộ nuôi kiểm tra tốc độ sinh trưởng của cá lồng



là 2 hộ có đủ điều kiện và hệ thống lồng bè đáp ứng yêu cầu của mô hình. Mỗi hộ được cấp 500 con giống cá lăng đạt tiêu chuẩn chất lượng và được hỗ trợ thức ăn, vôi, thuốc hoá chất để cải tạo môi trường nước nuôi và phòng, trị bệnh cho cá. Ngoài ra, cán bộ kỹ thuật tổ chức tập huấn cho các hộ tham gia mô hình, ứng dụng tốt kỹ thuật từ cách xây dựng lồng bè, kỹ thuật nuôi cá thương phẩm đến cách chăm sóc và phòng trị bệnh cho cá ...

Trong suốt quá trình thực hiện, cán bộ phụ trách mô hình thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát những hộ tham gia thực hiện theo đúng yêu cầu kỹ thuật của mô hình. Sau khoảng 9 tháng nuôi, kết quả đạt được: tỷ lệ sống trung bình đạt 81,9%; sản lượng cá thương phẩm ước đạt 1.023 kg; năng suất trung bình khi thu hoạch đạt 10,2 kg/m³, lợi nhuận trung bình 37.000 đồng/m³/vụ nuôi.

Theo đánh giá, kết quả mô hình đã đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đề ra, bước đầu đã mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân, phù hợp với những địa phương có ưu thế hồ chứa và mặt nước lớn. Đây là cơ sở quan trọng, rút kinh nghiệm để xây dựng và nhân rộng mô hình ở những năm tiếp theo tại địa phương.

PHẠM THANH HẰNG

Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Hoà Bình



Cá lăng thương phẩm của mô hình

HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH NUÔI CÁ HỒI VÂN Ở LÀO CAI

Trong những năm gần đây nghề nuôi trồng thủy sản ở tỉnh Lào Cai ngày càng phát triển mạnh, lại có lợi thế phát triển nuôi cá nước lạnh. Tại đây, tiềm năng về nguồn nước lạnh để sản xuất giống và nuôi thương phẩm các đối tượng cá nước lạnh như cá hồi, cá tầm là rất lớn, có thể đạt 500 - 1.000 tấn cá thịt/năm. Hiện nay, Lào Cai có khoảng 35 cơ sở nuôi thương phẩm, các địa điểm có khả năng nuôi cá nước lạnh phân bố ở hầu hết các huyện, thành phố như ở xã Tá Phìn, Bản Khoang, San Sả Hồ của huyện Sa Pa, xã Lùng Phình, Na Hối của huyện Bắc Hà, xã Nậm Xé, Liềm Phú của huyện Văn Bàn, xã Y Tý, Dền Sáng của huyện Bát Xát... Trong sáu tháng đầu năm 2012 thể tích nuôi cá nước lạnh của tỉnh trên 30.000 m³ bồn bể, sản lượng đạt khoảng 200 tấn, bằng 117% so với kế hoạch và mục tiêu năm 2015, doanh thu đạt gần 45 tỷ đồng.

Năm 2012 - 2013, được sự hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Trung tâm Khuyến nông Lào Cai đã xây dựng thành công mô



Bể nuôi cá hồi vân



hình “Nuôi cá hồi vân thương phẩm trong bể tại xã Dền Sáng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai”. Qua khảo sát, thấy xã Dền Sáng có độ cao 1.260 m so với mặt nước biển, nhiệt độ trung bình hàng năm 16 – 18°C, quanh năm có nguồn nước sạch, mát lạnh từ trong rừng già Y Tý, nhiệt độ trung bình 15 – 17°C, pH trung bình 7,25, đây là điều kiện tự nhiên phù hợp cho cá hồi vân sinh trưởng và phát triển. Tháng 5/2012 Trung tâm Khuyến nông Lào Cai giao Trạm Khuyến nông huyện Bát Xát triển khai mô hình nuôi cá hồi vân thương phẩm trong bể với tổng số vốn 108.600.000 đồng.

Mô hình triển khai với quy mô 3.000 con giống/100 m³, nuôi trong 2 bể xi măng, có dòng nước sạch, mát lạnh dẫn về từ rừng già Y Tý. Kích cỡ cá giống 15 g/con, mật độ thả ban đầu 30 con/m³. Thức ăn được sử dụng trong quá trình nuôi là thức ăn công nghiệp dạng viên có hàm lượng đạm 37% do Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I sản xuất.

Quá trình khảo sát, điều tra trước khi xây dựng mô hình được thực hiện nghiêm ngặt, cá giống, thức ăn đảm bảo chất lượng tốt nên tỷ lệ sống và tăng trưởng của cá khá cao. Sau 12 tháng nuôi, cá thu hoạch đạt trọng lượng trung bình 1,4 kg/con. Mô hình đã thu được 3.948 kg cá thương phẩm. Các chỉ tiêu kỹ thuật đạt được như sau: tỷ lệ sống trung bình 94%; năng suất 39,48 kg/m³ bể. Tại thời điểm giá cá hồi vân thương phẩm bán trên thị trường 170.000 đồng/kg, sau khi trừ chi phí, người nuôi cá thu được lợi nhuận 481.460.000 đồng.

Từ những kết quả trên, mô hình nuôi cá hồi vân trong bể đã và đang được nhân rộng tại địa phương. Hiện tại đã có các doanh nghiệp và một số hộ gia đình mạnh dạn đầu tư xây dựng bể nuôi để mở rộng diện tích, tăng thu nhập.

NGUYỄN DUY TÂN

Trung tâm Khuyến nông Lào Cai

ĐẮK NÔNG: THU NHẬP ỔN ĐỊNH TỪ NUÔI CÁ AO

Nuôi cá ao không phải là một nghề mới đối với người nông dân Đăk Nông, nếu biết áp dụng đúng kỹ thuật và lựa chọn đối tượng nuôi đáp ứng nhu cầu thị trường thì đây là một nghề rất ít rủi ro mà đem lại thu nhập ổn định cho người nông dân.

Chúng tôi tới thăm gia đình chị Nguyễn Thị Dung ở thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hanh, huyện Đăk Song khi chị đang cho cá ăn. Chị cho biết, gia đình chị đã nuôi cá được 6 năm, trước khi làm nghề này vợ chồng chị chỉ tập trung làm rẫy trồng cà phê. Tuy nghề này cho thu nhập cao nhưng cũng đòi hỏi đầu tư lớn, lại rất tốn nhân công. Nuôi cá ao chị có thể tận dụng được thời gian nhàn rỗi, vừa cho thu nhập cao vừa phù hợp với sức lao động của gia đình. Qua tìm hiểu nhu cầu thị trường tại chợ Trung tâm huyện Đăk Song và chợ Trung tâm Gia Nghĩa chị thấy các loài cá truyền thống như chép, trắm cỏ, rô phi... có nhu cầu nhiều. Xác định được nhu cầu, vợ chồng chị Dung tận dụng vùng đất sinh lầy bỏ hoang để đào ao thả cá trên diện tích 4.000 m². Loài cá thả nuôi là trắm, chép, rô phi.

Được cán bộ khuyến nông tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật, với 4.000 m² diện tích ao nuôi, chị nuôi ghép cá trắm, chép, rô phi và cá mè, trong



Chị Dung đang cho cá ăn



đó cá trắm cỏ là chính. Mỗi lứa nuôi là chị thả cá giống gồm 100 kg cá trắm cỏ, 15 kg cá chép, 15 kg cá rô phi và 10 kg cá mè. Qua 9 tháng nuôi, cá lớn nhanh, trọng lượng trung bình đạt khoảng 1,7 kg/con cá trắm, 0,6 kg/con cá chép, 1,5 kg/con cá mè và 0,4 kg/con cá rô phi. Với giá thị trường các lái buôn chợ huyện Đắk Song mua tại nhà là 50.000/kg cá chép, 45.000 đồng/kg cá trắm cỏ và 40.000 đồng/kg cá mè, cá rô phi. Tổng thu từ mô hình là 250 triệu đồng, trừ chi phí 60 triệu đồng (gồm: giống 20 triệu đồng; thức ăn: 30 triệu đồng; tiền công và chi phí khác 10 triệu đồng), gia đình chị Dung thu lợi nhuận khoảng 200 triệu đồng/năm.

Chia sẻ bí quyết thành công của mô hình, chị Dung cho biết: Khâu quan trọng nhất là phải xác định được các loài cá nuôi ghép phù hợp để không bị cạnh tranh thức ăn trong ao, chọn đối tượng nuôi chính phải chiếm 50% tổng đàn cá trong ao và xác định mật độ nuôi phù hợp với diện tích nuôi. Tuân thủ đúng kỹ thuật, hàng năm sau mỗi lứa nuôi phải làm tốt công tác cải tạo ao nuôi. Sau khi thu hoạch, tháo cạn ao, phơi ao khoảng 1 tháng rồi rải vôi và bón phân hữu cơ hoai mục. Nguồn nước ao nuôi phải đảm bảo sạch, có nhiều phù du và có hệ thống cấp thoát nước. Duy trì mức nước ổn định, ao nuôi bảo đảm luôn có màu lá chuối non. Trong quá trình nuôi, mỗi ngày cho cá ăn 2 lần (7 - 8 giờ và 16 - 17 giờ), điều chỉnh lượng thức ăn theo giai đoạn phát triển của cá, nhưng buổi sáng cho ăn nhiều hơn, vào buổi chiều, thức ăn chủ yếu là cám, bắp, khoai lang, sắn... Ngoài ra, tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp tại địa phương và cắt cỏ cho cá ăn để giảm chi phí.

Đạt được thành công như hôm nay là nhờ trong những năm qua chị Dung luôn tích cực tham gia các lớp tập huấn về kỹ thuật nuôi trồng thủy sản do Trung tâm Khuyến nông Đắk Nông, Hội Nông dân và các ban ngành khác tổ chức. Có thể nói, mô hình nuôi cá ao của gia đình chị Dung là một mô hình sản xuất bền vững cho thu nhập ổn định nếu biết áp dụng đúng kỹ thuật vào sản xuất và lựa chọn đối tượng nuôi theo đúng nhu cầu thị trường.

VŨ THỊ MINH THÙY

Trung tâm Khuyến nông Đắk Nông

HẠ HÒA, PHÚ THỌ: HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH NUÔI CÁ RÔ PHI XEN GHÉP CÁ CHÉP LAI TRONG AO

Xác định là một trong 4 chương trình kinh tế nông nghiệp trọng điểm của huyện, thời gian qua người dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ đã tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang nuôi trồng thủy sản, nhiều mô hình đã đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Mô hình nuôi cá rô phi xen ghép cá chép lai trong ao triển khai tại 2 hộ gia đình ông Nguyễn Văn Tuấn ở thị trấn Hạ Hòa và ông Đặng Văn Bính, xã Chuế Lưu với quy mô 9.000 m², thả 13.500 con cá giống, trong đó có 9.450 con cá rô phi, 4.050 con cá chép lai. Mật độ thả nuôi 1,5 con/m². Trước khi thả nuôi, tắm cá giống bằng nước muối với nồng độ 3% trong 10 - 15 phút rồi thả từ từ ra ao nuôi. Cá giống đảm bảo khỏe mạnh, đồng đều, không xây xát, dị hình và không mang mầm bệnh.

Để đảm bảo các điều kiện thuận lợi về nguồn nước, cơ cấu giống và công tác chăm sóc theo đúng quy trình kỹ thuật. Trước khi thả giống các hộ thực hiện mô hình đã được tập huấn, áp dụng đúng quy trình kỹ thuật. Trước hết là cải tạo lại ao nuôi. Sau khi thu hoạch, tát cạn ao, tu sửa bờ ao, đắp cống chắc chắn rồi tiến hành bón vôi diệt tạp, diệt cá dữ và mầm bệnh, bón lót phân chuồng khắp ao, phân xanh được bó thành từng bó nhỏ ngâm chìm xuống đáy ao đến khi phân xanh đã nát tiến hành vớt bỏ và tháo nước vào ao. Lúc này nước ao có màu xanh nõn chuối thì tiến hành thả cá. Nguồn thức ăn và thuốc phòng bệnh cho cá được Chi cục Thủy sản cấp từng đợt dựa trên tốc độ tăng trưởng của cá.

Sau 7 tháng nuôi cá rô phi và cá chép lai đều cho kết quả tốt, tỷ lệ sống đạt 80 - 85%, trọng lượng thu hoạch trung bình cá rô phi đạt 650g/con, cá chép lai đạt trên 750g/con. Qua hạch toán kinh tế trên diện tích 5.000 m² ao nuôi cho thấy tổng chi phí 98,962 triệu đồng. Sau khi thu hoạch, trừ chi phí còn lãi 47,748 triệu đồng.

Như vậy mô hình nuôi thương phẩm cá rô phi xen ghép với cá chép lai trong ao với cơ cấu giống nuôi rô phi 70%, chép lai 30% phù hợp với môi trường, điều kiện đầu tư chăm sóc của các hộ nuôi trên địa bàn, không xuất hiện dịch bệnh, cá sinh trưởng và phát triển tốt, tận dụng được các tầng mặt nước và nguồn thức ăn tự nhiên trong ao. Cùng thời



Thu hoạch cá rô phi ở gia đình ông Tuấn

gian và kích thước thả giống thì tốc độ tăng trưởng của cá rô phi và cá chép lai khá đồng đều. Tuy nhiên, để cá chép lai đạt kích cỡ thương phẩm 1kg/con nhằm thu hoạch 2 đối tượng này cùng thời điểm thì các hộ nuôi cá nên thả giống cá chép có kích cỡ lớn hơn cá rô phi từ 8 - 10 cm. Ngoài cá rô phi và cá chép lai có thể thả xen ghép thêm cá mè trắng để tận dụng nguồn thức ăn tự nhiên trong ao nuôi để làm sạch nguồn nước, tăng năng suất ao nuôi.

Mô hình nuôi thương phẩm cá rô phi xen ghép với cá chép lai tại huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ cho năng suất cao, trên 8 tấn/ha, doanh thu đạt trên 200 triệu đồng/ha, thu lãi bình quân trên 90 triệu đồng/ha. Qua mô hình này, huyện Hạ Hòa sẽ tuyên truyền nhằm giúp người nuôi thủy sản trên địa bàn biết và học tập kinh nghiệm để áp dụng vào sản xuất và nhân rộng.

MINH HÒA

Đài Truyền thanh Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

MÔ HÌNH NUÔI CÁ CHÉP NHẬT TẠI THÀNH PHỐ VĨNH LONG

Hiện nay, nhu cầu giải trí, thưởng thức sinh vật cảnh từng bước được chú trọng và phát triển nhất là cá cảnh. Trong đó, cá chép Nhật thu hút các nghệ nhân và những người thưởng ngoạn cá cảnh do sự đa dạng về màu sắc, hình dạng và kiểu vây. Năm bắt xu hướng thị hiếu con người, tận dụng diện tích sẵn có, góp phần tăng thêm thu nhập, Trạm Khuyến nông thành phố Vĩnh Long đã thực hiện mô hình nuôi cá chép Nhật Bản trên địa bàn thành phố với quy mô 1.000 m²/4 hộ. Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí mua cá giống và 30% chi phí thức ăn viên.

Trước khi thực hiện mô hình, Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Long đã tổ chức tập huấn cho các hộ dân tham gia mô hình và những nông dân có nhu cầu, nhằm giúp cho người dân hiểu rõ hơn về đặc điểm sinh học và kỹ thuật nuôi cá chép Nhật. Bên cạnh đó, trạm còn tổ chức cho các hộ tham quan mô hình nuôi cá chép Nhật tại cơ sở cá cảnh Công Bằng của ông Đinh Thanh Sơn, khóm Tân Bình, phường An Hòa, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp - hiện là nơi nuôi cá cảnh thí điểm thành công của tỉnh Đồng Tháp.

Sau 5 tháng nuôi (từ tháng 4 - 9/2013), kết quả đạt được của mô hình: cá có tỉ lệ sống bình quân đạt 80%, kích cỡ 50 con/kg. Cá có ngoại hình, màu sắc đẹp, với giá bán 5.000 đồng/con, sau khi đã trừ chi phí, các hộ tham gia mô hình lãi trên 3 triệu đồng.

Theo đánh giá của cán bộ Trạm Khuyến nông thành phố Vĩnh Long, giống cá chép Nhật phát triển tốt, dễ nuôi, thích nghi với môi trường, điều kiện nuôi tại địa phương. Trong quá trình nuôi người nông dân áp dụng đúng quy trình kỹ thuật nên hiện tượng dịch bệnh ít xảy ra. Bên cạnh đó, đây là loài cá cảnh thiên về mặt giải trí nên sức mua tương đối chậm và đối tượng mua thường là học sinh, người ham thích sinh vật cảnh nên đầu ra chưa mạnh vì vậy rất cần sự quan tâm của các ban ngành trong việc liên kết tìm đầu ra cho sản phẩm.

Cá chép Nhật có nguồn gốc từ Trung Quốc nhưng được nuôi phổ biến thành một môn nghệ thuật tại Nhật Bản. Cá chép Nhật có thể sống trên 100 năm và điểm đặc biệt của loài cá này là hoa văn trên thân rất đẹp, phong phú, được người Nhật cho là điềm may mắn. Cá chép Nhật



có nhiều màu sắc khác nhau như trắng pha đỏ, trắng pha đỏ đen, trắng pha đen, vàng pha đen, xám bạc... Một con cá chép Nhật được đánh giá đẹp phải hội tụ các yếu tố cơ bản như: dáng bơi phải thẳng và uyển chuyển, đường biên giữa các mảng màu phải sắc nét, mảng màu hai bên thân cá phải cân đối, râu đều. Cá chép Nhật sống vùng nước ngọt, có thể sống trong môi trường nước có độ mặn 6‰, hàm lượng oxy trong bể nuôi tối thiểu 2,5 mg/l, độ pH từ 6,5 - 8, nhiệt độ nước thích hợp 25 – 30°C. Cá chép Nhật rất thích hợp và sinh trưởng tốt với điều kiện nuôi tại Việt Nam.

PHAN NGỌC THỦY TIÊN

TIỀN GIANG: HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH NUÔI CÁ TAI TƯỢNG SINH SẢN TRONG MƯƠNG VƯỜN

Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là địa phương phát triển về nuôi thủy sản nước ngọt, với diện tích ương nuôi cá giống khoảng 350 ha với nhiều đối tượng như tai tượng, trê lai, điêu hồng, rô phi, sặc rằn, cá tra... Trong đó, cá tai tượng là một trong những đối tượng có nhiều lợi thế như: thịt ngon, dễ tiêu thụ, giá bán cao, nên cá tai tượng đang được bà con đầu tư từ khâu nuôi cá bố mẹ cho đẻ, đến ương cá giống, nuôi cá thịt.

Hiện số hộ nuôi cá tai tượng sinh sản ở Thị xã Cai Lậy khoảng 200 - 300 hộ, với đàn cá bố mẹ từ 15.000 - 18.000 con, sản lượng cá bột tai tượng hàng năm từ 35 - 40 triệu cá bột. Trong đó, khoảng 50% cá bột được bà con để lại ương thành cá giống, còn 50% bán cho người nuôi ở trong và ngoài tỉnh. Nhờ đó, góp phần tăng thu nhập, giải quyết việc làm cho bà con nông dân... Mô hình nuôi cá tai tượng sinh sản được bà con nuôi chủ yếu ở các xã: Phú Quý, Nhị Quý, Nhị Mỹ, Tân Bình, Long Khánh..., nhiều năm qua đã mang lại hiệu quả cao cho người dân, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn. Điển hình như hộ anh Phạm Văn Tâm ở ấp Phú Hưng, xã Phú Quý.

Gia đình anh Tâm có diện tích canh tác 9.000 m². Trước đây anh làm 3 vụ lúa mỗi năm, nhưng lãi không nhiều, đời sống gặp nhiều khó khăn. Qua chương trình tập huấn và theo dõi tham quan những mô hình nông dân sản xuất giỏi tại địa phương, anh quyết định chuyển đổi 5.000 m² diện tích lúa để lên liếp trồng sầu riêng và thiết kế mương để nuôi cá tai tượng. Anh thiết kế 4 mương (rộng 3m, dài 120 m, sâu 1,2 m), anh dùng lưới ngăn mỗi mương thành 4 ô, mỗi ô dài 30m; như vậy tổng cộng anh có 16 ô nuôi cá. Trong mỗi ô anh thả 20 con cá tai tượng bố mẹ, trong đó 15 con cá cái và 5 con cá đực, tổng cộng là 320 con. Với 240 con cá cái, mỗi năm đẻ gần 960 ổ trứng, số cá bột đạt khoảng 2,5 triệu con. Năm vừa qua, sau khi trừ chi phí, anh thu lãi được 70 triệu đồng từ mô hình này.

Anh Tâm cho biết, nuôi cá tai tượng sinh sản phải được chuẩn bị theo các bước như sau:

- Cải tạo mương: Vét sạch bùn, bón vôi với lượng 3 - 5 kg/100m², phơi mương 2 - 3 ngày, diệt sạch địch hại, sau đó cấp nước đến độ sâu 1,2 m.



- Chọn cá bố mẹ: Tuổi cá bố mẹ phải trên 2 năm tuổi, trọng lượng đạt 1,2 kg trở lên, không dị hình, xây xát.

- Thời gian nuôi vỗ: Từ tháng 10 - 11 âm lịch năm trước. Giai đoạn đầu cho cá ăn thức ăn viên 26 - 28% đạm, liều lượng 1 - 1,5% trọng lượng đàn, sau 2 tháng nuôi tích cực thì cá bắt đầu đẻ vào cuối tháng 12 âm lịch.

- Làm ổ đẻ: Vật liệu cho cá đẻ được làm bằng xơ dừa; sử dụng những cây trúc để đan thành những giỏ hình nón, đường kính của miệng tổ dài khoảng 25cm, cắm tổ vào bờ để cố định sao cho miệng tổ thấp hơn mặt nước 20cm, cắm nghiêng xuống 15 – 20° so với mặt nước.

- Cho cá đẻ: Cá thường đẻ vào thời điểm từ 16 - 18 giờ chiều. Khi quan sát thấy có giọt dầu nổi trước ổ hay có mùi tanh của trứng là cá đã đẻ thì tiến hành thu trứng. Mỗi ngày anh Tâm thu được từ 4 - 5 ổ cá đẻ, mỗi ổ có từ 2.000 - 6.000 trứng.

- Ấp trứng: Sau khi thu trứng, đem trứng vào ấp trong thau. Hàng ngày phải thay nước và vớt trứng cá hỏng ra khỏi thau nhằm tránh ô nhiễm môi trường nước và tránh lây nhiễm bệnh từ những trứng ung sang những trứng khỏe. Sau 3 ngày thì xuất bán cá bột.

Khoảng 7 - 10 ngày, anh Tâm lại cấp thêm nước mới vào mương cá bố mẹ để bù lại lượng nước bị thất thoát. Khi cây sấu riêng 4 - 5 năm tuổi, anh chuyển cá bố mẹ sang mương khác vì cần lấy nước tưới cho

sầu riêng, hơn nữa ao có nhiều bóng mát sẽ ảnh hưởng tới sức sinh sản của cá. Khi sử dụng thuốc xịt sầu riêng, anh chỉ dùng thuốc sinh học không gây độc cho ao nuôi cá.

Toàn ấp Phú Hưng, xã Phú Quý có gần 50 hộ chuyên nuôi cá tai tượng sinh sản, mô hình đã giúp bà con có cuộc sống ngày càng khá hơn. Tuy nhiên, cũng có lúc bà con gặp nhiều khó khăn do cá tai tượng bị dịch bệnh thích bào tử trùng hay người dân còn gọi là bệnh “sùi bọt cua”, làm cho cá bố mẹ chết hàng loạt, đến nay chưa có thuốc đặc trị. Cơ quan chức năng khuyến cáo, người nuôi nên có biện pháp phòng bệnh như: cải tạo ao đúng kỹ thuật, chăm sóc cá bố mẹ tốt, khi cá bệnh phải chôn xác cá, không xả nguồn nước cá bệnh ra môi trường, có thể ngưng nuôi một thời gian là 6 tháng hoặc chuyển đổi sang nuôi đối tượng khác.

ĐẶNG TẤN BÁ

Trạm Khuyến nông thị xã Cai Lậy, Tiền Giang

BẠC LIÊU: NÔNG DÂN LÀM GIÀU TỪ NUÔI CÁ CHÌNH

Nhiều nông dân ở huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu chọn nuôi cá chình để phát triển kinh tế bởi cá chình dễ nuôi, ít bệnh, không đòi hỏi nhiều công chăm sóc và có thể tận dụng nguồn thức ăn có sẵn ... Với giá bán từ 460.000 - 520.000 đồng/kg, cá chình trở thành loài thủy sản có giá trị kinh tế cao, đặc biệt là đầu ra tương đối ổn định.

Người dân địa phương quen gọi ông Nguyễn Việt Thùy ở ấp Long Thành, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu là “Triệu phú cá chình”. Ông Thùy bắt đầu làm giàu với con cá chình cách đây 6 năm. Hàng năm, mô hình nuôi cá chình mang về cho gia đình ông Thùy lợi nhuận hơn 400 triệu đồng. Với diện tích ao nuôi 8.000 m², ông thả 2.200 con giống (loại cá 7 - 9 con/kg), sau 18 tháng nuôi, cá đạt trọng lượng từ 4 - 6 kg/con.

Ông Thùy chia sẻ: Theo tôi, cá chình là loài thủy sản siêu lợi nhuận. Loài cá này dễ nuôi, nhẹ chi phí, giá cao và nhu cầu thị trường quanh năm. Với hệ số thức ăn trung bình của cá chình là 5:1, người nuôi thu lãi rất cao. Nuôi cá chình không chiếm diện tích mặt nước lớn nên những hộ ít đất sản xuất vẫn có thể áp dụng.



Thu hoạch cá chình tại hộ ông Nguyễn Việt Thùy

Ông Lâm Thanh Phong, Phó trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Phước Long đánh giá: Nhiều nơi trong huyện Phước Long có nguồn nước lợ với độ mặn từ 5 - 7‰, rất thích hợp cho cá chình phát triển, lớn nhanh, ít bệnh, tỷ lệ đạt đầu con cao. Bên cạnh đó, thức ăn cho cá chủ yếu là nguồn cá rô phi có sẵn với giá 8.000 đồng/kg. Do vậy, bà con nuôi cá chình có thể hoàn toàn chủ động nguồn thức ăn cho cá. Kỹ thuật nuôi cá chình tương đối đơn giản. Toàn huyện có hơn 24.500 con cá chình nuôi trên tổng diện tích 3,2 ha của 26 hộ, tập trung ở thị trấn Phước Long, xã Phước Long, Phong Thạnh Tây B ...

Nhiều nông dân nuôi cá chình ở huyện Phước Long cho rằng “cá chình dễ bán như tôm” nên người nuôi có thể yên tâm về đầu ra. Tuy nhiên, một trong những khó khăn của người nuôi là nguồn cá giống phụ thuộc vào tự nhiên, do vậy con giống vẫn khan hiếm.

TRẦN THANH HẢI

Trạm Khuyến nông Khuyến ngư huyện Phước Long, Bạc Liêu

PHÚ YÊN: NUÔI CÁ CHÌNH BÔNG HƯỚNG ĐI THOÁT NGHÈO

Đến tham quan mô hình nuôi cá chình bông của ông Trần Luật Sự (62 tuổi), ở khu phố Phước Thịnh, thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên hẳn ai cũng rất ấn tượng, bởi nghề này đã mang lại cho gia đình ông nguồn thu nhập ổn định và giúp ông vươn lên thoát nghèo bền vững. Đây cũng là mô hình nuôi thủy sản mới thành công đầu tiên trên địa bàn huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ông Sự cho biết, đầu năm 2012, ông đến với nghề nuôi cá chình bông trong lần gặp người bạn ở Thành phố Hồ Chí Minh cho tài liệu nuôi cá chình bông theo công nghệ Nhật Bản. Từ đó, ông mạnh dạn đầu tư xây dựng 2 hồ (bể) nuôi cá chình bông với diện tích 40 m² và chia thành 2 phần với vách ngăn cố định bằng tường xi măng để phân loại cá chình bông trong quá trình nuôi.

Cách xây dựng bể nuôi cá chình của ông như sau: Bên trong tường của bể nuôi ông láng nhẵn lát gạch men, đáy bể tráng xi măng. Thành bể cao hơn mức nước cao nhất 50 cm, đồng thời có ống cấp nước đặt cách mặt bể 50 cm. Bể sau khi xây xong, ngâm phèn chua (100 g/m²) 2 lần (2 ngày/lần), sau đó chà sạch bằng bẹ chuối, cấp và xả nước 3 - 4 lần





Cá chình con vào sào ăn thức ăn

kết hợp với phoi nấng trong 2 tuần. Bên trên bể nuôi được thiết kế mái che lưới chống nắng nhằm đảm bảo các yếu tố trong môi trường bể nuôi luôn ổn định, bổ sung sục khí cách khoảng 2 m/vòi đảm bảo đủ lượng oxy hòa tan 5 mg/l để cá chình bông phát triển tốt, nhanh lớn, sản ăn có kích thước 60 cm x 80 cm (bố trí gần nơi thoát nước), bỏ ống nhựa vào bên trong hồ để làm chỗ trú ẩn cho cá chình bông.

Theo kinh nghiệm của ông Sự, cá chình bông phát triển tốt ở nhiệt độ từ 25 - 27°C, là loài ăn tạp, nguồn thức ăn tự nhiên của cá chình bông là tôm, cá con, cá diếc, cá rô phi, cá mè loại nhỏ, ốc, giun, cá tạp, tôm, tép ... và động vật ở đáy, các vi sinh vật thủy sinh khi còn nhỏ. Trong đó, thức ăn chính của chúng là động vật phù du và trùn quế, ông xay nhuyễn thức ăn, trộn thêm vitamin, men tiêu hóa trước khi cho cá ăn, tỷ lệ sống rất cao (đạt 90%). Trong quá trình nuôi cần giữ nguồn nước sạch, đảm bảo đủ hàm lượng oxy trong nước. Cá chình bông ưa bóng tối, sợ ánh sáng ban ngày nên cho cá ăn vào buổi tối từ 18 - 19 giờ hàng ngày.

Đến nay, ông Sự đã có 12 hồ nuôi, trong đó có 7 hồ nuôi cá chình bông thương phẩm và 5 hồ nuôi cá chình bông giống. Với giá bán mỗi con giống 25.000 đồng, hoặc 1.800.000 đồng/kg; giá cá chình bông thương phẩm loại 0,6 – 1 kg/con giá bán 380.000 đồng/kg, loại từ 1 -

1,5 kg/con giá bán 440.000 đồng/kg. Trừ chi phí, ông thu lợi lãi khoảng 300 - 400 triệu đồng/năm.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm ông là khách hàng ở Hải Phòng, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Cà Mau, Bạc Liêu đến đặt mua cá chình bông của ông về làm giống và nuôi thương phẩm.

Mô hình nuôi cá chình bông của ông Trần Luật Sự đang trở thành địa chỉ tin cậy để nhiều nông dân đến tham quan, học tập kinh nghiệm và mua con giống. Người chăn nuôi càng yên tâm hơn trong việc chọn nuôi cá chình bông khi nguồn cung không đủ đáp ứng nhu cầu thị trường. Để nhân rộng mô hình nuôi cá chình bông cần có sự quan tâm của các cấp, ngành chức năng trong việc hỗ trợ vốn vay và chuyển giao khoa học kỹ thuật tới các hộ nông dân, góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cho bà con nông dân.

TRẦN NGUYỄN LÂM VIÊN

Trạm Khuyến nông Khuyến ngư huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên

BẮC NINH: NUÔI CUA ĐỒNG - LÀM CHƠI, ĂN THẬT

Cua đồng là loài thủy sản nước ngọt có giá trị dinh dưỡng cao, là món ăn phổ biến, dân dã. Hiện nay, do khai thác quá mức và không có ý thức bảo vệ, tái tạo nên cua đồng trong tự nhiên ngày càng khan hiếm. Nắm bắt được nhu cầu cua đồng trên thị trường rất lớn và giá thành ngày càng tăng, ông Nguyễn Văn Lộng ở thôn Thanh Hà, xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh đã mạnh dạn đầu tư mô hình nuôi cua đồng và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Chuẩn bị bước sang tuổi 60 với nhiều người là tuổi nghỉ hưu, nhưng ông Lộng vẫn say mê với trang trại nuôi cua khiến nhiều người mơ ước. Năm 2011, dù đang “ăn nên làm ra” từ việc kinh doanh vật liệu xây dựng tại thành phố Thái Nguyên nhưng gia đình ông Lộng từ bỏ để trở về quê hương sinh sống. Qua kênh truyền hình VTC 16, ông biết mô hình nuôi cua đồng được nhiều hộ nông dân các tỉnh phía Nam triển khai hiệu quả. Nhận thấy điều kiện nuôi, chăm sóc hoàn toàn có thể áp dụng tại địa phương, ông Lộng quyết định thử nuôi cua trong bể với 5 kg cua giống, không ngờ cua phát triển và sinh sản rất nhanh. Tuy nhiên, nuôi cua trong bể rất kỳ công, mỗi lần thay nước phải ra ngoài đồng gánh nước về vì nước máy không phù hợp.



Năm 2012, ông Lộng thuê 1 ha đất ruộng với giá 6 triệu đồng/năm, thời gian thuê 20 năm. Toàn bộ diện tích trên ông dùng để nuôi cua kết hợp cấy lúa. Ông cải tạo, chia thành 3 ao, tu sửa bờ bao, vét bùn đáy ao và làm vệ sinh bằng vôi bột, đóng cọc căng lưới cước chắc chắn xung quanh ao, trên bờ trồng chuối, sau đó bơm nước vào, đồng thời thả thêm bèo tây, rau muống để tạo môi trường cho cua sinh trưởng, trú ẩn và tạo thêm nguồn thức ăn tự nhiên cho cua. Tháng 4/2013, ông mua 100 kg cua giống từ những người khai thác tự nhiên về thả nuôi. Ngoài nguồn thức ăn sẵn có trong ao, ông Lộng còn bổ sung thêm cám gạo, bột ngô ngâm chua trộn với cá tạp, ốc bươu vàng băm nhỏ... Mỗi ngày, cho cua ăn 2 lần vào buổi sáng và chiều tối. Đến khi cua lớn thì giảm dần lượng thức ăn, mỗi tuần chỉ cho ăn 2 - 3 lần. Lúc ông bắt đầu nuôi là những tháng hè vì vậy đàn cua sinh trưởng và lớn rất nhanh. Với 100 kg giống ban đầu sau 2 tháng nuôi ông bắt đầu thu được khoảng 300 kg cua thịt với giá bán buôn tại nhà là 90.000 đồng/kg, thu nhập khoảng 27 triệu đồng, trừ các khoản chi phí còn lãi khoảng 15 triệu đồng.

Theo Ông Lộng: “Nuôi cua tại các vùng chiêm trũng là phù hợp

nhất, cua nhanh lớn và sinh sản nhanh. Cua là loài ăn tạp, rất dễ nuôi, nguồn thức ăn dễ tìm kiếm, giá rẻ, cua có khả năng kháng bệnh tốt, chi phí đầu tư thấp, thời gian nuôi ngắn, không tốn công chăm sóc, đặc biệt hiệu quả kinh tế đem lại rất cao, so với cây lúa thì nuôi cua đồng nhân và lãi cao hơn rất nhiều”.

Cua đồng là loài sinh sản gần như quanh năm, tập trung từ tháng 4 đến tháng 8 do vậy nuôi cua chỉ mất vốn mua giống đầu tư ban đầu, sau đó cua tự đẻ. Cua phát triển mạnh nhất vào những tháng hè, chỉ sau 2- 3 tháng nuôi là có thể bán cua thịt. Tuy nhiên, về mùa đông do điều kiện về nhiệt độ, môi trường không thuận lợi ảnh hưởng đến sự sinh trưởng nên cua phát triển chậm, thời gian được xuất bán là 4 tháng.

Như vậy mặc dù “làm chơi” nhưng mỗi năm gia đình ông cũng thu về trên 60 triệu đồng/năm. Có nhiều thương lái đã tìm đến gia đình ông để đặt trước việc thu mua, song hiện tại số lượng không đủ bán cho khách hàng. Không giấu được niềm phấn khởi, ông cho biết: “Tuy mới thử nghiệm trong thời gian ngắn song hiệu quả đem lại đã thấy rõ. Có tiền, tôi vừa tái đầu tư sản xuất, vừa cải tạo lại ao nuôi, xây hệ thống cấp thoát nước và xây tường rào xung quanh ao nuôi. Sau khi được cán bộ của Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Bắc Ninh tư vấn, hướng dẫn, trong thời gian tới tôi sẽ mở rộng thêm diện tích nuôi cua và đưa thêm con chạch đồng, con ốc vào nuôi”.

Mô hình nuôi cua đồng của gia đình ông Lộng đã được nhiều người dân trong và ngoài xã đến tham quan, học hỏi kinh nghiệm. Tuy nhiên, khó khăn của người nuôi cua đồng là kỹ thuật nuôi còn hạn chế, con giống chủ yếu đánh bắt ngoài tự nhiên nên tỷ lệ hao hụt cao, giá cả thị trường không ổn định. Để nhân rộng mô hình cần có sự quan tâm của nhà nước về hỗ trợ nguồn giống tốt, chuyển giao kỹ thuật để nông dân yên tâm đầu tư sản xuất.

NGUYỄN THỊ HOÀI

Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Bắc Ninh



NHÂN RỘNG MÔ HÌNH NUÔI BA BA THƯƠNG PHẨM

Những năm gần đây, nông dân trên địa bàn huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đã thành công với các mô hình nuôi thủy sản, điển hình là mô hình nuôi ba ba thương phẩm tại xã Tây Phú.



Năm 2009, cô Phạm Thị Lệ Thu ở ấp Phú Hùng, xã Tây Phú thấy một số hộ xung quanh nuôi ba ba nên đã mua 200 con ba ba về nuôi thử nhưng do chưa có kinh nghiệm nên tỷ lệ hao hụt khá cao (khoảng 50%). Sau đó, cô tiếp tục mua thêm 500 con ba ba về nuôi. Trong lần nuôi này, cô Thu không ngừng học hỏi kinh nghiệm từ người thân và bạn bè. Sau 20 tháng nuôi, ba ba đạt trọng lượng từ 1,5 – 2 kg/con, giá bán là 320.000 đồng/kg, thu về hơn 80 triệu đồng, trừ chi phí nuôi, lợi nhuận thu được là 40 triệu đồng. Từ thắng lợi trong vụ nuôi trước, cô Thu tiếp tục nuôi và tăng số lượng ba ba lên 1.000 con cho vụ nuôi tiếp theo và hiện tại số lượng ba ba trong ao đã lên đến 1.800 con.

Sau hiệu quả nuôi ba ba của cô Thu và một số hộ xung quanh, người dân trong ấp Phú Hùng đã đến học hỏi kinh nghiệm nuôi ba ba.

Theo anh Trần Văn Phổ, ba ba là một loài không phải dễ nuôi, chi phí đầu tư khá cao, thời gian nuôi cũng lâu, nhưng chỉ cần chăm sóc,

phòng bệnh đúng cách ba ba sẽ có sức đề kháng tốt, ít bị bệnh. Trong quá trình nuôi tránh để nước ao bẩn, thay nước thường xuyên, khoảng 10 – 15 ngày thay một lần, hạn chế đánh bắt làm ba ba hoảng sợ, đồng thời thường xuyên theo dõi và kiểm tra chặt chẽ các yếu tố môi trường, kịp thời xử lý khi ba ba xuất hiện triệu chứng bệnh,... thì việc nuôi ba ba đem lại hiệu quả kinh tế cao. Trong đợt nuôi vừa rồi, gia đình anh Phổ đã thu về hơn 20 triệu đồng từ việc nuôi ba ba, giúp gia đình anh cải thiện cuộc sống.



Tuy mô hình nuôi ba ba cần nhiều chi phí và thời gian, nhưng việc nuôi ba ba đem lại hiệu quả kinh tế khá cao, giúp người dân tại ấp Phú Hùng, xã Tây Phú nâng cao thu nhập, cải thiện được cuộc sống, nhiều hộ vươn lên làm giàu từ việc nuôi ba ba. Tính đến thời điểm hiện tại, số hộ nuôi ba ba của ấp đã lên đến 30 hộ với số lượng nuôi là 34.500 con. Hằng năm, bình quân lợi nhuận người dân tại ấp Phú Hùng thu về được từ việc nuôi ba ba là 20 triệu đồng/hộ.

TRƯƠNG LÊ PHƯƠNG TRANG

Trạm Khuyến nông huyện Thoại Sơn, An Giang



SÓC TRĂNG: LÀM GIÀU TỪ NUÔI BA BA

Gia đình ông Hồ Văn Đại thường gọi Tư Đại ở ấp Mương Khai, xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú (Sóc Trăng) là một trong những điển hình làm kinh tế giỏi ở địa phương. Nhờ việc nuôi ba ba hiệu quả, đến nay ông đã có được một cơ ngơi nhiều người mơ ước.

Con đường trở thành... ông chủ ba ba

Ông Tư Đại năm nay 58 tuổi thì cũng có đến 10 năm kinh nghiệm trong nghề nuôi ba ba. Sau những năm lặn lội với mọi thứ nghề, nhưng đều thất bại. Năm 2004, ông quyết chí làm giàu bằng nghề nuôi ba ba. Qua tìm hiểu sách báo và cán bộ khuyến nông cùng một số người nuôi ba ba, ông thấy nuôi ba ba là một hướng làm ăn hay, vì con ba ba không khó tính lắm, kỹ thuật chăm sóc cũng đơn giản mà giá bán lại cao, nguồn tiêu thụ ổn định nên ông quyết tâm đầu tư tiền của, cải tạo ao để nuôi ba ba. Ban đầu do vốn chưa có nhiều nên ông chỉ nuôi trên 300 con, tuy nhiên do lần đầu chưa có kinh nghiệm, thiếu kỹ thuật nên ba ba lớn chậm, hiệu quả không cao. Nhiều người xung quanh khuyên ông không nên nuôi vì từ trước đến nay ở địa phương chưa có ai nuôi. Không chịu thất bại, ông tiếp tục học hỏi cách nuôi ba ba của các nơi khác, đồng thời đọc thêm sách báo hướng dẫn cụ thể, tiếp tục gọi người vét bùn, xây ao...

Ông Đại cho biết chỉ đến năm 2010 được sự hỗ trợ của Trạm Khuyến nông huyện Mỹ Tú với số lượng 4.000 con giống. Đồng thời, nhận thấy giá trị của ba ba thương phẩm trên thương trường, gia đình ông tư Đại mạnh dạn đầu tư xây dựng thêm 6 ao nuôi từ vườn cây ăn trái không hiệu quả với tổng diện tích 0,5 ha và thả thêm 24.000 con giống. Những năm gần đây thị trường tiêu thụ khá ổn định, năm vừa qua ông đã xuất bán ba ba thịt 1 ao thu được 200 triệu (giá bán loại 1 là 380.000 đồng/kg), bán ba ba giống được 40 triệu đồng.

Theo ông Đại, thức ăn của ba ba gồm 2 loại chính là động vật tươi sống và thức ăn công nghiệp. Thông thường, ông cho ba ba ăn bằng cá tươi, ốc bươu... Nếu ba ba nhỏ cần đập vỏ lấy thịt ốc, ngoài ra cho ba ba các loại cá vụn, xác động vật chết. Với ba ba thịt, nên cho ăn ở một điểm cố định. Lượng thức ăn chỉ cho vừa đủ, tránh để dư thừa gây ô nhiễm nguồn nước, những ngày trời nắng đẹp ba ba ăn mạnh thì cho ăn hai bữa một ngày.

Đi đầu trong phong trào nuôi ba ba

Nhiều hộ nuôi tại địa phương “trắng tay” thì gia đình ông Tư Đại hầu như không bị ảnh hưởng. Ông Đại cũng cho biết, khi nắm chắc đặc tính của chúng và các biện pháp kỹ thuật thì ba ba thực ra rất dễ



nuôi, cách chăm sóc không có gì phức tạp. Theo kinh nghiệm của ông, ao nuôi ba ba cần có mức nước sâu 1,8 - 2m, mùa lạnh mức nước tối thiểu 0,5m trở lên, nếu ao có điều kiện thay nước nuôi mật độ 5 - 6 con/m², ao không có điều kiện thay nước nuôi mật độ 4 con/m². Ông đã ngăn 1/4 diện tích ao nuôi trồng bông súng để lọc nước và là nơi để ba ba nghỉ ngơi, phơi nắng, phòng chống bệnh nấm da. Nếu ao thường xuyên được thay nước không cần thả lục bình hay trồng bông súng mà thả nẹp tre để ba ba trèo lên phơi nắng. Một phần diện tích đáy ao cần đổ cát sạch để ba ba nằm nghỉ. Bên cạnh việc nuôi ba ba, hiện trong vườn ông còn trồng nhiều cây như vú sữa, đu đủ, xoài, cây kiểng...mỗi năm thu về nhiều triệu đồng. Với những gì đã làm được, nhiều năm qua ông luôn được Hội nông dân huyện trao tặng danh hiệu “Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi”

Anh Võ Văn Thái, cán bộ Trạm Khuyến nông huyện Mỹ Tú nhận xét : “ Ông Đại là người có cách nghĩ cách làm sáng tạo, địa phương đã biểu dương và khen thưởng kịp thời. Tới đây, mô hình nuôi ba ba của ông Tư Đại sẽ được nhân rộng. Trạm sẽ mở lớp tập huấn và hỗ trợ về mặt kỹ thuật cho bà con nông dân”.

TRIỆU SANG

Trung tâm Khuyến nông Sóc Trăng



AN GIANG: HIỆU QUẢ MÔ HÌNH SẢN XUẤT LƯƠN GIỐNG

Phú Tân là một trong bốn huyện cù lao của tỉnh An Giang, với 3 mặt tiếp giáp các sông lớn: sông Tiền, sông Hậu, sông Vàm Nao. Ngoài ra, nơi đây còn có mạng lưới sông ngòi chằng chịt, nguồn nước quanh năm phong phú nên rất thuận tiện cho việc nuôi thủy sản, trong đó có nghề nuôi và sản xuất lươn giống.

Từ nhiều năm nay, nông dân Phú Tân đã biết tận dụng diện tích đất sau nhà xây bể và lợi thế mùa nước nổi khai thác một số loài thủy sản như ốc bươu vàng, cá tạp để làm thức ăn nuôi lươn, nhằm giảm giá thành tăng thu nhập cho gia đình do tỷ suất lợi nhuận của mô hình nuôi lươn thương phẩm khá cao, đạt 40 - 60%.

Mặc dù nghề nuôi lươn thương phẩm đã được nông dân ứng dụng hơn 10 năm, nhưng nguồn lươn giống vẫn phụ thuộc vào tự nhiên và thời gian thả giống phụ thuộc vào mùa vụ, cách đánh bắt lươn giống chưa phù hợp dẫn đến việc khai thác lươn giống tận thu tận diệt, khai thác không gắn liền với công tác bảo vệ hay tái tạo, nên sản lượng lươn ngoài tự nhiên suy giảm trầm trọng.

Là người siêng năng, cần cù ham học hỏi và mạnh dạn ứng dụng cái mới vào sản xuất, bà Nguyễn Thị Bé Tư đã quyết tâm sản xuất lươn giống để thay thế lươn giống tự nhiên.

Từ nguồn kinh phí của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, tháng 6 năm 2013, Trạm Khuyến nông Phú Tân đã triển khai mô hình sản xuất giống lươn đồng. Dịp này, bà Nguyễn Thị Bé Tư xin đăng ký thực hiện mô hình. Được cán bộ khuyến nông tận tình hướng dẫn kỹ thuật, với sự đam mê và lòng quyết tâm, bà Tư đã mạnh dạn áp dụng vào mô hình sản xuất giống lươn của mình. Trong quá trình thực hiện, bà đã lặn lội xuống Châu Thành, rồi lên Châu Phú để học hỏi kinh nghiệm thực tiễn từ những nông dân khác. Sau 6 tháng thực hiện, với qui mô 25 m² thả 600 con lươn bố mẹ, mô hình sản xuất giống đã xuất bán được 2.800 con lươn giống với giá bán 3.200 đồng/con (cỡ 300 – 350 con/kg) và thu hơn 10.000 trứng. Lợi nhuận ước đạt 4.000.000 đồng. Hiện nay, mô hình sản xuất giống lươn của bà Nguyễn Thị Bé Tư đã phát triển 3 bể với năng lực sản xuất 10.000 lươn giống mỗi năm.



Bà Tư cho biết: Mô hình sản xuất lươn giống không khó chỉ cần áp dụng đúng quy trình kỹ thuật, trong quá trình thực hiện duy trì độ pH thích hợp: 7,5 – 8,0, bố trí sục khí trong quá trình ấp trứng và chọn trùn chỉ làm thức ăn cho lươn con là phù hợp.

Tiếng lành đồn xa, mô hình sản xuất giống lươn đồng của bà Nguyễn Thị Bé Tư được nông dân nhiều xã lân cận của huyện tham quan học tập, bà luôn sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm. Trong số nông dân đến học tập đã có người mạnh dạn ứng dụng vào sản xuất, điển hình là ông Nguyễn Văn Lợi ở ấp Hòa An, xã Hòa Lạc.

Từ thành công của mô hình, hy vọng thời gian tới mô hình sản xuất giống lươn sẽ được nhân rộng để đáp ứng đủ nhu cầu lươn giống chất lượng cho nông dân nuôi lươn cũng như góp phần bảo vệ nguồn lợi thủy sản ngoài tự nhiên ngày càng cạn kiệt.

ĐỖ MINH NHỰT

Trạm Khuyến nông huyện Phú Tân, tỉnh An Giang



VĨNH LONG: NÔNG DÂN THỐI HÒA LIÊN KẾT NUÔI ẾCH ĐẠT HIỆU QUẢ

Những năm gần đây, ở xã Thới Hoà, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long ngày càng có nhiều người nuôi ếch công nghiệp, tuy nhiên, do nuôi đơn lẻ và chưa đúng qui trình kỹ thuật, nên dẫn tới tình trạng tư thương ép giá hoặc khó tiêu thụ, khiến người nuôi rơi vào tình trạng thua lỗ.

Trước thực trạng đó, nhiều bà con đã chuyển hướng phát triển mới. Được sự đồng thuận của Ủy ban nhân dân xã Thới Hoà, cùng với sự hỗ trợ của dự án “Đa dạng hóa các loài giống thủy sản” do Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Long triển khai năm 2013, với 4.500 con ếch và 30% thức ăn được dự án đầu tư, bà con nông dân ở ấp Ninh Hoà, xã Thới Hoà, huyện Trà Ôn đã thành lập Tổ sản xuất nuôi ếch thương phẩm, với 8 thành viên tham gia, nhằm hạn chế rủi ro trong quá trình nuôi ếch và tránh tình trạng bị tư thương ép giá.

Mô hình của anh Võ Văn Hận ở xã Thới Hòa được đánh giá là thành công nhất. Được dự án hỗ trợ 1.500 con ếch giống, sau hơn 4 tháng nuôi, ếch đạt trọng lượng 2 - 3 con/kg, tỷ lệ hao hụt 13,3% (còn 1.300 con), sản lượng thu được khoảng 300 kg, với giá bán 35.000 đồng/kg,



Mô hình nuôi ếch thương phẩm theo hình thức sản xuất liên kết đang là hướng phát triển kinh tế mới của bà con xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn



thu 10,5 triệu đồng, lãi 5,374 triệu đồng. Với cách làm sáng tạo, anh Hân chọn lựa những con ếch cái tốt giữ lại làm giống và bán cho một số hộ dân xung quanh có nhu cầu, với số ếch giống này đã mang lại cho anh thêm 5 triệu đồng. Không dừng lại ở đó, anh cùng 4 hộ nuôi ếch khác, đầu tư nuôi và sản xuất ếch giống, mỗi đợt xuất bán 20.000 - 30.000 con ếch giống (giá 1.000 đồng/con). Một năm anh xuất 3 đợt ếch giống (mùa thuận thì bán giống, mùa nghịch nuôi ếch thịt), do đó năm nào cũng thu nhập rất cao. Anh cho biết: Năm nay, nuôi ếch “có ăn” lắm, từ đầu năm đến nay, tôi bán ếch giống thu được gần 40 triệu đồng, trừ chi phí còn lãi 20 triệu đồng/một lần xuất bán (3,5 tháng).

Hiện tại, gia đình anh có khoảng 1 tấn ếch thịt, cùng 30.000 con ếch giống trong 4 hồ xi măng. Anh đầu tư xây bể chứa nước để ương ếch giống. Điều đáng nói từ mô hình nuôi ếch này là, tuy diện tích không lớn (diện tích ao nuôi và mặt đất chỉ 500 m²), kinh phí đầu tư cho chuồng trại, con giống, thức ăn không cao, nhưng hiệu quả lại đáng kể.

Hiện nay, mô hình nuôi ếch công nghiệp của nông dân xã Thới Hòa đang dần hoàn thiện và khép kín. Ngoài nuôi ếch trong các vèo, ở dưới ao, mương bà con còn thả nuôi các loài cá điêu hồng, rô phi, tai tượng, cá trê... để tận dụng lượng thức ăn thừa từ ếch và làm sạch môi trường nước. Thời gian tới, ngành nông nghiệp sẽ tăng cường công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người nuôi, đồng thời thành lập Tổ hợp tác nuôi ếch nhằm tạo điều kiện cho các hộ dân trao đổi kỹ thuật nuôi, hợp tác, mở rộng thị trường tiêu thụ.

NGUYỄN VĂN BÌNH

Trạm Khuyến nông huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long



LĨNH VỰC KHUYẾN CÔNG

CAO BẰNG: ÁP DỤNG CƠ GIỚI HÓA TRONG SẢN XUẤT LÚA - THAY ĐỔI TẬP QUÁN CANH TÁC LÚA CỦA BÀ CON



Nhằm áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất có hiệu quả và tạo điều kiện cho nhân dân phát huy tiềm năng sẵn có của địa phương, năm 2013, Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Cao Bằng phối hợp với Trạm Khuyến nông huyện Thạch An triển khai dự án “Cơ giới hoá trong sản xuất lúa - Mô hình máy làm đất đa năng” tại xã Kim Đồng, huyện Thạch An.

Thông qua mô hình, đẩy mạnh cơ giới hóa vào sản xuất giúp bà con nông dân tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng năng suất hoạt động, làm thay đổi nhận thức của người dân trong việc đưa cơ giới hoá vào phục vụ sản xuất nông nghiệp. Quy mô thực hiện 5 máy làm đất đa năng với 5 hộ tham gia, thời gian thực hiện 5 tháng. Các hộ tham gia mô hình được cung cấp vật tư thiết bị đầy đủ, đúng chủng loại, được tập huấn vận hành sử dụng và bảo quản máy.



Đánh giá hiệu quả kinh tế năng suất cây bừa cho 1.000m² ruộng cho thấy việc áp dụng máy làm đất đa năng so với cày, bừa thủ công bằng sức kéo trâu, bò tiết kiệm được cả thời gian lẫn chi phí (tiết kiệm được 300.000 đồng/1.000m²), nâng cao năng suất, hiệu quả của việc làm đất.

Sau thời gian triển khai mô hình, nhận thức của nông dân đã được nâng lên nhờ lợi ích và hiệu quả của việc đưa cơ giới hoá vào phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ông Nguyễn Sỹ Hành - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Cao Bằng nhận định: Việc đưa máy làm đất đa năng vào sản xuất lúa sẽ làm tăng hệ số sử dụng đất, tiết kiệm công lao động, luân canh cây trồng kịp thời vụ, tăng năng suất cây trồng, tăng sản phẩm nông nghiệp và đảm bảo tiến độ thời vụ gieo trồng. Thực tế bà con đã nhận thấy việc đưa máy làm đất vào thay thế lao động thủ công mang lại hiệu quả cao trong sản xuất lúa. Do vậy, việc sản xuất nông nghiệp sẽ dần đi theo hướng hiện đại hoá, công nghiệp hoá nông nghiệp nông thôn.

LỆ QUYÊN

Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Cao Bằng



Các hộ tham gia thực hành trên đồng ruộng

CAO BẰNG: MÔ HÌNH MÁY GẶT ĐẬP LIÊN HỢP CHO HIỆU QUẢ CAO

Năm 2013, được hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Trung tâm Khuyến nông Cao Bằng phối hợp với Trạm Khuyến nông huyện Hà Quảng triển khai dự án “Cơ giới hoá trong sản xuất lúa - Mô hình máy gặt đập liên hợp” tại xã Quý Quân, huyện Hà Quảng,



tỉnh Cao Bằng. Mục tiêu của dự án nhằm chuyển giao tiến bộ kỹ thuật tới nhiều người nông dân, thông qua mô hình, đẩy mạnh cơ giới hoá vào sản xuất giúp bà con nông dân tiết kiệm được chi phí sản xuất, giảm công lao động, thay đổi nhận thức của người dân trong sản xuất nông nghiệp. Quy mô thực hiện của dự án là 1 máy với 5 hộ tham gia.

Tham gia dự án các hộ gia đình được cung cấp máy gặt đập đúng chủng loại, được tập huấn kỹ thuật vận hành sử dụng máy.

Đánh giá hiệu quả kinh tế tính công suất gặt cho 1.000 m² trên đồng ruộng cho thấy việc sử dụng máy gặt đập liên hợp thời gian gặt chỉ mất 90 phút với 1 công lao động (150.000 đồng/công), chi phí dầu chạy máy hết 18.000 đồng (0,75 lít x 24.000 đồng/lít). Tổng chi phí sử dụng máy là 168.000 đồng, tiết kiệm hơn 1.000.000 đồng so với việc gặt thủ công bằng sức người (cho 1.000 m² hết 8 công, tương đương 1.200.000 đồng). Đặc biệt là đã góp phần quan trọng giải phóng sức lao động, tăng thu nhập cho nông dân, giảm chi phí cho nông dân, giảm được áp lực công lao động khi cao điểm.

Với mô hình này, các hộ được tiếp cận cơ giới hoá nông nghiệp, ngoài ra tổ máy có thể mở dịch vụ gặt thuê cho nông dân trên địa bàn, với giá gặt thuê thấp hơn so với các máy cá nhân họ tự mua.

Theo đánh giá chung của các hộ tham gia mô hình, máy làm gặt đập có ưu điểm gọn, không cồng kềnh, thao tác sử dụng đơn giản, tiết kiệm nhiên liệu. Bên cạnh đó, dự án còn tổ chức hội nghị tham quan,



tổng kết để đánh giá kết quả đạt được của các hộ tham gia và tạo điều kiện để các hộ chưa được tham gia dự án học tập trao đổi kinh nghiệm phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hội nghị tham quan tại xã, bà con nông dân được chứng kiến máy gặt đập liên hợp hoạt động thu hoạch lúa tại đồng ruộng và ủng hộ việc thu hoạch lúa bằng máy. Bên cạnh đó, nông dân cũng quan tâm đến việc vận hành máy sao cho đạt hiệu quả, giảm tỷ lệ thất thoát.

Với những ưu điểm nổi bật của máy gặt đập liên hợp và những hiệu quả mang lại từ mô hình đã nhận được sự hưởng ứng rất nhiệt tình của hầu hết các hộ nông dân. Thực tế bà con đã nhận thấy việc đưa máy gặt đập liên hợp vào thay thế sức người làm thủ công trong việc sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã càng được phát huy tác dụng, hiệu quả.

LỆ QUYỀN

Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Cao Bằng

ĐỒNG NAI: HIỆU QUẢ MÔ HÌNH TƯỚI NƯỚC TIẾT KIỆM KẾT HỢP BÓN PHÂN QUÁ ĐƯỜNG ỚNG

Đồng Nai có tổng diện tích trồng các loại cây ăn trái và cây công nghiệp lâu năm là 167.029 ha; với nhiều loại cây đa dạng như cà phê, cao su, hồ tiêu, chôm chôm, sầu riêng, bưởi, xoài 9567 ha, cam, quýt ... Với điều kiện tự nhiên có 6 tháng mùa khô trong năm nên diện tích cây trồng đòi hỏi phải tưới là rất lớn. Kỹ thuật tưới nước tiết kiệm và bón phân qua đường ống đã được Trung tâm Khuyến nông Đồng Nai xây dựng mô hình trình diễn từ năm 1994 và được chuyển giao nhân rộng. Mô hình đã thể hiện rõ một số hiệu quả:

- Tiết kiệm công chăm sóc, phân bón và nguồn nước tưới, góp phần giảm đáng kể chi phí đầu tư và giá thành sản phẩm.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm. Hỗ trợ chủ động điều tiết cho cây ra trái sớm hoặc trái vụ nên được giá bán cao.

- Cây sinh trưởng và phát triển tốt, sức đề kháng cao, giảm đáng kể hiện tượng sâu bệnh hại trên cây trồng. Đặc biệt hạn chế đáng kể bệnh cây phát triển ở vùng rễ.

- Nguồn nước tưới và phân bón được cung cấp một cách hợp lý giúp cây trồng sinh trưởng phát triển tốt, năng suất cây trồng được cải thiện rõ rệt.

Qua thực tiễn áp dụng mô hình giúp nông dân giảm được 40% lượng nước tưới và chi phí nhiên liệu, điện. Giảm 60% công lao động làm bồn, tưới nước và bón phân. Giảm 20% lượng phân bón, tăng 20 - 30% năng suất (cá biệt có mô hình tăng 40 - 50%), chất lượng và độ đồng đều của sản phẩm tăng. Đây cũng là biện pháp kỹ thuật quan trọng giúp cho việc xử lý ra hoa đồng loạt và



ra hoa trái vụ, nhằm đạt kết quả cao. Phương pháp này dễ thực hiện và có thể áp dụng trên các loại cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày của tỉnh. Hiện nay đã có trên 7.000 ha cây trồng các loại được áp dụng.

Một số mô hình ứng dụng kỹ thuật đã cho hiệu quả cao rõ rệt: đối với cây sầu riêng, hiện tượng rụng trái sớm và trái sượng giảm hẳn; trái chôm chôm không bị nứt vỏ, trái to hơn và đồng đều (mô hình tại xã Suối Cao, huyện Xuân Lộc đạt năng suất 9,5 - 11 tấn/ha, trái chín đồng đều, trái loại 1 chiếm trên 90%); bệnh chết nhanh, chết chậm trên cây tiêu cũng giảm rõ rệt, tỷ lệ hạt lép ít (mô hình tại xã Xuân Thọ, năng suất tiêu tăng trên 50%, đạt 5 - 7 tấn/ha. Đặc biệt, mô hình của ông Trần Hữu Thắng tại xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai đạt năng suất 9 - 10 tấn/ha/năm, trong khi đó năng suất theo phương pháp bón phân truyền thống chỉ đạt 2,5 - 3,5 tấn/ha).

Từ hiệu quả mô hình ứng dụng tưới nước tiết kiệm bón phân qua đường ống, thông qua hỗ trợ từ các chương trình phát triển sản xuất của tỉnh Đồng Nai, đến nay đã nhận rộng mô hình được trên 7.000 ha cây ăn trái và cây công nghiệp. Phấn đấu đến năm 2015, ước đạt 15.000 ha được ứng dụng tiên bộ kỹ thuật trong khâu tưới nước tiết kiệm và bón phân theo phương pháp này.

VŨ QUỐC ÁI

Trung tâm Khuyến nông Đồng Nai



NGƯỜI NÔNG DÂN VỚI HỆ THỐNG TƯỚI TIẾT KIỆM 3 TRONG 1 TRÊN CÂY TIÊU

Đó là ông Nguyễn Bá Thịnh ở ấp 4, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước với “Hệ thống tưới nước, tưới phân bón và thuốc bảo vệ thực vật 3 trong 1” đã đoạt giải nhất Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bình Phước lần II.

Ông Thịnh được biết đến không chỉ là nông dân cần cù, chịu khó mà còn là người năng động, sáng tạo trong lao động, sản xuất. Gia đình ông có truyền thống nhiều đời làm vườn. Nhưng bắt đầu từ năm 1996 gia đình ông mới làm quen với cây tiêu với diện tích 1 ha, khoảng 1.400 cọc. Đến năm 2000, gia đình ông nâng số tiêu trồng được lên 6.000 cọc.

Những năm sau đó, thị trường tiêu biến động thất thường theo chiều hướng giảm giá, nhưng gia đình ông vẫn quyết bám trụ với nghề. Tuy nhiên qua nhiều năm trồng tiêu, ông thấy được sự vất vả, cực khổ của các hộ nông dân trong việc tưới nước vào mùa khô, đặc biệt là những hộ có diện tích vườn tiêu lớn. Việc thuê nhân công rất khó khăn và tốn kém chi phí. Từ đó, ông đã miệt mài nghiên cứu sáng chế ra giải pháp tưới tiết kiệm 3 trong 1 giúp nông dân giảm tối đa nhân công, chi phí và tăng năng suất trên cây tiêu.

Hệ thống tưới tiết kiệm 3 trong 1 của ông Thịnh gồm 4 bộ phận chính: bộ phận máy bơm nước, bồn chứa nước và máy đánh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; bộ phận thứ 2 là bộ lọc nước bị nhiễm phèn, lọc phân bón; bộ phận thứ 3 là đường ống dẫn nước và bộ phận thứ 4 là thiết bị tạo giọt.

Hệ thống tưới nước tiết kiệm của ông Thịnh rất dễ học tập và ứng dụng. Trong vườn tiêu, ông Thịnh đặt ống nước theo chiều chảy xuôi, ống chính (ống lớn) đặt ở vị trí cao nhất trong vườn, sau đó các loại ống phụ (nhỏ hơn) được đặt tỏa đi xung quanh. Cứ hai hàng tiêu đặt một đường ống ở giữa luống khoan lỗ nhỏ hoặc bắt ống tizo cho chảy vào gốc tiêu. Cuối cùng dùng các van điều chỉnh lượng nước cho thích hợp.

Ông Thịnh cho biết lắp đặt cho 1 ha trồng khoảng 1.500 - 2.000 cọc tiêu có chi phí khoảng 40 - 50 triệu đồng, khấu hao hệ thống trong 5 năm. Hệ thống đã đem lại hiệu quả thiết thực cho người nông dân như

tiết kiệm được 40% lượng phân bón, 50% nhân công, 30% nước tưới và năng suất tiêu tăng từ 10-15%.

Nhìn những nhánh tiêu sai trĩu quả, ông Thịnh tính toán: Trước đây với 1.000 cọc tiêu, một người phải mất 1,5 ngày tưới, nhưng giờ chỉ mất 0,5 ngày, số tiền điện cũng giảm theo. Tiền nhân công, tiền điện, tiền tiết kiệm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật sẽ tiết kiệm được 1,5 triệu đồng/tháng/1.000 cọc tiêu. Với 6.000 cọc tiêu của gia đình mỗi tháng cũng tiết kiệm ít nhất 8 triệu đồng, sau khi trừ chi phí gia đình ông thu được 2 tỷ đồng năm 2013.

Thành công với giải pháp tưới tiết kiệm này, vườn tiêu của gia đình ông Thịnh không những trở thành địa điểm tham quan, học tập kinh nghiệm bà con ở địa phương mà còn thu hút nông dân các tỉnh bạn đến tham quan, học hỏi kinh nghiệm. Hiện nay ở xã Lộc An và một số xã lân cận huyện Lộc Ninh, huyện Bù Đốp đã có nhiều hộ nông dân ứng dụng lắp đặt hệ thống tưới nước tiết kiệm như của ông Thịnh cho vườn tiêu gia đình mình.

Ngày nay giá vật tư nông nghiệp, công lao động, tiền điện... luôn ở mức cao. Để giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho gia đình thì mô hình tưới tiết kiệm 3 trong 1 của ông Thịnh đang là giải pháp hiệu quả, bà con nông dân nên tham khảo, áp dụng để nâng cao hiệu quả kinh tế của gia đình.

NGUYỄN TRƯỜNG SƠN

Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Bình Phước



MÔ HÌNH XÂY DỰNG TỔ HỢP TÁC VÀ ÁP DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT TRONG SẢN XUẤT MUỐI SẠCH

Huyện Thái Thụy nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Thái Bình là một trong những địa phương có làng nghề làm muối theo phương pháp phơi cát truyền thống lâu đời. Thôn Tam Đồng, xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy là địa phương duy nhất của Thái Bình hiện còn duy trì nghề làm muối. Trong số 306 hộ làm muối trên diện tích gần 60 ha, có tới 200 hộ độc canh muối, những hộ còn lại có thêm diện tích nuôi trồng thủy sản. Lao động sản xuất muối ở đây chủ yếu là người già, phụ nữ và trẻ em từ 11-16 tuổi. Sản xuất muối vất vả, cực nhọc, nhưng thu nhập thấp và không ổn định do công nghệ sản xuất lạc hậu. Hầu hết các công đoạn làm muối ở đây vẫn duy trì theo phương pháp thủ công, truyền thống: phơi cát – lọc chắt – kết tinh; cơ sở hạ tầng xuống cấp, không được tu sửa thường xuyên; lao động làm muối thiếu kiến thức nghề nghiệp nên



Trải bạt thử nghiệm trên nền sân kết tinh ở xóm 2, Tam Đồng

sản lượng và năng suất không cao, chất lượng thấp do lẫn nhiều tạp chất, hàm lượng Natri clorua không đạt tiêu chuẩn dùng trong công nghiệp.

Năm 2010, tổng sản lượng muối toàn HTX khoảng 3.000 tấn, giá bán bình quân 1.500 – 2.000 đồng/kg, doanh thu đạt 1,8 tỷ đồng, bình quân thu nhập của hộ làm muối chưa đầy 6 triệu đồng/năm, đời sống diêm dân hết sức khó khăn... Vì vậy, diêm dân mong chờ được đầu tư, tiếp thu khoa học công nghệ mới, để nâng cao năng suất, sản lượng muối và hạ giá thành sản phẩm nâng cao thu nhập.

Được sự hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông quốc gia, Trung tâm khảo nghiệm Khuyến nông Khuyến ngư Thái Bình đã thực hiện Dự án “Xây dựng mô hình Tổ hợp tác và áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất muối sạch” trong 3 năm (2011- 2013), tại HTX Đại Đồng thuộc thôn Tam Đồng, xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Ngoài việc hướng dẫn diêm dân xây dựng tổ hợp tác sản xuất muối sạch để hỗ trợ nhau trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, thông qua tổ hợp tác hướng dẫn diêm dân thay đổi vị trí chạt lọc truyền thống từ sát ô kết tinh ra giữa ruộng phơi cát để giảm nhẹ sức lao động, từ đó nâng cao năng suất lao động; áp dụng phương pháp phơi nước muối đã cô đặc trên nền bạt HDPE, cải thiện chất lượng sản phẩm vì muối phơi trên nền bạt HDPE sẽ trắng và ít tạp chất hơn.

Mô hình thực hiện từ năm 2011, đến năm 2014 đã mở rộng được quy mô hơn 2,5 ha đồng muối với 125 hộ tham gia. Nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng muối: Tu sửa và làm mới được 125 ô nền kết tinh trải 5.000 m² bạt HDPE, 125 giếng đựng nước, 150 thùng lắng lọc và 150 chiếc chạt lọc, trong đó dự án hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng; tổ chức tập huấn kỹ thuật cho 125 người trong mô hình và 150 người ngoài mô hình

Mô hình đạt kết quả tốt vì đã cải thiện được năng suất và chất lượng sản phẩm; muối phơi từ sân trải bạt có năng suất cao hơn muối phơi từ sân chạt truyền thống từ 20 - 25% vì nước chạt phơi trên sân trải bạt hấp thu nhiệt tốt hơn sân kết tinh truyền thống nên nhanh khô, tăng lượng nước chạt và tránh được thất thoát trong khi phơi. Chất lượng muối trên sân trải bạt hạt muối trắng tinh, khô chắc, lẫn ít tạp chất (muối sản xuất từ sân kết tinh truyền thống trắng ngà, nhiều tạp chất) nên giá bán được cao hơn từ 10 – 15%.



Mô hình ứng dụng tốt trong sản xuất vì diêm dân sản xuất muối theo cách này sau mỗi vụ muối không phải cải tạo sân, giá thành sản kết tinh trải bạt rẻ hơn sản kết tinh truyền thống 43.800 đồng/m². Qua thực tế cho thấy chi phí làm sản kết tinh truyền thống, cứ 1m² chi phí khoảng 113.800 đồng (gồm: vật liệu 63.800 đồng, công 50.000 đồng); Chi phí 1 m² sản phơi trải bạt HDPE hết 70.000 đồng (gồm: tiền mua bạt 65.000 đồng/m², công phơi, dán, căng ép là 5.000 đồng/m²). Khi sử dụng, mỗi m² sản kết tinh trải bạt làm tăng lượng muối trung bình 0,229 kg tương đương với 298 đồng (giá muối 1.300 đồng/kg - Năm 2011). Sau 235 ngày sản xuất hay sau 8 tháng thì hoàn thành chi phí làm sản trải bạt.

Mô hình có khả năng nhân rộng, diêm dân dễ tiếp thu vì mô hình không những cải thiện được năng suất và chất lượng sản phẩm mà còn giảm chi phí đầu vào cho sản xuất: Sản xuất muối trên nền sản kết tinh truyền thống có năng suất bình quân 50 tấn/ha, giá thành sản xuất 01 kg muối kết tinh trên nền sản chặt là 820 đồng/kg, lợi nhuận 01 ha muối trên nền sản kết tinh truyền thống là 29.600.000 đồng/ha. Mô hình sản xuất muối trên sản kết tinh trải bạt có năng suất bình quân 75 tấn/ha, giá thành sản xuất 01 kg muối kết tinh trên nền bạt là 665 đồng/kg, thời gian kết tinh muối trên sản trải bạt nhanh, nên năng suất đạt cao, sau khi trừ chi phí, người sản xuất có lãi 50.450.000 đồng/ha. Chất lượng muối được nâng lên, do đó dễ tiêu thụ, không bị tồn đọng. Mô hình đã góp phần tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống diêm dân vùng sản xuất muối.

Tuy vốn hỗ trợ của chương trình không lớn, nhưng mô hình rất có ý nghĩa và phù hợp với các địa phương có nghề muối ở tỉnh Thái Bình, góp phần khôi phục và phát triển nghề muối là cơ sở để chuyển dịch lao động và tái cơ cấu ngành tiểu thủ công nghiệp phù hợp với một địa phương đang thực hiện xây dựng nông thôn mới.

TRẦN VĂN TRUNG

Trung tâm Khảo nghiệm Khuyến nông Khuyến ngư Thái Bình

MÔ HÌNH TỔNG HỢP



NGƯỜI DÂN TỘC MÔNG SẢN XUẤT GIỎI

Đó chính là anh Phê A Vừ ở bản Huổi Lùng, xã Nậm Loỏng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, hai năm liền 2012 và 2013 đạt danh hiệu Nông dân sản xuất giỏi cấp tỉnh.

Vào thăm gia đình anh, ai cũng phải ngỡ ngàng bởi ngôi nhà 2 tầng khang trang, sạch đẹp vốn là tài sản rất hiếm đối với đồng bào người Mông nơi đây, được anh xây dựng từ kết quả quá trình sản xuất của gia đình.

Sau khi dẫn chúng tôi đi tham quan, anh hồ hởi khoe: “Trước đây gia đình chỉ có hơn 3 ha đất sản xuất, mình mạnh dạn mua thêm hơn 3 ha đất nữa để có điều kiện đầu tư sản xuất tập trung. Trên diện tích này, mình chia ra sản xuất từng loại cây trồng phù hợp với từng loại đất, cụ thể gồm: 1,2 ha đất sản xuất lúa, 2,5 ha đất sản xuất ngô, 1 ha đất trồng chè, 1,5 ha rừng kinh tế, 0,3 ha đất trồng nhãn và 400 m² ao thả cá. Riêng 2,5 ha đất ngô trước đây chỉ sản xuất một vụ ngô mùa thì nay đã có 0,7 ha sản xuất thêm một vụ ngô thu đông. Bên cạnh đó mình cũng tranh thủ chăn nuôi thêm, mỗi năm gia đình cũng nuôi được khoảng 100 con gà, 100 con ngan vịt, 4 – 5 con lợn và 02 con trâu để phục vụ cày kéo”.

Khi hỏi về thu nhập của gia đình, anh cho biết: với 1,2 ha đất sản xuất lúa một vụ cho thu hoạch khoảng 7 tấn lúa. Ngoài việc để phục vụ cho sinh hoạt gia đình và chăn nuôi, còn bán ra thị trường được khoảng 20 triệu đồng; 2,5 ha ngô cho 15 tấn ngô vụ mùa và 3,5 tấn ngô vụ thu, tổng khoảng 18,5 tấn với giá bán bình quân 5.500 đồng/kg được thu trên 100 triệu đồng; 1ha chè cho thu bình quân 10 tấn búp tươi/năm, với giá bán 5.000 đồng/kg cho thu nhập khoảng 50 triệu đồng; còn với 1,5 ha rừng kinh tế chủ yếu là cây măng, vào mỗi năm cũng cho thu nhập khoảng 10 triệu đồng từ tiền bán măng và cây tre, vầu. Ngoài ra, các khoản thu từ cây nhãn, chăn nuôi lợn, gà, vịt và cá cũng cho thu nhập khoảng 15 triệu đồng/năm. Như vậy, tổng thu nhập của gia đình anh Vừ đạt gần 200 triệu đồng/năm, trừ chi phí đầu tư ban đầu, thu lãi trên 100 triệu đồng/năm. Đây là nguồn thu nhập rất lớn đối với người nông dân Lai Châu, đặc biệt là đối với đồng bào người dân tộc Mông như anh.

Cũng nhờ sản xuất giỏi, thu nhập cao nên anh Vừ có điều kiện cho 4 người con ăn học, trong đó 3 người đang học đại học. Khi hỏi về dự



Anh Vừ (người thứ 7 từ trái sang) đang trao đổi kinh nghiệm sản xuất với bà con

định của anh thời gian tới, anh cho biết: “Các cháu đi học hết cả rồi, chẳng có người làm nên mình không đầu tư mở rộng nữa, chỉ duy trì diện tích hiện có, tập trung đầu tư thâm canh, sử dụng các giống lúa, ngô mới có năng suất cao, chất lượng tốt để nâng cao năng suất, tăng thu nhập”.

Ông Lê Hồng Quyết, Bí thư Đảng ủy xã Nậm Loỏng cho biết: Gia đình anh Vừ là hộ nông dân tiêu biểu trong sản xuất của xã, luôn đi đầu trong các phong trào sản xuất của địa phương. Hiện thu nhập bình quân chung của toàn xã chỉ đạt 9 triệu đồng/người/năm, nhưng gia đình anh đã có thu nhập trên 100 triệu đồng/năm. Chúng tôi luôn vận động người dân trong xã học tập và làm theo gia đình anh Vừ.

Từ thành công của gia đình anh Vừ, chúng tôi thầm nghĩ, nếu mỗi thôn, bản có nhiều người như anh thì sẽ chẳng còn hộ nghèo, hộ đói và công cuộc xây dựng nông thôn mới sẽ sớm về đích và đạt kết quả cao.

HOÀNG ĐÌNH CHÍNH

Trung tâm Khuyến nông Lai Châu



HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH KẾT HỢP GIỮA TRỒNG TRỌT VÀ CHĂN NUÔI

Từ sự kết giữa trồng trọt và chăn nuôi gia súc nhiều hộ nông dân trên địa bàn đã thực sự làm giàu trên chính mảnh đất của mình, tạo nên những mô hình thâm canh nông nghiệp hiệu quả, không chỉ đưa đến lợi ích cho gia đình mà còn giúp ích cho nhiều hộ nông dân khác đến tham quan học hỏi và nhân rộng.

Ông Lâm Sơn ở ấp Bù Nồm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh là một điển hình của mô hình đó. Từ nhiều năm nay, gia đình ông đã thực hiện mô hình kết hợp giữa trồng tiêu, điều và nuôi dê, không chỉ làm giàu cho mình mà còn đi đầu với vai trò là người tiên phong có nhiều đóng góp cho cộng đồng dân cư ở đó về mặt giúp người dân thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số trong vùng nuôi dê, giải quyết đói nghèo thông qua phương thức hỗ trợ con giống có thu tiền nhưng trả chậm không hoặc tính lãi suất không đáng kể. Thậm chí đôi với những hộ dân quá khó khăn thì gia đình ông hỗ trợ con giống mà không thu tiền.

Với diện tích đất khá khiêm tốn (2,7 ha), trong đó cây tiêu (1,5 ha), điều (1,0 ha) còn lại dành đất ở và chăn nuôi. Theo gia đình ông cho biết, cây tiêu được chăm sóc và cho năng suất bình quân 2,5 - 3,0 tấn/ha/năm, giá bán những năm gần đây dao động từ 130.000 - 160.000 đồng/kg thì





sau khi trừ chi phí cho đầu tư (1,5 ha) lợi nhuận thu được từ 350 - 600 triệu đồng/năm. So với cây tiêu, thì cây điều của gia đình ông được trồng trên diện tích 1 ha, bình quân cho năng suất từ 1,5 - 2 tấn/ha/năm và lợi nhuận thu được sau chi phí đầu tư đạt 15 - 20 triệu đồng/năm.

Ông Lâm Sơn cho biết năng suất bình quân hàng năm của cây tiêu, điều của gia đình ông luôn đạt ở mức khá so với các hộ khác trong vùng là nhờ gia đình luôn chăm sóc vườn cây theo đúng quy trình của các nhà chuyên môn khuyến cáo, đặc biệt là chú trọng đến vấn đề bón phân hữu cơ từ chăn nuôi dê nhằm cải tạo đất và nâng cao năng suất.

Bắt đầu nuôi dê năm 2006 với 2 con giống ban đầu, hiện đàn dê của gia đình ông nuôi đạt trên 20 con (với 1 con đực và 25 con cái) bình quân hàng năm ông xuất bán 60-70 dê giống và dê thịt, thu nhập trên 140 triệu đồng.

Kinh nghiệm của gia đình ông cho biết là nuôi dê Bách Thảo và con lai với giống dê này dễ nuôi, khả năng thích nghi tốt với điều kiện khí hậu tại địa phương, ít bệnh, phàm ăn, dễ sai, tập tính khá hiền lành. Nuôi dê theo hình thức nuôi nhốt cần diện tích ít mà cho lợi nhuận cao, tận dụng tối đa nguồn phụ phế phẩm trong vườn và khu vực như lá cây họ đậu trồng làm nọc tiêu, lá cây mít... dê dễ bán, bán với giá cao và đặc biệt là nhu cầu về loại thực phẩm này luôn cao hơn nhiều so với sản phẩm người nông dân sản xuất ra.

NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG

Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Bình Phước



HIỆU QUẢ KINH TẾ TỪ MÔ HÌNH KHÉP KÍN

Ông Hồ Trần Minh ngụ tại khóm Long Quới C, Phường Long Phú, thị xã Tân Châu là một nông dân chịu khó, thích học hỏi kỹ thuật mới để ứng dụng vào mô hình sản xuất kinh tế của gia đình. Ông đã rất thành công với mô hình sản xuất khép kín của gia đình mình.

Với 3,5 ha diện tích đất sản xuất, ông sử dụng 3 ha cho sản xuất lúa, 0,5 ha còn lại ông sử dụng xây nhà ở và thiết kế mô hình chăn nuôi khép kín: “Trồng cỏ nuôi bò, phân bò một phần sử dụng làm thức ăn cho trùn quế, một phần cho vào bể biogas lấy gas sử dụng trong nấu ăn và điện thắp sáng trong nhà. Trùn quế một phần sử dụng làm thức ăn cho lươn con, một phần cung cấp giống cho bà con nuôi, phân trùn quế dùng làm phân tưới cho cỏ voi. Lươn giống ương lên một phần nuôi thịt, một phần bán cho người nuôi lươn, một phần sử dụng làm lươn bố mẹ”.

Năm 2012, được dự án khí sinh học tỉnh An Giang hỗ trợ một phần kinh phí, ông xây bể biogas 13,3 m³ với chi phí khoảng 14 triệu đồng.



Từ khi có bể biogas vấn đề môi trường được cải thiện rõ rệt, phân do bò thải ra được đưa vào bể biogas nên không có mùi hôi. Khí từ biogas ông sử dụng làm gas nấu ăn và chiếu sáng trong nhà. Từ khi có bể biogas ông không phải tốn tiền mua bình gas sử dụng, tiền điện cũng được giảm đáng kể.

Trong năm 2013, sau 8 tháng nuôi 10 con bò từ 4.000 m² cỏ voi ông lãi 80 triệu đồng. Theo ông chia sẻ từ đầu năm 2012 với vài chục kg giống cỏ voi đến cuối năm 2012 ông đã trồng và nhân rộng được 4.000 m² và sử dụng cỏ cho bò ăn đến bây giờ. Trong năm 2013 ông chi khoảng 1,5 triệu đồng cho việc trồng cỏ, nước chỉ tưới vào mùa khô, mùa mưa không cần tưới, ông sử dụng 150 kg Urê tưới cỏ trong một năm. Lượng phân sử dụng ít là do có phân trùn quế vì phân của trùn rất tốt.

Năm 2012 ông mua 70 kg lươn giống loại 32 con/kg. Cuối năm ông lựa được 500 con bố mẹ, còn lại ông bán 200 kg lươn thịt. Đầu năm 2013 ông bố trí cho sinh sản đến cuối năm 2013 ông bán 8.000 con lươn giống với giá 4.500 đồng/con. Còn lại 2.000 con ông để làm lươn bố mẹ, để lươn lên trứng tốt ông sử dụng thức ăn công nghiệp loại 26 độ đậm trộn thêm một ít vitamin E và A, nếu sử dụng loại 40 độ đậm nuôi vỗ lươn sẽ phát triển tốt nhưng trứng lên không tốt. Trong năm 2013, sau khi trừ hết chi phí từ mô hình khép kín ông thu lãi khoảng 12 triệu đồng.

Đầu năm 2014 đến thời điểm này ông đã cho sinh sản và thu 7 đợt, hiện tại ông có khoảng 7.000 con lươn con và trong năm nay ông dự kiến sẽ cung cấp một lượng lớn con giống cho bà con nuôi lươn tại địa phương cũng như những vùng lân cận. Hiện nay do hao hụt từ con giống tự nhiên quá lớn nên xu hướng sử dụng con lươn sinh sản nhân tạo trong mô hình nuôi lươn thương phẩm trong thời gian tới là rất lớn.

Với mô hình kinh tế hiện tại của mình, ông Hồ Trần Minh đang rất thành công và hy vọng mô hình sẽ tiếp tục đem lại hiệu quả trong thời gian tới.

NGUYỄN THỊ MỸ HẰNG

Trạm Khuyến nông thị xã Tân Châu, An Giang



QUẢNG TRỊ: LÀM GIÀU TỪ MÔ HÌNH KINH TẾ GIA TRẠI

Từ một hộ nông dân bình thường, quanh năm lam lũ nhưng vẫn túng thiếu, đến nay gia đình anh Nguyễn Văn Triển ở thôn Tam Hiệp, xã Cam Thủy, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị đã làm chủ một cơ ngơi bạc tỷ trên diện tích gần 2.000 m² với mô hình kinh tế tổng hợp, đủ các loại cây, con như: lợn rừng, chim bồ câu Pháp, ếch, thanh long ruột đỏ, các loại cây cảnh ...

Trước đây, anh Triển làm nghề mộc nhưng vì lý do sức khỏe nên không thể duy trì được. Là một người siêng năng, chịu khó nên anh luôn khao khát làm giàu trên chính mảnh đất bán sơn địa của mình. Thông qua sách báo, internet và các lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, anh đã nghĩ cách làm giàu theo hướng chăn nuôi gia trại kết hợp theo hướng đa cây đa con, chú trọng áp dụng khoa học kỹ thuật để quản lý dịch bệnh và mang lại thu nhập cao.

Anh Triển tâm sự: Khi mới bắt tay vào làm anh cũng gặp phải rất nhiều khó khăn, đặc biệt là về nguồn vốn. Được Ngân hàng Chính sách xã hội huyện cho vay 20 triệu đồng, kết hợp với nguồn vốn gia đình dành dụm được, anh đã bắt tay vào xây dựng mô hình chăn nuôi lợn rừng lai. Đây là giống lợn ít bệnh tật, có sức đề kháng cao, thức ăn đơn giản, dễ kiếm, chủ yếu là phụ phẩm nông nghiệp. Hiện nay, gia trại của anh luôn



có bình quân 5 - 6 con lợn nái sinh sản. Chỉ riêng bán giống và nuôi thịt lợn rừng đã mang lại cho anh lợi nhuận từ 50 - 60 triệu đồng/năm. Tận dụng chuồng nuôi sẵn có, anh đã đưa vào nuôi thử nghiệm 10 con dê Bách Thảo, tuy mới đẻ được 2 lứa nhưng đã mang lại thu nhập gần 15 triệu đồng. Theo anh Triền, đây là giống dê có kích thước lớn, dễ nuôi, ít bệnh tật, thức ăn lại giống với thức ăn của lợn rừng lai nên dễ kiếm.

Bên cạnh đó, anh đã mạnh dạn thả nuôi gần 400 cặp bò câu Pháp và nuôi thử nghiệm 30 cặp bò câu Mỹ theo hình thức nuôi nhốt. Anh Triền cho biết, dê có thu nhập cao từ con bò câu Pháp thì cần phải nuôi với số lượng lớn. Bò câu Pháp dễ nuôi, đẻ nhiều, trung bình mỗi năm, nếu nuôi tốt thì 1 cặp bò câu Pháp sẽ cho từ 8 - 10 cặp bò câu con. Ngoài ra, do nuôi theo hình thức nuôi nhốt nên bò câu có trọng lượng lớn, dễ quản lý dịch bệnh hơn bò câu nhà. Trọng lượng bò câu Pháp bình quân đạt 0,7 - 0,8 kg/con, với bò câu Mỹ cá biệt có con đạt 1 - 1,2 kg. Với giá bán hiện nay từ 100.000 - 120.000 đồng/cặp bò câu ra ràng và 280.000 đồng/cặp bò câu giống, trừ chi phí, bình quân mỗi ngày đàn bò câu mang lại cho gia đình anh lợi nhuận từ 400.000 - 500.000 đồng.

Để có thêm thu nhập, tận dụng bể nuôi cá lóc sẵn có, đầu năm 2013, anh đã thả nuôi 3.000 con ếch giống. Anh Triền cho biết: ếch có tỷ lệ sống cao, ít bệnh tật, thời gian nuôi ngắn hơn so với nuôi cá lóc. Do thời tiết mùa đông rất lạnh, ếch chậm phát triển nên mỗi năm anh chỉ thả nuôi 3 lứa ếch, mỗi lứa từ 2 - 3 tháng, nối nhau từ tháng 1 đến tháng 9 âm lịch. Kích cỡ thu hoạch từ 4 - 5 con/kg, với giá bán bình quân 52.000 - 55.000 đồng/kg, trừ chi phí mỗi lứa ếch mang lại lợi nhuận 12 - 15 triệu đồng.

Anh Triền chia sẻ kinh nghiệm: Để nuôi ếch thành công, cần phải vệ sinh bể nuôi hàng ngày, loại bỏ thức ăn dư thừa, thay nước mới 1 lần/ngày vì nước càng trong sạch ếch sử dụng thức ăn càng nhiều, nhanh lớn, góp phần rút ngắn thời gian nuôi. Trong thời gian nuôi cần quan sát đàn ếch để kịp thời tách những con lớn ra nuôi riêng, tránh hiện tượng ăn thịt lẫn nhau. Sử dụng thức ăn có độ đậm cao để đảm bảo cho ếch phát triển, tốt nhất là sử dụng thức ăn công nghiệp chuyên dùng cho ếch. Thời gian tới, anh sẽ tiếp tục xây thêm 3 bể nuôi để phát triển đàn ếch của gia đình, đồng thời thử nghiệm sản xuất ếch giống để chủ động nguồn ếch giống cho gia đình cũng như cung cấp cho các hộ dân có nhu cầu nuôi ếch tại địa phương.

Với bản tính luôn tìm tòi những giống cây con mới, năm 2013, anh đã cất công ra tận Vân Trục, Vĩnh Phúc mua 300 cành giống thanh long ruột



đỏ về trồng thử nghiệm. Chỉ tay vào gần 300 cành thanh long ruột đỏ đang được giâm trong vườn, anh nói: Khi mới trồng, dự kiến sau 1 năm sẽ cho thu hoạch từ 3 - 4 lứa/năm, tôi đã chuyển sang cung cấp giống thanh long ruột đỏ cho người dân trong tỉnh với giá 10.000 đồng/cành.

Theo anh Đào Xuân Tiêm, cán bộ khuyến nông xã Cam Thủy: Mô hình gia trại của anh Triển là một trong những mô hình điển hình tại địa phương. Đặc biệt, trong gia trại của anh Triển đều là những cây trồng, vật nuôi mới được đưa vào nuôi trồng trên địa bàn xã. Có thể nói, nhờ có hướng đi đúng đắn cùng với sự cần cù chịu khó, dám nghĩ dám làm, gia đình anh Triển đã xây dựng thành công mô hình gia trại đem lại hiệu quả kinh tế cao và có tính bền vững. Từ một hộ khó khăn, gia đình anh đã vươn lên thành hộ khá giả và từng bước làm giàu chính đáng trên mảnh đất quê hương mình.

THỰC QUYÊN

PHÚ THỌ: MÔ HÌNH HỢP TÁC XÃ TỔNG HỢP THU LÃI HƠN 1 TỶ ĐỒNG MỖI NĂM

Trong chuyến công tác cùng Phòng nông nghiệp và PTNT huyện Hạ Hòa, tôi thăm mô hình phát triển kinh tế của gia đình ông Lê Huy Kiên ở khu 2, xã Hiền Lương mới thấy cách làm ăn rất khoa học của ông. Đặc biệt, ông Kiên đã biết tận dụng mọi lợi thế về điều kiện tự nhiên, đất đai, mặt nước, nguồn lao động dồi dào tại địa phương rất hiệu quả. Mô hình Hợp tác xã Chế biến Nông lâm sản và Dịch vụ Nông nghiệp Âu Cơ của gia đình ông mỗi năm đạt doanh thu trên 20 tỷ đồng, trừ mọi chi phí còn thu lãi hơn 1 tỷ đồng.

Bắt đầu khởi nghiệp từ năm 2005, với xưởng chế biến gỗ ván bóc đầu tiên của huyện Hạ Hòa. Ông đã đầu tư 12 chiếc máy bóc các loại, 4 ô tô chở gỗ và ô tô con, tổng tài sản trị giá hơn 10 tỷ đồng. Mỗi ngày, xưởng chế biến 30 khối gỗ tròn tạo ra 20 khối gỗ bóc, trừ mọi chi phí cũng thu lãi 500 – 600 triệu đồng. Không chỉ làm giàu cho bản thân, ông còn tạo công ăn việc làm cho 50 – 60 lao động/năm với mức thu nhập bình quân 3,5 triệu đồng/người/tháng. Kết hợp với chăn nuôi lợn một năm 3 lứa, mỗi lứa hàng trăm con thu 15 tấn thịt, trị giá 700 triệu đồng, trừ chi phí cũng còn 100 triệu đồng tiền lãi. Như vậy 3 lứa lợn của gia đình ông cũng thu về 300 triệu đồng. Ông còn có 11 con bò lai Sind trị giá 200 triệu đồng.

Mấy năm gần đây, việc sơ chế gỗ gặp nhiều khó khăn, đầu năm 2104, ông Kiên đã mạnh dạn tận dụng diện tích mặt nước lớn của đầm Vân Hội

để nuôi thả cá lồng, bước đầu mô hình phát triển tốt. Hiện nay mô hình nuôi cá lồng của ông Kiên có 10 lồng cá, chủ yếu là cá diêu hồng, cá lăng chấm. Khoảng 2 tháng nữa, ông sẽ thu hoạch khoảng 5 tấn cá cá diêu hồng, với giá bán ra thị trường hiện nay khoảng 40.000 đồng/kg, sẽ cho thu khoảng 200 triệu đồng. Cá lăng nuôi lâu hơn, phải một năm nữa mới cho thu hoạch, mỗi lồng 3 tấn, giá thị trường hiện nay là 120.000 đồng/kg, trị giá mỗi lồng khoảng 360 triệu đồng. Như vậy, nếu thuận lợi, trừ đi mọi chi phí cũng còn lãi khoảng trên nửa tỷ đồng. Từ nay đến cuối năm ông phấn đấu nuôi tăng lên 20 lồng cá, nuôi thêm cá chép, cá trắm đen, ... để phục vụ thị trường trong dịp Tết Nguyên Đán.

Chia sẻ với chúng tôi, ông Kiên cho biết: “ Để đóng lồng nuôi cá với số lượng lớn như vậy, tôi đã đi học hỏi kinh nghiệm khắp nơi, từ sách, báo, các phương tiện truyền thông, Trung tâm thủy sản và tới tận trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội để học từ các giáo sư, tiến sỹ chỉ dạy. Sau đó về nhà tôi quyết định đóng lồng nuôi cá, nói thật là cũng phải quyết tâm lắm, vì vốn bỏ ra không phải nhỏ”. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về quy trình kỹ thuật chăm sóc, phòng bệnh cho cá song ông Kiên không ngừng học hỏi để biết cách phòng và chữa bệnh cho cá hiệu quả. Ông còn lựa chọn kỹ các loại thức ăn sao cho phù hợp vừa đảm bảo cá sinh trưởng và phát triển tốt lại hạn chế bệnh tật.

Ông Nguyễn Kim Nguyên - Chủ tịch UBND xã Hiền Lương cho biết: Đây là mô hình mới của địa phương vì trước kia chúng tôi chỉ làm lồng nuôi cá trắm. Gia đình ông Kiên là hộ đầu tiên nuôi cá diêu hồng và cá lăng theo mô hình thả cá lồng, bè trên diện tích mặt nước lớn. Bước đầu mô hình phát triển tốt, có khả năng thu hoạch cho giá trị cao. Chúng tôi tiếp tục khuyến khích để các hộ chủ động phát triển kinh tế, nếu thành công chúng tôi sẽ động viên bà con để nhân ra diện rộng tại địa phương”.

Gần 10 năm đi vào hoạt động, biết tận dụng tiềm năng lợi thế sẵn có của địa phương cùng với sự mạnh dạn đầu tư kinh phí, dám nghĩ dám làm để phát triển kinh tế gia đình, mô hình Hợp tác xã Chế biến Nông lâm sản và dịch vụ nông nghiệp Âu Cơ của ông Lê Huy Kiên đã phát triển mang lại nguồn thu nhập ổn định cho gia đình, tạo việc làm ổn định cho lao động tại địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

MINH HÒA

Đài Truyền thanh Hạ Hòa - Phú Thọ



CÁN BỘ KHUYẾN NÔNG LÀM KINH TẾ GIỎI

Là cán bộ khuyến nông xã Tân Lăng, huyện Lương Tài, ông Nguyễn Văn Đạt không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao mà còn là một trong những cán bộ khuyến nông làm kinh tế giỏi được nhân dân trong xã yêu mến.

Năm 1982 sau khi đi bộ đội về, ông Nguyễn Văn Đạt đã học tại Trường Đại học Nông nghiệp I, chuyên ngành kinh tế. Tốt nghiệp, ông trở về quê hương làm việc ở HTX Tân Lăng phụ trách công tác kế hoạch trong tình hình còn nhiều khó khăn vì Tân Lăng là một xã thuần nông, cơ sở hạ tầng còn kém, người dân nghèo, sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa, trồng khoai và chăn nuôi nhỏ lẻ. Làm thế nào để giúp nông dân xã mình thoát nghèo và có thể ổn định kinh tế? Câu hỏi đó luôn hiện lên trong suy nghĩ của ông. Năm 1994 ông Đạt đi học thêm lớp trung cấp thú y thuộc Viện Thú y - Đại học Nông nghiệp I. Sau hai năm học tập, trở về quê nhà tiếp tục công tác trong HTX, với tấm lòng yêu nghề và sự nhiệt tình ông đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Năm 2000, ông Đạt chuyển sang làm công tác khuyến nông của huyện, phụ trách xã Tân Lăng.

Là người cán bộ khuyến nông năng động, tâm huyết cùng với kinh nghiệm nhiều năm công tác, lại được tiếp cận với phương pháp khuyến nông mới nên ông Đạt triển khai các hoạt động đều có hiệu quả thiết thực như: tham mưu cho xã tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; xây dựng các mô hình lúa Hoa Khôi, TH3-5, mô hình gà lai Lương Phượng, gà bố mẹ Lương Phượng, gà Dominand... Ngoài ra, ông Đạt còn phối hợp với trạm thú y huyện trong công tác phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; phối hợp với các công ty chăn nuôi, các hãng sản xuất thuốc thú y tổ chức hội nghị tư vấn kỹ thuật, hội thảo, cung cấp con giống, thức ăn chăn nuôi... Bên cạnh đó, ông thường chia sẻ kinh nghiệm thực tế với các đồng nghiệp nên ông được các đồng nghiệp và nhân dân trong vùng rất yêu mến.

Gia đình ông Đạt cũng là hộ sản xuất nông nghiệp, từ năm 1995 ông Đạt quyết định vay 50 triệu đồng của ngân hàng Nông nghiệp để xây dựng chuồng trại và mua lợn nái siêu nạc. Đến nay, gia đình ông đã thường xuyên nuôi 7 con lợn nái siêu nạc và 1 con lợn đực giống. Mỗi năm số lợn nái này cho trung bình 17 lứa lợn con, mỗi lứa có trọng lượng trung bình khoảng 2,5 tạ là ông cho xuất bán, với giá từ 43.000 - 45.000

đồng/kg tùy thời điểm. Cộng với số tiền thu được từ việc đi thả lợn đực giống, sau khi trừ chi phí mỗi năm ông Đạt thu lãi từ nuôi lợn gần 90 triệu đồng.

Ngoài ra, với 5 sào ruộng, ông dành 4 sào để cấy lúa phục vụ gia đình, còn 1 sào ruộng chuyên trồng các loại cây màu như:

cà chua, bí xanh, súp lơ... cũng cho thu nhập mỗi năm gần 20 triệu đồng. Sau những giờ làm việc hành chính, ông Đạt còn tranh thủ khám chữa bệnh cho gia súc, gia cầm. Công việc này giúp ông có thu nhập thêm khoảng 60 triệu đồng/năm. Như vậy tính đến nay mỗi năm gia đình ông thu nhập 150 - 170 triệu đồng.

Để có được thành công đó, ông Đạt cho biết: Mặc dù tôi công tác trong ngành nông nghiệp đã lâu nhưng khi chuyển sang làm cán bộ khuyến nông lúc đầu tôi cũng cảm thấy bỡ ngỡ và khó khăn vì công việc này đòi hỏi người cán bộ khuyến nông không chỉ hiểu biết sâu mà còn cần phải có khả năng giao tiếp để có thể hướng dẫn và tư vấn cho nhân dân các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới. Mặt khác tôi cũng cố gắng phát triển kinh tế gia đình mình để nhân dân tham quan và học tập.

Trao đổi với chúng tôi, ông Bùi Quang Thọ - Trùm trưởng Trạm Khuyến nông huyện Lương Tài cho biết: Đồng chí Đạt là cán bộ khuyến nông giỏi, yêu nghề, tận tụy, có ý chí vươn lên, không ngừng nghiên cứu học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn, được nhân dân và đồng nghiệp rất yêu mến. Đồng chí Đạt còn là người làm kinh tế giỏi nên anh như là tấm gương tiêu biểu của Trạm Khuyến nông Lương Tài để mọi người học tập và làm theo.



Ông Đạt bên ruộng bí xanh tái sinh của gia đình

PHÙNG THỊ HỒNG NHUNG

Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Bắc Ninh



NỮ CHỦ NHIỆM HTX GIỎI LÀM KINH TẾ

Chúng tôi gặp chị Trần Thị Phi tại Hội nghị biểu dương điển hình phụ nữ làm kinh tế giỏi do Hội Liên hiệp phụ nữ Hà Tĩnh tổ chức. Thoạt nhìn, chúng tôi thấy được sự mạnh mẽ, quyết đoán và tự tin toát lên từ người phụ nữ này. Từ vùng đất hoang hóa, chị xây dựng khu trang trại tổng hợp liên kết chăn nuôi lợn thương phẩm của Hợp tác xã (HTX) kinh doanh dịch vụ và Chăn nuôi tổng hợp (KDDV & CNTH) Hà Phi ở xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên do chị làm Chủ nhiệm. Sau hơn 2 năm triển khai xây dựng, HTX đã trở thành mô hình sản xuất điển hình về phát triển kinh tế của toàn tỉnh.

Theo con đường bê-tông mới tinh, phẳng lì, dài hơn 1 cây số dẫn vào khu vực sản xuất của HTX, chúng tôi tới khu trang trại chăn nuôi tổng hợp được quy hoạch đồng bộ và xây dựng kiên cố, hiện đại của HTX. Hồi tưởng lại những ngày đầu gian khó, chị Phi chia sẻ: “Ở thời điểm chúng tôi quyết định thành lập HTX, nền kinh tế đang trong giai đoạn hết sức khó khăn do lạm phát và suy thoái. Thị trường tiêu thụ không thuận lợi, lãi suất ngân hàng cao, việc huy động vốn khó khăn, nhiều rủi ro rình rập... Bởi vậy, với vai trò của người đứng mũi chịu sào, tôi ngày đêm trăn trở tìm hướng đầu tư với phương châm an toàn vẫn là mục tiêu hàng đầu”. Hướng đi mà chị Phi lựa chọn đầu tiên, đó là thực hiện theo hình thức liên kết với Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam để nuôi lợn thương phẩm gia công quy mô lớn.

Bắt tay xây dựng được cơ sở hạ tầng cho mô hình kinh tế trang trại quy mô lớn với các hạng mục công trình được thiết kế khoa học, hiện đại, điều khó khăn nhất của HTX là làm thế nào để huy động được nguồn vốn lớn cho hàng loạt hạng mục công trình. Tuy nhiên, niềm tin của chị càng lớn hơn khi chị nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ tích cực của chính quyền các cấp, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Ngân hàng Nông nghiệp, Liên minh HTX tỉnh. HTX đã được hỗ trợ 550 triệu đồng theo chính sách của tỉnh (Quyết định 24 của UBND tỉnh) để san lấp mặt bằng và xây dựng chuồng trại, mua con giống. Ngoài ra, HTX còn được vay 1,1 tỷ đồng của Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT; các tổ chức đoàn thể cũng tạo điều kiện để HTX vay nguồn vốn lãi suất thấp như: Liên minh HTX tỉnh (cho vay 450 triệu đồng); Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và xã (cho vay trên 100 triệu đồng)... Nguồn lực quan trọng này đã tạo điểm tựa để HTX mạnh dạn dốc vốn của xã viên và huy động thêm



Trang trại chăn nuôi lợn của HTX KDDV&CNTH Hà Phi

các kênh tín dụng khác để đầu tư thêm 6 tỷ đồng xây dựng hệ thống điện, đường, mặt bằng và đầu tư 2 dãy chuồng (mỗi chuồng có diện tích 800m²) cùng hệ thống nhà kho, nhà khử trùng, bể biogas để thả nuôi 1.200 con lợn thương phẩm đầu tiên.

Cùng với phát triển chăn nuôi lợn vệ tinh cho Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, chị Phi đã đề xuất với các thành viên HTX tổ chức quy hoạch từng khu vực sản xuất nhằm khai thác tối đa 5 ha diện tích đất sản xuất còn lại một cách khoa học, bài bản: 2 mẫu ruộng lúa; 5 hồ cá rộng 2 ha; trồng cây lâm nghiệp 2 ha; số diện tích còn lại chăn nuôi 500 con vịt, 1.300 con gà; xây dựng chuồng nuôi bò nhốt, với diện tích 300m²... Với hình thức đa dạng cây trồng, vật nuôi, HTX đã tạo việc làm thường xuyên cho 12 lao động với thu nhập khá. Qua hơn 1 năm đi vào sản xuất (trừ giai đoạn đầu tư xây dựng), theo tính toán của chị Phi, sau khi xuất bán 3 lứa lợn với sản lượng gần 189 tấn, đơn vị còn lãi gần 300 triệu đồng. Ngoài ra, nguồn thu nhập phụ từ các sản phẩm: gà, vịt, cá, các loại cây trồng... bước đầu đạt trên 200 triệu đồng/năm.

Chị Phi khẳng định: “Thu nhập bước đầu chưa cao và số vốn bỏ ra để đầu tư rất lớn, cần có thời gian để mở rộng sản xuất, nâng cao doanh thu. Hiện nay, chúng tôi tự tin tổ chức sản xuất, kinh doanh để nâng cao đời sống cho các xã viên, tạo nên sự gắn kết bền vững về lợi ích, trách nhiệm giữa các thành viên trong đơn vị. Ước mơ ấp ủ từ lâu của



tôi, với sự hỗ trợ, tiếp sức từ các chủ trương, chính sách của chương trình xây dựng nông thôn mới, nay đang trở thành hiện thực. Điều mà tôi muốn chia sẻ với những người cùng khát vọng xây dựng mô hình sản xuất lớn, đó là thành công sẽ đến nếu biết vượt qua thách thức và nắm chắc cơ hội, cùng với sự kiên trì và niềm say mê phát triển kinh tế nông nghiệp”.

NGÔ THẮNG

TRỒNG DÂU NUÔI TẦM - NGHỀ CŨ CÁCH LÀM MỚI

Sinh ra và lớn lên tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh nhưng đến năm 2003, anh Vũ Tự Chuyên rời quê hương đến thôn Tân Lợi, xã Đăk Gắn, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông để lập nghiệp. Nhờ sự năng động, sáng tạo, cần cù lao động, anh đã làm giàu nhờ nghề trồng dâu nuôi tầm.

Anh Chuyên cho biết: Khi mới tới Đăk Gắn, với số vốn ít ỏi, gia đình anh mua được 3 ha đất. Thời gian đầu, anh trồng 2 ha cà phê nhưng năng suất thấp trong khi chi phí đầu tư ngày càng nhiều do giá các loại vật tư nông nghiệp tăng. Đang băn khoăn chưa tìm ra hướng đi mới cho gia đình, thì trong một lần đi thăm người bạn ở Lâm Đồng, anh đã được giới thiệu về mô hình trồng dâu nuôi tầm. Thấy rõ hiệu quả của mô hình này, khi trở về, anh quyết định trồng 0,6 ha dâu trên diện tích đất sinh lầy bỏ hoang của gia đình.

Đầu năm 2012, gia đình anh bắt đầu nuôi tầm. Lần đó, anh sang tận huyện Đa Tễ, tỉnh Lâm Đồng để học nghề và mua 2 hộp trứng tầm về nuôi. Do không có kỹ thuật nên tầm con nuôi bị bệnh và chết nhiều, sau vài lứa nuôi không hiệu quả anh rút ra kinh nghiệm là đa số tầm chỉ bị chết từ khi mới nở đến 2 tuần tuổi, nếu qua 2 tuần tuổi tầm sẽ không bị chết nữa. Qua tìm hiểu, anh biết tại xã Đar Sal, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng có trại giống bán giống tầm 2 tuần tuổi. Như trút được gánh nặng, anh đến tận nơi để tìm hiểu và mua thử 1,5 hộp giống về nuôi. Quả đúng như anh dự đoán, tầm lớn rất nhanh, sau 2 tuần nuôi đã cho thu kén. Anh Chuyên không áp dụng cách nuôi tầm truyền thống mà nuôi theo cánh cải tiến, nuôi dưới nền nhà. Tầm giống sau khi mang về 4 ngày đầu sẽ nuôi tầm con trên nong và 10 ngày sau nuôi tầm dưới nền



Chị Nguyễn Thị Phương vợ anh Chuyên đang cắt dâu cho tằm ăn

nhà. Hàng ngày, anh cắt cành dâu đẩy lên trên, tằm sẽ tự bò lên ăn lá dâu, trung bình mỗi ngày cho ăn 4 lần, những ngày tằm ăn rồi thì phải cho ăn nhiều hơn. Theo anh, kỹ thuật nuôi này giúp tằm ít bị bệnh, lớn nhanh, giảm công chăm sóc, đồng thời rút ngắn thời gian nuôi nên thu hồi vốn nhanh. Sau khi nhặt kén, việc dọn vệ sinh cũng dễ dàng hơn, phân tằm có thể bón cho cà phê rất tốt.

Theo kinh nghiệm của anh Chuyên, muốn nuôi tằm phải trồng dâu trước khi nuôi 6 tháng. Chọn giống dâu cao sản (giống tam bội) để nhanh được thu hoạch và năng suất cao. Để tằm sinh trưởng khỏe, không bị bệnh thì nguyên tắc quan trọng nhất là phải chú ý đến chất lượng lá dâu. Tằm rất mẫn cảm với lá không hợp vệ sinh, khi hái lá vào mùa mưa phải để lá sạch trước khi cho tằm ăn, định kỳ vệ sinh chuồng trại sạch sẽ. Con giống là yếu tố quyết định đến sản lượng và chất lượng tơ tằm. Trong các chu kỳ phát triển của tằm thì lúc tằm ăn rồi là vất vả nhất, tằm ăn lá dâu nhiều hơn, mỗi ngày cho tằm ăn từ 5 - 7 lần nên đòi hỏi người nuôi phải chăm sóc kỹ để đảm bảo chất lượng kén. Trong thời gian tằm ăn rồi, tuyệt đối không để tằm bị ảnh hưởng bởi các chất độc hại, chỉ cần có mùi thuốc trừ sâu hay mùi dầu gió cũng làm tằm bị dị ứng mà chết. Trồng dâu nuôi tằm cần vốn đầu tư ít và có thể tận dụng



được công lao động. Với 40m² nhà nuôi và 0,6 ha dâu của gia đình anh mỗi tháng có thể nuôi 2 lứa tằm, mỗi ngày anh chỉ mất khoảng 1 tiếng để cắt dâu cho tằm ăn, thời gian còn lại vẫn có thể làm rẫy bình thường.

Theo tính toán của anh, 1 tháng anh nuôi 2 lứa tằm (1,5 hộp/lứa), thu được 150kg kén. Với giá bán trên thị trường là 120.000 đồng/kg thì anh thu được 18 triệu đồng/tháng, trừ chi phí 3,45 triệu đồng/tháng thì lợi nhuận từ mô hình là 14,55 triệu đồng/tháng. Như vậy mỗi năm chỉ cần nuôi 11 tháng (đã trừ thời gian vệ sinh nhà nuôi sau mỗi lứa) gia đình anh Chuyên có thu nhập khoảng 160 triệu đồng/năm.

Đối với gia đình anh Chuyên, nghề trồng dâu nuôi tằm có hiệu quả kinh tế cao hơn so với các ngành nghề nông nghiệp khác. Trong khi đó chi phí sản xuất thấp, vốn đầu tư không cao, cây dâu sinh trưởng tốt trên nhiều loại đất, kể cả đất bạc màu, chỉ sau 4 - 6 tháng trồng dâu có thể thu hoạch lá và một lần trồng có thể thu hoạch 15-20 năm. Tằm là con vật dễ nuôi, nhanh có lợi, tuy lợi nhuận thu trên 1 lần không cao nhưng tạo ra nguồn thu thường xuyên trong năm. Hơn nữa, rủi ro từ nuôi tằm rất thấp, nếu nuôi có thất bại thì chỉ mất ít tiền giống và công chăm sóc.

Mô hình trồng dâu nuôi tằm của gia đình anh Chuyên thực sự rất hiệu quả, là mô hình điểm để mọi người có thể tham quan, học tập. Bà con nông dân có nhu cầu tham quan học tập kinh nghiệm trồng dâu nuôi tằm hoặc mua giống tằm xin liên hệ anh Vũ Tự Chuyên, thôn Tân Lợi, xã Đắk Gàn, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, số điện thoại 01642309413.

HOÀNG THỊ THANH HUYỀN

Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư Đắk Nông

NHA XUẤT BẢN VĂN HOÀ DÂN TỘC

19 Nguyễn Bính Khiêm - Hà Nội

ĐT: 04.38263070 - 04. 39434239 - Fax: 04. 39434237

Email: nxbvanhoadantoc@yahoo.com.vn

Chi nhánh: Số 7 Nguyễn Thò Minh Khai - Q1-TP.Hồ Chí Minh. ĐT: 08.38222895

**GIỚI THIỆU MÔ HÌNH
ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐẠT HIỆU QUẢ**

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

LƯU XUÂN LÝ

Biên tập : Trần Thu Vân

Trình bày bìa : Nguyễn Ngọc Quân

Chế bản in tại: Công ty TNHH Phát triển Thương hiệu Quảng cáo INNET

Số lượng: 1500 cuốn. Khuôn khổ: 14,5 x 20,5 cm

Xác nhận NXB số: 2285 - 2014/CXB/6 - 470/VHDT

Mã số sách quốc tế: -ISBN: 978-604-70-0589-5

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2014